

N0.	Name in Vietnamese	Name in English	Name in Japanese	Mother Company	Industry code	Major classification	Middle classification	Main Business		Province	Page
番号	現地会社名	会社名(英略)	会社名(日本語)	親企業	産業分類番号	大分類	中分類	主要業務		所在地(省・市)	ページ
282	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Đà Lạt Xanh	LVD DALAT SARL			1181	農業・林業・漁業	野菜作	農業	Growing of vegetables	Lam Dong	141
943	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Trang Trại Nông Nghiệp Kỹ Thuật Cao Nhật Việt	JAPAN VIETNAM AGRITECH FARM COMPANY LIMITED		オーシャン貿易株式会社	1183	農業・林業・漁業	花卉、観賞用植物作	農業	Growing of flower, plants for ornamental purposes	Lam Dong	472
1013	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vườn Nấm Minakami	MINAKAMI MUSHROOMS GARDEN CO., LTD. (VUON NAM MINAKAMI)		農業生産法人有限会社月夜野きのこ園	1190	農業・林業・漁業	その他の一年生植物作	農業	Growing of other non-perennial crops	Phu Tho	507
1750	Công ty TNHH rau quả Việt Nhật	VIET NHAT FRUIT AND VEGETABLE CO., LTD.			1219	農業・林業・漁業	果樹作	農業	Growing of other fruits	Son La	875
1708	Công Ty Cổ Phần Bò KoBe VN	KOBE BEEF VIETNAM JSC			1410	農業・林業・漁業	牛及び水生畜産業	農業	Raising of cattle and buffaloes	Lam Dong	854
1637	Công ty TNHH Nippon Zoki Việt Nam	NIPPON ZOKI VIETNAM CO., LTD.	日本臓器ベトナム	日本臓器製菓株式会社	1490	農業・林業・漁業	その他の畜産業	農業	Raising of other animals	Ninh Binh	819
945	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Trồng Rừng Quy Nhơn	QUY NHON PLANTATION FOREST COMPANY OF VIETNAM LIMITED		王子製紙株式会社、双日株式会社、大日本印刷株式会社	2102	農業・林業・漁業	育林業	林業	Silviculture and cultivation of forestry for wood	Binh Dinh	473
1687	Công ty TNHH trồng rừng Trường Thành OJI	TRUONG THANH OJI PLANTATION FOREST COMPANY LIMITED (TTO)	チェンタンオウジプランテーションフォレスト	王子ホールディングス株式会社	2102	農業・林業・漁業	育林業	林業	Silviculture and cultivation of forestry for wood	Phu yen	844
616	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Ngọc Trai Phương Đông	PEARLS ORIENT LIMITED			3210	農業・林業・漁業	海面養殖業	漁業	Marine aquaculture	Quang Ninh	308
658	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ngọc Trai Sài Gòn	SAIGON PEARLS COMPANY LIMITED.	サイゴンパールLTD	As-meエステール株式会社	3210	農業・林業・漁業	海面養殖業	漁業	Marine aquaculture	Khanh Hoa	329
865	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Taiheivoshintu Việt Nam	TAIHEIYO SHINJU-VIET NAM COMPANY LIMITE	タイハイヨウシンジュベトナム	オリエンタル真珠、太平洋真珠株式会社	3210	農業・林業・漁業	海面養殖業	漁業	Marine aquaculture	Quang Ninh	433
940	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Trại Nuôi Trồng Thủy Sản Châu Á	AQUACULTURE STATION FOR ASIA CO., LTD	アジア熱帯養殖研究所	株式会社テツゲン	3230	農業・林業・漁業	種苗養殖業	漁業	Production of breeding fish	Phan Thiet	470
1709	Japan Vietnam Petroleum Co.ltd	JAPAN VIETNAM PETOROLEUM CO., LTD. VIETNAM OFFICE (VUNG TAU)	日本ベトナム石油ベトナム事務所 (ブンタウ)	JX石油開発株式会社	6100	鉱業	原油鉱業	原油	Extraction of crude petroleum	Ba Ria - Vung T	855
68	Công Ty Khai Thác Đá Vôi Yabashi Việt Nam	JAPAN VIETNAM MINERAL RESOURCE INDUSTRY		ヤバシインターナショナル株式会社	8101	鉱業	石採集業	石・砂	Quarrying of stone	Nghe An	34
914	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tokai Sand Việt Nam	TOKAI SAND VIETNAM CO., LTD	東海サンドベトナム	東海サンド株式会社	8102	鉱業	砂採集業	石・砂	Quarrying of sand	Quang Nam	457
1081	Công ty TNHH SANWA EGG Việt Nam	SANWA EGG VIETNAM	サンワエッグベトナム	株式会社三和玉店	10101	製造業	肉類缶詰加工業	食料	Processing and preserving of canned meat	Dong Nai	541
1653	Công ty Cổ phần thực phẩm Fuji Việt Nam	FUJI FOOD VIETNAM			10101	製造業	肉類缶詰加工業	食料	Processing and preserving of canned meat	Hanoi	827
1198	Công ty cổ phần CHEF MEAT Việt	CHEF MEAT VIETNAM JSC	シェフミートベトナム	株式会社シェフミートチグサ	10109	製造業	その他の肉加工業	食料	Processing and preserving of other meat	Da Nang	599
116	Công Ty Thủy Sản Nigico	NIGICO CO., LTD.	ニジコ	日本水産株式会社	10202	製造業	魚類・甲殻類・軟体動物冷凍加工業	食料	Processing and preserving of frozen fish, crustaceans and molluscs	Bac Lieu	58
151	Công ty TNHH Thực phẩm Mãi Tín	EVERTRUST FOODS COMPANY LIMITED	エバートラストフーズ	株式会社エバートラストジャパン	10202	製造業	魚類・甲殻類・軟体動物冷凍加工業	食料	Processing and preserving of frozen fish, crustaceans and molluscs	Khanh Hoa	76
904	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thực Phẩm Anh Đào	SAKURA FOOD CO., LTD.	サクラフード	旭食品株式会社	10202	製造業	魚類・甲殻類・軟体動物冷凍加工業	食料	Processing and preserving of frozen fish, crustaceans and molluscs	Khanh Hoa	452
1301	Cty TNHH Một Thành Viên Đông Nhật Nam	DONG NHAT NAM CO., LTD.			10202	製造業	魚類・甲殻類・軟体動物冷凍加工業	食料	Processing and preserving of frozen fish, crustaceans and molluscs	Ho Chi Minh	651
370	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Fujiura Nha Trang	FUJIURA NHA TRANG LTD.	藤浦産業ニャチャン	藤浦産業株式会社	10203	製造業	魚類・甲殻類・軟体動物乾燥加工業	食料	Processing and preserving of dried fish, crustaceans and molluscs	Khanh Hoa	185
1088	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thiên Long Nhật	THIEN LONG NHAT CO., LTD			10203	製造業	魚類・甲殻類・軟体動物乾燥加工業	食料	Processing and preserving of dried fish, crustaceans and molluscs	Da Nang	544
732	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Phan Thiết Aroma	BEST PRODUCTS CORPORATION (VN)			10204	製造業	魚醬加工業	食料	Processing and preserving of fish sauce	Phan Thiet	366
249	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Chế Biến Thực Phẩm D&N	D&N FOODS PROCESSING (DANANG) CO., LTD	D&Nフーズプロセッシングカンパニー	株式会社大市珍味	10209	製造業	その他の水産加工業	食料	Processing and preserving of other fisherv	Da Nang	125
722	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Pacific	PACIFIC COMPANY LIMITED	パシフィック		10301	製造業	果物・野菜缶詰加工業	食料	Processing and preserving of canned fruit and vegetables	Hoa Binh	361
1007	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vina Yamazaki	VINA YAMAZAKI COMPANY LIMITED			10301	製造業	果物・野菜缶詰加工業	食料	Processing and preserving of canned fruit and vegetables	Hai Duong	504
22	Công Ty Asuzac Food	ASUZAC FOOD	アスザックフーズ	アスザックフーズ株式会社	10309	製造業	その他の果物・野菜加工業	食料	Processing and preserving of other fruit and vegetables	Ho Chi Minh	11
277	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Cung ứng Nông Nghiệp Lâm Đồng	LAMDONG AGRICULTURAL SUPPLY CO., LTD	ラムドンアグリカルチャルサプライ	東海農産株式会社	10309	製造業	その他の果物・野菜加工業	食料	Processing and preserving of other fruit and vegetables	Lam Dong	139
405	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hatchando Việt Nam	HATCHANDO VIETNAM	ハちゃん堂ベトナム	株式会社ハちゃん堂	10309	製造業	その他の果物・野菜加工業	食料	Processing and preserving of other fruit and vegetables	Ho Chi Minh	203
529	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kss Việt Nam	KSS VIETNAM CO., LTD	カネカサンスバイスベトナム	株式会社カネカサンスバイス	10309	製造業	その他の果物・野菜加工業	食料	Processing and preserving of other fruit and vegetables	Binh Duong	265
1061	Công Ty trách Nhiệm Hữu Hạn Thực Phẩm Asuzac Đà Lạt	DALAT ASUZAC FOODS CO., LTD.	ダラットアスザックフーズ	アスザックフーズ株式会社	10309	製造業	その他の果物・野菜加工業	食料	Processing and preserving of other fruit and vegetables	Lam Dong	531
1062	Công Ty trách Nhiệm Hữu Hạn Thực Phẩm Đà Lạt Nhất Bản	DALAT - JAPAN FOOD CO., LTD.	ダラットジャパンフーズ	株式会社 京果食品	10309	製造業	その他の果物・野菜加工業	食料	Processing and preserving of other fruit and vegetables	Lam Dong	531
152	Công Ty TNHH Tohoku Chemical Industries (Việt Nam)	TOHOKU CHEMICAL INDUSTRIES (VIETNAM), LTD.	東北化工 ベトナム	東北化工株式会社	10409	製造業	その他の油脂製造業	食料	Other manufacture of oils and fats	Dong Nai	76
1028	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Yakult Việt Nam	YAKULT VIETNAM CO., LTD	ベトナムヤクルト	株式会社ヤクルト	10500	製造業	乳製品製造業	食料	Manufacture of dairy products	Binh Duong	514
201	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn An Gimex Kitoku	ANGIMEX - KITOKU CO., LTD.	アンジメックスキトク	木徳神糧株式会社	10611	製造業	製粉業	食料	Milling	An Giang	101
689	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nitto Fuji International Việt Nam	NITTO FUJI INTERNATIONAL VIETNAM CO., LTD.	日東富士インターナショナルベトナム株式会社	日東富士製粉株式会社	10612	製造業	製粉製品製造業	食料	Manufacture of grain mill products	Binh Duong	345
1001	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vina Foods Kyoiei	VINA FOODS KYOEI CO., LTD.	ビナフーズキョウエイ	共栄フード株式会社	10612	製造業	製粉製品製造業	食料	Manufacture of grain mill products	Ho Chi Minh	501
75	Công Ty Lđ Bột Quốc Tế	INTERNATIONAL MIX JOINT VENTURE COMPANY	インターナショナルミックスジョイントベンチャーカンパニー	住友商事株式会社、千葉製粉株式会社	10620	製造業	澱粉及び澱粉製品製造業	食料	Manufacture of starches and starch products	Ho Chi Minh	38
1817	Công Ty TNHH Thực Phẩm House Việt Nam	HOUSE FOODS VIETNAM CO., LTD	ハウスフーズベトナム	ハウス食品グループ本社株式会社	10620	製造業	澱粉及び澱粉製品製造業	食料	Manufacture of starches and starch products	Dong Nai	909
78	Công Ty Lđ Trách Nhiệm Hữu Hạn Hải Hà- Kotobuki	HAIHA-KOTOBUKI COMPANY LIMITED	ハイハ・コトブキ	株式会社コンフェクショナルリーコトブキ	10710	製造業	パン・菓子類製造業	食料	Manufacture of bakery products	Hanoi	39

227	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Bánh Kẹo Art Tango	ART TANGO CONFECTIONERY CO., LTD	ベトナムアートタンゴ	株式会社サンプレバー	10710	製造業	パン・菓子類製造業	食料	Manufacture of bakery products	Ho Chi Minh	114
264	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Công Nghệ Thực Phẩm Li Way Way Hà Nội	HANOI LIWAYWAY FOOD INDUSTRY CO., LTD			10710	製造業	パン・菓子類製造業	食料	Manufacture of bakery products	Bac Ninh	132
1090	Công Ty TNHH Một Thành Viên Bánh Kẹo A&C	A&C CONFECTIONERY	エーアンドシーコンフェクショナリー	山本	10710	製造業	パン・菓子類製造業	食料	Manufacture of bakery products	Ho Chi Minh	545
1273	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kamioka Food	KAMIOKA FOOD CO., LTD.			10710	製造業	パン・菓子類製造業	食料	Manufacture of bakery products	Ho Chi Minh	637
1496	Công Ty Cổ Phần Thực Phẩm Ava	AVAFOOD			10710	製造業	パン・菓子類製造業	食料	Manufacture of bakery products	Dong Nai	748
1787	Công Ty Cổ Phần Thiên Hà Kameda	THIEN HA KAMEDA., JSC	ティエンハカメダ	亀田製菓株式会社	10710	製造業	パン・菓子類製造業	食料	Manufacture of bakery products	Hung Yen	894
558	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lotte Việt Nam	LOTTE VIETNAM CO., LTD	ロッテベトナム	株式会社ロッテ	10730	製造業	ココア・チョコレート・砂糖菓子製造業	食料	Manufacture of cocoa, chocolate and sugar confectionery	Binh Duong	279
1714	Công Ty TNHH Tango Candy	TANGO CANDY - LONG AN BRANCH CO., LTD.	タンゴ・キャンディベトナム - ロンアンブランチ	アートキャンディ株式会社	10730	製造業	ココア・チョコレート・砂糖菓子製造業	食料	Manufacture of cocoa, chocolate and sugar confectionery	Long An	857
905	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thực Phẩm Nissin Việt Nam	NISSIN FOODS VIETNAM CO., LTD	ベトナム日清	日清食品株式会社	10740	製造業	マカロニ・麺・クスクス・穀粉加工製品製造業	食料	Manufacture of macaroni, noodles, couscous and similar farinaceous products	Binh Duong	453
21	Công Ty Ajinomoto Việt Nam	AJINOMOTO VIETNAM CO., LTD	ベトナム味の素	味の素株式会社	10790	製造業	その他の食品製造業	食料	Manufacture of other food products	Dong Nai	11
143	Công Ty TNHH SATOEN VIỆT NAM	TSUJIGUCHI FARM CO., LTD	辻口茶園	株式会社T Project	10790	製造業	その他の食品製造業	食料	Manufacture of other food products	SonLa	72
348	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Fine Việt Nam	FINE VIET NAM COMPANY LIMITED	ファインベトナム	株式会社ファイン	10790	製造業	その他の食品製造業	食料	Manufacture of other food products n.e.c.	Hung Yen	174
500	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kewpie Việt Nam	KEWPIE VIETNAM CO., LTD	キュービーベトナム	キュービー株式会社	10790	製造業	その他の食品製造業	食料	Manufacture of other food products n.e.c.	Binh Duong	250
1420	Công Ty TNHH Việt Nam Nissin	VIETNAM NISSHIN SEIFUN CO., LTD.	ベトナム日清製粉	株式会社日清製粉グループ本社	10790	製造業	その他の食品製造業	食料	Manufacture of other food products	Dong Nai	710
150	Công Ty TNHH Thức ăn Chăn Nuôi Kyodo Sojitz	KYODO SOJITZ FEED CO., LTD.	双日協同飼料	双日株式会社	10800	製造業	動物飼料・魚飼料・養鶏飼料製造業	飼料	Manufacture of prepared animal, fish, poultry feeds	Long An	75
436	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Honkawa Vina	HONKAWA VINA CO., LTD.		株式会社ホンカワ、有限会社本川牧場	10800	製造業	動物飼料・魚飼料・養鶏飼料製造業	飼料	Manufacture of prepared animal, fish, poultry feeds	Hau Giang - Vi	218
765	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Rượu Thực Phẩm	WINE FOOD CO., LTD	ワインフード	大榮産業株式会社	11010	製造業	蒸留酒・混成酒製造業	飲料	Distilling, rectifying and blending of spirits	Ho Chi Minh	383
176	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn I T V Thực Phẩm Huế	HUE FOODS COMPANY	フエフーズ	サイタホールディングス株式会社	11020	製造業	ワイン製造業	飲料	Manufacture of wines	Thua Thien Hue	88
1383	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tanaka	TANAKA CO., LTD.	田中	株式会社サン・フーズ	11020	製造業	ワイン製造業	飲料	Manufacture of wines	Ho Chi Minh	692
794	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sapporo Việt Nam	SAPPORO VIETNAM LIMITED	サッポロベトナム	サッポロビール株式会社	11030	製造業	ビール・麦芽酒製造業	飲料	Manufacture of malt liquors and malt	Long An	397
197	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Alpha Việt Nam	ALPHA CHEMICAL PLASTIC			11041	製造業	ミネラルウォーター及びその他のボトルドウォーター製造業	飲料	Production of mineral waters and other bottled waters	Ho Chi Minh	99
57	Công Ty Công Nghiệp Chế Biến Thực Phẩm Quốc Tế	KIRIN VIETNAM	ベトナムキリンビバレッジ	キリンビバレッジ株式会社	11042	製造業	清涼飲料製造業	飲料	Manufacture of soft drinks	Dong Nai	29
137	Công ty TNHH NIHON CANPACK (Việt Nam)	NIHON CANPACK (VIETNAM) CO., LTD	日本キャンパック・ベトナム	株式会社日本キャンパック	11042	製造業	清涼飲料製造業	飲料	Manufacture of soft drinks	Binh Duong	69
868	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Taisho Việt Nam	TAISHO VIET NAM CO., LTD	ベトナム大正	大正製薬株式会社	11042	製造業	清涼飲料製造業	飲料	Manufacture of soft drinks	Khanh Hoa	434
1267	Công ty TNHH MARUZEN FOODS Việt Nam	MARUZEN FOODS VIETNAM CO., LTD.	丸善食品ベトナム	丸善食品工業株式会社	11042	製造業	清涼飲料製造業	飲料	Manufacture of soft drinks	Binh Duong	634
1389	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nước Giải Khát Kirin Acecook Việt Nam	VIETNAM KIRIN BEVERAGE COMPANY, LIMITED	ベトナムキリンビバレッジ	キリン株式会社	11042	製造業	清涼飲料製造業	飲料	Manufacture of soft drinks	Binh Duong	695
303	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dệt Kondo Việt Nam	KONDO TEXTILES VIET NAM CO., LTD	コンドウテキスタイルズベトナム	株式会社近藤紡績所	13110	製造業	原料繊維の調整及び紡績業	繊維	Preparation and spinning of textile fibres	Binh Duong	152
60	Công Ty Dệt Lụa Tơ Tằm Kimono	KIMONO JAPAN SILK TEXTILE			13120	製造業	織物業	繊維	Weaving of textiles	Lam Dong	30
1810	Công ty TNHH Đà Nẵng TELALA	DANANG TELALA CO., LTD.	ダナンテララ	井上リボン工業株式会社	13120	製造業	織物業	繊維	Weaving of textiles	Da Nang	905
716	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Orion Print Việt Nam	ORION PRINT VIETNAM CO., LTD.	オリオンプリントベトナム	オリオン株式会社	13130	製造業	織物仕上業	繊維	Finishing of textiles	Dong Nai	358
811	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Shinada Shoji (Việt Nam)	SHIMADA SHOJI (VIETNAM) CO., LTD	島田商事ベトナム	島田商事株式会社	13130	製造業	織物仕上業	繊維	Finishing of textiles	Binh Duong	406
447	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ichihiro Viet Nam	ICHIHIRO VIET NAM CO., LTD	一広ベトナム	一広株式会社	13220	製造業	アパレルを除く既製品製造業	繊維	Manufacture of made-up textile articles, except apparel	Tay Ninh	224
702	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Oda Việt Nam	ODA VIETNAM CO., LTD	小田ベトナム	サンコロナ小田株式会社	13220	製造業	アパレルを除く既製品製造業	繊維	Manufacture of made-up textile articles, except apparel	Binh Duong	351
1551	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Happy And Lily	HAPPY AND LILY COMPANY LIMITED (VIETNAM)			13220	製造業	アパレルを除く既製品製造業	繊維	Manufacture of made-up textile articles, except apparel	Hanoi	776
1652	Công Ty Hikosen Hà Tĩnh	HIKOSEN - HA TINH CO., LTD.	ヒコセンハチン	HIKOSEN PLANNING CO.,LTD	13220	製造業	アパレルを除く既製品製造業	繊維	Manufacture of made-up textile articles, except apparel	Ha Tinh	826
1436	Công Ty TNHH Bách Sự Cao Việt Nam	BACH SU CAO VIETNAM CO., LTD.			13230	製造業	カーペット及びラグ製造業	繊維	Manufacture of carpets and rugs	Long An	718
204	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Arai Việt Nam	ARAI VIETNAM CO., LTD.	アライベトナム	株式会社アライ	13240	製造業	縄、綱、ひも、網製造業	繊維	Manufacture of cordage, rope, twine and netting	Dong Nai	102
418	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hiệp Phát	HIEP PHAT			13240	製造業	縄、綱、ひも、網製造業	繊維	Manufacture of cordage, rope, twine and netting	Ho Chi Minh	209
560	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lưới XK Đà Nẵng	SASAKI-DANIMEX VIETNAM INDUSTRIES CORPORATION	佐々木 - DANIMEXベトナム	佐々木商工株式会社	13240	製造業	縄、綱、ひも、網製造業	繊維	Manufacture of cordage, rope, twine and netting	Da Nang	280
32	Công Ty Cổ Phần Feconmiltec	FECON MILTEC	フェコンミルテック	チカミルテック株式会社	13290	製造業	その他の繊維製品製造業	繊維	Manufacture of other textiles n.e.c	Long An	16
759	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ray Ho Việt Nam	RAYHO VIETNAM CO., LTD	レイホーベトナム	レイホー株式会社	13290	製造業	その他の繊維製品製造業	繊維	Manufacture of other textiles n.e.c	Hai Phong	380
933	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Toyota Boshoku Hp	TOYOTA BOSHOKU HAIPHONG LTD	トヨタ紡織ハイフォン	トヨタ紡織株式会社	13290	製造業	その他の繊維製品製造業	繊維	Manufacture of other textiles n.e.c	Hai Phong	467
954	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tsuchiya TSCO (vietnam)	TSUCHIYA TSCO (VIETNAM) CO., LTD	槌屋ティスコベトナム	槌屋ティスコ株式会社	13290	製造業	その他の繊維製品製造業	繊維	Manufacture of other textiles n.e.c	Binh Duong	477
48	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Sông Hồng	RED RIVER MANUFACTURING SHAREHOLDING COMPANY		高階救命器具株式会社	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Bac Ninh	24
93	Công Ty May Veston Phú Thọ - Shonai	PHUTHO - SHONAI SUIT CO., LTD	フート荘内スーツ	荘内スーツ株式会社、N.I 帝人商事株式会社	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Phu Tho	47
108	Công Ty Sundia Bình Dương	SUNDIA BINH DUONG COMPANY LIMITED	サンダイヤビンズオン	サンダイヤ株式会社	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Binh Duong	54

142	Công ty TNHH sản xuất và xuất nhập khẩu Dệt May Việt Nam	VIETNAM GARMENT IMPORT EXPORT AND MANUFACTURE COMPANY LIMITE			14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Hung Yen	71
148	Công ty TNHH TELJIN FRONTIER Việt Nam	TELJIN FRONTIER (VIETNAM) CO., LTD	帝人フロンティアベトナム	帝人フロンティア株式会社	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Dong Nai	74
237	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Birz Việt Nam	VINA BIRZ CO., LTD	ビナバーズ	株式会社オンワード樺山	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Bac Giang	119
287	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Daikyo Chita Viet Nam	DAIKYO OHTA VIETNAM CO., LTD	ダイキョーオータベトナム	ダイキョーオータ株式会社	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Binh Duong	144
377	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Găng Tay Sun Myung	SUN MYUNG GLOVES CO., LTD			14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Ha Nam	189
393	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Gunze (Việt Nam)	GUNZE (VIETNAM) CO., LTD.	グンゼベトナム	グンゼ株式会社	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Ho Chi Minh	197
417	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hikosen Cara	HIKOSEN CARA CO., LTD.	ヒコセンカーラ	株式会社飛行船企画	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Ba Ria - Vung T	209
437	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hợp Thịnh	HOP THINH CO., LTD	ホップシン	株式会社コーコス信岡	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Hai Phong	219
480	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kachiboshi (Việt Nam)	KACHIBOSHI (VIETNAM) CO., LTD.	カチボシベトナム	勝星産業株式会社	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Ho Chi Minh	240
506	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kimono E Nhật	KIMONO E JAPAN CO., LTD.	キモノエジャパン	株式会社オフィス鈴子	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Ho Chi Minh	253
515	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kiyokawa Việt Nam	KIYOKAWA (VIETNAM) CO., LTD	清川(ベトナム)	清川株式会社	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Tay Ninh	258
549	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lecien (vn)	LECIAN (VIETNAM) CO., LTD.	ルシアンベトナム	株式会社ルシアン	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Ho Chi Minh	275
561	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn M L B Tenergy	MLB TENERGY COMPANY LIMITED	MLBテナジー	湯峰ソーイング株式会社	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Nghe An	281
582	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn May Lan Lan	LAN LAN COMPANY LIMITED	ランラン	湯峰ソーイング株式会社	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Thai Binh	291
583	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn May Lua Việt Nam	VIETNAM SILK CO., LTD			14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Ho Chi Minh	292
584	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn May Mặc Able Việt Nam	ABLE GARMENT INDUSTRIES VIET NAM LTD	エイブルベトナム縫製	エイブル山内株式会社	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Binh Dinh	292
585	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn May Mặc Wonderful Saigon	WONDERFUL SAIGON GARMENT CO., LTD.	ワンダフルサイゴンガーメント	株式会社サンエス	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Ho Chi Minh	293
596	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Midori Vnam	MIDORI APPAREL VIETNAM CO., LTD (MAV)	みどりアパレルベトナム	ミドリ安全株式会社	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Vinh Phuc	298
618	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thảnh Viên Sunakawaya Việt Nam	SUNAKAWAYA VIETNAM		株式会社砂川屋	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Long An	309
623	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mti Vn	MTI VIETNAM CORPORATION	MTIベトナム	丸高衣料株式会社	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Binh Duong	312
625	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Cervin Việt Nam	CERVIN VIET NAM COMPANY LIMITED	セルヴァンベトナム	株式会社セルヴァン	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Long An	313
626	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Infinity Road Việt Nam	INFINITY ROAD VIETNAM CO., LTD.	インフィニティロードベトナム	株式会社 ロード	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Long An	313
633	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Tokyo Style Việt Nam Huế	TOKYO STYLE VIET NAM HUE CO., LTD. (2013/2売却)	東京スタイルベトナムフエ	株式会社TSIホールディングス	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Thua Thien Hue	317
694	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nomura Fotraco	NOMURA FOTRANCO CO., LTD	野村フォトランコ	野村貿易株式会社	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Hai Phong	347
695	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nonmura Thanh Hoá	NOMURA THANH HOA GERMENT CO., LTD	野村タンホア	野村貿易株式会社	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Thanh Hoa	348
748	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Quadrilla Việt Nam	QUADRILLE VIETNAM CO., LTD.	カドリールヴェトナム	株式会社カドリールニシダ	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Dong Nai	374
774	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sakurai Việt Nam	SAKURAI VIETNAM COMPANY LIMITED			14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Thanh Hoa	387
784	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sản Xuất Vsm Việt Nam	VSM JAPAN MANUFACTURING CO., LTD		株式会社エムアンドアール	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Hai Duong	392
786	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sankei (Việt Nam)	SANKEI (VIETNAM) CO., LTD	三景ベトナム	株式会社三景	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Ho Chi Minh	393
805	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sepplus Binh Dinh	SEPPLUS BINH DINH INC			14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Binh Dinh	403
821	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Showa (Vn)	SHOWA VN CO., LTD		昭和ドレス株式会社(2015年11月倒産)	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Ho Chi Minh	411
823	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Showa Gloves Việt Nam	SHOWA GLOVES VIETNAM CO., LTD	ショーワグローブベトナム	ショーワグローブ株式会社	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Binh Duong	412
857	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Suntop Việt Nam	SUNTOP VIETNAM CO., LTD.	サントップベトナム	株式会社サントップ	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Ho Chi Minh	429
900	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thời Trang S.b Sài Gòn	SB SAIGON FASHION CO., LTD.	エスビーサイゴンファッション	日鉄住金物産株式会社	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Ho Chi Minh	450
902	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Three Bambi	THREE BAMBI VIETNAM CO., LTD.	スリーバンビベトナム	株式会社スリーバンビ	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Ho Chi Minh	451
938	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Toyotsu Vehitecs Vn	TOYOTSU VEHITECS VIETNAM CO., LTD	豊通ヴィーテクスベトナム	豊通ヴィーテクス株式会社、豊田通商株式会社	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Binh Duong	469
944	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Trans Palma Sportwear Vn	TRANS-PALMA SPORTWEAR VIET NAM CO., LTD			14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Binh Duong	472
967	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Unimax Sài Gòn	UNIMAX SAIGON CO., LTD.	ユニマックスサイゴン	伊藤忠商事株式会社	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Ho Chi Minh	484
983	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Việt Nam Kuraudia	VIETNAM KURAUDIA CO., LTD	ベトナムクラウディア	株式会社クラウディア	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Binh Duong	492
995	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Việt Nam Takagi	VIETNAM TAKAGI CO., LTD.	タカギベトナム	株式会社タカギ	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Dong Nai	498
1015	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Watabeweddingvn	WATABE WEDDING VIETNAM CO., LTD.	ワタベウェディングベトナム	ワタベウェディング株式会社	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Dong Nai	508

1026	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Y & I	Y & I CO., LTD.			14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Hung Yen	513
1037	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Yasuda Fashion (Việt Nam)	YASUDA VIETNAM CO., LTD.	安田ベトナム	オンワード樺山、株式会社安田縫製	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Ho Chi Minh	519
1045	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Yuasa Glove Việt Nam	YUASA GLOVE VIETNAM CO., LTD	ユアサグローブベトナム	ユアサグローブ株式会社	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Binh Duong	523
1056	Công Ty Yotsuba Dress Việt Nam	YOTSUBA DRESS VIETNAM CO., LTD	四ツ葉ドレスベトナム	株式会社四ツ葉ドレス	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Thanh Hoa	528
1112	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Khang Hiếu	ZAKKA COMPANY			14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Ho Chi Minh	556
1151	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Fukuju Việt Nam	FUKUJU VIETNAM CO., LTD.	ふくじゅベトナム		14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Ho Chi Minh	576
1194	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn I.g.m	IGM CO., LTD.			14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Ho Chi Minh	597
1212	Công Ty TNHH Pearlton Việt Nam	PEARLTON VIETNAM CO., LTD.	パールトーンベトナム	株式会社パールトーン	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Ho Chi Minh	606
1227	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Yasuda (Việt Nam)	YASUDA VIETNAM CO., LTD.	安田ベトナム	株式会社安田縫製	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Ho Chi Minh	614
1378	Công Ty TNHH May Mặc Showa - Bến Tre	SHOWA - BEN TRE GARMENT COMPANY LIMITED	昭和ベンチガーメント	株式会社昭和ドレス研究社	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Ben Tre	689
1385	Công Ty TNHH Jowel .M Việt Nam	JOWEL .M VIETNAM CO., LTD.	ジョエルエムベトナム	株式会社ジョエル・エム	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Dong Nai	693
1386	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Thời Trang Sb Ngọc Trai	SB PEARL FASHION CO., LTD	SBパールファッション	日鐵住金物産株式会社	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Ho Chi Minh	693
1419	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn May Quốc Tế Việt Nam Nhật Bản	JAPAN VIET NAM INTERNATIONAL GARMENT CO., LTD		株式会社ヴォイス	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Ho Chi Minh	710
1476	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Toyoshima Việt Nam	TOYOSHIMA VIETNAM			14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Ho Chi Minh	738
1572	Công Ty TNHH Sumitex Việt Nam	SUMITEX VIETNAM LLC	スミテックスベトナム	株式会社スミテックス・インターナショナル	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Ho Chi Minh	786
1609	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vina Bo	VINA BO CO., LTD.			14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Ho Chi Minh	805
1722	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Mishow	MISHOW VIETNAM CO., LTD	美ショウベトナム	株式会社美ショウ	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Long An	861
1723	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn 1 Thành Viên Ksk Việt Nam	KSK VIETNAM COMPANY LIMITED		KSK株式会社	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Long An	862
1747	Công ty TNHH TOKYODO Việt Nam	TOKYODO VIETNAM			14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Dong Nai	874
1766	Công Ty TNHH MIDORI APPAREL Việt Nam Hòa Bình	MIDORI APPAREL VIET NAM HOA BINH CO., LTD.	ミドリ安全ベトナムホアビン	ミドリ安全株式会社	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Hoa Binh	883
1806	Công ty TNHH YAMATO DANA	YAMATO DANA LIMITED COMPANY			14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Da Nang	903
1842	Công ty TNHH ART SAKURA	ART SAKURA CO., LTD.	アートさくら (さくらフレンズカフェ)	NGO団体「ふえみん」(ふえみん婦人民主クラブ)	14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Da Nang	921
1886	Công ty TNHH L & M Vina	L & M VINA CO., LTD.			14100	製造業	毛皮製品を除く衣類製造業	衣類	Manufacture of wearing apparel, except fur apparel	Ha Nam	943
495	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kb Việt Nam	KB VIETNAM	KBベトナム	株式会社きものブレイン	14300	製造業	編物衣類製造業	衣類	Manufacture of knitted and crocheted apparel	Ho Chi Minh	248
1645	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Yoneda Việt Nam	YONEDA VIETNAM CO., LTD.	米田ベトナム	株式会社米田	14300	製造業	編物衣類製造業	衣類	Manufacture of knitted and crocheted apparel	Hai Phong	823
185	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Aban Việt Nam	ABAN VIETNAM CO., LTD.	アバンベトナム	株式会社ジャテック	15120	製造業	カバン、ハンドバッグ、馬具製造業	皮革	Manufacture of luggage, handbags, saddlery and harness	Ho Chi Minh	93
218	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn As'ty Việt Nam	ASTY VIETNAM INC	アスティベトナムINC	株式会社ヨンドシーホールディングス	15120	製造業	カバン、ハンドバッグ、馬具製造業	皮革	Manufacture of luggage, handbags, saddlery and harness	Hai Phong	109
421	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hinaru Việt Nam	HIMARU VIETNAM CO., LTD			15120	製造業	カバン、ハンドバッグ、馬具製造業	皮革	Manufacture of luggage, handbags, saddlery and harness	Binh Duong	211
458	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Inoue Việt Nam	INOUE VIETNAM INC	井上ベトナム	株式会社イノウエ	15120	製造業	カバン、ハンドバッグ、馬具製造業	皮革	Manufacture of luggage, handbags, saddlery and harness	Binh Duong	229
467	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Iwasaki Việt Nam	IWASAKI VIETNAM CO., LTD.	岩崎ベトナム	岩崎株式会社	15120	製造業	カバン、ハンドバッグ、馬具製造業	皮革	Manufacture of luggage, handbags, saddlery and harness	Dong Nai	234
573	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Marubishi Summit Việt Nam	MARUBISHI SUMMITE VIETNAM CO., LTD.	マルビシサミットインダストリーベトナム	丸菱工業株式会社	15120	製造業	カバン、ハンドバッグ、馬具製造業	皮革	Manufacture of luggage, handbags, saddlery and harness	Ho Chi Minh	287
620	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Vina Kara	VINA KARA VIET NAM COMPANY LIMITED			15120	製造業	カバン、ハンドバッグ、馬具製造業	皮革	Manufacture of luggage, handbags, saddlery and harness	Ha Nam	310
742	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Pomme International Co.ltd	POMME INTERNATIONAL CO., LTD	ポームインターナショナルVN	株式会社ポーム	15120	製造業	カバン、ハンドバッグ、馬具製造業	皮革	Manufacture of luggage, handbags, saddlery and harness	Ha Nam	371
880	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tanabe Việt Nam	TANABE VIETNAM COMPANY LIMITED		株式会社タナベ	15120	製造業	カバン、ハンドバッグ、馬具製造業	皮革	Manufacture of luggage, handbags, saddlery and harness	Hung Yen	440
915	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tokai Trim Việt Nam	TOKAI TRIM VIET NAM COMPANY LIMITED	ベトナム東海トリム	東海トリム株式会社	15120	製造業	カバン、ハンドバッグ、馬具製造業	皮革	Manufacture of luggage, handbags, saddlery and harness	Bac Giang	458
1046	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Yuri Abc Đà Nẵng	YURI ABC DANANG COMPANY LIMITED	ユリエービーシーダナン	株式会社由利	15120	製造業	カバン、ハンドバッグ、馬具製造業	皮革	Manufacture of luggage, handbags, saddlery and harness	Da Nang	523
1135	Công Ty TNHH Dax Việt Nam	DAX VIETNAM CO., LTD.		株式会社ダックス(破産)	15120	製造業	カバン、ハンドバッグ、馬具製造業	皮革	Manufacture of luggage, handbags, saddlery and harness	Ho Chi Minh	568
1145	Công Ty TNHH Aerotact Việt Nam	AEROTACT VIETNAM	ベトナムアエロタクト	有限会社アエロタクト	15120	製造業	カバン、ハンドバッグ、馬具製造業	皮革	Manufacture of luggage, handbags, saddlery and harness	Ho Chi Minh	573
1199	Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Desh Vina	DESH VINA CO., LTD.	デッシュビーナ	株式会社デグナー	15120	製造業	カバン、ハンドバッグ、馬具製造業	皮革	Manufacture of luggage, handbags, saddlery and harness	Long An	600
1347	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Yif Vina	YJF VINA CO., LTD			15120	製造業	カバン、ハンドバッグ、馬具製造業	皮革	Manufacture of luggage, handbags, saddlery and harness	Long An	674
1617	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Cs Domen	C.S DOMEN WORKS			15120	製造業	カバン、ハンドバッグ、馬具製造業	皮革	Manufacture of luggage, handbags, saddlery and harness	Ho Chi Minh	809
473	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Jooco Vina	JOOCO VINA CO., LTD		日鉄住金物産株式会社	15200	製造業	履物製造業	皮革	Manufacture of footwear	Binh Duong	237

489	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kane-m Đà Nẵng	KANE-M DANANG COMPANY LIMITED	カネエムダナン	モリト株式会社	15200	製造業	履物製造業	皮革	Manufacture of footwear	Da Nang	245
615	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Giày Eizo Việt Nam	EIZO SHOES VIETNAM CO., LTD.		株式会社エイゾーコレクション	15200	製造業	履物製造業	皮革	Manufacture of footwear	Ho Chi Minh	308
756	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Quốc Tế Thời Trang Việt Nam	VINAMODE INTERNATIONAL CO., LTD	ビナモードインターナショナル	株式会社エルピーディ	15200	製造業	履物製造業	皮革	Manufacture of footwear	Hai Phong	378
903	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thuận Buồm	FULL SAIL CO., LTD			15200	製造業	履物製造業	皮革	Manufacture of footwear	Binh Duong	452
1003	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vina Okamoto	VINA OKAMOTO CO., LTD	ビナオカモト	オカモト株式会社	15200	製造業	履物製造業	皮革	Manufacture of footwear	Hai Duong	502
1060	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Giấy Ching Luh Vn	VIET NAM CHINGLUH SHOES CO., LTD.		美津濃株式会社	15200	製造業	履物製造業	皮革	Manufacture of footwear	Long An	530
1241	Công Ty TNHH Hyogo Shoes (Việt Nam)	PHULAM FOOTWEAR COMPANY FACTORY - 1/HYOGO SHOES		兵庫シューズ株式会社	15200	製造業	履物製造業	皮革	Manufacture of footwear	Ho Chi Minh	621
1286	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn New London - Vn	NEW LONDON VN CO., LTD.	ニューロンドンベトナム	株式会社ニューロンドン	15200	製造業	履物製造業	皮革	Manufacture of footwear	Ho Chi Minh	643
1511	Công ty TNHH Yoshitani Việt Nam	YOSHITANI VIETNAM	吉谷ベトナム	吉谷工業株式会社	15200	製造業	履物製造業	皮革	Manufacture of footwear	Phu Tho	756
86	Công Ty Liên Doanh Sản Xuất Dăm Gỗ Bình Định	BINH DINH CHIP LIMITED LIABILITY COMPANY			16101	製造業	製材および木材加工	木製品	Sawmilling and planing of wood	Binh Dinh	43
103	Công Ty Sản Xuất Nguyên Liệu Giấy Việt Nhật	VIETNAM - JAPAN CHIP CORPORATION LTD	ビジャチップ (VIJACHIP)	双日株式会社	16101	製造業	製材および木材加工	木製品	Sawmilling and planing of wood	Da Nang	52
780	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sản Xuất Nguyên Liệu Giấy Việt Nhật Cái L	VIJACHIP CAI LAN CORPORATION	VIJACHIP カイラン	双日株式会社	16101	製造業	製材および木材加工	木製品	Sawmilling and planing of wood	Quang Ninh	390
781	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sản Xuất Nguyên Liệu Giấy Việt Nhật-vùng	VIJACHIP VUNG ANG CORPORATIOON	VIJACHIP プンアン	双日株式会社	16101	製造業	製材および木材加工	木製品	Sawmilling and planing of wood	Ha Tinh	391
290	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Daisen Việt Nam	DAISEN VIETNAM CO., LTD	ダイセンベトナム	ダイセン産業株式会社	16210	製造業	単板、合板、パーティクルボード、パネル製造業	木製品	Manufacture of veneer sheets; manufacture of polywood, laminboard, particle board and other panels and	Bac Ninh	145
336	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Eidai Việt Nam	EIDAI VIET NAM CO., LTD.	永大ベトナム	永大産業株式会社	16210	製造業	単板、合板、パーティクルボード、パネル製造業	木製品	Manufacture of veneer sheets; manufacture of polywood, laminboard, particle board and other panels and	Ha Nam	168
764	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Rừng Sinh Thái	ECO.HOLZ VIETNAM CO., LTD	エコ・ホルツベトナム	三重ホルツ小径加工協同組合	16210	製造業	単板、合板、パーティクルボード、パネル製造業	木製品	Manufacture of veneer sheets; manufacture of polywood, laminboard, particle board and other panels and	Phu Tho	382
1000	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vina Eco Board	VINA ECO BOARD CO., LTD.	ビナエコボード	住友林業株式会社	16210	製造業	単板、合板、パーティクルボード、パネル製造業	木製品	Manufacture of veneer sheets; manufacture of polywood, laminboard, particle board and other panels and	Long An	500
1773	Công ty TNHH MAEDA KOSEN Việt nam	MAEDA KOSEN VIETNAM CO., LTD.	前田工織ベトナム	前田工織株式会社	16210	製造業	単板、合板、パーティクルボード、パネル製造業	木製品	Manufacture of veneer sheets; manufacture of polywood, laminboard, particle board and other panels and	Bac Ninh	887
1799	Công ty TNHH FUJIGEN Việt Nam	FUJIGEN VIET NAM CO., LTD.	フジゲンベトナム	フジゲン株式会社	16210	製造業	単板、合板、パーティクルボード、パネル製造業	木製品	Manufacture of veneer sheets; manufacture of polywood, laminboard, particle board and other panels and	Ha Nam	900
485	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kamiyama Việt Nam	KAMIYAMA VIETNAM	カミヤマベトナム	株式会社カミヤマ	16220	製造業	建築用木工品及び建具製造業	木製品	Manufacture of builders' carpentry and joinerv	Hanoi	243
1501	Công ty TNHH FULUHASHI (VIETNAM)	FULUHASHI CORPORATION (VIETNAM) LTD.	フルハシベトナム	フルハシEP0株式会社	16230	製造業	木製容器製造業	木製品	Manufacture of wooden containers	Hai Duong	751
867	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Taisei Bijutsu Printing (Việt Nam)	TAISEI BIJUTSU PRINTING (VIETNAM) CO., LTD	大成美術プリンティングベトナム	株式会社大成美術印刷所	16291	製造業	その他の木製品製造業	木製品	Manufacture of other wooden products	Binh Duong	434
1839	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Việt Ch in	VIETCHIN (VIETNAM) LIMITED COMPANY			16292	製造業	木材を除く林産物、コルク、麦わら、編物材料製造業	その他の林産物	Manufacture of forest products, cork, straw and plaiting materials, except	Hau Giang - Vi	920
1855	Công ty TNHH ISD WOOD MATERIAL (Việt Nam)	ISD WOOD MATERIAL (VIETNAM) CO., LTD.			16292	製造業	木材を除く林産物、コルク、麦わら、編物材料製造業	その他の林産物	Manufacture of forest products, cork, straw and plaiting materials, except	Binh Duong	928
390	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Giấy Kraft Vina	VINA KRAFT PAPER CO., LTD.	ビナクラフトペーパー	レンゴー株式会社	17010	製造業	パルプ、紙、板紙製造業	紙・紙製品	Manufacture of pulp, paper and paperboard	Binh Duong	195
474	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Jp Corelex Việt Nam	JP CORELEX (VIETNAM) CO., LTD	JPコアレックス・ベトナム	コアレックス三栄株式会社、日本紙パルプ商事株式会社	17010	製造業	パルプ、紙、板紙製造業	紙・紙製品	Manufacture of pulp, paper and paperboard	Hung Yen	237
483	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kalbas Việt Nam	KALBAS VIET NAM LIMITED	カルバスベトナム	株式会社 KALBAS (カルバス)	17010	製造業	パルプ、紙、板紙製造業	紙・紙製品	Manufacture of pulp, paper and paperboard	Ha Nam	242
1692	Công ty TNHH FOUR NINE	FOUR NINE		株式会社フォーナインシューズ	17010	製造業	パルプ、紙、板紙製造業	紙・紙製品	Manufacture of pulp, paper and paperboard	Dong Nai	846
1755	Công ty TNHH UEDA Việt Nam	UEDA VIET NAM CO., LTD	植田産業ベトナム	植田産業株式会社	17010	製造業	パルプ、紙、板紙製造業	紙・紙製品	Manufacture of pulp, paper and paperboard	Ha Nam	878
74	Công Ty Ld Bao Bi United	UNITED PACKING CO., LTD	ユナイテッドパッケージング	王子ホールディングス株式会社	17021	製造業	紙・板紙製容器製造業	紙・紙製品	Manufacture of containers of paper and paperboard	Ho Chi Minh	37
228	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Bao Bi Nhật Bản (Việt Nam)	JAPAN PAPER TECHNOLOGY (VN) CO., LTD	ジャパンペーパーテクノロジー(ベトナム)	中部紙工株式会社、日商岩井パルプ株式会社	17021	製造業	紙・板紙製容器製造業	紙・紙製品	Manufacture of containers of paper and paperboard	Ho Chi Minh	114
490	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kanepackage Việt Nam	KANEPACKAGE VIETNAM CO., LTD.	カネパッケージベトナム	カネパッケージ株式会社	17021	製造業	紙・板紙製容器製造業	紙・紙製品	Manufacture of containers of paper and paperboard	Hanoi	245
706	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ojtex Hải Phòng	OJITEX HAIPHONG CO., LTD	王子テックスハイフォン	王子ホールディングス株式会社	17021	製造業	紙・板紙製容器製造業	紙・紙製品	Manufacture of containers of paper and paperboard	Hai Phong	353
881	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tanaka Sangyo Việt Nam	TANAKA SANGYO VIETNAM CO., LTD.	タナカ産業ベトナム	株式会社タナカ産業	17021	製造業	紙・板紙製容器製造業	紙・紙製品	Manufacture of containers of paper and paperboard	Ho Chi Minh	441
1074	Ojtex Viet Nam Co,ltd	OJITEX (VIETNAM) CO., LTD	王子テックスベトナム	王子ホールディングス株式会社	17021	製造業	紙・板紙製容器製造業	紙・紙製品	Manufacture of containers of paper and paperboard	Dong Nai	537
1277	Công Ty TNHH Công Nghệ Bao Bi Taisho & 7	TAISHO & 7 PACKAGE TECHNOLOGY CO., LTD.	タイショウ & 7 パッケージ テクノロジー	大昇印刷株式会社	17021	製造業	紙・板紙製容器製造業	紙・紙製品	Manufacture of containers of paper and paperboard	Ho Chi Minh	639
1333	Công Ty TNHH Settsu Carton Việt Nam	SETTSU CARTON VIETNAM CORPORATION	セッツカートンベトナム	セッツカートン株式会社、日商岩井紙パルプ株式会社	17021	製造業	紙・板紙製容器製造業	紙・紙製品	Manufacture of containers of paper and paperboard	Dong Nai	667
1363	Công ty TNHH Bao bì trí - Wall Vina	TRI - WALL VINA PACK CO., LTD.	トライウォールビナパック	トライウォールジャパン株式会社	17021	製造業	紙・板紙製容器製造業	紙・紙製品	Manufacture of containers of paper and paperboard	Hung yen	682
1400	Công ty TNHH Một Thành Viên Kinsei Việt Nam	KINSEI VIET NAM CO., LTD.	KINSEIベトナム	株式会社KINSEI	17021	製造業	紙・板紙製容器製造業	紙・紙製品	Manufacture of containers of paper and paperboard	Ho Chi Minh	700

1564	Công Ty TNHH Bao Bì Giấy Ko No Ha Na Việt Nam	KONOHANA CO., LTD VIETNAM	此花ベトナム	此花紙工株式会社	17021	製造業	紙・板紙製容器製造業	紙・紙製品	Manufacture of containers of paper and paperboard	Ho Chi Minh	782
1699	Công Ty TNHH Bao Bì Nhật Bản Đồng Nai (Vn)	JAPAN PAPER TECHNOLOGY (VN) CO., LTD. FACTORY 3	ジャパンペーパーテクノロジー(ベトナム)ド ンナイ工場	中部紙工株式会社、日商岩井紙バルブ 株式会社	17021	製造業	紙・板紙製容器製造業	紙・紙製品	Manufacture of containers of paper and paperboard	Dong Nai	850
1797	Công Ty TNHH Marukoh Paper Việt Nam	MARUKOH PAPER VIETNAM			17021	製造業	紙・板紙製容器製造業	紙・紙製品	Manufacture of containers of paper and paperboard	Ha Nam	899
1824	Công Ty TNHH Toin Việt Nam	TOIN VIETNAM CO., LTD	トーインベトナム	トーイン株式会社	17021	製造業	紙・板紙製容器製造業	紙・紙製品	Manufacture of containers of paper and paperboard	Binh Duong	912
331	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dynapac Hanoi	DYNAPAC (HANOI) LIMITED LIABILITY COMPANY	ダイナパック(ハノイ)	ダイナパック株式会社	17022	製造業	段ボール及び板紙製造業	紙・紙製品	Manufacture of corrugated paper and paperboard	Hanoi	166
124	Công ty TNHH Gojo Paper (Việt Nam)	GOJO PAPER (VIETNAM) CO., LTD.	ベトナム五條	五條製紙株式会社	17090	製造業	その他の分類できない紙及び板紙製造業	紙・紙製品	Manufacture of other articles of paper and paperboard n.e.c	Dong Nai	62
389	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Giấy Konya Việt Nam	KONYA PAPER VIETNAM CO., LTD	紺屋製紙ベトナム	紺屋製紙株式会社	17090	製造業	その他の分類できない紙及び板紙製造業	紙・紙製品	Manufacture of other articles of paper and paperboard n.e.c	Hai Phong	195
518	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kokuyo Việt Nam	KOKUYO VIETNAM CO., LTD	コクヨベトナム	コクヨ株式会社	17090	製造業	その他の分類できない紙及び板紙製造業	紙・紙製品	Manufacture of other articles of paper and paperboard n.e.c	Hai Phong	259
643	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nakagawa Mfg Việt Nam	NAKAGAWA MFG VIETNAM CO., LTD	ナカガワMFGベトナム	株式会社中川製作所	17090	製造業	その他の分類できない紙及び板紙製造業	紙・紙製品	Manufacture of other articles of paper and paperboard n.e.c	Phan Thiet	322
819	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Shoei Việt Nam	SHOEI VIET NAM CO., LTD	正栄ベトナム	株式会社正栄マーク製作所	17090	製造業	その他の分類できない紙及び板紙製造業	紙・紙製品	Manufacture of other articles of paper and paperboard n.e.c	Hung Yen	410
1772	Công ty TNHH Printec Ohtomi	PRINTEC OHTOMI CO., LTD.	プリンテックオートミ	PT. Ohtomi	17090	製造業	その他の分類できない紙及び板紙製造業	紙・紙製品	Manufacture of other articles of paper and paperboard n.e.c	Bac Ninh	886
1887	Công ty TNHH TOMOKU Việt Nam	TOMOKU VIETNAM CO., LTD.	トーモクベトナム	株式会社トーモク	17090	製造業	その他の分類できない紙及び板紙製造業	紙・紙製品	Manufacture of other articles of paper and paperboard n.e.c	Binh Duong	944
275	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Crestec Việt Nam	CRESTEC VIETNAM CO., LTD.	クレストックベトナム	株式会社クレストック	18110	製造業	印刷業	印刷	Printing	Ho Chi Minh	138
571	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Malugo Việt Nam	MALUGO VIETNAM CO., LTD	マルゴベトナム	株式会社マルゴ・レーベル	18110	製造業	印刷業	印刷	Printing	Hanoi	286
820	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Shoei Việt Nam	SHOEI VIETNAM CO., LTD	昭栄ベトナム	昭栄印刷株式会社	18110	製造業	印刷業	印刷	Printing	Hanoi	410
1029	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Yamagata Việt Nam	YAMAGATA VIETNAM CO., LTD	ヤマガタベトナム	YAMAGATA株式会社	18110	製造業	印刷業	印刷	Printing	Hanoi	515
1457	Công Ty TNHH Maeda - Name Đà Nẵng	MAEDA - NAME DA NANG COMPANY LIMITED	前田ネームダナン	有限会社前田ネーム、株式会社橋本ネー ム	18110	製造業	印刷業	印刷	Printing	Da Nang	729
1462	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Dai Ya	DAI YA CO., LTD. VIETNAM	ダイヤ (ベトナム)	ダイヤ工芸株式会社	18110	製造業	印刷業	印刷	Printing	Long An	731
361	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Fuji Seal Việt Nam	FUJI SEAL VIETNAM CO., LTD	フジシールベトナム	株式会社フジシールインターナショナル	18120	製造業	印刷関連サービス業	印刷	Service activities related to printing	Binh Duong	181
1059	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn 1 Thà nh Viên Nsk Việt Nam	NSK VIET NAM CO., LTD	NSKベトナム	株式会社エヌエスケーエコーマーク	18120	製造業	印刷関連サービス業	印刷	Service activities related to printing	Long An	530
1838	Công ty TNHH HFP Việt Nam	HFP VIETNAM CO., LTD.			18120	製造業	印刷関連サービス業	印刷	Service activities related to printing	Binh Duong	919
1418	Công Ty TNHH Jx Nippon Oil & Energy Việt Nam	JX NIPPON OIL & ENERGY VIETNAM CO., LTD	JX日鉱日石エネルギーベトナム	JXエネルギー株式会社	19200	製造業	精製石油製品製造業	石油	Manufacture of refined petroleum products	Hai Phong	709
1638	Công Ty TNHH Dầu Nhớt Idemitsu Việt Nam	IDEMITSU LUBE VIETNAM CO., LTD.	出光ルブベトナム	出光興産株式会社	19200	製造業	精製石油製品製造業	石油	Manufacture of refined petroleum products	Hai Phong	819
30	Công Ty Cổ Phần Đất Hiếm Việt Nam	VIETNAM RARE EARTH COMPANY LIMITED.	ベトナムレアアース	中央電気工業株式会社	20110	製造業	基礎化学製品製造業	化学	Manufacture of basic chemicals	Bac Ninh	15
378	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Gas Việt Nhật	VIETNAM JAPAN GAS JOINT STOCK COMPANY	ベトナムジャパンガス	大陽日酸株式会社、株式会社巴商会	20110	製造業	基礎化学製品製造業	化学	Manufacture of basic chemicals	Dong Nai	189
379	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Gas Việt Nhật Miền Bắc	NORTHERN VIETNAM JAPAN GAS CO., LTD	北部ベトナムジャパンガス	大陽日酸株式会社、株式会社巴商会	20110	製造業	基礎化学製品製造業	化学	Manufacture of basic chemicals	Hung Yen	190
429	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hóa Chất P T N	PTN CHEMICALS COMPANY LIMITED	PTNケミカル	テイカ株式会社、双日株式会社	20110	製造業	基礎化学製品製造業	化学	Manufacture of basic chemicals	Hai Phong	215
430	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoá Chất Và Môi Trường Aureole Mitani	AUREOLE MITANI CHEMICAL AND ENVIRONMENT INC	オレオウミタニケミカルエンバイロメント	三谷産業株式会社	20110	製造業	基礎化学製品製造業	化学	Manufacture of basic chemicals	Dong Nai	215
888	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tetsugen (ortechemica)	TETSUGEN VN CO., LTD	テツゲンベトナム	株式会社テツゲン	20110	製造業	基礎化学製品製造業	化学	Manufacture of basic chemicals	Hai Phong	444
1216	Công ty TNHH Tomoe VietNam	TOMOE VIETNAM CO., LTD.	トモエベトナム	株式会社巴商会	20110	製造業	基礎化学製品製造業	化学	Manufacture of basic chemicals	Bac Ninh	608
97	Công Ty Phân Bón Việt Nhật	JAPAN VIET NAM FERTILIZER COMPANY	ジャパンベトナムファーターライザー	双日株式会社	20120	製造業	肥料及び窒素化合物製造業	化学	Manufacture of fertilizer and nitrogen compounds	Dong Nai	49
288	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dainichi Color Việt Nam	DAINICHI COLOR VIETNAM CO., LTD	大日カラーベトナム	大日精化工業株式会社	20131	製造業	成型前の部プラスチック製造業	プラスチック	Manufacture of plastics in primary forms	Bac Ninh	144
575	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Maruha Chemical Việt Nam	MARUHA CHEMICAL VIETNAM CO., LTD	まるは化学ベトナム	まるは化学株式会社	20131	製造業	成型前の部プラスチック製造業	プラスチック	Manufacture of plastics in primary forms	Binh Duong	288
662	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nhựa Và Hoá Chất Phú Mỹ	PHU MY PLASTICS AND CHEMICALS COMPANY LIMITED	フーミープラスチックアンドケミカルズ	三菱商事株式会社、旭硝子株式会社	20131	製造業	成型前の部プラスチック製造業	プラスチック	Manufacture of plastics in primary forms	Ba Ria - Vung T	331
928	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Toyo Ink Compounds Việt Nam	TOYO INK COMPOUNDS VIETNAM CO., LTD	東洋インキベトナム	東洋インキSCホールディングス株式会社	20131	製造業	成型前の部プラスチック製造業	プラスチック	Manufacture of plastics in primary forms	Bac Ninh	464
1004	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vina Showa	VINA SHOWA CO., LTD	ビナショウワ	昭和化成工業株式会社	20131	製造業	成型前の部プラスチック製造業	プラスチック	Manufacture of plastics in primary forms	Binh Duong	502
171	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kyoto Biken Hà Nội Laboratories	KYOTO BIKEN HANOI LABORATORIES COMPANY LIMITED	京都微研ハノイラボラトリーズ	株式会社微生物化学研究所	20210	製造業	殺虫剤及びその他の農業製造業	化学	Manufacture of pesticides and other agrochemical products	Hung Yen	86
257	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Coature	COATURE CO., LTD	コーチャー		20221	製造業	塗料、ニス及び類似製品製造業	化学	Manufacture of paints, varnishes and similar coatings and mastics	Da Nang	129
834	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sơn Nippon Việt Nam (Hà Nội)	NIPPON PAINT VIETNAM (HANOI) CO., LTD	日本ペイントベトナムハノイ	日本ペイント株式会社	20221	製造業	塗料、ニス及び類似製品製造業	化学	Manufacture of paints, varnishes and similar coatings and mastics	Hanoi	417
835	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sơn Sakura Việt Nam	SAKURA PAINT VIETNAM COMPANY LIMITED	サクラペイントベトナム	斎藤塗料株式会社	20221	製造業	塗料、ニス及び類似製品製造業	化学	Manufacture of paints, varnishes and similar coatings and mastics	Bac Ninh	418
986	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Việt Nam Musashi Paint	VIETNAM MUSASHI PAINT CO., LTD.	ベトナム武蔵塗料	武蔵塗料ホールディングス株式会社	20221	製造業	塗料、ニス及び類似製品製造業	化学	Manufacture of paints, varnishes and similar coatings and mastics	Dong Nai	493
1063	Côngty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoá Chất Washin V N	VIETNAM WASHIN CO., LTD.	ベトナム和信	和信化学工業株式会社	20221	製造業	塗料、ニス及び類似製品製造業	化学	Manufacture of paints, varnishes and similar coatings and mastics	Dong Nai	532
1791	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sơn Kansai Alphanam	KANSAI - ALPHANAM PAINT CO., LTD	関西アルファナムペイント	関西ペイント株式会社	20221	製造業	塗料、ニス及び類似製品製造業	化学	Manufacture of paints, varnishes and similar coatings and mastics	Hung Yen	896

154	Công ty TNHH Toyo Ink Vietnam Co.,Ltd	TOYO INK VIET NAM CO., LTD.	東洋インキベトナム	東洋インキSCホールディングス株式会社	20222	製造業	印刷用インク製造業	化学	Manufacture of printing ink	Dong Nai	77
1370	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sakata Inx Việt Nam	SAKATA INX VIETNAM CO., LTD.	サカタインクスベトナム	サカタインクス株式会社	20222	製造業	印刷用インク製造業	化学	Manufacture of printing ink	Binh Duong	685
491	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kao Việt Nam.	KAO VIETNAM LIMITED LIABILITY COMPANY	花王ベトナム	花王株式会社	20231	製造業	化粧品製造業	化学	Manufacture of cosmetics	Dong Nai	246
1009	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vinacosmo	VINACOSMO CO., LTD.	ビナコスモ	株式会社コスモビューティー	20231	製造業	化粧品製造業	化学	Manufacture of cosmetics	Ho Chi Minh	505
1066	Cung Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Shiseido Việt Nam	SHISEIDO VIETNAM INC	資生堂ベトナム	株式会社資生堂	20231	製造業	化粧品製造業	化学	Manufacture of cosmetics	Dong Nai	533
601	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mitsuei Việt Nam	MITISUEI (VIETNAM) CO., LTD	ミツエイ (ベトナム)	ミツエイ株式会社	20232	製造業	石鹼、洗剤、洗浄剤、研磨剤製造業	化学	Manufacture of soap and detergents, cleaning and polishing preparations	Tay Ninh	301
65	Công Ty Hoà Chất Soft-sec	SOFT CHEMICAL CORPORATION	ソフトケミカルコーポレーション	豊田通商株式会社	20290	製造業	その他の分類できない化学製品製造業	化学	Manufacture of other chemical products n.e.c	Hai Phong	33
127	Công Ty TNHH Kubota Kasui Việt Nam	KUBOTA KASUI VIETNAM CO., LTD	クボタ化水ベトナム	クボタ化水株式会社	20290	製造業	その他の分類できない化学製品製造業	化学	Manufacture of other chemical products n.e.c	Binh Duong	64
128	Công Ty TNHH Một Thành Viên Halvo Việt Nam	HALVO VIET NAM COMPANY LIMITED.	Halvo ベトナム	HALVO株式会社	20290	製造業	その他の分類できない化学製品製造業	化学	Manufacture of other chemical products n.e.c	Long An	64
225	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Aureole Fine Chemical Products	AUREOLE FINE CHEMICAL PRODUCTS	オレオウファインケミカルプロダクツ	三谷産業株式会社	20290	製造業	その他の分類できない化学製品製造業	化学	Manufacture of other chemical products n.e.c	Dong Nai	113
428	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hóa Chất Công Nghiệp	SOFT INDUSTRY CORPORATION	ソフトインダストリーコーポレーション	豊田通商株式会社	20290	製造業	その他の分類できない化学製品製造業	化学	Manufacture of other chemical products n.e.c	Hai Phong	214
520	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Konishi Lemindo Việt Nam	KONISHI LEMINDO VIETNAM CO., LTD	コニシレミンドベトナム	コニシ株式会社	20290	製造業	その他の分類できない化学製品製造業	化学	Manufacture of other chemical products n.e.c	Binh Duong	260
527	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Koyo Sangyo Vn	KOYO SANGYO VIETNAM CO., LTD	光洋産業ベトナム	光洋産業株式会社	20290	製造業	その他の分類できない化学製品製造業	化学	Manufacture of other chemical products n.e.c	Binh Duong	264
554	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Likan - Vina	LIKAN VINA CO., LTD	リカンピナ	カンエイ産業株式会社	20290	製造業	その他の分類できない化学製品製造業	化学	Manufacture of other chemical products n.e.c	Hanoi	277
663	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nicca Việt Nam	NICCA VIETNAM CO., LTD.	ニッカベトナム	日華化学株式会社	20290	製造業	その他の分類できない化学製品製造業	化学	Manufacture of other chemical products n.e.c	Dong Nai	332
727	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Parkerizing Việt Nam	VIETNAM PARKERIZING CO., LTD	ベトナムパーカライズング	日本パーカライズング株式会社	20290	製造業	その他の分類できない化学製品製造業	化学	Manufacture of other chemical products n.e.c	Binh Duong	364
771	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sakai Chemical Việt Nam	SAKAI CHEMICAL (VIETNAM) CO., LTD.	サカイケミカル (ベトナム)	堺化学工業株式会社	20290	製造業	その他の分類できない化学製品製造業	化学	Manufacture of other chemical products n.e.c	Binh Duong	386
990	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Việt Nam Parkerizing Hà Nội	VIETNAM PARKERIZING HANOI CO., LTD	ベトナムパーカライズングハノイ	日本パーカライズング株式会社	20290	製造業	その他の分類できない化学製品製造業	化学	Manufacture of other chemical products n.e.c	Bac Ninh	495
1322	Công Ty TNHH Vật Liệu Điện Tử Shin-Etsu Việt Nam	SHIN - ETSU ELECTRONICS MATERIALS VIETNAM CO., LTD. (SEEV)	シンエツエレクトロニクスマテリアルズベトナム	信越化学工業株式会社	20290	製造業	その他の分類できない化学製品製造業	化学	Manufacture of other chemical products n.e.c	Hung Yen	661
1500	Công ty TNHH Fujikura Kasei Việt Nam	FUJIKURA KASEI VIETNAM CO., LTD	フジクラカセイベトナム	藤倉化成株式会社	20290	製造業	その他の分類できない化学製品製造業	化学	Manufacture of other chemical products n.e.c	Hai Duong	750
1695	Công ty TNHH WINFIELD CHEMICAL	WINFIELD CHEMICAL CO., LTD.			20290	製造業	その他の分類できない化学製品製造業	化学	Manufacture of other chemical products n.e.c	Dong Nai	848
1713	Công Ty TNHH AICA Việt Nam	AICA VIETNAM CO., LTD.	アイカベトナム	アイカ工業株式会社	20290	製造業	その他の分類できない化学製品製造業	化学	Manufacture of other chemical products n.e.c	Long An	857
1752	Công ty TNHH KOATSU GAS KOGYO Việt Nam	KOATSU GAS KOGYO VIETNAM CO., LTD.		高圧ガス工業株式会社	20290	製造業	その他の分類できない化学製品製造業	化学	Manufacture of other chemical products n.e.c	Dong Nai	876
330	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Hisamitsu Việt Nam	HISAMITSU VIETNAM PHARMACEUTICAL LTD	久光ベトナム	久光製薬株式会社	21001	製造業	医薬品製造業	化学	Manufacture of pharmaceuticals	Dong Nai	165
719	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Otsuka Opv	OTSUKA OPV JOINT STOCK COMPANY	大塚OPV	大塚ホールディングス株式会社	21001	製造業	医薬品製造業	化学	Manufacture of pharmaceuticals	Dong Nai	360
1513	Công ty TNHH UNITED INTERNATIONAL PHARMA	UNITED INDOCHINA PHARMA CO., LTD			21001	製造業	医薬品製造業	化学	Manufacture of pharmaceuticals	Binh Duong	757
761	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Rohto - Mentholatum Việt Nam	ROHTO-MENTHOLATUM (VIETNAM) CO., LTD	ロート・メンソレータム・ベトナム	ロート製薬株式会社	21002	製造業	医薬化学产品及び植物由来製品製造業	化学	Manufacture of medicinal chemical and botanical products	Binh Duong	381
245	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Cao Su Inoue Việt Nam	INOUE RUBBER VIETNAM COMPANY LTD	井上護謄ベトナム	株式会社イノアックコーポレーション	22110	製造業	ゴムタイヤ及びチューブ、再生タイヤ製造業	ゴム	Manufacture of rubber tyres and tubes; retreading and rebuilding of rubber	Hanoi	123
1042	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Yokohama Tyre Việt Nam	YOKOHAMA TYRE VIETNAM INC.	ヨコハマタイヤベトナム	横浜ゴム株式会社	22110	製造業	ゴムタイヤ及びチューブ、再生タイヤ製造業	ゴム	Manufacture of rubber tyres and tubes; retreading and rebuilding of rubber	Binh Duong	521
1640	Công ty TNHH sản xuất lốp xe BRIDGESTONE Việt Nam	BRIDGESTONE TIRE MANUFACTURING VIETNAM LIMITED LIABILITY COMPANY	ブリヂストンタイヤマニュファクチュアリングベトナム	株式会社ブリヂストン	22110	製造業	ゴムタイヤ及びチューブ、再生タイヤ製造業	ゴム	Manufacture of rubber tyres and tubes; retreading and rebuilding of rubber tyres	Hai Phong	820
1738	Công ty TNHH ISHIGAKI Việt Nam	ISHIGAKI VIET NAM CO., LTD	石垣ベトナム	石垣ゴム工業株式会社	22110	製造業	ゴムタイヤ及びチューブ、再生タイヤ製造業	ゴム	Manufacture of rubber tyres and tubes; retreading and rebuilding of rubber	Ha Nam	869
111	Công Ty T N H H Akita Oil Seal Việt Nam	AKITA OIL SEAL VIETNAM CO., LTD	秋田オイルシールベトナム	株式会社秋田オイルシール	22120	製造業	その他のゴム製品製造業	ゴム	Manufacture of other rubber products	Hai Phong	56
161	Công ty TNHH Việt Nam NOK	VIETNAM NOK CO., LTD.	ベトナムNOK	NOK株式会社	22120	製造業	その他のゴム製品製造業	ゴム	Manufacture of other rubber products	Dong Nai	81
170	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Inoue Việt Nam	INOUE VIETNAM CO., LTD.	イノウエベトナム	井上化成株式会社	22120	製造業	その他のゴム製品製造業	ゴム	Manufacture of other rubber products	Bac Giang	85
205	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Arai Việt Nam	VIETNAM ARAI COMPANY LIMITED	ベトナムアライ	株式会社荒井製作所	22120	製造業	その他のゴム製品製造業	ゴム	Manufacture of other rubber products	Hai Phong	103
293	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Daito Rubber Việt Nam	DAITO RUBBER VIETNAM CO., LTD	ダイトゴムベトナム	ダイトゴム株式会社	22120	製造業	その他のゴム製品製造業	ゴム	Manufacture of other rubber products	Hai Phong	147
461	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ishigaki Rubber Việt Nam	ISHIGAKI VIETNAM CO., LTD.	ベトナム石垣ゴム	石垣ゴム工業株式会社	22120	製造業	その他のゴム製品製造業	ゴム	Manufacture of other rubber products	Hanoi	231
479	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn K.t.c (viết Nam)	KTC (VIETNAM) CO., LTD.	ケーティーシーベトナム	株式会社カテックス、株式会社ツワーン	22120	製造業	その他のゴム製品製造業	ゴム	Manufacture of other rubber products	Ho Chi Minh	240
544	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kyoritsu Việt Nam	VIETNAM KYORITSU CO., LTD		共立産業株式会社	22120	製造業	その他のゴム製品製造業	ゴム	Manufacture of other rubber products	Hai Phong	272
664	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nichias Hải Phòng	NICHIAS HAI PHONG CO., LTD	ニチアスハイフォン	ニチアス株式会社	22120	製造業	その他のゴム製品製造業	ゴム	Manufacture of other rubber products	Hai Phong	332
729	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Perubco Nitto Kako	PERUBCO NITTO KAKO CO., LTD	ペルブコ日東化工	日東化工株式会社	22120	製造業	その他のゴム製品製造業	ゴム	Manufacture of other rubber products	Long An	365
846	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sumirubber Việt Nam	SUMIRUBBER VIETNAM, LTD	スミラバーベトナム	住友ゴム工業株式会社	22120	製造業	その他のゴム製品製造業	ゴム	Manufacture of other rubber products	Hai Phong	423

859	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Synztec Việt Nam	SYNZTEC VIETNAM CO., LTD	シンジーテックベトナム	シンジーテック株式会社	22120	製造業	その他のゴム製品製造業	ゴム	Manufacture of other rubber products	Hai Phong	430
1002	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vina Melt Technos	VINA MELT TECHNOS CO., LTD.	ビナメルテクノス	昭和アルファックス株式会社	22120	製造業	その他のゴム製品製造業	ゴム	Manufacture of other rubber products	Dong Nai	501
1039	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Yasufuku Việt Nam	YASUFUKU VIETNAM CO., LTD.	ヤスフクベトナム	安福ゴム工業株式会社	22120	製造業	その他のゴム製品製造業	ゴム	Manufacture of other rubber products	Hanoi	520
1522	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Suzuki Latex Việt Nam	SUZUKI LATEX VIETNAM CO., LTD	鈴木ラテックスベトナム	株式会社鈴木ラテックス	22120	製造業	その他のゴム製品製造業	ゴム	Manufacture of other rubber products	Dong Nai	761
1540	Công ty TNHH Fukoku Việt Nam	FUKOKU VIETNAM CO., LTD.	フコクベトナム	株式会社フコク	22120	製造業	その他のゴム製品製造業	ゴム	Manufacture of other rubber products	Hanoi	770
1611	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Eiwo Rubber Mfg	EIWO RUBBER MFG CO., LTD.		栄和化学工業株式会社	22120	製造業	その他のゴム製品製造業	ゴム	Manufacture of other rubber products	Hanoi	806
1788	Công Ty TNHH Cao Su Yamato Việt Nam	YAMATO RUBBER (VIETNAM) CO., LTD.	ヤマトラバーベトナム	株式会社大和ケミカル	22120	製造業	その他のゴム製品製造業	ゴム	Manufacture of other rubber products	Hung Yen	894
1802	Công ty TNHH MINATO RUBBER Việt Nam	MINATO RUBBER VIETNAM CO., LTD	ミナトゴムベトナム	ミナトゴム株式会社	22120	製造業	その他のゴム製品製造業	ゴム	Manufacture of other rubber products	Ha Nam	901
121	CÔNG TY TNHH EBISUYA VIỆT	EBISUYA VIETNAM CO., LTD	戎屋ベトナム	戎屋化学工業株式会社	22201	製造業	プラスチック容器製造業	プラスチック	Manufacture of plastic container	Tien Giang	61
206	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Arivoshi Việt Nam	ARIYOSHI (VIETNAM) CO., LTD	ベトナムアリオシ	株式会社有吉商店	22201	製造業	プラスチック容器製造業	プラスチック	Manufacture of plastic container	Thanh Hoa	103
342	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Epe Packaging (Việt Nam)	EPE PACKAGING (VIETNAM) CO., LTD.		イービー株式会社	22201	製造業	プラスチック容器製造業	プラスチック	Manufacture of plastic container	Dong Nai	171
517	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kohsei Multipack Việt Nam	KOHSEI MULTIPACK VIET NAM CO., LTD	コウセイマルチパックベトナム	株式会社光正	22201	製造業	プラスチック容器製造業	プラスチック	Manufacture of plastic container	Vinh Phuc	259
579	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Matai Việt Nam	MATAI (VIETNAM) CO., LTD.	マタイベトナム	日本マタイ株式会社	22201	製造業	プラスチック容器製造業	プラスチック	Manufacture of plastic container	Ho Chi Minh	290
639	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nagai Việt Nam	NAGAI VIETNAM CO., LTD		永井株式会社	22201	製造業	プラスチック容器製造業	プラスチック	Manufacture of plastic container	Binh Duong	320
660	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nhựa Saigon Darvar	SAIGON DARYAR PLASTIC CO., LTD.	サイゴンダーヤープラスチック	稲畑産業株式会社	22201	製造業	プラスチック容器製造業	プラスチック	Manufacture of plastic container	Binh Duong	330
824	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Showpla Việt Nam	TENMA (HCM) VIETNAM CO., LTD.	テンマホーチミンベトナム	天馬株式会社	22201	製造業	プラスチック容器製造業	プラスチック	Manufacture of plastic container	Dong Nai	412
877	Cong Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Takigawa Việt Nam	TAKIGAWA CORPORATION VIETNAM	タキガワコーポレーションベトナム	株式会社タキガワ・コーポレーション・ジャパン	22201	製造業	プラスチック容器製造業	プラスチック	Manufacture of plastic container	Binh Duong	439
1027	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Y.g.l Việt Nam	Y.G.L VIETNAM CO., LTD	ワイチーエルベトナム	ワイチーエル株式会社	22201	製造業	プラスチック容器製造業	プラスチック	Manufacture of plastic container	Binh Duong	514
1295	Công Ty TNHH Japan Plus Việt Nam	JAPAN PLUS VIETNAM CO., LTD.	ジャパンプラスベトナム	ジャパン・プラス株式会社	22201	製造業	プラスチック容器製造業	プラスチック	Manufacture of plastic container	Ho Chi Minh	648
1519	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Figla Việt Nam	FIGLA VIETNAM CO., LTD	フィグラベトナム	フィグラ株式会社	22201	製造業	プラスチック容器製造業	プラスチック	Manufacture of plastic container	Dong Nai	760
1795	Công ty TNHH TSK Việt Nam	TSK VIETNAM CO., LTD.	ティ・エス・ケイベトナム	ティ・エス・ケイ株式会社	22201	製造業	プラスチック容器製造業	プラスチック	Manufacture of plastic container	Hung Yen	898
1803	Công ty TNHH OSAWA Việt Nam	OSAWA VIET NAM CO., LTD	大澤ベトナム	大澤ワックス株式会社	22201	製造業	プラスチック容器製造業	プラスチック	Manufacture of plastic container	Ha Nam	902
1826	Công ty TNHH BETHEL Việt Nam	BETHEL VIETNAM CO., LTD.	ベテル (ベトナム)	株式会社ベテル	22201	製造業	プラスチック容器製造業	プラスチック	Manufacture of plastic container	Binh Duong	913
1872	Công ty TNHH Inoac Polymer Việt	INOAC POLYMER VIETNAM CO.,		株式会社イノアックコーポレーション	22201	製造業	プラスチック容器製造業	プラスチック	Manufacture of plastic container	Long An	936
1895	Công ty TNHH KC Việt Nam	KC VIETNAM CO., LTD.			22201	製造業	プラスチック容器製造業	プラスチック	Manufacture of plastic container	Hai Duong	948
1	C Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Công Nghệ Muto Hà Nội	MUTO TECHNOLOGY HA NOI CO., LTD.	ムトーテクノロジー ハノイ	ムトー精工株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Hanoi	1
7	CN Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Aureole Bcd	AUREOLE BUSINESS COMPONENTS AND DEVICES INC HAIDUONG FACTORY		三谷産業株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Hai Duong	4
81	Công Ty Liên Doanh Daiwa Plastics Thà ng Long	DAIWA PLASTICS THANG LONG CO., LTD	ダイワプラスチックタンロン	大和合成株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Hanoi	41
105	Công Ty Sanshin Chemical Industry Vn	SANSHIN CHEMICAL INDUSTRY VIETNAM CO., LTD	サンシンベトナム	三進化学工業株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Binh Duong	53
119	Công Ty TNHH Aovama Việt Nam	AOYAMA VIET NAM., LTD	青山ベトナム	株式会社青山プラスチック塗装	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Long An	60
135	Công Ty TNHH MTV VIPTOP	VIPTOP VIETNAM	ビップトップベトナム	株式会社ビップトップ	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Long An	68
164	Công Ty TNHH Takp Line Hà Nội	TARP LINE HANOI CO., LTD			22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Phu Tho	82
194	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Akebono Kasei Việt Nam	AKEBONO KASEI VIETNAM CO., LTD.	あけぼの化成ベトナム	あけぼの化成株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Hanoi	97
196	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Alpha Industrues Việt Nam	ALPHA INDUSTRIES VIETNAM CO., LTD.	アルファインダストリーズベトナム		22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Hanoi	98
207	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Armstrong Weston Việt Nam	ARMSTRONG WESTON VIETNAM CO., LTD			22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Bac Ninh	104
208	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Asahi Chemicals Việt Nam	ASAHI CHEMICAL VIETNAM CO., LTD	旭ケミカルスベトナム	株式会社旭ケミカルス	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Binh Duong	104
216	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Asia Shouwa Việt Nam	ASIA SHOUWA VIETNAM CO., LTD	アジア照和ベトナム	株式会社照和樹脂	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Binh Duong	108
217	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Astee Horie	ASTEE HORIE VN CO., LTD	アステホリエベトナム	株式会社アステホリエ	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Binh Duong	109
224	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Aureole Bcd	AUREOLE BUSINESS COMPONENTS & DEVICES INC	オレオウビジネスコンポーネンツ&デバイス	三谷産業株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Dong Nai	112
297	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Daiwa Plastics Việt Nam	DAIWA PLASTICS (VIETNAM) CO., LTD.	ダイワプラスチックベトナム	大和合成株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Ho Chi Minh	149
335	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Eidai Kako (viet Nam)	EIDAI KAKO VIETNAM CO., LTD.	永大化工ベトナム	永大化工株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Ho Chi Minh	168
364	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Fujikin Việt Nam	FUJIKIN VIETNAM CO., LTD.	フジキンベトナム	株式会社フジキン	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Hanoi	182
372	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Fukuyama Gosei Vn	FUKUYAMA GOSEI (VIETNAM) CO., LTD.	福山合成ベトナム	福山合成株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Dong Nai	186
439	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoshino (viet Nam)	HOSHINO (VIET NAM) CO., LTD	ホシノベトナム	ホシノ工業株式会社、豊田通商株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Ho Chi Minh	220
446	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Icarn Việt Nam	ICAM VIETNAM CO., LTD	アイカムベトナム	株式会社アイカム	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Hung Yen	223
532	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kureha Vn	KUREHA VIETNAM CO., LTD.	クレハベトナム	株式会社クレハ	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Dong Nai	266
553	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lihit Lab.viet Nam	LIHIT LAB. VIETNAM INC.,	リヒトラブベトナム	株式会社リヒトラブ	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Hai Phong	277

592	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mg Plastics Việt Nam	MG PLASTICS VIET NAM CO., LTD	MGプラスチックベトナム	株式会社三林技研	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Hung Yen	296
599	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Minami Design Việt Nam	MINAMI DESIGN VIETNAM CO., LTD.	南デザインベトナム	南デザイン株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Hanoi	300
606	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mk Seiko (Việt Nam)	MK SEIKO (VIETNAM) CO., LTD.	MK精工ベトナム.	エムケー精工株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Ho Chi Minh	303
627	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Ino Tech	INO TECH CO., LTD.	イノテック	イノモト産業有限会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Long An	314
628	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Kankyojapan Viet Nam	KANKYO JAPAN VIETNAM CO., LTD.	環境ジャパンベトナム	株式会社ホクベレ	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Long An	314
638	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Muto Viet Nam	MUTO VIETNAM CO., LTD	ムトーベトナム	ムトー精工株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Dong Nai	319
640	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nagata (Việt Nam)	NAGATA (VIETNAM) CO., LTD.	ナガタベトナム	ナガタベルリツア株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Ho Chi Minh	320
647	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nam D ình Katoh	NAM DINH KATOH CO., LTD	ナムデンカトー	加藤運輸有限会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Nam Dinh	324
653	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nessei Eco Việt Nam	NISSEI ECO VIETNAM CO., LTD	ニッセイエコベトナム	株式会社ニッセイエコ	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Hai Phong	327
661	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nhự Sakaguchi	SAKAGUCHI PLASTIC VIETNAM CO., LTD	サカグチプラスチックベトナム	株式会社阪口製作所	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Dong Nai	331
666	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nidec Sankyo Việt Nam	NIDEC SANKYO VIETNAM (HANOI) CORPORATION	ベトナム日本電産サンキョー (ハノイ)	日本電産サンキョー株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Hanoi	333
672	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nikikso Việt Nam	NIKKISO VIETNAM, INC	日機装ベトナム	日機装株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Hung Yen	336
675	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nippo Mechatronics Việt Nam	NIPPO MECHATRONICS (VIETNAM) CO., LTD.	日邦メカトロニクスベトナム	日邦産業株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Hanoi	338
679	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nippon Kouatsu Electric Việt Nam	NIPPON KOUATSU ELECTRIC VIETNAM CO., LTD.	日本高圧電気ベトナム	日本高圧電気株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Hanoi	340
690	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nitto Jokaso Việt Nam	NITTO JOKASO VIETNAM CO., LTD	日東浄化槽ベトナム	日東電気株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Da Nang	345
708	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Oken Seiko Việt Nam	OKEN SEIKO VIETNAM CO., LTD	応研精工ベトナム	応研精工株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Dong Nai	354
760	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Rhythm Precision	RHYTHM PRECISION VIETNAM CO., LTD.	リズム・プレジジョン・ベトナム	東北リズム株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Hanoi	380
798	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Scientex Tsukasa (Việt Nam)	SCIENTEX TSUKASA (VIETNAM) CO., LTD	サイエンテックスツカサベトナム	司化成工業株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Binh Duong	399
804	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sensho Industry Vn	SENSHO INDUSTRY VIETNAM LIMITED	センショウインダストリーベトナム	千章商事株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Binh Duong	402
854	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sun Ocean Việt Nam	SUN OCEAN VIETNAM CO., LTD			22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Binh Duong	427
855	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Suncall Technology Việt Nam	SUNCALL TECHNOLOGY VIETNAM CO., LTD.	サンコールテクノロジーベトナム	サンコール株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Hanoi	428
886	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tenma Việt Nam	TENMA VIETNAM CO., LTD	天馬ベトナム	天馬株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Bac Ninh	443
899	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thk Manufacturing Of Việt Nam	THK MANUFACTURING OF VIETNAM CO., LTD	ティーエイチケーマニユファクチャリングオブベトナム	THK株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Bac Ninh	450
926	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Towa Việt Nam	TOWA VIETNAM CO., LTD	東和ベトナム	東和産業株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Dong Nai	463
963	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Uchivama Vn	UCHIYAMA VIETNAM INC	ウチヤマベトナム	内山工業株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Binh Duong	482
972	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Văn Ph òng Phẩm Tombow Việt Nam	TOMBOW STATIONERY VIETNAM CO., LTD.	トンボステーショナルリーベトナム	株式会社トンボ鉛筆	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Ho Chi Minh	486
975	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vật Liệu Băng Keo Nitto Denko	NITTO DENKO TAPE MATERIALS (VIETNAM) CO., LTD.	日東電工テープマテリアルズベトナム	日東電工株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Binh Duong	488
991	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Việt Nam Sanyu Seimitsu	VIETNAM SANYU SEIMITSU INC	サンユー精密ベトナム	サンユー精密株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Hai Duong	496
997	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn	VIETINAK CO., LTD	ベティナック	ゴムノイナキ株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Hung Yen	499
1043	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Yokoi Mould Việt Nam	YOKOI MOULD VIET NAM CO., LTD	横井モールドベトナム	株式会社エス・ケイ・ワイ	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Bac Giang	522
1086	Công Ty TNHH Kansai Felt (Việt Nam)	KANSAI FELT (VIETNAM) CO., LTD.	関西フェルトベトナム	関西フェルトファブリック株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Hai Phong	543
1093	Công Ty TNHH Yuuki Mold & Plastic Việt Nam	YUUKI MOLD & PLASTIC VIETNAM CO., LTD.	ユウキモールド & プラスチックベトナム	ユウキ産業株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Dong Nai	547
1098	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Global Fab	GLOBAL FAB CO., LTD.	グローバルファブ	GMT Co.,Ltd	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Ho Chi Minh	549
1164	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Gmt	GMT COMPANY LIMITED	ジーエムティー	小池 元	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Ho Chi Minh	582
1175	Công Ty TNHH Zhong Xin Ya Tai Việt Nam	ZXYT VN CO., LTD			22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Hai Phong	588
1188	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Seiwa Electric Việt Nam	SEIWA ELECTRIC (VIETNAM) CO., LTD.		星和電機株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Ho Chi Minh	594
1253	Công ty TNHH HONDAPLUS Việt Nam	HONDAPLUS VIETNAM CO., LTD.	本多プラスベトナム	本多プラス株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Dong Nai	627
1269	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn M.g.a	MGA CO., LTD.			22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Ho Chi Minh	635
1338	Công ty TNHH ARAI Việt Nam	ARAI VIET NAM CO., LTD	アライベトナム	株式会社 新井製作所	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Ha Nam	669
1350	Công ty TNHH YAMASHITA PLASTIC VIET NAM	YAMASHITA PLASTIC VIETNAM CO., LTD.	山下プラスチックベトナム	有限会社山下プラスチック工業	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Dong Nai	675
1407	Công Ty TNHH Công Nghiệp Koei Toda	KOEI TODA INDUSTRIES JOINT VENTURE COMPANY (KTI)	コウエイタインダストリーズ	弘英産業株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Binh Duong	704
1613	Công ty TNHH hệ thống khuôn mẫu TAKASE Việt Nam	TAKASE KANAGATA MOLDING SYSTEM VIETNAM CO., LTD.	タカセモールディングシステムベトナム	株式会社高瀬金型	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Hanoi	807
1655	Công Ty Cổ Phần Sowa Việt Nam	SOWA VIETNAM JSC			22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Hanoi	828
1690	Công ty TNHH ASABA VIET NAM MANUFACTURING	ASABA VIETNAM MANUFACTURING CO., LTD.	浅羽ベトナム	株式会社浅羽製作所	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Dong Nai	845
1706	Công ty TNHH FUKUVI Việt Nam	FUKUVI VIETNAM CO., LTD.	フクビベトナム	フクビ化学工業株式会社、長瀬産業株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Dong Nai	853

1719	Công Ty TNHH Một Thành Viên Lifemate Việt Nam	LIFEMATE VIETNAM CO., LTD			22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Long An	860
1736	Công ty TNHH Việt Nam YOSHIDA	VIETNAM YOSHIDA CO., LTD.		吉田グループ(吉田コスメワークス、吉田プラ工業等)	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Binh Duong	868
1780	Công ty TNHH đầu nối điện tử KYOCERA Việt Nam	KYOCERA CONNECTOR PRODUCTS VIETNAM CO., LTD.	京セラコネクタプロダクツベトナム	京セラ株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Hung Yen	890
1785	Công Ty TNHH YSD Việt Nam	YSD VIETNAM CO., LTD.	YSDベトナム	株式会社ヨシダパッケージ	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Hung Yen	893
1786	Công ty Cổ phần Nihon Lamy Việt Nam	NIHON LAMY VIETNAM	日本ラミーベトナム	日本ラミー株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Hung Yen	893
1790	Công ty TNHH Kawakin Core-tech Việt Nam	KAWAKIN CORE - TECH VIETNAM CO., LTD.	川金コアテックベトナム	株式会社川金コアテック	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Hung yen	895
1807	Công Ty TNHH Oceana	NITTO JOKASO VIETNAM CO., LTD.	日東浄化槽ベトナム	日東電気株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Da Nang	904
1829	Công ty TNHH KYORITSU BUSSAN Việt Nam	KYORITSU BUSSAN VIETNAM CO., LTD.	共立物産ベトナム	共立物産株式会社	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Binh Duong	915
1868	Công ty TNHH Sản Xuất Toàn Cầu LIXIL Việt Nam	LIXIL GLOBAL MANUFACTURING VIETNAM CO., LTD.	リクシルグローバルマニュファクチャリングベトナム	株式会社LIXILグループ	22209	製造業	その他のプラスチック製品製造業	プラスチック	Manufacture of other plastics products	Dong Nai	934
73	Công Ty Làng Văn Hoá Công Nghệ Vn Lư Cầu	VIETNAM RYUKYU CULTURAL TECHNOLOGICAL VILLAGE LIMITED LIABIL	ベトナム琉球工芸文化村	シャトーヒルズ株式会社	23100	製造業	ガラス及びガラス製品製造業	窯業	Manufacture of glass and glass products	Hanoi	37
431	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoev	HOEV CO., LTD.		HOYA株式会社	23100	製造業	ガラス及びガラス製品製造業	窯業	Manufacture of glass and glass products	Hanoi	216
511	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kính Nôi Việt Nam	VIETNAM FLOAT GLASS CO., LTD	ベトナムフロートガラス	日本板硝子株式会社、豊田通商株式会社	23100	製造業	ガラス及びガラス製品製造業	窯業	Manufacture of glass and glass products	Bac Ninh	256
758	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Rally's Mirror	RALLY'S MIRROR CO., LTD.		株式会社山中商会	23100	製造業	ガラス及びガラス製品製造業	窯業	Manufacture of glass and glass products	Dong Nai	379
1779	Công ty TNHH Watanabe Pipe Việt	WATANABE PIPE VIETNAM CO.,	渡辺パイプベトナム	渡辺パイプ株式会社	23100	製造業	ガラス及びガラス製品製造業	窯業	Manufacture of glass and glass products	Hung yen	890
362	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Fuji Việt Nam	FUJI VIET NAM COMPANY LIMITED	富士ベトナム	富士スレート株式会社	23920	製造業	陶製建築資材製造業	窯業	Manufacture of clay building materials	Hai Duong	181
64	Công Ty Gốm Sứ Sài Gòn Nhật Bản	SAIGON CERAMIC JAPAN CO., LTD	サイゴン・セラミック・ジャパン	川口浩史	23930	製造業	陶磁器製品製造業	窯業	Manufacture of other porcelain and ceramic products	Binh Duong	32
107	Công Ty Sứ Inax Việt Nam	LIXIL VIETNAM CORPORATION	リクシルベトナム	株式会社LIXIL	23930	製造業	陶磁器製品製造業	窯業	Manufacture of other porcelain and ceramic products	Hanoi	54
219	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Asuzac	ASUZAC CO., LTD	アスザック	アスザック株式会社	23930	製造業	陶磁器製品製造業	窯業	Manufacture of other porcelain and ceramic products	Binh Duong	110
261	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Công Nghệ Gốm Sứ Thanh Bình Việt Nam	THANH BINH - VIETNAM CERAMIC TECHNOLOGY COMPANY			23930	製造業	陶磁器製品製造業	窯業	Manufacture of other porcelain and ceramic products	Binh Duong	131
557	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lixil Inax Việt Nam	LIXIL VIETNAM CORPORATION IN HUNG YEN BRANCH	リクシルベトナムフンイエン支社	株式会社LIXIL	23930	製造業	陶磁器製品製造業	窯業	Manufacture of other porcelain and ceramic products	Hung Yen	279
925	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Toto Việt Nam	TOTO VIETNAM CO., LTD	TOTOベトナム	TOTO株式会社	23930	製造業	陶磁器製品製造業	窯業	Manufacture of other porcelain and ceramic products	Hanoi	463
1055	Công Ty Xi Măng Nghi Sơn	NGHI SON CEMENT CORPORATION	ギソンセメントコーポレーション	太平洋セメント株式会社、三菱マテリアル株式会社	23941	製造業	セメント製造業	窯業	Manufacture of cement	Thanh Hoa	528
192	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Aizawa Việt Nam	AIZAWA VIETNAM			23950	製造業	コンクリート、セメント、石膏製造業	窯業	Manufacture of articles of concrete, cement and plaster	Dong Nai	96
231	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Bê Tô ng Đức Sản Vina-psmc	VINA - PSMC	ビナPS三菱	株式会社ビーエス三菱	23950	製造業	コンクリート、セメント、石膏製造業	窯業	Manufacture of articles of concrete, cement and plaster	Long An	116
235	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Biken Việt Nam	BIKEN VIETNAM CO., LTD	美建ベトナム	美建工業株式会社	23950	製造業	コンクリート、セメント、石膏製造業	窯業	Manufacture of articles of concrete, cement and plaster	Hung Yen	118
1704	Công Ty TNHH Nihon Panel	NIHON PANEL CO., LTD	(2016年2月15日清算開始)	サムシングホールディングス株式会社	23950	製造業	コンクリート、セメント、石膏製造業	窯業	Manufacture of articles of concrete, cement and plaster	Dong Nai	852
1751	Công ty TNHH bê tông SAKURA	SAKURA CONCRETE COMPANY LIMITED IN THANH HOA, VIETNAM			23950	製造業	コンクリート、セメント、石膏製造業	窯業	Manufacture of articles of concrete, cement and plaster	Thanh Hoa	876
822	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Showa Denko Rare-earth Việt Nam	SHOWA DENKO RARE - EARTH VIETNAM CO., LTD.	昭和電工レアアースベトナム	昭和電工株式会社	23990	製造業	その他の分類できない非金属鉱物製品製造業	非金属	Manufacture of other non-metallic mineral products n.e.c	Ha Nam	411
1639	Công ty TNHH vật liệu nam châm SHIN-ETSU Việt Nam	SHIN - ETSU MAGNETIC MATERIALS VIETNAM CO., LTD.	シンエツマグネティックマテリアルズベトナム	信越化学工業株式会社	23990	製造業	その他の分類できない非金属鉱物製品製造業	非金属	Manufacture of other non-metallic mineral products n.e.c	Hai Phong	820
40	Công Ty Cổ Phần Maruichi Sun Steel	SUN STEEL JOINT STOCK COMPANY	サン・スチール	丸一鋼管株式会社	24100	製造業	第1次鉄鋼製造業	鉄鋼	Manufacture of basic iron and steel	Binh Duong	20
123	Công ty TNHH Gia Công và Dịch Vụ Thép Sài Gòn	SAIGON STEEL SERVICE & PROCESSING CO., LTD	サイゴンスチールサービス&プロセッシング	住友商事株式会社	24100	製造業	第1次鉄鋼製造業	鉄鋼	Manufacture of basic iron and steel	Dong Nai	62
168	Công Ty Trách J- Spiral Steelpipe	J-SPIRAL STEEL PIPE COMPANY LIMITED	J・スパイラルスチールパイプ	JFEスチール株式会社、丸一鋼管株式会社、豊田通商株式会社	24100	製造業	第1次鉄鋼製造業	鉄鋼	Manufacture of basic iron and steel	Dong Nai	84
174	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thép Jfe Shoji Việt Nam	JFE SHOJI STEEL VIETNAM CO., LTD.	JFE商事スチールベトナム	JFE商事株式会社	24100	製造業	第1次鉄鋼製造業	鉄鋼	Manufacture of basic iron and steel	Dong Nai	87
180	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn I Thành Viên Kaisse Việt Nam	KAISE VIETNAM CO., LTD	カイセベトナム	株式会社カイセ工業	24100	製造業	第1次鉄鋼製造業	鉄鋼	Manufacture of basic iron and steel	Long An	90
195	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Akiyama Sc Việt Nam	AKIYAMA-SC (VIETNAM) COMPANY LIMITED	アキヤマ - SC(ベトナム)	秋山精鋼株式会社	24100	製造業	第1次鉄鋼製造業	鉄鋼	Manufacture of basic iron and steel	Hung Yen	98
284	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Daido Amistà Việt Nam	DAIDO AMISTAR (VIETNAM) CO., LTD	大同アミスターベトナム	大同特殊鋼株式会社	24100	製造業	第1次鉄鋼製造業	鉄鋼	Manufacture of basic iron and steel	Hung Yen	142
307	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dịch Vụ Thép Ns Hà Nội	NSSB HANOI STEEL SERVICE	NSSBハノイスチールサービス	日鉄住金物産株式会社	24100	製造業	第1次鉄鋼製造業	鉄鋼	Manufacture of basic iron and steel	Bac Ninh	154
404	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hasung Việt Nam	HASUNG VIETNAM CO., LTD		川崎エンジニアリング株式会社、株式会社神戸製鋼所、日鉄住金テックスエンジニア株式会社	24100	製造業	第1次鉄鋼製造業	鉄鋼	Manufacture of basic iron and steel	Dong Nai	202
636	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Muichi Sun Steel	MARUICHI SUN STEEL (HANOI) COMPANY LIMITED	マルイチサンスチール (ハノイ)	丸一鋼管株式会社	24100	製造業	第1次鉄鋼製造業	鉄鋼	Manufacture of basic iron and steel	Vinh Phuc	318
721	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn P O S C O Việt Nam	POSCO VIETNAM CO., LTD	ポスコベトナム	新日本製鉄株式会社	24100	製造業	第1次鉄鋼製造業	鉄鋼	Manufacture of basic iron and steel	Ba Ria - Vung T	361
752	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Quốc Tế Daiwa Lance	DAIWA LANCE INTERNATIONAL CO., LTD.	ダイワランスインターナショナル	大和鋼管工業株式会社	24100	製造業	第1次鉄鋼製造業	鉄鋼	Manufacture of basic iron and steel	Ho Chi Minh	376
777	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sản Phẩm Thép Việt Nam	VIETNAM STEEL PRODUCTS, LTD	ベトナムスチールプロダクツ	新日鐵住金株式会社	24100	製造業	第1次鉄鋼製造業	鉄鋼	Manufacture of basic iron and steel	Hanoi	389
795	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sản Xếp Kobelco Việt Nam	KOBELCO IRON NUGGET VIET NAM LIMITED LIABILITY COMPANY	コベルコ・アイアン・ナゲット・ベトナム	株式会社神戸製鋼所	24100	製造業	第1次鉄鋼製造業	鉄鋼	Manufacture of basic iron and steel	Nghe An	398
815	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Shinwa Việt Nam	SHINWA VIETNAM CO., LTD.	SHINWAベトナム	酒井板金株式会社	24100	製造業	第1次鉄鋼製造業	鉄鋼	Manufacture of basic iron and steel	Dong Nai	408

871	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tajima Steel Việt Nam	TAJIMA STEEL VIET NAM CO., LTD.	タジマスチールベトナム	田島スチール株式会社	24100	製造業	第1次鉄鋼製造業	鉄鋼	Manufacture of basic iron and steel	Hanoi	436
891	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thép Kyoel Việt Nam	KYOEI STEEL VIETNAM COMPANY LIMITED	共英スチールベトナム	共英製鋼株式会社	24100	製造業	第1次鉄鋼製造業	鉄鋼	Manufacture of basic iron and steel	Ninh Binh	446
948	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Trung Tâm Gia Công Hà Nội Vn Posco -vnpc	POSCO-VNPC (VIETNAM HANOI PROCESSING CENTER) LIMITED LIABILITY COMPANY	新日鉄住金ベトナム韓国ポスコとの合併関係解消		24100	製造業	第1次鉄鋼製造業	鉄鋼	Manufacture of basic iron and steel	Hai Duong	474
978	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vi Na Tak	VINA TAK CO., LTD.	ビナタク	株式会社多久製作所	24100	製造業	第1次鉄鋼製造業	鉄鋼	Manufacture of basic iron and steel	Dong Nai	489
1096	Công ty TNHH HANOI STEEL	HANOI STEEL CENTER	ハノイスチールセンター	住友商事株式会社	24100	製造業	第1次鉄鋼製造業	鉄鋼	Manufacture of basic iron and steel	Ha Noi	548
1710	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tycoons Việt Nam	TYCOONS VIETNAM			24100	製造業	第1次鉄鋼製造業	鉄鋼	Manufacture of basic iron and steel	Ba Ria - Vung T	855
1852	Công ty TNHH NIWA FOUNDRY Việt Nam	NIWA FOUNDRY VIETNAM CO., LTD.	ニワフンドリーベトナム	丹羽鑄造株式会社	24100	製造業	第1次鉄鋼製造業	鉄鋼	Manufacture of basic iron and steel	Da Nang	926
898	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Think Việt Nam	THINK VIETNAM CO., LTD.	シンクベトナム	株式会社シンク	24200	製造業	卑金属およびその他非鉄金属製造業	非鉄金属	Manufacture of basic precious and other non-ferrous metals	Vinh Phuc	449
1818	Công ty TNHH HOKURIKU ALUMINIUM Việt Nam	HOKURIKU ALUMINIUM VIETNAM CO., LTD.	北陸アルミニウムベトナム	北陸アルミニウム株式会社	24200	製造業	卑金属およびその他非鉄金属製造業	非鉄金属	Manufacture of basic precious and other non-ferrous metals	Dong Nai	909
1827	Công ty TNHH WASHIN ALUMINUM Việt Nam	VINA WASHIN ALUMINUM CO., LTD.	ビナワシナルミナム	和仲工業グループ、神鋼商事株式会社	24200	製造業	卑金属およびその他非鉄金属製造業	非鉄金属	Manufacture of basic precious and other non-ferrous metals	Binh Duong	914
112	Công Ty T N H H Chế Tạo Máy Citizen Việt Nam	CITIZEN MACHINERY VIETNAM LIMITED COMPANY	シチズンマシナリーベトナム	シチズンマシナリー株式会社	24310	製造業	鉄鋼鑄造業	鉄鋼	Casting of iron and steel	Hai Phong	56
243	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Cam Plas Mould Vn	CAM PLAS MOULD VIETNAM CO., LTD.	キャムプラスモールドベトナム	株式会社キャム	24310	製造業	鉄鋼鑄造業	鉄鋼	Casting of iron and steel	Dong Nai	122
1274	Công ty TNHH Meishin Việt Nam	MEISHIN VIETNAM CO., LTD.	メイシンベトナム	名神工業株式会社	24310	製造業	鉄鋼鑄造業	鉄鋼	Casting of iron and steel	Dong Nai	637
1843	Công ty TNHH TECHNO GLOBAL Việt Nam	TECHNO GLOBAL VIETNAM CO., LTD.	テクノグローバルベトナム	テクノグローバル株式会社	24310	製造業	鉄鋼鑄造業	鉄鋼	Casting of iron and steel	Dong Nai	922
52	Công Ty Cổ Phần Tôn Mạ Mẫu Fujiton	FUJITON COLOR COATING STEEL JOINT STOCK CORPORATION	フジトン	日鉄住金鋼板株式会社、伊藤忠丸紅鉄鋼株式会社	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal products	Bac Ninh	26
162	Công ty TNHH VINA - SANWA	VINA SANWA COMPANY LIABILITY LIMITED	ビナサンワ	三和ホールディングス株式会社	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal products	Hanoi	81
163	Công Ty TNHH Vina Astec	VINA ASTEC CO., LTD	ビナアステック	日章アステック株式会社	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal	Long An	82
165	Công Ty Tôn Phương Nam	SOUTHERN STEEL SHEET CO., LTD	サザンスチールシート	住商スチール株式会社	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal	Dong Nai	83
220	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Asuzac Acm	ASUZAC ACM CO., LTD	アスザックACM	アスザック株式会社	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal products	Binh Duong	110
239	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Bunka Việt Nam	BX BUNKA VIETNAM CO., LTD	文化ベトナム	文化シャッター株式会社	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal products	Hung Yen	120
273	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Corona Việt Nam	SHINEI CORONA VIETNAM CO., LTD	新鋭コロナベトナム	株式会社新鋭産業	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal products	Hung Yen	137
400	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hanoi Steel Center	HANOI STEEL CENTER CO., LTD.	ハノイスチールセンター	住友商事株式会社	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal products	Hanoi	200
451	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ihi Infratruture Asia	IHI INFRASTRUCTURE ASIA CO., LTD	IHI インフラストラクチュアアジア	株式会社IHI	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal products	Hai Phong	226
471	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Jfe Mechani Cal	JFE MECHANICAL VIETNAM CO., LTD	JFEメカニカルベトナム	JFEメカニカル株式会社	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal products	Dong Nai	236
477	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Juna	JUNA LIMITED COMPANY			25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal	Ha Nam	239
498	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kết Cầu Thép Mitsui Thăng Long	mitsui THANGLONG STEEL CONSTRUCTION COMPANY LTD.	三井タングスチールコンストラクション	三井造船株式会社	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal products	Hanoi	249
542	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kyoel Dietech Việt Nam	KYOEI DIETECH VIETNAM CO., LTD.	協栄ダイテックベトナム	協栄プリント技研株式会社	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal products	Hanoi	271
546	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kyowa Việt Nam	KYOWA VIETNAM CO., LTD	キョウワベトナム	協和機工株式会社	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal products	Dong Nai	273
659	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nhà Thép Tiên Chế Zamil Việt Nam	ZAMIL STEEL BUILDINGS VIETNAM COMPANY LIMITED.	ザミールスチールビルディングベトナム	三井物産株式会社	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal products	Hanoi	330
711	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Okura	OKURA VIETNAM CO., LTD.			25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal	Dong Nai	356
718	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ost	OST COMPANY LIMITED		株式会社シーメイト、株式会社岡本鉄工	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal	Hai Phong	359
816	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Shiogai Seiki Việt Nam	SHIOGAI SEIKI VIETNAM COMPANY LIMITED - HANOI BRANCH	シオガイ精機ベトナムハノイ工場	株式会社シオガイ精機	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal products	Hung Yen	408
825	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Siam Steel Việt Nam	SIAM STEEL VIETNAM CO., LTD.	サイアムスチールベトナム	岡谷鋼機株式会社	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal products	Hai Duong	413
874	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Takara Tool & Die Hà Nội	TAKARA TOOL & DIE HANOI CO., LTD.	タカラハノイ	株式会社多加良製作所	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal products	Hanoi	437
951	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Trung Tâm Thép Vi Na	VINA STEEL CENTER CO., LTD	ビナスチールセンター	岡谷鋼機株式会社	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal products	Ba Ria - Vung T	476
1139	Công ty TNHH kết cấu VINAYAMA	VINAYAMA STRUCTURE CO., LTD		株式会社山口製作所	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal	Bac Ninh	570
1242	Công Ty TNHH Mitsuboshi Forming Việt Nam	mitsuboshi FORMING VIETNAM CO., LTD. (MFV)	ミツボシフォーミングベトナム	株式会社三星製作所	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal products	Hanoi	621
1612	Công ty TNHH Kom Việt Nam	KOM VIETNAM CO., LTD		岩崎 剛	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal	Hanoi	806
1674	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Molitec Steel (việt Nam)	MOLITEC STEEL (VIETNAM) CO., LTD.	モリテックスチール(ベトナム)	モリテックスチール株式会社	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal products	Ha Noi	837
1683	Công Ty TNHH Một Thành Viên Flint Việt Nam	FLINT VIETNAM CO., LTD.	フリントベトナム	株式会社フリント	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal products	Hue	842
1698	Công ty TNHH HORY Việt Nam	HORY VIETNAM CO., LTD.	ホリーベトナム	ホリー株式会社	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal	Dong Nai	849
1767	Công Ty TNHH Almine Việt Nam	ALMINE VIETNAM CO., LTD	アルミネベトナム	株式会社アルミネ	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal	Hoa Binh	884
1770	Công Ty TNHH Nippon Steel & Sumikin Metal Products Vietnam	NIPPON STEEL & SUMIKIN METAL PROCUCTS VIETNAM CO., LTD. (NSMV)	日鐵住金建材ベトナム	日鐵住金建材株式会社、住友商事株式会社、住商鉄鋼販売株式会社、共英製鋼株式会社	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal products	Bac Ninh	885
1850	Công ty TNHH thép JFE SHOJI Hải Phòng	JFE SHOJI STEEL HAI PHONG CO., LTD.	JFE商事ハイフォン	JFE商事株式会社	25110	製造業	建造物構造用金属製造業	金属製品	Manufacture of structural metal products	Hai Phong	925
254	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Cơ Khí Rk	RK ENGINEERING CO., LTD	アールケーエンジニアリング	ロザイ工業株式会社、日本鏡板工業株式会社	25120	製造業	金属製タンク、貯水槽、コンテナ製造業	金属製品	Manufacture of tanks, reservoirs and containers of metal	Hai Phong	127
516	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kobe En&m Việt Nam	KOBE EN&M VIETNAM CO., LTD	神鋼エンジニアリング&メンテナンスベトナム	株式会社神鋼エンジニアリング&メンテナンス	25120	製造業	金属製タンク、貯水槽、コンテナ製造業	金属製品	Manufacture of tanks, reservoirs and containers of metal	Dong Nai	258

1185	Công ty trách nhiệm hữu hạn chế tạo ZEON Việt Nam	ZEON MANUFACTURING VIETNAM CO., LTD.	ゼオンマニユファクチュアリングベトナム	日本ゼオン株式会社	25120	製造業	金属製タンク、貯水槽、コンテナー製造業	金属製品	Manufacture of tanks, reservoirs and containers of metal	Hai Phong	593
1815	Công ty TNHH GRAI ASIA	GRAI ASIA CO., LTD		株式会社エクスコア	25120	製造業	金属製タンク、貯水槽、コンテナー製造業	金属製品	Manufacture of tanks, reservoirs and containers of metal	Dong Nai	908
949	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Trung Tâm Gia Công Posco	POSCO VIETNAM PROCESSING CENTER CO., LTD	新日鉄住金ベトナム韓国ボスコとの合弁関係解消		25910	製造業	金属鍛造、圧縮、圧延成型、粉末冶金	金属製品	Forging, pressing, stamping and roll-forming of metal; powder metallurgy	Dong Nai	475
36	Công Ty Cổ Phần Kim Loại Csgt Việt Nam	CSGT METALS VIETNAM JOINT STOCK COMPANY	CSGTメタルズ・ベトナム	新日鐵住金株式会社、日鉄住金物産株式会社	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Dong Nai	18
69	Công Ty Khuôn Đúc Tsukuba Việt Nam	TSUKUBA DIECASTING VIETNAM CO., LTD	ツクバダイキャスティングベトナム	筑波ダイカスト工業株式会社	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Hanoi	35
132	Công Ty TNHH Một Thành Viên SAN - EI Việt Nam	SAN-EI VN	三栄ベトナム	株式会社三栄金属製作所	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Long An	66
133	CÔNG TY TNHH MTV CHUBU RIKAI LONG HAU (VIỆT NAM)	CHUBU RIKAI LONG HAU (VN) CO., LTD.	中部理化ロンハウベトナム	株式会社中部理化	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Long An	67
253	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Cơ Khí Chính Xác Seikico	SEIKICO PRECISION MECHANICAL COMPANY LIMITED	SEIKIKO精密機械		25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Hanoi	127
341	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Enshu Sanko Việt Nam	ENSHU SANKO VIETNAM	遠州三光ベトナム	三光製作株式会社、遠州工業株式会社	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Bac Ninh	171
402	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hard Coat Việt Nam	HARD COAT VIETNAM CO., LTD	ハードコートベトナム	株式会社ハードコート	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Hanoi	201
420	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Himeji Electric Plating Việt Nam	HIMEJI ELECTRIC PLATING VIETNAM CO., LTD	姫路鍍金ベトナム	株式会社姫路鍍金工業所	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Bac Ninh	210
468	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Iwk Việt Nam	IWK VIET NAM CO., LTD	IWKベトナム	株式会社池田製作所	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Binh Duong	234
493	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kawasaki Heat Metal Việt Nam	KAWASAKI HEAT METAL VIETNAM CO., LTD	カワサキヒートメタルベトナム	川崎窒化工業株式会社	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Binh Duong	247
509	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kinh Doanh Heat Technology Việt Nam	KD HEAT TECHNOLOGY VIETNAM COMPANY LIMITED	KDV	甲西高周波工業株式会社	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Vinh Phuc	255
514	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kiwa Industry	KIWA INDUSTRY	キワインダストリー	株式会社紀和製作所	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Ho Chi Minh	257
564	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn M.k Science Việt Nam	M.K SCIENCE VIETNAM CO., LTD.	エムケーサイエンスベトナム	株式会社エム・ケー・サイエンス	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Ho Chi Minh	282
624	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Benkan Viet Nam	BENKAN VIETNAM	ベンカンベトナム	株式会社ベンカン	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Long An	312
723	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Parker Processing Việt Nam	PARKER PROCESSING VIETNAM CO., LTD.	パーカー加工ベトナム	パーカー加工株式会社	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Hanoi	362
1129	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ishikawa Seiko Việt Nam	ISHIKAWA SEIKO VIETNAM CO., LTD.	ベトナムイシセイ	株式会社石川精工	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Ho Chi Minh	565
1281	Công Ty TNHH Nankai Kinzoku Việt Nam	NANKAI KINZOKU VIETNAM CO., LTD	南海金属ベトナム	南海金属株式会社	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Dong Nai	641
1314	Công ty TNHH SAKAE SEIKO Việt Nam	SAKAE SEIKO VIETNAM		栄精工株式会社	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Binh Duong	657
1317	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Chu Bu Rika (vn)	CHUBU RIKAI VIETNAM CO., LTD.	中部理化ベトナム	株式会社中部理化	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Ho Chi Minh	659
1375	Công ty TNHH Thép Đặc Biệt YAMAICHI Việt Nam	YAMAICHI SPECIAL STEEL CO., LTD.	山一ハガネベトナム	株式会社山一ハガネ	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Binh Duong	688
1395	Công ty TNHH TECHNIQUES SURFACES Việt Nam	TECHNIQUES SURFACES VIETNAM		C.S.S.株式会社 (Chemical Surface Sístems Co., Ltd.)	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Binh Duong	698
1402	Công ty TNHH FUKUI Việt Nam	FUKUI VIETNAM CO., LTD	フクイベトナム	福井電化工業株式会社	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Da Nang	701
1468	Công Ty Cổ Phần Nikken Việt Nam	NIK-VIET JSC	日研ベトナム		25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Ho Chi Minh	734
1505	Công ty TNHH YOSHINO DENKA KOGYO Việt Nam	YOSHINO DENKA KOGYO VIETNAM CO., LTD	吉野電化工業ベトナム	吉野電化工業株式会社	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Hai Phong	753
1507	Công ty TNHH Surteckariya Việt Nam	SURTECKARIYA VIET NAM CO., LTD	サーテックカリヤベトナム	株式会社サーテックカリヤ	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Bac Giang	754
1610	Công ty TNHH Endo Việt Nam	ENDO STAINLESS STEEL VIETNAM CO., LTD. (平成24年解散)		株式会社遠藤製作所	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Hanoi	805
1694	Công ty TNHH INOUE VIETNAM	INOUE VIETNAM CO., LTD.	井上ベトナム	株式会社井上鉄工所	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Dong Nai	847
1753	Công ty TNHH DRILUBE Việt Nam	DRILUBE VIETNAM CO., LTD.	ドライループ・ベトナム	東洋ドライループ株式会社	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Ha Nam	877
1762	Công ty TNHH TANAKA Việt Nam	TANAKA VIETNAM CO., LTD.	タナカベトナム	田中産業株式会社	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Vinh Phuc	881
1769	Công ty TNHH sản xuất Sanwa Việt Nam	SANWA MANUFACTURING VIETNAM CO., LTD.	サンワマニユファクチュアリングベトナム	有限会社三和製作所	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Bac Giang	885
1822	Công ty TNHH TAKAYOSHI Việt Nam	TAKAYOSHI VIET NAM CO., LTD.		高由金属株式会社	25920	製造業	金属処理及び塗装機械加工	金属製品	Machining; treatment and coating of metals	Binh Duong	911
110	Công Ty T N H H Mei Sei Việt Nam	MEISEI VIETNAM CO., LTD	メイセイベトナム	株式会社名古屋精密金型	25930	製造業	刃物、手工具、総合金物製造業	金属製品	Manufacture of cutlery, hand tools and general hardware	Vinh Phuc	55
158	Công ty TNHH TSM Việt Nam	TSM TECHNOLOGY VIETNAM CO., LTD	TSM テクノロジーベトナム	昭光通商株式会社、株式会社秋葉ダイカスト工業所	25930	製造業	刃物、手工具、総合金物製造業	金属製品	Manufacture of cutlery, hand tools and general hardware	Binh Duong	79
186	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Abe Industrial Việt Nam	ABE INDUSTRIAL VIET NAM CO., LTD	アベインダストリアルベトナム	株式会社阿部製作所	25930	製造業	刃物、手工具、総合金物製造業	金属製品	Manufacture of cutlery, hand tools and general hardware	Binh Duong	93
371	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Fujiya Manufacturing (việt Nam)	FUJIYA MANUFACTURING (VIET NAM) CO., LTD	フジ矢マニユファクチュアリングベトナム	フジ矢株式会社	25930	製造業	刃物、手工具、総合金物製造業	金属製品	Manufacture of cutlery, hand tools and general hardware	Binh Duong	186
481	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kai Việt Nam	KAI VIETNAM CO., LTD.	カイベトナム	貝印株式会社	25930	製造業	刃物、手工具、総合金物製造業	金属製品	Manufacture of cutlery, hand tools and general hardware	Hanoi	241
538	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kỹ Thuật Muro Việt Nam	MURO TECH VIETNAM CORPORATION	ムロテックベトナムコーポレーション	株式会社ムロコーポレーション	25930	製造業	刃物、手工具、総合金物製造業	金属製品	Manufacture of cutlery, hand tools and general hardware	Dong Nai	269
701	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ochiai Việt Nam	OCHIAI VIETNAM CO., LTD	オチアイベトナム	株式会社オチアイ	25930	製造業	刃物、手工具、総合金物製造業	金属製品	Manufacture of cutlery, hand tools and general hardware	Hung Yen	351
715	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Oni Shi Vn	ONISHI (VIETNAM) CO., LTD.	オオニシベトナム	大西工業株式会社	25930	製造業	刃物、手工具、総合金物製造業	金属製品	Manufacture of cutlery, hand tools and general hardware	Dong Nai	358

743	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Prec Việt Nam	PREC,VIET NAM CO., LTD.	プレックベトナム	株式会社プレック	25930	製造業	刃物、手工具、総合金物製造業	金属製品	Manufacture of cutlery, hand tools and general hardware	Vinh Phuc	372
788	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sanko Mold Viet Nam	SANKO MOLD VIETNAM CO., LTD.	三光モールドベトナム	三光金型株式会社	25930	製造業	刃物、手工具、総合金物製造業	金属製品	Manufacture of cutlery, hand tools and general hardware	Dong Nai	394
817	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Shiogai Seiki Vn	SHIOGAI SEIKI VIETNAM CO., LTD.	シオガイ精機ベトナム	株式会社シオガイ精機	25930	製造業	刃物、手工具、総合金物製造業	金属製品	Manufacture of cutlery, hand tools and general hardware	Dong Nai	409
853	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sun Field Việt Nam	SUN FIFELD VIET NAM CO., LTD	サンフィールドベトナム	株式会社日野エンジニアリング	25930	製造業	刃物、手工具、総合金物製造業	金属製品	Manufacture of cutlery, hand tools and general hardware	Binh Duong	427
856	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sunmore Việt Nam	SUNMORE VIETNAM CO., LTD	サンモアベトナム	株式会社シギヤマ家具工業	25930	製造業	刃物、手工具、総合金物製造業	金属製品	Manufacture of cutlery, hand tools and general hardware	Binh Duong	428
883	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tatsumi Seiko Việt Nam	TATSUMI SEIKO VIET NAM CO., LTD	タツミ精工ベトナム	タツミ精工株式会社	25930	製造業	刃物、手工具、総合金物製造業	金属製品	Manufacture of cutlery, hand tools and general hardware	Hung Yen	442
911	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Toho Việt Nam	TOHO VIETNAM CO., LTD	東邦ベトナム	東邦工業株式会社	25930	製造業	刃物、手工具、総合金物製造業	金属製品	Manufacture of cutlery, hand tools and general hardware	Hanoi	456
1034	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Yamato Protec (vp Rex Cũ) Đồng Nai	YAMATO PROTEC (DONG NAI) CO., LTD. (FACTORY)	ヤマトプロテック (ドンナイ)	ヤマトプロテック株式会社	25930	製造業	刃物、手工具、総合金物製造業	金属製品	Manufacture of cutlery, hand tools and general hardware	Dong Nai	517
1158	Công ty TNHH Gia Công Kim Loại NIC	NIC METAL PROCESSING CO., LTD	ニッケルメタルプロセッシング	日栄インテック株式会社	25930	製造業	刃物、手工具、総合金物製造業	金属製品	Manufacture of cutlery, hand tools and general hardware	Dong Nai	579
1209	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mugegawa Seiko (việt Nam)	MUGEKAWA SEIKO VIETNAM CO., LTD.	武芸川精工ベトナム	株式会社武芸川精工	25930	製造業	刃物、手工具、総合金物製造業	金属製品	Manufacture of cutlery, hand tools and general hardware	Ho Chi Minh	605
1367	Công ty TNHH OHMI Việt Nam	OHMI VIETNAM CO., LTD	オーミベトナム	株式会社オーミ	25930	製造業	刃物、手工具、総合金物製造業	金属製品	Manufacture of cutlery, hand tools and general hardware	Hanoi	684
1381	Công Ty TNHH Segawa Tool Việt Nam	SEGAWA TOOL CO., LTD		株式会社セガフツールサービス	25930	製造業	刃物、手工具、総合金物製造業	金属製品	Manufacture of cutlery, hand tools and general hardware	Ho Chi Minh	691
1717	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Kanwakin	KAWAKIN CO., LTD		株式会社河内金属製作所	25930	製造業	刃物、手工具、総合金物製造業	金属製品	Manufacture of cutlery, hand tools and general hardware	Long An	859
1737	Công ty TNHH STARHARDTECH	STARHARDTECH			25930	製造業	刃物、手工具、総合金物製造業	金属製品	Manufacture of cutlery, hand tools and general hardware	Dong Nai	869
292	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Daiso Vn	DAISO (VIETNAM) CO., LTD	ダイソーベトナム		25991	製造業	台所、トイレ、食道用金属製品製造業	金属製品	Manufacture of metal products for kitchen, toilet, dining room	Hai Phong	146
992	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Việt Nam Shine	VIETNAM SHINE CO., LTD.	ベトナムシャイン	株式会社シャイン工芸	25991	製造業	台所、トイレ、食道用金属製品製造業	金属製品	Manufacture of metal products for kitchen, toilet, dining room	Dong Nai	496
1177	Công ty TNHH TIGER Việt Nam	TIGER VIETNAM CO., LTD.	タイガーベトナム	タイガー魔法瓶株式会社	25991	製造業	台所、トイレ、食道用金属製品製造業	金属製品	Manufacture of metal products for kitchen, toilet, dining room	Dong Nai	589
1804	Công ty TNHH Sản xuất LIXIL INAX Đà Nẵng	LIXIL INAX DANANG MANUFACTURING CO., LTD.	リクシルイナックスダナンマニフアクチュアリング	株式会社LIXILグループ	25991	製造業	台所、トイレ、食道用金属製品製造業	金属製品	Manufacture of metal products for kitchen, toilet, dining room	Quang Nam	902
56	Công Ty Cổ Phần Y.h Seiko Việt Nam	Y.H SEIKO VIETNAM JOINT STOCK COMPANY	YHセイクベトナム	(有)吉中精工、(株)日嶋精型、株式会社兼松KGGK	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Hanoi	28
157	Công Ty TNHH Trung Tâm Thép Nssb Sài Gòn	NSSB SAIGON COIL CENTER CO., LTD	NSSBサイゴンコイルセンター	日鉄住金物産株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Binh Duong	79
159	Công Ty TNHH UACJ Foundry & Forging Việt Nam	UACJ FOUNDRY & FORGING VIETNAM		株式会社UACJ	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Ho Chi Minh	80
190	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Aikawa Việt Nam	AIKAWA VIETNAM CO., LTD.	相川ベトナム	株式会社 相川プレス工業	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Hanoi	95
215	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Asia Packaging Industries (việt Nam)	ASIA PACKAGING INDUSTRIES (VIETNAM) CO., LTD	アジアパッカージングインダストリーズ(ベトナム)	東洋製罐株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Binh Duong	108
265	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Công Nghệ Yb Việt Nam	YB-TECHNO VIETNAM COMPANY LIMITED	ワイビーテックベトナム	株式会社ワイビーテック	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Hung Yen	133
271	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Công Nghiệp Towa Việt Nam	TOWA INDUSTRIAL VIETNAM CO., LTD.	東和ベトナム	株式会社東和製作所	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Ho Chi Minh	136
274	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Createch Vina	CREATECH VINA CO., LTD			25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Binh Duong	137
296	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Daiwa Light Alloy	DAIWA LIGHT ALLOY VIET NAM CO., LTD	ダイワベトナム	大和軽合金工業株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Dong Nai	148
298	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Daiya Alunmi Vn	DAIYA ALUMI VIETNAM CO., LTD.	ダイヤアルミベトナム	ダイヤアルミ株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Long An	149
327	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dovan	DOVAN COMPANY LIMITED	ドバン	株式会社新城製作所	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Bac Giang	164
367	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Fuji Seiko Việt Nam	FUJI SEIKO VIETNAM CO., LTD	富士精工ベトナム	富士精工株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Hai Duong	184
374	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Futaba (vn)	FUTABA VIETNAM CO., LTD.	双葉ベトナム	双葉電子工業株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Ho Chi Minh	187
383	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Gia Công Kim Loại Saigon	SAIGON METAL PROCESSING CO., LTD.(SMP)	サイゴンメタルプロセッシング	株式会社大島	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Ho Chi Minh	192
426	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hirota Precision Viet Nam	HIROTA PRECISION VIETNAM CO., LTD	ヒロタプレジジョンベトナム	大林精工株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Dong Nai	213
432	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hokuvo Precision Việt Nam	HOKUYO PRECISION VIETNAM COMPANY LIMITED		北洋パーツ株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Hanoi	216
434	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Honda Metal Industries Vn	HONDA METAL INDUSTRIES VIET NAM, LTD.	本多金属ベトナム	本多金属工業株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Binh Duong	217
453	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Iki Cast Việt Nam	IKI CAST VIETNAM CO., LTD.	アイケイアイキャストベトナム	株式会社伊藤鋳造鉄工所	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Hanoi	227
482	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kakusho Metal Việt Nam	KAKUSHO METAL VIETNAM	カクショウメタルベトナム	カクショウ工業株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Ho Chi Minh	241
499	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kết Cấu Thép Toàn Cầu Vina - Japan	UNIVERSAL STEEL FABRICATION VINA-JAPAN CO., LTD	ユニバーサル・スチール・ファブリケーションビナー・ジャパン	瀧上工業株式会社、三星工業株式会社、株式会社メタルワン、丸定産業株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Binh Duong	250
505	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kim May Organ Vietnam	ORGAN NEEDLE VIETNAM	オルガン針ベトナム	オルガン針株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Ho Chi Minh	253
519	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kondo Việt Nam	KONDO VIETNAM CO., LTD.	近藤ベトナム	株式会社近藤製作所	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Ho Chi Minh	260
523	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kosai Việt Nam	KOSAI VIET NAM CO., LTD. (2015 解散)	コウサイベトナム	株式会社光彩工芸	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Hanoi	262
588	Công ty trách nhiệm hữu hạn MEIHOTECH Việt nam	MEIHOTECH VIETNAM INC	メイホウテックベトナム	株式会社メイホウテック	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Hai Phong	294

589	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Meinan Vietnam	MEINAN VIETNAM CO., LTD.	名南ベトナム	株式会社名南精密製作所	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Ho Chi Minh	295
629	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Katsura Vn	KATSURA VIETNAM CO., LTD.	カツラベトナム	株式会社桂精機製作所	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Long An	315
630	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Koganei Viet Nam	KOGANEI VIETNAM CO., LTD.	コガネイベトナム	株式会社コガネイ	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Long An	315
645	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nakamura	NAKAMURA VIETNAM CO., LTD	ナカムラベトナム	中村精密工業株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Hanoi	323
646	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nakashima Việt Nam	NAKASHIMA VIETNAM CO., LTD	ナカシマベトナム	ナカシマプロペラ株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Hai Phong	323
649	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nastec Vn	NASTEC VIETNAM JOINT STOCK COMPANY	ナステックベトナム	株式会社CJVインターナショナル	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Binh Duong	325
668	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nidec Tosok (việt Nam)	NIDEC TOSOK (VIETNAM) CO., LTD. (NTVC)	日本電産トソク・ベトナム	日本電産トソク株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Ho Chi Minh	334
683	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nissei Electric Hà Nội	NISSEI ELECTRIC HANOI CO., LTD	ニッセイエレクトリックハノイ	日星電気株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Hanoi	342
693	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Noda Việt Nam	NODA VIETNAM CO., LTD.	ノダベトナム	株式会社ノダ	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Hanoi	347
705	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ohmorv Việt Nam	OHMORI VIETNAM CO., LTD	オーモリベトナム	株式会社オーモリ	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Binh Duong	353
713	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Omic Việt Nam	OMIC VIETNAM CO., LTD.	オーミックベトナム		25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Hai Duong	357
717	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Osk Metal (v)	OSK METAL (VIETNAM) CO., LTD.	OSKメタルベトナム	開進工業株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Hanoi	359
745	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Pronics Việt Nam	PRONICS VIETNAM CO., LTD.	プロニクスベトナム	プロニクス株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Ho Chi Minh	373
746	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Prosh Saigon	PROSH SAIGON CO., LTD	プロッシュサイゴン		25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Binh Duong	373
770	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sài Gòn Precision	SAIGON PRECISION CO., LTD	サイゴンプレジション	株式会社ミスミグループ	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Ho Chi Minh	385
800	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Seebest	SEEBEST CO., LTD	シーベスト	株式会社TANOI	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Binh Duong	400
813	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Shinjo Việt Nam	SHINJO VIET NAM CO., LTD	新城ベトナム	株式会社新城製作所	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Hung Yen	407
827	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Smf Việt Nam	SMF VIETNAM CO., LTD			25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Binh Duong	414
831	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Solder Coat Việt Nam	SOLDER COAT (VIETNAM) CO., LTD	ソルダーコート (ベトナム)	ソルダーコート株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Hung Yen	416
833	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Soltec Việt Nam	SOLTEC VIETNAM CO.	ソルテックベトナム	株式会社ソルテック工業	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Dong Nai	417
843	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Stk	STK CO., LTD	エステーケー	株式会社佐藤工業所	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Binh Duong	422
861	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn T,f (vn)	TF (VIETNAM) CO., LTD	ティーエフ (ベトナム)	株式会社テクノフレックス	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Ho Chi Minh	431
870	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Taiyo Giken Việt Nam	TAIYO GIKEN VIETNAM CO., LTD	タイヨウギケンベトナム	大洋技研興業株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Binh Duong	435
966	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Unika Việt Nam	UNIKA VIETNAM CO., LTD.	ユニカベトナム	ユニカホールディングス株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Ho Chi Minh	483
970	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Valqua Việt Nam	VALQUA VIETNAM CO., LTD.	バルカーベトナム	日本バルカー工業株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Hai Duong	485
979	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Việt Bokuto	VIET BOKUTO CO., LTD	ベトナム墨東	墨東建材工業株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Binh Duong	490
985	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Việt Nam Lst Cooler	VIETNAM LSI COOLER CO., LTD	ベトナムLSIクーラー	LSIクーラー株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Binh Duong	493
1005	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vina Taivo Spring	VINA TAIYO SPRING CO., LTD	ベトナム大洋発條製作所	株式会社大洋発條製作所	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Hanoi	503
1067	Cộng Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tokyo Byokane Việt Nam	TOKYO BYOKANE VIETNAM CO., LTD.	東京飯兼ベトナム	株式会社 東京飯兼	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Hanoi	534
1068	Cyt Trách Nhiệm Hữu Hạn Matex Việt Nam	MATEX (VIETNAM) LIMITED	マテックス (ベトナム)	マテックス株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Hai Duong	534
1078	Công Ty TNHH DAIKURE VIETNAM	DAIKURE VIETNAM CO., LTD	ダイクレベトナム	株式会社ダイクレ	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Long An	539
1079	Công ty TNHH EXT ENGINEER Việt Nam	EXT ENGINEER VIETNAM CO., LTD.	エクストエンジニアベトナム	株式会社エクストエンジニア	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Bac Giang	540
1204	Công ty TNHH ISHO Việt Nam	ISHO VIETNAM CO., LTD.	伊昭ベトナム	株式会社伊昭	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Binh Duong	602
1263	Công ty TNHH SHINEI Việt Nam	SHINEI VIETNAM CO., LTD.	シンエイベトナム	株式会社シンエイコーポレーション	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Binh Duong	632
1294	Công ty Cổ Phần NH ENGINEERING	NH ENGINEERING VIETNAM JOINT STOCK COMPANY		株式会社長崎製作所(平成26年破産)、平和金属株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Binh Duong	647
1342	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Okaya Vn	OKAYA VIET NAM CO., LTD.	オカヤベトナム	岡谷セイケン株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Ho Chi Minh	671
1374	Công Ty TNHH Jyohoku Spring Sài Gòn	JYOHOKU SPRING SAI GON CO., LTD.	城北スプリングサイゴン	株式会社城北スプリング製作所	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Ho Chi Minh	687
1390	Công ty Cổ Phần Thép KING STAR VN	KING STAR STEEL JOINT STOCK COMPANY			25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Binh Duong	695
1410	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Masuoka Việt Nam	MASUOKA VIETNAM CO., LTD. (2011年売却)		株式会社益岡製作所	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Ho Chi Minh	705
1442	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hộp Sắt Tovecan	TOVECAN CORPORATION LTD.		豊田通商株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Ho Chi Minh	721
1447	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Toyo Precision	TOYO PRECISION CO., LTD	トウヨウプレジション	東洋精密機械株式会社、株式会社広瀬製作所	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Ho Chi Minh	724
1456	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hamaguchi Denki Việt Nam	HAMAGUCHI DENKI VIETNAM CO., LTD.	濱口電機ベトナム	株式会社濱口電機製作所	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Ho Chi Minh	728

1467	Công Ty TNHH Toyoda Van Moppes (Việt Nam)	TOYODA VAN MOPPES (VIET NAM) CO., LTD.	豊田バンモップス (ベトナム)	豊田バンモップス株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Hanoi	734
1552	CÔNG TY TNHH NBV (VIỆT NAM)	NBV (VIETNAM) CO., LTD.	NBV (ベトナム)	株式会社エヌビー、株式会社春日、山本工業株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Ho Chi Minh	776
1693	Công Ty TNHH Fsv Industry	FSV INDUSTRY CO., LTD		富士商興株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Dong Nai	847
1712	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Cheng Tai	CHEN TAI (VIETNAM) CO., LTD.			25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Long An	856
1721	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Nagamatsu Seisakusho Việt Nam	NAGAMATSU SEISAKUSHO CO., LTD		永松製作所	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Long An	861
1735	Công Ty TNHH Arai Việt Nam	ARAI VIETNAM CO., LTD	アライベトナム	株式会社荒井製作所	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Binh Duong	868
1744	Công Ty TNHH Daiyu Steel Việt Nam	DAIYU STEEL VIETNAM CO., LTD	ダイユースチールベトナム	大裕鋼業株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Binh Duong	872
1776	Công ty TNHH Teikoku (Việt Nam)	TEIKOKU (VIETNAM) COMPANY LIMITED	帝国ベトナム	帝国技研株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Hai Duong	888
1789	Công ty TNHH công nghiệp Seiko Việt Nam	MK SEIKO (VIETNAM) CO., LTD.	エムケー精工ベトナム	エムケー精工株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Hung Yen	895
1809	Công ty TNHH OISHI INDUSTRIES Việt Nam	OISHI INDUSTRIES (VIETNAM) CO., LTD.	オオイシングストリーベトナム	大石金属工業株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Da Nang	905
1820	Công ty TNHH MTV ICHIKIN SAIGON STUDIO	ICHIKIN SAIGON STUDIO ONE MEMBER CO., LTD. (I.S.S.)	イチキンサイゴンスタジオ	株式会社イチハシ金属工芸	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Binh Duong	910
1825	Công ty TNHH TECHNO EXCEL Việt Nam	TECHNO EXCEL VIETNAM CO., LTD	テクノエクセルベトナム	テクノエクセル株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Binh Duong	913
1831	Công ty TNHH DAIM Việt Nam	DAIM VIET NAM COMPANY LIMITED	ダイムベトナム	第一ビニール株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Binh Duong	916
1844	Công Ty TNHH Fuji Bakelite Việt Nam	FUJI BAKELITE VIETNAM CO., LTD. (FBV)	富士ベークライトベトナム	富士ベークライト株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Hung Yen	922
1853	Công ty TNHH NANSHIN SEIKI (Việt Nam)	NANSHIN SEIKI VIETNAM CO., LTD.	南信精機ベトナム	株式会社 南信精機製作所	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Binh Duong	927
1865	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Skm Việt Nam	SKM VIETNAM CO., LTD.	SKMベトナム		25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Binh Duong	933
1884	Công ty TNHH ACROWEL VIETNAM	ACROWEL VIETNAM CO., LTD. (AVN)	アクロウェルベトナム	四国溶材株式会社	25999	製造業	その他の分類できない金属製品製造業	金属製品	Manufacture of fabricated metal products n.e.c	Dong Nai	942
62	Công Ty Điện Tử Asti	ASTI ELECTRONICS CORPORATION	アスティエレクトロニクベトナム	ASTI株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Binh Duong	31
88	Công Ty Liên Doanh Thẻ Thông Minh M&k	MK SMART JOINT STOCK COMPANY		大日本印刷株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Hanoi	44
153	Công Ty TNHH Torex Việt Nam Semiconductor	TOREX VIETNAM SEMICONDUCTOR CO., LTD	トレックスベトナムセミコンダクター	トレックス・セミコンダクター株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Binh Duong	77
160	Công ty TNHH Việt Nam MeiWa	VIETNAM MEIWA CO., LTD.	ベトナム明和	株式会社フオン明和	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Dong Nai	80
182	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Itv Missei Electric Vietnam	NISSEI ELECTRIC VIETNAM CO., LTD.	日星電気ベトナム	日星電気株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Long An	91
189	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Aiden Việt Nam	AIDEN VIETNAM LIMITED	アイデンベトナム	株式会社アイデン	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Hai Duong	95
234	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Bic Japan	BIC JAPAN CO., LTD	ビーアイシージャパン	竹内精工株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Binh Duong	117
280	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn D D K Việt Nam	DDK VIETNAM LTD	DDKベトナム	第一電子工業株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Binh Duong	140
309	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Did Electronic Vietnam	DID ELECTRONICS VIETNAM CO., LTD.	ディアイディエレクトロニクスベトナム	ディアイディ株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Ho Chi Minh	155
313	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện Tử Asti Hà Nội	ASTI ELECTRONICS HA NOI CORPORATION	アスティエレクトロニクスハノイ	ASTI株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Hanoi	157
317	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện Tử Foster Vn	FOSTER ELECTRONIC (VIETNAM) CO., LTD	フォスター電機(ベトナム)	フォスター電機株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Binh Duong	159
318	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện Tử Iriso Việt Nam	IRISO ELECTRONICS VIETNAM CO., LTD	イリソエレクトロニクスベトナム	イリソ電子工業株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Hai Duong	159
319	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện Tử Leo Việt Nam	LEO ELECTRONICS (VIETNAM) LTD	レオ電子ベトナム	レオ電子株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Hai Duong	160
321	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện Tử Sumida Việt Nam	SUMIDA ELECTRONIC VIET NAM CO., LTD.	スミダエレクトロニクベトナム	スミダコーポレーション株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Hai Phong	161
323	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện Tử Umc Việt Nam	UMC ELECTRONICS VIETNAM LIMITED	UMCベトナム	ユー・エム・シー・エレクトロニクス株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Hai Duong	162
325	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện Tử Việt Nam Tachibana	VIET NAM TACHIBANA ELECTRONICS CO., LTD.	ベトナムたちばな電器	たちばな電機株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Ha Nam	163
349	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Finecs Việt Nam	FINECS VIETNAM CO., LTD	ファインネクスベトナム	ファインネクス株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Binh Duong	175
365	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Fujikura Electronics Việt Nam (sakai Circuit Device)	FUJIKURA ELECTRONICS VIETNAM LIMITED	フジクラエレクトロニクベトナム	株式会社フジクラ	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Dong Nai	183
366	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Fujikura Fiber Optics Vn	FUJIKURA FIBER OPTICS VIETNAM LTD	フジクラファイバー옵ティクスベトナム	株式会社フジクラ	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Binh Duong	183
438	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hosiden Việt Nam	HOSIDEN VIET NAM (BAC GIANG) CO., LTD.	ホシデンベトナム (バクザン)	ホシデン株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Bac Giang	219
457	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Inoac Việt Nam	INOAC VIETNAM CO., LTD.	イノアックベトナム	株式会社イノアックコーポレーション	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Hanoi	229
484	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kalotec Việt Nam	KATOLEC VIETNAM CORPORATION	カトーレックベトナム	カトーレック株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Hanoi	242
497	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kein Hing Moramoto Việt Nam	KEIN HING MURAMOTO VIETNAM CO., LTD.	ケインヒムラモトベトナム	株式会社村元工作所	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Hanoi	249
531	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kurabe Industrial Vn	KURABE INDUSTRIAL (VIETNAM) CO., LTD	ベトナムクラブ	株式会社クラブ	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Binh Duong	266
534	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kuroda Kagaku Việt Nam	KURODA KAGAKU VIETNAM COMPANY LIMITED	黒田化学ベトナム	黒田化学株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Hai Duong	267

545	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kyoshin Việt Nam	KYOSHIN VIETNAM CO., LTD	協伸ベトナム	リズム協伸株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Ho Chi Minh	273
604	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mizuho Precision Việt Nam	MIZUHO PRICISION VIETNAM COMPANY LIMITED	ミズホプレジションベトナム	株式会社瑞穂スプリング製作所	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Hai Duong	302
650	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nawa Precision Việt Nam	NAWA PRECISION (VIET NAM) CO., LTD.	名和精密ベトナム	株式会社名和	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Binh Duong	325
687	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nissho Precision Viet Nam Co., Ltd	NISSHO PRECISION VIETNAM CO., LTD	日昌プレジションベトナム	日昌株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Binh Duong	344
688	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nitto Denko Việt Nam	NITTO DENKO VIETNAM CO., LTD	日東電工ベトナム	日東電工株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Binh Duong	344
769	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sài Gòn Stec	SAIGON STEC CO., LTD	サイゴンシュテッヒ	シャープタカヤ電子工業株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Binh Duong	385
789	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sankoh Việt Nam	SANKOH VIETNAM CO., LTD	サンコーベトナム	三興電子工業株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Hoa Binh	395
809	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Shihen Viet Nam	SHIHEN VIETNAM CO., LTD	シヘンベトナム	四菱テック株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Bac Ninh	405
840	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ssk Việt Nam	SSK (VIETNAM) COMPANY LIMITED	SSKベトナム	フジケミトレーディング株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Hai Duong	420
847	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sumitec Việt Nam	SUMITEC VIETNAM CO., LTD	スミテックベトナム	スミテック株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Binh Duong	424
848	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sumitomo Bakelite Việt Nam	SUMITOMO BAKELITE VIETNAM CO., LTD	住友ベークライトベトナム	住友電気工業株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Hanoi	424
850	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sumitomo Electric Interconnect Products Việt Nam	SUMITOMO ELECTRIC INTERCONNECT PRODUCTS (VIETNAM) LTD	住友電工インターコネクトプロダクツ (ベトナム)	住友電工ファインポリマー株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Bac Ninh	425
862	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn T.t.t.i	T.T.T.I CO., LTD.	ティティティアイコーポレーション	東大無線株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Ho Chi Minh	431
869	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Taishodo Việt Nam	TAISHODO VIETNAM COPANY LIMITED	対松堂ベトナム	株式会社対松堂	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Hai Duong	435
876	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Takashima Việt Nam	TAKASHIMA VIETNAM LTD	高島ベトナム	高島産業株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Binh Duong	438
895	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thiết Bị Tân Tiến Sumiden Việt Nam	SUMIDEN DEVICE INNOVATIONS VIETNAM CO., LTD.	住友デバイスイノベーションベトナム	住友電工デバイス・イノベーション株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Dong Nai	448
923	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tosadenshi Việt Nam	TOSADENSHI VIETNAM, LTD.	土佐電子ベトナム	株式会社土佐電子	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Ho Chi Minh	462
962	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Uchihashi Việt Nam	UCHIHASHI VIETNAM CO., LTD	内橋ベトナム	内橋エステック株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Binh Duong	481
976	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn V-	V-EIKOU CO., LTD	Vエイコウ	株式会社エイコウ	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Binh Duong	488
982	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Việt Nam Harajuku Electrical Appliance	HARAJUKU ELECTRICAL APPLICANCE VIETNAM CO., LTD		株式会社原宿製作所	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Hai Duong	491
989	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Việt Nam Onamba	VIETNAM ONAMBA CO., LTD	ベトナムオーナンバ	オーナンバ株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Binh Duong	495
993	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Việt Nam Success	VIETNAM SUCCESS CO., LTD	ベトナムサクセス 略称VISUCO (ビスコ)	山口精工株式会社、戸崎産業株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Binh Duong	497
994	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Việt Nam Tabuchi Electric	VIETNAM TABUCHI ELECTRIC CO., LTD	ベトナム田淵電機	田淵電機株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Bac Ninh	497
996	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Việt Nam Tovo Denso	VIETNAM TOYO DENSO CO., LTD	ベトナム東洋電装	東洋電装株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Hai Duong	498
1020	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Wonderful Sài Gòn Electrics	WONDERFUL SAI GON ELECTRICS CO., LTD	ワンダフルサイゴンエレクトリック	株式会社サンエス	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Binh Duong	510
1047	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Yuwa Việt Nam	YUWA VIETNAM CO., LTD	ユーフベトナム	株式会社ユウワ	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Binh Duong	524
1266	Công Ty TNHH Maruko Keihoki (Việt Nam)	MARUKO KEIHOKI (VIETNAM) CO., LTD.		丸子警報器株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Ho Chi Minh	633
1289	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Toyoitec Việt Nam	TOYOITEC VIETNAM CO., LTD.	東洋アイテックベトナム	東洋アイテック株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Ho Chi Minh	645
1341	Công ty TNHH kỹ thuật OKAMOTO Việt Nam	OKAMOTO ENGINEERING VIET NAM COMPANY LIMITED	オカモトエンジニアリンクベトナム	株式会社オカモト	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Vinh Phuc	671
1429	Công ty TNHH MATSUMURA ELECTRONICS INDUSTRY (Việt Nam)	MATSUMURA ELECTRONICS INDUSTRY VIET NAM CO., LTD	マツムラ電子工業ベトナム	マツムラ電子工業株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Binh Duong	715
1492	Công ty TNHH CHUUBU KOUGYOU Việt Nam	CHUUBU KOUGYOU VIETAM CO., LTD	中部工業ベトナム	中部工業株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Binh Duong	746
1504	Công Ty TNHH Toko Mintech Nhật	JAPAN MINTECH TOKO CO., LTD.		株式会社東光通商	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Hai Duong	752
1691	Công ty TNHH KSM	KSM CO., LTD.		株式会社 伸和製作所	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Dong Nai	846
1703	Công ty TNHH SANOR ELECTRONICS Việt Nam	SANOR ELECTRONICS VIETNAM CO., LTD.	サナーエレクトロニクスベトナム	サナーエレクトロニクス株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Dong Nai	852
1705	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn On Semiconductor Việt Nam	ON SEMICONDUCTOR VIETNAM COMPANY LIMITED	オンセミコンダクターベトナム	オン・セミコンダクター	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Dong Nai	853
1715	Cty TNHH TOYONAGA (MEKONG)	TOYONAGA (MEKONG) CO., LTD			26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Tien Giang	858
1742	Công Ty TNHH Một Thành Viên Sanwa Việt Nam	SANWA VN CO., LTD.			26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Long An	871
1768	Công ty TNHH BANDAI Việt Nam	VIETNAM BANDAI CO., LTD	ベトナムバンダイ	バンダイ株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Hoa Binh	884
1781	Công ty TNHH Kyocera Việt Nam	KYOCERA VIETNAM COMPANY LIMITED	京セラベトナム	京セラ株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Hung Yen	891
1793	Công Ty TNHH Scrum Vina	SCRUM VINA INC	スクラムビナ	有限会社スクラム	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Hung Yen	897
1819	Công Ty TNHH PANASONIC ECO SOLUTIONS Việt Nam	PANASONIC ECO SOLUTIONS VIETNAM CO., LTD. (PESVN)	パナソニックエコソリューションズベトナム	パナソニック株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Binh Duong	910
1823	Công Ty TNHH Meiwa Việt Nam	MEIWA VIETNAM CO., LTD	明和ベトナム	株式会社明和	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Binh Duong	912
1863	Công ty TNHH NISSHO Việt Nam	NISSHO ELECTRONICS VIETNAM COMPANY LIMITED	日商エレクトロニクスベトナム	日商エレクトロニクス株式会社、双日株式会社	26100	製造業	電子部品製造業	電子・光学	Manufacture of electronic components	Ha Nam	932
106	Công Ty S.p Máy Tính Fujitsu Viet Nam Trách Nhiệm Hữu Hạn	FUJITSU COMPUTER PRODUCTS OF VIETNAM, INC	富士通ベトナム	富士通株式会社	26200	製造業	コンピュータ及び周辺機器製造業	電子・光学	Manufacture of computers and peripheral equipment	Dong Nai	53
138	CÔNG TY TNHH OHNOSEIKO VIỆT NAM	OHNO VN	大野精工ベトナム	大野精工株式会社	26200	製造業	コンピュータ及び周辺機器製造業	電子・光学	Manufacture of computers and peripheral equipment	Long An	69

221	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Atarih Precision Việt Nam	ATARIH PRECISION (VIETNAM) CO., LTD	アタリプレジション(ベトナム)	株式会社ヒラタ	26200	製造業	コンピュータ及び周辺機器製造業	電子・光学	Manufacture of computers and peripheral equipment	Hai Duong	111
244	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Canon Việt Nam	CANON VIETNAM CO., LTD	キャンベトナム	キヤノン株式会社	26200	製造業	コンピュータ及び周辺機器製造業	電子・光学	Manufacture of computers and peripheral equipment	Hanoi	122
268	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Công Nghiệp Brother Việt Nam	BROTHER INDUSTRIES (VIETNAM) LTD	ブラザーインダストリーズベトナム	ブラザー工業株式会社	26200	製造業	コンピュータ及び周辺機器製造業	電子・光学	Manufacture of computers and peripheral equipment	Hai Duong	134
324	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện Tử Việt Hoa	VIETHOA ELECTRONICS CO., LTD	越華電子	東光株式会社	26200	製造業	コンピュータ及び周辺機器製造業	電子・光学	Manufacture of computers and peripheral equipment	Da Nang	162
1800	Công ty TNHH SAM KYOUNG VINA	SAM KYOUNG VINA			26200	製造業	コンピュータ及び周辺機器製造業	電子・光学	Manufacture of computers and peripheral equipment	Ha Nam	900
188	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Advanced Technology Hải Phòng Inc	ADVANCED TECHNOLOGY HAIPHONG INC	アドバンスドテクノロジーハイフォン	三和電子機器株式会社	26300	製造業	通信機器製造業	電子・光学	Manufacture of communication equipment	Hai Phong	94
191	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Aiphone Communications (Việt Nam)	AIPHONE COMMUNICATIONS (VIETNAM) CO., LTD	アイホンコミュニケーションズ(ベトナム)	アイホン株式会社	26300	製造業	通信機器製造業	電子・光学	Manufacture of communication equipment	Binh Duong	96
241	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Các Hệ Thống Viễn Thông Vnpt-fujitsu	VNPT-FUJITSU TELECOMMUNICATION SYSTEMS JOINT STOCK COMPANY.	VNPT - 富士通テレコミュニケーションシステムズ	富士通株式会社	26300	製造業	通信機器製造業	電子・光学	Manufacture of communication equipment	Hanoi	121
401	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Harada Industries Viet Nam	HARADA INDUSTRIES VIETNAM LIMITED	原田工業ベトナム	原田工業株式会社	26300	製造業	通信機器製造業	電子・光学	Manufacture of communication equipment	Dong Nai	201
577	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Maspro Việt Nam	MASPRO VIETNAM CO., LTD.	マsproベトナム	マspro電工株式会社	26300	製造業	通信機器製造業	電子・光学	Manufacture of communication equipment	Dong Nai	289
726	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Panasonic System Networks Việt Nam	PANASONIC SYSTEM NETWORKS VIETNAM CO., LTD.	パナソニックシステムネットワークスベトナム	パナソニック株式会社	26300	製造業	通信機器製造業	電子・光学	Manufacture of communication equipment	Hanoi	363
910	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Toa Việt Nam	TOA VIETNAM CO., LTD	TOAベトナム	TOA株式会社	26300	製造業	通信機器製造業	電子・光学	Manufacture of communication equipment	Hanoi	455
912	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tohoku Pioneer Việt Nam	TOHOKU PIONEER (VIETNAM) CO., LTD	東北パイオニアベトナム	東北パイオニア株式会社	26300	製造業	通信機器製造業	電子・光学	Manufacture of communication equipment	Hai Phong	456
965	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Uniden Việt Nam	UNIDEN VIETNAM LIMITED	ユニデンベトナム	ユニデンホールディングス株式会社	26300	製造業	通信機器製造業	電子・光学	Manufacture of communication equipment	Hai Duong	483
1621	Công Ty TNHH MTV Nidec Seimitsu Việt Nam	NIDEC SEIMITSU VIETNAM CORPORATION	日本電産セイミツベトナム	日本電産セイミツ株式会社	26300	製造業	通信機器製造業	電子・光学	Manufacture of communication equipment	Ho Chi Minh	811
1801	Công ty TNHH YOKOWO Việt Nam	YOKOWO VIETNAM CO., LTD.	ヨコオ・ベトナム	株式会社ヨコオ	26300	製造業	通信機器製造業	電子・光学	Manufacture of communication equipment	Ha Nam	901
315	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện Tử Foster Bắc Ninh	FOSTER ELECTRIC (BAC NINH) CO., LTD	フォスター電機(バクニン)	フォスター電機株式会社	26400	製造業	家電製品製造業	電子・光学	Manufacture of consumer electronics	Bac Ninh	158
316	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện Tử Foster Đà Nẵng	FOSTER ELECTRIC (DA NANG) CO., LTD	フォスター電機(ダナン)	フォスター電機株式会社	26400	製造業	家電製品製造業	電子・光学	Manufacture of consumer electronics	Da Nang	158
424	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hiroshige Việt Nam	HIROSHIGE VIETNAM CORP	広重ベトナム	丸一切削工具株式会社	26400	製造業	家電製品製造業	電子・光学	Manufacture of consumer electronics	Hai Phong	212
522	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Korg Việt Nam	KORG VIETNAM LTD	コルグベトナム	株式会社コルグ	26400	製造業	家電製品製造業	電子・光学	Manufacture of consumer electronics	Hai Phong	261
1012	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vtech Việt Nam	VTECH VIETNAM CO., LTD	バイテックベトナム	APT	26400	製造業	家電製品製造業	電子・光学	Manufacture of consumer electronics	Long An	506
1087	Công ty TNHH S-Mac Vina	S-MAC VINA CO., LTD.			26400	製造業	家電製品製造業	電子・光学	Manufacture of consumer electronics	Bac Ninh	544
1646	Công Ty TNHH Lg Electronics Việt Nam Hải Phòng	LGEVH			26400	製造業	家電製品製造業	電子・光学	Manufacture of consumer electronics	Hai Phong	823
1686	Công Ty TNHH Điện Tử Foster (Quảng Ngãi)	FOSTER ELECTRIC (QUANG NGAI) CO., LTD.	フォスター電機(クアンガイ)	フォスター電機株式会社	26400	製造業	家電製品製造業	電子・光学	Manufacture of consumer electronics	Quang Ngai	843
1499	Công Ty TNHH Koyo Việt Nam	KOYO VIETNAM CO., LTD		光洋技研株式会社	26510	製造業	計測、試験、航法、制御機器製造業	電子・光学	Manufacture of measuring, testing, navigating and control equipment	Hai Duong	750
382	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Gerbera Precision Việt Nam	GERBERA PRICISION VIETNAM CO., LTD	ガーベラ精工ベトナム	愛知時計電機株式会社	26520	製造業	時計製造業	電子・光学	Manufacture of watches and clocks	Hai Phong	191
1656	Công ty TNHH một thành viên hỗ trợ hậu cần kỹ thuật và sản xuất ATTACK Việt Nam	ATTACK LOGITECH AND MANUFACTURING VIETNAM ONE MEMBER LIABILITY LIMITED COMPANY		株式会社ATTC	26520	製造業	時計製造業	電子・光学	Manufacture of watches and clocks	Hanoi	828
260	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Công Nghệ Cao Về Thyt Shimadzu Việt Nam	SHIMADZU VIETNAM MEDICAL HI-TECH COMPANY LTD.	島津ベトナム	株式会社 島津製作所	26600	製造業	照射装置、医療用電気機器、電気治療機器製造業	電子・光学	Manufacture of irradiation, electromedical and electrotherapeutic equipment	Hanoi	130
674	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nikkiso (Việt Nam)	NIKKISO VIETNAM MFG. INC.	日機装ベトナムエムエフジー	日機装株式会社	26600	製造業	照射装置、医療用電気機器、電気治療機器製造業	電子・光学	Manufacture of irradiation, electromedical and electrotherapeutic equipment	Ho Chi Minh	337
95	Công Ty Nissey Việt Nam	NISSEY VIETNAM	ニッセイベトナム	日本精密株式会社	26700	製造業	光学機器製造業	電子・光学	Manufacture of optical instruments and equipment	Ho Chi Minh	48
314	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện Tử Canon Việt Nam	CANON ELECTRONICS VIETNAM COMPANY LIMITED	キヤノン電子ベトナム	キヤノン株式会社	26700	製造業	光学機器製造業	電子・光学	Manufacture of optical instruments and equipment	Hung Yen	157
403	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hariki Precision Viet Nam	HARIKI PRECISION VIETNAM CO., LTD	ハリキ精工ベトナム	ハリキ精工株式会社	26700	製造業	光学機器製造業	電子・光学	Manufacture of optical instruments and equipment	Binh Duong	202
513	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kishiro Việt Nam	KISHIRO VIETNAM CO., LTD.	古城光科学ベトナム	株式会社 古城光科学	26700	製造業	光学機器製造業	電子・光学	Manufacture of optical instruments and equipment	Hanoi	257
657	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nghiên Cứu Kỹ Thuật R Việt Nam	R TECHNICAL RESEARCH VIETNAM CO., LTD.	アーアル研究所ベトナム	株式会社アーアル研究所	26700	製造業	光学機器製造業	電子・光学	Manufacture of optical instruments and equipment	Hoa Binh	329
712	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Olympus Việt Nam	OLYMPUS VIETNAM CO., LTD	オリンパスベトナム	オリンパス株式会社	26700	製造業	光学機器製造業	電子・光学	Manufacture of optical instruments and equipment	Dong Nai	356
776	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sản Phẩm Pentax Ricoh Imaging Việt Nam	RICOH IMAGING PRODUCTS (VIETNAM) CO., LTD	リコーイメージングプロダクツ(ベトナム)	株式会社リコー	26700	製造業	光学機器製造業	電子・光学	Manufacture of optical instruments and equipment	Hanoi	388
879	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tamron Optical Việt Nam	TAMRON OPTICAL (VIETNAM) CO., LTD.	タムロン光学 (ベトナム)	株式会社タムロン	26700	製造業	光学機器製造業	電子・光学	Manufacture of optical instruments and equipment	Hanoi	440
442	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoya Glass Disk Việt Nam	HOYA GLASS DISK VIETNAM II LTD.	HOYAガラスディスクベトナムツー	HOYA株式会社	26800	製造業	磁気および光学媒体製造業	電子・光学	Manufacture of magnetic and optical media	Hung Yen	221
18	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mabuchi Motor Viet Nam	MABUCHI MOTOR VIETNAM LIMITED	ベトナムマブチ	マブチモーター株式会社	27101	製造業	電動機、発電機製造業	電気製品	Manufacture of electric motor, generators	Dong Nai	9
169	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Denyo Việt Nam	DENYO VIETNAM CO., LTD	デンヨーベトナム	デンヨー株式会社	27101	製造業	電動機、発電機製造業	電気製品	Manufacture of electric motor, generators	Hung Yen	85

310	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện Nissin Việt Nam	NISSIN ELECTRIC VIETNAM CO., LTD.	日新電機ベトナム	日新電機株式会社	27101	製造業	電動機、発電機製造業	電気製品	Manufacture of electric motor, generators	Bac Ninh	155
565	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mabuchi Motor Đà Nẵng	MABUCHI MOTOR DANANG LIMITED	ダナンマブチ	マブチモーター株式会社	27101	製造業	電動機、発電機製造業	電気製品	Manufacture of electric motor, generators	Da Nang	283
594	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mhi Engine System Việt Nam	MHI ENGINE SYSTEM VIETNAM CO., LTD.	MHIエンジンシステムベトナム	三菱重工株式会社	27101	製造業	電動機、発電機製造業	電気製品	Manufacture of electric motor, generators	Binh Duong	297
669	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nidec Việt Nam Corporation	NIDEC VIETNAM CORPORATION	ベトナム日本電産	日本電産株式会社	27101	製造業	電動機、発電機製造業	電気製品	Manufacture of electric motor, generators	Ho Chi Minh	335
775	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sản Phẩm Công Nghiệp Toshiba Asia	TOSHIBA INDUSTRIAL PRODUCTS ASIA CO., LTD.	トウシバインダストリアルプロダクツアジア	株式会社東芝	27101	製造業	電動機、発電機製造業	電気製品	Manufacture of electric motor, generators	Dong Nai	388
863	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn T.T.T.I Đà Nẵng	T.T.T.I DA NANG CO., LTD.	ティティティアイダナン	東大無線株式会社	27101	製造業	電動機、発電機製造業	電気製品	Manufacture of electric motor, generators	Da Nang	432
918	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tokyo Micro Vietnam	TOKYO MICRO VIETNAM CO., LTD.	東京マイクロベトナム	東京マイクロ株式会社	27101	製造業	電動機、発電機製造業	電気製品	Manufacture of electric motor, generators	Hanoi	459
1058	Công Ty TNHH Nidec Copal Việt Nam	NIDEC COPAL CORPORATION	日本電産コパルベトナム	日本電産コパル株式会社	27101	製造業	電動機、発電機製造業	電気製品	Manufacture of electric motor, generators	Ho Chi Minh	529
1275	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nidec Copal Precision Việt Nam	NIDEC COPAL PRECISION (VIETNAM) CORPORATION LTD.	日本電産コパル精密ベトナム	日本電産コパル株式会社	27101	製造業	電動機、発電機製造業	電気製品	Manufacture of electric motor, generators	Ho Chi Minh	638
1376	Công Ty TNHH Sandenki Việt Nam	SANDENKI VIETNAM CO., LTD		株式会社三電機	27101	製造業	電動機、発電機製造業	電気製品	Manufacture of electric motor, generators	Binh Duong	688
1412	Công Ty TNHH Kim Loại Kai	KAI METAL CO., LTD.	カイメタル	有限会社 寿産業	27101	製造業	電動機、発電機製造業	電気製品	Manufacture of electric motor, generators	Ho Chi Minh	706
1777	Công ty TNHH TSUTSUMI SEISAKUSYO Việt Nam	TSUTSUMI SEISAKUSYO VIETNAM CO., LTD. (TSV)	ツツミセイサクショベトナム	株式会社堤製作所	27101	製造業	電動機、発電機製造業	電気製品	Manufacture of electric motor, generators	Hai Duong	889
1848	Công Ty TNHH Yamabiko Việt Nam	YAMABIKO VIETNAM CO., LTD.	やまびこベトナム	株式会社やまびこ	27101	製造業	電動機、発電機製造業	電気製品	Manufacture of electric motor, generators	Binh Duong	924
233	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Bemac Panels Manufacturing Vietnam	BEMAC PANELS MANUFACTURING VIETNAM CO., LTD	ビーマックパネルズマニュファクチャリングベトナム	渦潮電機株式会社	27102	製造業	変圧器、配電及び制御装置製造業	電気製品	Manufacture of electric transformers and electricity distribution and control apparatus	Hanoi	117
270	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Công Nghiệp Tempearl (việt Nam)	TEMPEARL INDUSTRIAL (VIETNAM) CO., LTD.	ベトナムテンパール工業	テンパール工業株式会社	27102	製造業	変圧器、配電及び制御装置製造業	電気製品	Manufacture of electric transformers and electricity distribution and control apparatus	Ho Chi Minh	135
320	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện Tử Noble Việt Nam	NOBLE ELECTRONICS (VIET NAM) CO., LTD.	ノーブルエレクトロニクスベトナム	帝国通信工業株式会社	27102	製造業	変圧器、配電及び制御装置製造業	電気製品	Manufacture of electric transformers and electricity distribution and control apparatus	Hanoi	160
1497	Công ty TNHH ARION ELECTRIC Việt Nam	ARION ELECTRIC VIETNAM CO., LTD. (AEV)	アリオンエレクトリックベトナム	株式会社埼玉富士	27102	製造業	変圧器、配電及び制御装置製造業	電気製品	Manufacture of electric transformers and electricity distribution and control apparatus	Hai Duong	749
1512	Công ty TNHH Vina Solar Technology	VINA SOLAR TECHNOLOGY CO., LTD.			27200	製造業	電池及び蓄電装置製造業	電気製品	Manufacture of batteries and accumulators	Bac Giang	756
1834	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn ắc Quy Gs Việt Nam	GS BATTERY VIETNAM CO., LTD.	ジーエス バッテリーベトナム	株式会社GSユアサ、三菱商事株式会社	27200	製造業	電池及び蓄電装置製造業	電気製品	Manufacture of batteries and accumulators	Binh Duong	917
684	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nissei Electric My Tho	NISSEI ELECTRIC MY THO CO., LTD.	ニッセイエレクトリックミトー	日星電気株式会社	27310	製造業	光ファイバーケーブル製造業	電気製品	Manufacture of fibre optic cables	Tien Giang	342
59	Công Ty Dây Đồng Việt Nam Cft	CFT VINA COPPER CO., LTD.	シーエフティービナコーパー	古河電気工業株式会社、豊田通商株式会社	27320	製造業	その他の電線及び電子ケーブル製造業	電気製品	Manufacture of other electronic and electric wires and cables	Dong Nai	30
322	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện Tử Taisei Hà Nội	TAISEI (HANOI) ELECTRONICS CO., LTD	タイセイ(ハノイ)エレクトロニクス	株式会社タイセイ	27320	製造業	その他の電線及び電子ケーブル製造業	電気製品	Manufacture of other electronic and electric wires and cables	Hai Duong	161
407	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Havakama Electronics Việt Nam	HAYAKAWA ELECTRONICS VIETNAM CO., LTD	ハヤカワベトナム	ハヤカワ電線工業株式会社	27320	製造業	その他の電線及び電子ケーブル製造業	電気製品	Manufacture of other electronic and electric wires and cables	Bac Ninh	204
409	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hệ Thống Dây Dẫn Sumi Việt Nam	SUMI VIETNAM WIRING SYSTEMS CO., LTD	スミベトナムワイヤリングシステムズ	住友電装株式会社	27320	製造業	その他の電線及び電子ケーブル製造業	電気製品	Manufacture of other electronic and electric wires and cables	Ha Nam	205
410	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hệ Thống Dây Sumi-hanel	SUMI - HANEL WIRING SYSTEMS CO., LTD	スミハネルワイヤリングシステムズ	住友電装株式会社	27320	製造業	その他の電線及び電子ケーブル製造業	電気製品	Manufacture of other electronic and electric wires and cables	Hanoi	205
427	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hitachi Cable Việt Nam	HITACHI CABLE VIETNAM CO., LTD.	日立ケーブルベトナム	日立金属株式会社	27320	製造業	その他の電線及び電子ケーブル製造業	電気製品	Manufacture of other electronic and electric wires and cables	Hai Duong	214
475	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Jtec Hà Nội	JTEC HANOI CO., LTD	ジェイテックハノイ	東亜電機工業株式会社	27320	製造業	その他の電線及び電子ケーブル製造業	電気製品	Manufacture of other electronic and electric wires and cables	Hanoi	238
508	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kinh Doanh Electric Wire Việt Nam	KDK ELECTRIC WIRE (VIETNAM) CO., LTD	ケーディケーベトナム	川崎電線株式会社	27320	製造業	その他の電線及び電子ケーブル製造業	電気製品	Manufacture of other electronic and electric wires and cables	Binh Duong	254
528	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ks Việt Nam	KS. VIETNAM, INC			27320	製造業	その他の電線及び電子ケーブル製造業	電気製品	Manufacture of other electronic and electric wires and cables	Hai Phong	264
530	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kurabe Industrial Bắc Ninh	KURABE INDUSTRIAL BACNINH CO., LTD	クラベバクニン	株式会社クラベ	27320	製造業	その他の電線及び電子ケーブル製造業	電気製品	Manufacture of other electronic and electric wires and cables	Bac Ninh	265
685	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nissei Electric Việt Nam	NISSEI ELECTRIC VIETNAM CO., LTD.	ニッセイエレクトリックベトナム	日星電気株式会社	27320	製造業	その他の電線及び電子ケーブル製造業	電気製品	Manufacture of other electronic and electric wires and cables	Ho Chi Minh	343
799	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sd Việt Nam	SD VIETNAM INDUSTRIES CO., LTD.	SDベトナム	オーナンバ株式会社	27320	製造業	その他の電線及び電子ケーブル製造業	電気製品	Manufacture of other electronic and electric wires and cables	Hanoi	400
810	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Shikoku Cable Việt Nam	SHIKOKU CABLE VIETNAM LIMITED	四国電線ベトナム	四国電線株式会社	27320	製造業	その他の電線及び電子ケーブル製造業	電気製品	Manufacture of other electronic and electric wires and cables	Ha Nam	405
919	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tokyo Rope Việt Nam	TOKYO ROPE VIETNAM CO., LTD	東京製綱ベトナム	日本特殊合金株式会社	27320	製造業	その他の電線及び電子ケーブル製造業	電気製品	Manufacture of other electronic and electric wires and cables	Binh Duong	460
1040	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Yazaki Eds Việt Nam	YAZAKI EDS VIETNAM CO.,LTD	矢崎EDSベトナム	矢崎総業株式会社	27320	製造業	その他の電線及び電子ケーブル製造業	電気製品	Manufacture of other electronic and electric wires and cables	Binh Duong	520
1125	Công ty TNHH TOYO ELECTRIC CONTROL Việt Nam	TOYO ELECTRIC CONTROL VIET NAM CO., LTD	東洋ベトナム	株式会社東洋電制御製作所	27320	製造業	その他の電線及び電子ケーブル製造業	電気製品	Manufacture of other electronic and electric wires and cables	Hanoi	563
1380	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Shinsei Nitto Việt Nam	SHINSEI NITTO VIETNAM CO., LTD.		日東電線工業株式会社	27320	製造業	その他の電線及び電子ケーブル製造業	電気製品	Manufacture of other electronic and electric wires and cables	Ho Chi Minh	690
373	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Furukawa Automotive Parts (việt Nam)	FURUKAWA AUTOMOTIVE PARTS VIETNAM INC. (FAPV)	フルカワオートモーティブパーツベトナム	古河AS株式会社	27330	製造業	配電器具製造業	電気製品	Manufacture of wiring devices	Ho Chi Minh	187
466	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Iwasaki Electric Vietnam	IWASAKI ELECTRIC MFG. VIETNAM CO., LTD	岩崎電機製作所ベトナム	株式会社岩崎電機製作所	27330	製造業	配電器具製造業	電気製品	Manufacture of wiring devices	Ho Chi Minh	233
692	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Noa Việt Nam	NOA VIETNAM CO., LTD	ノアベトナム	株式会社ノア	27330	製造業	配電器具製造業	電気製品	Manufacture of wiring devices	Binh Duong	346

842	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Star Elec (vn)	STAR ELC VIETNAM CO., LTD.	スターエレック (ベトナム)	株式会社三ツ星電器製作所	27330	製造業	配電器具製造業	電気製品	Manufacture of wiring devices	Ho Chi Minh	421
1701	Công ty TNHH MINAMI Việt Nam	MINAMI VN CO., LTD.		南電機株式会社	27330	製造業	配電器具製造業	電気製品	Manufacture of wiring devices	Dong Nai	851
394	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hà Nội Pearl Lighting	HANOI PEARL LIGHTING CO., LTD	ハノイパールライティング	大阪ライティング株式会社	27400	製造業	電気照明機器製造業	電気製品	Manufacture of electric lighting equipment	Bac Ninh	197
1828	Công ty TNHH KAHOKU LIGHTING SOLUTIONS Việt Nam	KAHOKU LIGHTING SOLUTIONS VIETNAM CO., LTD	河北ライティングソリューションズベトナム	河北ライティングソリューションズ株式会社	27400	製造業	電気照明機器製造業	電気製品	Manufacture of electric lighting equipment	Binh Duong	914
380	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn	GAS TECH COMPANY LIMITED	ガステック	GMT Co., Ltd.	27500	製造業	屋内電気器具製造業	電気製品	Manufacture of domestic appliances	Bac Ninh	190
724	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Panasonic Home Appliances Vietnam	PANASONIC APPLIANCES VIETNAM CO., LTD.	パナソニックアプライアンスベトナム	パナソニック株式会社	27500	製造業	屋内電気器具製造業	電気製品	Manufacture of domestic appliances	Hanoi	362
747	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Pv Hải Phòng	PV.HAIPHONG, INC	PVハイフォン	株式会社パロマ	27500	製造業	屋内電気器具製造業	電気製品	Manufacture of domestic appliances	Hai Phong	374
1503	Công Ty TNHH Koken Việt Nam	KOKEN VIETNAM CO., LTD	KOKENベトナム	株式会社広電	27500	製造業	屋内電気器具製造業	電気製品	Manufacture of domestic appliances	Dong Nai	752
1833	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Rinnai Việt Nam	RINNAI VIETNAM CO., LTD	リンナイベトナム	リンナイ株式会社	27500	製造業	屋内電気器具製造業	電気製品	Manufacture of domestic appliances	Binh Duong	917
356	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Fuji Carbon Việt Nam	FUJI CARBON (VIETNAM) CO., LTD.	富士カーボン (ベトナム)	株式会社 富士カーボン製造所	27900	製造業	その他の電気機器製造業	電気製品	Manufacture of other electrical equipment	Dong Nai	178
414	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hệ Thống Truyền Tải Và Phân Phối Toshi Ba Việt Nam	TOSHIBA TRANSMISSION & DISTRIBUTION SYSTEMS VIETNAM CO., LTD.	東芝電力流通システムベトナム	株式会社東芝	27900	製造業	その他の電気機器製造業	電気製品	Manufacture of other electrical equipment	Hanoi	207
567	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Magx Viet Nam	MAGX VIET NAM LTD	マグエックスベトナム	株式会社マグエックス	27900	製造業	その他の電気機器製造業	電気製品	Manufacture of other electrical equipment	Dong Nai	284
642	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nakagawa Denka	DONG NAI NAKAGAWA DENKA CO., LTD	ドンナイ中川電化	中川電化産業株式会社	27900	製造業	その他の電気機器製造業	電気製品	Manufacture of other electrical equipment	Dong Nai	321
652	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nec Tokin Electronics Viet Nam	NEC TOKIN ELECTRONICS (VIETNAM) CO., LTD.	エヌイーシートーキンエレクトロニクス (ベトナム)	NECTーキン株式会社	27900	製造業	その他の電気機器製造業	電気製品	Manufacture of other electrical equipment	Dong Nai	326
681	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nishishiba Việt Nam	NISHISHIBA VIETNAM CO., LTD	西芝ベトナム	西芝電機株式会社	27900	製造業	その他の電気機器製造業	電気製品	Manufacture of other electrical equipment	Hai Phong	341
980	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Việt Nam Cosmos	VIETNAM COSMOS CO., LTD			27900	製造業	その他の電気機器製造業	電気製品	Manufacture of other electrical equipment	Dong Nai	490
1643	Công ty trách nhiệm hữu hạn JIKA JIKA	JIKA JIKA CO., LTD		株式会社ジイエムシーヒルストン、ローツェ株式会社	27900	製造業	その他の電気機器製造業	電気製品	Manufacture of other electrical equipment	Hai Phong	822
255	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Cơ Khí Việt Nhật	VINA-JAPAN ENGINEERING LIMITED	ビナジャパンエンジニアリング	共英産業株式会社	28110	製造業	エンジン、タービン製造業(飛行機用、自動車用、サイクルエンジン除外)	機械・設備	Manufacture of engines and turbines, except aircraft, vehicle and cycle engines	Hai Phong	128
521	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Koretsvne Seiko Việt Nam	KORETSUNE SEIKO VIET NAM COMPANY LIMITED.	是常精工ベトナム	是常精工株式会社	28110	製造業	エンジン、タービン製造業(飛行機用、自動車用、サイクルエンジン除外)	機械・設備	Manufacture of engines and turbines, except aircraft, vehicle and cycle engines	Bac Giang	261
667	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nidec Servo Việt Nam	NIDEC SERVO VIETNAM CORPORATION (NSVT)	ベトナム日本電産サーボ	日本電産サーボ株式会社	28110	製造業	エンジン、タービン製造業(飛行機用、自動車用、サイクルエンジン除外)	機械・設備	Manufacture of engines and turbines, except aircraft, vehicle and cycle engines	Ho Chi Minh	334
939	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tpr Việt Nam	TPR VIETNAM CO., LTD	TPRベトナム	TPR株式会社	28110	製造業	エンジン、タービン製造業(飛行機用、自動車用、サイクルエンジン除外)	機械・設備	Manufacture of engines and turbines, except aircraft, vehicle and cycle engines	Binh Duong	470
1147	Công ty TNHH ENSHU Việt Nam	ENSHU VIETNAM CO., LTD	エンシェウベトナム	エンシュウ株式会社	28110	製造業	エンジン、タービン製造業(飛行機用、自動車用、サイクルエンジン除外)	機械・設備	Manufacture of engines and turbines, except aircraft, vehicle and cycle engines	Bac Ninh	574
1514	Công Ty TNHH Iiyama Seiki Việt Nam	IYAMA SEIKI VIETNAM CO., LTD.	飯山精器ベトナム	飯山精器株式会社	28110	製造業	エンジン、タービン製造業(飛行機用、自動車用、サイクルエンジン除外)	機械・設備	Manufacture of engines and turbines, except aircraft, vehicle and cycle engines	Hai Phong	757
1535	Công ty TNHH Hoei Tekko Việt Nam	HOEI TEKKO VIETNAM CO., LTD.		豊栄鉄工株式会社	28110	製造業	エンジン、タービン製造業(飛行機用、自動車用、サイクルエンジン除外)	機械・設備	Manufacture of engines and turbines, except aircraft, vehicle and cycle engines	Hanoi	768
1377	Công Ty TNHH Seto Seisakusho	SETO SEISAKUSHO CO., LTD	瀬戸製作所	瀬戸製作所	28120	製造業	流体動力装置製造業	機械・設備	Manufacture of fluid power equipment	Da Nang	689
252	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn CN Sansei Việt Nam	SANSEI INDUSTRY VIETNAM CO., LTD.	三正ヴェトナムインダストリー	三正工業株式会社	28130	製造業	その他のポンプ、コンプレッサー、栓、弁製造業	機械・設備	Manufacture of other pumps, compressors, taps and valves	Dong Nai	126
272	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Công Nishina Việt Nam	NISHINA INDUSTRIES VIETNAM CO., LTD	仁科工業ベトナム	仁科工業株式会社	28130	製造業	その他のポンプ、コンプレッサー、栓、弁製造業	機械・設備	Manufacture of other pumps, compressors, taps and valves	Hai Phong	136
334	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ebara Hải Dương	EBARA VIETNAM PUMP COMPANY LIMITED	荏原ベトナムポンプ	株式会社荏原製作所	28130	製造業	その他のポンプ、コンプレッサー、栓、弁製造業	機械・設備	Manufacture of other pumps, compressors, taps and valves	Hai Duong	167
452	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ikeuchi Việt Nam	IKEUCHI VIETNAM CO., LTD.	いけうちベトナム	株式会社いけうち	28130	製造業	その他のポンプ、コンプレッサー、栓、弁製造業	機械・設備	Manufacture of other pumps, compressors, taps and valves	Hanoi	226
621	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ms Asia Việt Nam	MS ASIA VIETNAM CO., LTD	MSアジアベトナム	株式会社宮入バルブ製作所	28130	製造業	その他のポンプ、コンプレッサー、栓、弁製造業	機械・設備	Manufacture of other pumps, compressors, taps and valves	Bac Ninh	311
737	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Pi Việt Nam	PI.VIETNAM, INC			28130	製造業	その他のポンプ、コンプレッサー、栓、弁製造業	機械・設備	Manufacture of other pumps, compressors, taps and valves	Hai Phong	369
873	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Takako Việt Nam	TAKAKO VIETNAM CO., LTD	タカコベトナム	株式会社タカコ	28130	製造業	その他のポンプ、コンプレッサー、栓、弁製造業	機械・設備	Manufacture of other pumps, compressors, taps and valves	Binh Duong	437
1035	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Yamato Protec Viet Nam	YAMATO PROTEC VIET NAM CO., LTD	ヤマトプロテックベトナム	ヤマトプロテック株式会社	28130	製造業	その他のポンプ、コンプレッサー、栓、弁製造業	機械・設備	Manufacture of other pumps, compressors, taps and valves	Binh Duong	518
1509	Công ty TNHH FUJIKIN Bắc Ninh	FUJIKIN BAC NINH INCORPORATED	フジキンバクニン	株式会社フジキン	28130	製造業	その他のポンプ、コンプレッサー、栓、弁製造業	機械・設備	Manufacture of other pumps, compressors, taps and valves	Bac Ninh	755
1808	Công ty TNHH TOKYO KEIKI PRECISION TECHNOLOGY	TOKYO KEIKI PRECISION TECHNOLOGY COMPANY LIMITED	東京計器プレジジョンテクノロジー	東京計器株式会社	28130	製造業	その他のポンプ、コンプレッサー、栓、弁製造業	機械・設備	Manufacture of other pumps, compressors, taps and valves	Da Nang	904
16	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hữu Hạn Chế Tạo Máy Eba	EBA VIETNAM (EBA MACHINERY CORPORATION)	エバベトナム	エバ工業株式会社	28140	製造業	軸受、歯車、伝動及び駆動部製造業	機械・設備	Manufacture of bearings, gears, gearing and driving elements	Hai Phong	8
454	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Iko Thompson Việt Nam	IKO THOMPSON VIETNAM CO., LTD	IKOトムソンベトナム	日本トムソン株式会社	28140	製造業	軸受、歯車、伝動及び駆動部製造業	機械・設備	Manufacture of bearings, gears, gearing and driving elements	Hai Phong	227
999	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vina-Bingo	VINA- BINGO CO., LTD.	ビナビンゴ	松岡工業(有)	28140	製造業	軸受、歯車、伝動及び駆動部製造業	機械・設備	Manufacture of bearings, gears, gearing and driving elements	Hai Phong	500
1120	Công ty TNHH Kosaka Việt Nam	KOSAKA VIETNAM CO., LTD.	コサカベトナム	コサカ精工株式会社	28140	製造業	軸受、歯車、伝動及び駆動部製造業	機械・設備	Manufacture of bearings, gears, gearing and driving elements	Hung Yen	560
1696	Công ty TNHH OKATSUNE Việt Nam	OKATSUNE VIETNAM CO., LTD.	オカツネベトナム	株式会社岡常歯車製作所	28140	製造業	軸受、歯車、伝動及び駆動部製造業	機械・設備	Manufacture of bearings, gears, gearing and driving elements	Dong Nai	848
149	Công Ty TNHH Thiết Bị Tôn Vinh Địa Cầu IRISAN Việt Nam	EARTH RESPECT MACHINERY IRISAN VIETNAM		入三機材株式会社	28150	製造業	炉、燃焼装置製造業	機械・設備	Manufacture of ovens, furnaces and furnace burners	Long An	75
852	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sumitomo Nacco Material Việt Nam	SUMITOMO NACCO MATERIALS HANDLING VIET NAM CO., LTD	住友ナコマテリアルハンドリングベトナム	住友ナコフークリフト株式会社	28160	製造業	吊り上げ及びハンドリング装置製造業	機械・設備	Manufacture of lifting and handling equipment	Hanoi	426
889	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thang Máy Melco Việt Nam	MITSUBISHI ELEVATOR VIETNAM CO., LTD.	三菱エレベーターベトナム	三菱電機株式会社、三菱電機ビルテクノサービス株式会社、三菱商事株式会社、Mitsubishi Electric Asia Pte Ltd.	28160	製造業	吊り上げ及びハンドリング装置製造業	機械・設備	Manufacture of lifting and handling equipment	Ho Chi Minh	445

1493	Công ty TNHH NIPPON HOIST Việt Nam	NIPPON HOIST VIETNAM		日本ホイスト株式会社	28160	製造業	吊り上げ及びハンドリング装置製造業	機械・設備	Manufacture of lifting and handling equipment	Binh Duong	747
1506	Công ty TNHH YOSHIMURA KOGYO Việt Nam	YOSHIMURA KOGYO VIETNAM	吉村工業ベトナム	吉村工業株式会社	28160	製造業	吊り上げ及びハンドリング装置製造業	機械・設備	Manufacture of lifting and handling equipment	Bac Giang	753
1792	Công Ty Liên Doanh Fuji Alpha	FUJI - ALPHA JOINT VENTURE COMPANY	フジアルファ	富士エレベーター株式会社	28160	製造業	吊り上げ及びハンドリング装置製造業	機械・設備	Manufacture of lifting and handling equipment	Hung Yen	896
15	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Công Nghệ Máy Văn Phòng Kyocera Việt Nam	KYOCERA DOCUMENT TECHNOLOGY VIETNAM CO., LTD		京セラドキュメントソリューションズ株式会社	28170	製造業	事務機器製造業(コンピュータと周辺機器を除く)	機械・設備	Manufacture of office machinery and equipment except computers and peripheral equipment	Hai Phong	8
441	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoya Glass Disk Việt Nam	HOYA GLASS DISK VIETNAM LTD	HOYAガラスディスクベトナム	HOYA株式会社	28170	製造業	事務機器製造業(コンピュータと周辺機器を除く)	機械・設備	Manufacture of office machinery and equipment except computers and peripheral equipment	Hanoi	221
830	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sohwa Sài Gòn	SOHWA SAIGON CO., LTD	創和サイゴン	株式会社創和	28170	製造業	事務機器製造業(コンピュータと周辺機器を除く)	機械・設備	Manufacture of office machinery and equipment except computers and peripheral equipment	Binh Duong	415
1647	Công ty TNHH FUJI XEROX Hải Phòng	FUJI XEROX HAI PHONG CO., LTD	富士ゼロックスハイフォン	富士ゼロックス株式会社	28170	製造業	事務機器製造業(コンピュータと周辺機器を除く)	機械・設備	Manufacture of office machinery and equipment except computers and peripheral equipment	Hai Phong	824
129	Công Ty TNHH Một Thành Viên Kyouwa Việt Nam	KYOUWA VIET NAM	キョウワベトナム	株式会社キョウワ	28190	製造業	その他汎用工作機械製造業	機械・設備	Manufacture of other general-purpose machinery	Long An	65
294	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Daitoh Industry Viet Nam	DAITOH INDUSTRY VIETNAM CO., LTD.	大東工業ベトナム	大東工業株式会社	28190	製造業	その他汎用工作機械製造業	機械・設備	Manufacture of other general-purpose machinery	Dong Nai	147
359	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Fuji Impulse Vietnam	FUJI IMPULSE (VIETNAM) CO., LTD.	富士インパルスベトナム	富士インパルス株式会社	28190	製造業	その他汎用工作機械製造業	機械・設備	Manufacture of other general-purpose machinery	Ho Chi Minh	180
882	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tanaka Scale Việt Nam	TANAKA SCALE VIETNAM CO., LTD	田中スケールベトナム	株式会社田中衡機工業所	28190	製造業	その他汎用工作機械製造業	機械・設備	Manufacture of other general-purpose machinery	Dong Nai	441
1290	Công Ty TNHH Jnc Filter Việt Nam	JNC FILTER VIET NAM CO., LTD	JNCフィルターベトナム	JNCフィルター株式会社	28190	製造業	その他汎用工作機械製造業	機械・設備	Manufacture of other general-purpose machinery	Hung Yen	645
1403	Công Ty TNHH Hanwa Kakoki Việt Nam	HANWA KAKOKI CO., LTD VIETNAM		阪和化工機株式会社	28190	製造業	その他汎用工作機械製造業	機械・設備	Manufacture of other general-purpose machinery	Ho Chi Minh	702
1849	Công ty TNHH KIMURA SEAL Việt Nam	KIMURA SEAL VIETNAM	キムラシールベトナム	キムラシール株式会社	28190	製造業	その他汎用工作機械製造業	機械・設備	Manufacture of other general-purpose machinery	Dong Nai	925
1461	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ibero-Viet Nam	IBERO - VIET NAM CO., LTD.	イベロベトナム	株式会社イベロジャパン	28210	製造業	農林業用機械製造業	機械・設備	Manufacture of agricultural and forestry machinery	Long An	731
1759	Công ty TNHH MASAKATSU KOUZAI VIETNAM	TNHH MASAKATSU KOUZAI VIETNAM	マサカツ銅材ベトナム	有限会社マサカツ銅材	28210	製造業	農林業用機械製造業	機械・設備	Manufacture of agricultural and forestry machinery	Dong Nai	880
1830	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kubota Việt Nam	KUBOTA VIETNAM CO., LTD	クボタベトナム	株式会社クボタ	28210	製造業	農林業用機械製造業	機械・設備	Manufacture of agricultural and forestry machinery	Binh Duong	915
178	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn 1 Thành Viên Công Nghệ Phúc Sơn	PHUC SON TECHNOLOGY CO., LTD		株式会社アドテックプラズマテクノロジー	28220	製造業	金属加工及び工作機械製造業	機械・設備	Manufacture of metal-forming machinery and machine tools	Bac Ninh	89
841	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Standard Units Supply Việt Nam	STANDARD UNITS SUPPLY VIETNAM	SUSベトナム	SUS株式会社	28220	製造業	金属加工及び工作機械製造業	機械・設備	Manufacture of metal-forming machinery and machine tools	Hanoi	421
597	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mikasa Việt Nam	MIKASA VIETNAM CO., LTD	三笠ベトナム	三笠産業株式会社	28240	製造業	採鉱、砕石、建設用機械製造業	機械・設備	Manufacture of machinery for mining, quarrying and construction	Hung Yen	299
641	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nagatsu Việt Nam	NAGATSU VIETNAM CO., LTD.	長津ベトナム	長津工業株式会社	28240	製造業	採鉱、砕石、建設用機械製造業	機械・設備	Manufacture of machinery for mining, quarrying and construction	Hanoi	321
422	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hirakawa Việt Nam	HIRAKAWA VIETNAM CO., LTD	ヒラカワベトナム	株式会社平川製作所	28250	製造業	食料、飲料、タバコ加工用機械製造業	機械・設備	Manufacture of machinery for food, beverage and tobacco processing	Hung Yen	211
267	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Công Nghiệp Brother Sài Gòn	BROTHER INDUSTRIES SAIGON	ブラザーインダストリーズサイゴン	ブラザー工業株式会社	28260	製造業	繊維、衣類、皮革加工用機械製造業	機械・設備	Manufacture of machinery for textile, apparel and leather production	Dong Nai	134
476	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Juki Việt Nam	JUKI (VIETNAM) CO., LTD.	JUKIベトナム	JUKI株式会社	28260	製造業	繊維、衣類、皮革加工用機械製造業	機械・設備	Manufacture of machinery for textile, apparel and leather production	Ho Chi Minh	238
754	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Quốc Tế Jaguar Hà Nội	JAGUAR INTERNATIONAL CORPORATION HANOI	ジャガーインターナショナル	株式会社ジャガーインターナショナルコーポレーション	28260	製造業	繊維、衣類、皮革加工用機械製造業	機械・設備	Manufacture of machinery for textile, apparel and leather production	Hai Duong	377
779	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sản Xuất Máy May Pegasus Việt Nam	PEGASUS VIETNAM SEWING MACHINE CO., LTD.	ベガサスベトナムソーイングマシン	ベガサスマシン製造株式会社	28260	製造業	繊維、衣類、皮革加工用機械製造業	機械・設備	Manufacture of machinery for textile, apparel and leather production	Hai Duong	390
1774	Công ty TNHH máy Brother Việt Nam	BROTHER INDUSTRIES (VIETNAM) LTD.	ブラザー工業ベトナム	ブラザー工業株式会社	28260	製造業	繊維、衣類、皮革加工用機械製造業	機械・設備	Manufacture of machinery for textile, apparel and leather production	Hai Duong	887
139	Công Ty TNHH Ohta Việt Nam	OHTA VN CO., LTD	オータベトナム	株式会社オータ	28299	製造業	その他の分類できない専門工作機械製造業	機械・設備	Manufacture of other special-purpose machinery n.e.c	Long An	70
147	CÔNG TY TNHH TAZMO VIỆT NAM	TAZMO VIETNAM CO., LTD.	タツモベトナム	タツモ株式会社	28299	製造業	その他の分類できない専門工作機械製造業	機械・設備	Manufacture of other special-purpose machinery n.e.c	Long An	74
465	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Iwai Plant Tech Vn	IWAI PLANT TECH VIETNAM CO., LTD	岩井プラントテックベトナム	岩井機械工業株式会社	28299	製造業	その他の分類できない専門工作機械製造業	機械・設備	Manufacture of other special-purpose machinery n.e.c	Binh Duong	233
502	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Key Tech Việt Nam	KEY TECH VIETNAM CO., LTD.	キーテックベトナム	株式会社キーテック	28299	製造業	その他の分類できない専門工作機械製造業	機械・設備	Manufacture of other special-purpose machinery n.e.c	Long An	251
591	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mera Việt Nam	MERA VIETNAM CO., LTD.	メラベトナム	紀陽建設機械株式会社	28299	製造業	その他の分類できない専門工作機械製造業	機械・設備	Manufacture of other special-purpose machinery n.e.c	Dong Nai	296
763	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Rorze Robotech	RORZE ROBOTECH CO., LTD.	ローツェロボテック	ローツェ株式会社	28299	製造業	その他の分類できない専門工作機械製造業	機械・設備	Manufacture of other special-purpose machinery n.e.c	Hai Phong	382
797	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sato Việt Nam	SATO VIETNAM CO., LTD.	サトウベトナム	サトーホールディングス株式会社	28299	製造業	その他の分類できない専門工作機械製造業	機械・設備	Manufacture of other special-purpose machinery n.e.c	Hanoi	399
1094	Cty TNHH Kỹ Thuật Daikou Việt Nam	DAIKOU VIETNAM TECHNICAL CO., LTD	ダイコウベトナムテクニカル	株式会社大見機械製作所	28299	製造業	その他の分類できない専門工作機械製造業	機械・設備	Manufacture of other special-purpose machinery n.e.c	Ho Chi Minh	547
1282	Công ty TNHH NAVITAS Việt Nam	NAVITAS VIETNAM CO., LTD.	ナビタスベトナム	ナビタス株式会社	28299	製造業	その他の分類できない専門工作機械製造業	機械・設備	Manufacture of other special-purpose machinery n.e.c	Binh Duong	641
1816	Công ty TNHH TEXEL - SEIKOW Việt Nam	TEXEL SEIKOW VIETNAM CO., LTD.		セイコー化工機株式会社	28299	製造業	その他の分類できない専門工作機械製造業	機械・設備	Manufacture of other special-purpose machinery n.e.c	Dong Nai	908
1832	Công ty TNHH ISUZU TEC VIETNAM	ISUZU TEC VIETNAM CO., LTD.	五十鈴テック ベトナム	五十鈴電業株式会社	28299	製造業	その他の分類できない専門工作機械製造業	機械・設備	Manufacture of other special-purpose machinery n.e.c	Binh Duong	916
1836	Công ty TNHH WONDERFUL Sài Gòn TECHNOLOGY	WONDERFUL SAIGON TECHNOLOGY CO., LTD.		株式会社サンエス	28299	製造業	その他の分類できない専門工作機械製造業	機械・設備	Manufacture of other special-purpose machinery n.e.c	Binh Duong	918
1869	Công Ty TNHH Fuji Impulse Long Đức	FUJI IMPULSE LONG DUC CO., LTD.	富士インパルスロンドゥック	富士インパルス株式会社	28299	製造業	その他の分類できない専門工作機械製造業	機械・設備	Manufacture of other special-purpose machinery n.e.c	Dong Nai	935

1870	Công Ty TNHH Một Thành Viên TOWA SUPPLY Việt Nam	TOWA SUPPLY VIETNAM CO., LTD	東和サプライベトナム	株式会社東和サプライ	28299	製造業	その他の分類できない専門工作機械製造業	機械・設備	Manufacture of other special-purpose machinery n.e.c	Long An	935
1873	Công Ty TNHH Hata International Vietnam	HATA INTERNATIONAL VIETNAM CO., LTD			28299	製造業	その他の分類できない専門工作機械製造業	機械・設備	Manufacture of other special-purpose machinery n.e.c	Dong Nai	937
82	Công Ty Liên Doanh Hino Motors Việt Nam	HINO MOTORS VIETNAM CO., LTD	日野モータースベトナム	日野自動車株式会社、住友商事株式会社	29100	製造業	自動車製造業	自動車	Manufacture of motor vehicles	Hanoi	41
87	Công Ty Liên Doanh Sản Xuất Ô Tô Ngôi Sao	VINA STAR MOTORS CORPORATION	ビナ・スター・モーターズ・コーポレーション	三菱自動車工業株式会社、三菱商事株式会社	29100	製造業	自動車製造業	自動車	Manufacture of motor vehicles	Binh Duong	44
96	Công Ty Ô Tô Toyota Việt Nam	TOYOTA MOTOR VIETNAM CO., LTD	トヨタモーターベトナム	トヨタ自動車株式会社	29100	製造業	自動車製造業	自動車	Manufacture of motor vehicles	Vinh Phuc	48
590	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mekong Auto	MEKONG AUTO CORP.	メコンオートコープ	株式会社セイロジャパン	29100	製造業	自動車製造業	自動車	Manufacture of motor vehicles	Ho Chi Minh	295
700	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ô Tô Isuzu Việt Nam	ISUZU VIET NAM CO., LTD.	いすゞベトナム	いすゞ自動車株式会社、三菱商事株式会社	29100	製造業	自動車製造業	自動車	Manufacture of motor vehicles	Ho Chi Minh	350
1408	Công Ty Liên Doanh Sản Xuất Ô Tô Ngôi Sao	VINA STAR MOTORS CORPORATION (VSMCO)	ヴィナスターモータース	三菱自動車工業株式会社	29100	製造業	自動車製造業	自動車	Manufacture of motor vehicles	Binh Duong	704
1702	Công ty TNHH Dịch Vụ Sản Xuất Thiết Bị AUREOLE	AUREOLE UNIT - DEVICES MANUFACTURING SERVICE INC. (ADMS)	オレオールユニットデバイスマニユファクチャリングサービス	三谷産業株式会社、富士通株式会社	29100	製造業	自動車製造業	自動車	Manufacture of motor vehicles	Dong Nai	851
768	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sahara Industry Việt Nam	SAHARA INDUSTRY VIETNAM CO., LTD	佐原工業ベトナム	佐原工業株式会社	29200	製造業	自動車用車体、トレーラー及びセミトレーラー製造業	自動車	Manufacture of bodies (coachwork) for motor vehicles; manufacture of trailers and semi-trailers	Bac Ninh	384
118	Công Ty TNHH ACTIVE VIETNAM FACTORY	ACTIVE VIETNAM FACTORY CO., LTD.	アクティブベトナムファクトリー	株式会社アクティブ	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Long An	59
131	Công Ty TNHH Một Thành Viên Nidec Tosok Precision Việt Nam	NIDEC TOSOK PRECISION VIETNAM CO., LTD	日本電産トソク・プレジジョン・ベトナム	日本電産トソク株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Ben Tre	66
155	Công ty TNHH TOYOTA BOSHOKU Hà Nội	TOYOTA BOSHOKU HANOI CO., LTD	トヨタ紡織ハノイ	トヨタ紡織株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Vinh Phuc	78
173	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Việt Nam Mic	VIETNAM MIE CO., LTD	三重金属工業ベトナム	三重金属工業株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hung Yen	87
179	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn 1 Thành Viên Furukawa Automotive Systems Việt Nam	FURUKAWA AUTOMOTIVE PARTS (VIETNAM) INC.	古河オートモーティブパーツベトナム	古河AS株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Ben Tre	90
184	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn A.i.s Việt Nam	A.I.S VIETNAM CO., LTD	A.I.Sベトナム	A.I.S株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Bac Ninh	92
193	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Akebono Brake Astra Việt Nam	AKEBONO BRAKE ASTRA VIETNAM CO., LTD.	曙ブレーキアストラベトナム	曙ブレーキ工業株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hung Yen	97
262	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Công Nghệ Ikka (Việt Nam)	IKKA TECHNOLOGY (VIETNAM) CO., LTD.	イッカテックノロジーベトナム	第一化成株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hai Duong	131
283	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dahchi Buhin Việt Nam	DAIICHI DENSO BUHIN VIETNAM CO., LTD	第一電装部品ベトナム	第一電装部品株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Bac Ninh	142
300	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dây Cáp Điện Ô Tô Sumiden Việt Nam	SUMIDEN VIETNAM AUTOMOTIVE WIRE CO., LTD	スミデンベトナムオートモーティブワイア	住友電気工業株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hai Duong	150
301	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Denso Việt Nam	DENSO MANUFACTURING VIETNAM CO., LTD	デンソーマニユファクチャリングベトナム	株式会社デンソー	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hanoi	151
355	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Fujiseiko	FUJI SEIKO VIETNAM CO., LTD	富士精工ベトナム	富士精工株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hai Phong	178
363	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Fujico	FUJICO VIETNAM CO., LTD.	フジコベトナム	株式会社フジコーポレーション	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hanoi	182
369	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Fujita Việt Nam	FUJITA VIETNAM CO., LTD.	フジタベトナム	株式会社 藤田鐵工所	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Bac Ninh	185
396	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hal Việt Nam	HAL VIETNAM CO., LTD.	ハルベトナム	広島アルミニウム工業株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hanoi	198
398	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hamaden Việt Nam	HAMADEN VIETNAM CO., LTD	浜名湖電装ベトナム	浜名湖電装株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hung Yen	199
399	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hamagassu Việt Nam	HAMAGASU VIETAM CO., LTD		浜松ガasket株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hanoi	200
415	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Head Work Việt Nam	HEADWORK VIET NAM COMPANY LIMITED	ヘッドワークベトナム		29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Nam Dinh	208
419	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hi-lex Việt Nam	HI-LEX VIETNAM CO., LTD	HI-LEXベトナム	株式会社ハイレックスコーポレーション	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hai Phong	210
433	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Honda Lock Việt Nam	HONDA LOCK VIETNAM CO., LTD	ホンダロックベトナム	株式会社ホンダロック	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Ha Nam	217
472	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Johoku Hải Phòng	JOHOKU HAI PHONG CO., LTD	ジョウホクハイフォン	株式会社ジョウホク	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hai Phong	236
568	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mai Kô Hải Phòng	MAIKO HAIPHONG CO., LTD	マイコーハイフォン	マイコー株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hai Phong	284
574	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Maruei Việt Nam Precision	MARUEI VIETNAM PRECISION CO., LTD	丸栄ベトナム	丸栄工業株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Binh Duong	287
598	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Miki Industrv Việt Nam	MIKI INDUSTRY VIETNAM CO., LTD	三喜産業ベトナム	三喜産業株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hai Phong	299
600	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mitsuba M. tech Viet Nam	MITSUBA M-TECH VIETNAM CO., LTD	ミツバエムテックベトナム	株式会社ミツバ	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Dong Nai	300
605	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mizuno Precision Parts Việt Nam	MIZUNO PRECISION PARTS VIETNAM CO., LTD			29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hung Yen	303
607	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mktp	MKTP LIMITED COMPANY		株式会社ミズコシ	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Dong Nai	304
622	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtex (việt Nam)	MTEX VIETNAM CO., LTD.	エムテックスベトナム	エムテックスマツムラ株式会社、株式会社新庄エレメックス	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Ho Chi Minh	311
655	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn New Viet Nam	N.E.W VIETNAM CO., LTD.	N.E.Wベトナム	株式会社長倉製作所	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Dong Nai	328
665	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nichirin Việt Nam	NICHIRIN VIETNAM CO., LTD.	ニチリンベトナム	株式会社ニチリン	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Bac Giang	333
703	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ogino Việt Nam	OGINO VIET NAM CORPORATION	荻野ベトナム	荻野工業株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hanoi	352

704	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ohara Plastic Việt Nam	OHARA PLASTICS VIETNAM CO., LTD.	オハラ樹脂工業ベトナム	オハラ樹脂工業株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hanoi	352
751	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Quốc Tế Cân Bằng Trọng Lượng t Vn	T BLANCE WEIGHT INTERNATIONAL VIETNAM CO., LTD		東豊工業株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Ho Chi Minh	376
773	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sakurai Việt Nam	SAKURAI VIETNAM LTD	サクライベトナム	株式会社桜井製作所	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hanoi	387
792	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sanyo Seisakusho (vn)	SANYO SEISAKUSHO VIETNAM CO., LTD.	三陽製作所ベトナム	株式会社三陽製作所	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Ho Chi Minh	396
806	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sews Components Việt Nam	SEWS-COMPONENTS VIETNAM CO., LTD	SEWS - コンポーネッツベトナム	住友電装株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hung Yen	403
812	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Shindengen Việt Nam	SHINDENGEN VIETNAM CO., LTD	シンデンゲンベトナム	新電元工業株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hung Yen	406
838	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sougou	SOUGOU VIETNAM CO., LTD	総合ベトナム	総合自動車株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hai Phong	419
845	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sumidenso Việt Nam	SUMIDENSO VIETNAM CO., LTD	スミデンソウベトナム	住友電装株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hai Duong	423
864	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tachi s Việt Nam	TACHI-S VIET NAM COMPANY LIMITED	タチエスベトナム	株式会社タチエス	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Da Nang	432
893	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thiết Bị Công Nghiệp Toyota Việt Nam	TOYOTA INDUSTRIAL EQUIPMENT VIETNAM CO., LTD		株式会社豊田自動織機	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hung Yen	447
913	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tokai Rubber Hose Việt Na	TOKAI RUBBER HOSE VIET NAM CO., LTD.	東海ゴムホースベトナム	住友理工株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Ha Nam	457
927	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Toyo Brazing Việt Nam	TOYO BRAZING VIETNAM CO., LTD	トウヨウブレージングベトナム	東洋ブレージング株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Bac Ninh	464
931	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Toyoda Giken Việt Nam	TOYODA GIKEN VIETNAM CO., LTD.	豊田技研ベトナム	株式会社豊田技研	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hanoi	466
932	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Toyoda Gosei Hải Phòng	TOYODA GOSEI HAIPHONG CO., LTD	豊田合成ハイフォン	豊田合成株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hai Phong	466
1033	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Yamato Industries Việt Nam	YAMATO INDUSTRIES VIETNAM CO., LTD	やまと興業ベトナム	やまと興業株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Bac Ninh	517
1036	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Yanagawa Seiko Viet Nam	YANAGAWA SEIKO VIETNAM CO., LTD	柳川精工ベトナム	柳川精工株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hai Phong	518
1041	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Yazaki Hải Phòng Việt Nam	YAZAKI HAIPHONG VIETNAM LTD	矢崎ハイフォンベトナム	矢崎総業株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hai Phong	521
1044	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Yonezawa Việt Nam	FUJIKURA AUTOMOTIVE VIETNAM LTD	フジクラオートモーティブベトナム	株式会社フジクラ	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Da Nang	522
1218	Công ty TNHH Việt Nam TOKAI	VIETNAM TOKAI COMPANY LIMITED	ベトナム東海	東海興業株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Da Nang	609
1304	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nidec Tosok Akiba(Vietnam)	NIDEC TOSOK AKIBA (VIETNAM) CO., LTD.	日本電産トソク秋葉ベトナム	日本電産トソク株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Ho Chi Minh	652
1311	Công ty TNHH SHINWA Việt Nam	SHINWA VIETNAM	シンワベトナム		29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Binh Duong	656
1313	Công ty TNHH Topy Fasteners Việt Nam	TOPY FASTENERS VIETNAM CO., LTD.	トピーファスナーベトナム	トピーファスナー工業株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hung Yen	657
1508	Công ty TNHH Curious Seiki Việt Nam	CURIOUS SEIKI VIET NAM CO., LTD.	キュリアス精機ベトナム	キュリアス精機株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Bac Ninh	754
1510	Công Ty TNHH Nittan Việt Nam	NITTAN VIETNAM CO., LTD.	ニッタンベトナム	日鍛バルブ株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Bac Ninh	755
1515	Công ty TNHH công nghệ đột dập MOCHIZUKI Việt Nam	MOCHIZUKI PRESS VIETNAM CO., LTD	望月プレスベトナム	株式会社望月プレス工業所	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hai Phong	758
1660	Công ty TNHH Mitsui Kinzoku Catalvsts Việt Nam	MITSUMI KINZOKU CATALYSTS VIETNAM CO., LTD.	三井金属キャタリッツベトナム	三井金属鉱業株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hanoi	830
1697	Công Ty TNHH Pegasus - Shimamoto Auto Parts Việt Nam	PEGASUS - SHIMAMOTO AUTO PART (VIET NAM) CO., LTD.	ペガサストシマモトオートパーツベトナム	ペガサスミシン製造株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Dong Nai	849
1700	Công ty TNHH AIDO INDUSTRY Việt Nam	AIDO INDUSTRY VIETNAM CO., LTD.	愛同工業ベトナム	愛同工業株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Dong Nai	850
1765	Công ty TNHH NISSIN MANUFACTURING Việt Nam	NISSIN MANUFACTURING VIETNAM CO., LTD.	ベトナム日進	株式会社 日進製作所	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hoa Binh	883
1778	Công ty TNHH ICS Việt Nam	ICS VIETNAM CO., LTD.	ICSベトナム	株式会社 アイ・シー・エス	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hai Duong	889
1782	Công Ty TNHH Tanaka Precision Việt Nam	TANAKA PRECISION VIETNAM CO., LTD. (TPVN)	タナカプレジジョンベトナム	田中精密工業株式会社	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Hung Yen	891
1796	Công ty TNHH T.RAD Việt Nam	T. RAD VIETNAM CO., LTD.	ティラド (ベトナム)	株式会社ティラド	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Ha Nam	898
1821	Công ty TNHH JAPAN Việt Nam FORGING	JAPAN VIETNAM FORGING CO., INC		株式会社内藤	29300	製造業	自動車部品及び付属品製造業	自動車	Manufacture of parts and accessories for motor vehicles	Binh Duong	911
977	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn V-	V-HONEST COMPANY LIMITED			30110	製造業	大型船及び浮体構造物製造業	その他の輸送機器	Building of ships and floating structures	Bac Ninh	489
593	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mhi Aerospace Việt Nam	MHI AEROSPACE VIETNAM CO., LTD.	MHIエアロスペースベトナム	三菱重工株式会社	30300	製造業	航空機・宇宙船及び関連機器製造業	その他の輸送機器	Manufacture of air and spacecraft and related machinery	Hanoi	297
66	Công Ty Honda Việt Nam	HONDA VIETNAM COMPANY LTD	ホンダベトナム	本田技研工業株式会社	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Vinh Phuc	33
71	Công Ty Kyoei Việt Nam	KYOEI MANUFACTURING VIETNAM CO., LTD	協栄ベトナム	株式会社協栄製作所	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Hanoi	36
101	Công Ty Phụ Tùng Xe Máy Ô Tô Goshi Thăng Long	GOSHI-THANG LONG AUTO-PARTS CO., LTD.	ゴウシタンロンオートパーツ	八千代工業株式会社	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Hanoi	51
104	Công Ty Sản Xuất Phanh Nissin Việt Nam	NISSIN BRAKE VIETNAM CO., LTD	ニッシンブレーキベトナム	日信工業株式会社	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Vinh Phuc	52
117	Công Ty Tn Hh Hệ Thống Năng Lượng Tại Việt Nam	SPEED POWER SYSTEM (VN) CO., LTD			30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Hanoi	59
141	Công ty TNHH SAKURA Hong Ming Việt Nam	SAKURA HONG MINH VIETNAM CO., LTD.	サクラ・ホンミン・ベトナム	サクラ工業株式会社	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Hanoi	71
209	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Asahi Denso Vn	ASAHI DENSO VIETNAM CO., LTD	朝日電装ベトナム	朝日電装株式会社	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Hanoi	105
223	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Atsumitec Việt Nam	ATSUMITEC VIETNAM CO., LTD.	アツミテックベトナム	株式会社アツミテック	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Hanoi	112

266	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Công Nghiệp Bright Sakura Việt Nam	BROAD BRIGHT SAKURA VIETNAM CO., LTD.	ブロードブライト・サクラ・インダストリー・ベトナム	サクラ工業株式会社	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Hanoi	133
269	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Công Nghiệp Kvh Việt Nam	KYB MANUFACTURING VIETNAM CO., LTD.	KYBマニユファクチャリングベトナム	株式会社萱場製作所	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Hanoi	135
312	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện Stanley Việt Nam	VIETNAM STANLEY ELECTRIC CO., LTD	ベトナムスタンレーエレクトリック	スタンレー電気株式会社	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Hanoi	156
340	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Enkei Việt Nam	ENKEI VIET NAM COMPANY LIMITED	エンケイベトナムカンパニーリミテッド	エンケイ株式会社	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Hanoi	170
345	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Exedy Việt Nam.	EXEDY VIETNAM CO., LTD	エクセディベトナム	株式会社エクセディ	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Vinh Phuc	173
347	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Fcc Việt Nam	F.C.C VIETNAM CO., LTD.	エフシーシーベトナム	株式会社エフ・シー・シー	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Hanoi	174
541	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kỹ Thuật Yamazaki Việt Nam	YAMAZAKI TECHNICAL VIET NAM CO., LTD	ヤマザキテクニカルベトナム	株式会社 ヤマザキ	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Hanoi	271
635	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Muashi Auto Pats Việt Nam	MUSASHI AUTO PARTS VIETNAM CO., LTD	武蔵オートパーツベトナム	武蔵精密工業株式会社	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Hung Yen	318
651	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nci Việt Nam	NCI (VIETNAM) CO., LTD.	NCIベトナム	日本カーバイド工業株式会社、野村貿易株式会社	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Hanoi	326
736	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Phụ Tùng Xe Máy Ô Tô Showa Vn	SHOWA AUTO-PARTS VIETNAM CO., LTD.	ショワオートパーツベトナム	株式会社ショワ	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Hanoi	368
762	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Roki Việt Nam	ROKI VIETNAM CO., LTD.	ロキベトナム	株式会社ROKI	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Hanoi	381
778	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sản Xuất Ban Do Việt Nam	BANDO MANUFACTURING (VIETNAM) COMPANY LIMITED	バンダーベトナム	バンダー化学株式会社	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Hung Yen	389
782	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sản Xuất Phụ Tùng Xe Máy Việt Nam	VIETNAM AUTO PARTS COMPANY LIMITED	ベトナム自動車部品	本田技研工業株式会社	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Hung Yen	391
783	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sản Xuất Phụ Tùng Xe Máy Yamaha Vn	YAMAHA MOTOR PART MANUFACTURING VIETNAM CO., LTD.	ヤマハモーターパーツマニユファクチャリングベトナム	ヤマハ発動機株式会社	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Hanoi	392
851	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sumitomo Haevy Industriess Việt Nam	SUMITOMO HEAVY INDUSTRIES (VIETNAM) CO., LTD.	住友重機械工業ベトナム	住友重機械工業株式会社	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Hanoi	426
858	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Suzuki Việt Nam	VIETNAM SUZUKI CORPORATION	ベトナムスズキ	スズキ株式会社	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Dong Nai	429
984	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Việt Nam Leakless	VIETNAM LEAKLESS CO., LTD.	ベトナムリークレス	日本リークレス工業株式会社	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Hanoi	492
988	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Việt Nam Nippon Seiki	VIETNAM NIPPON SEIKI CO., LTD.	ベトナム日本精機	日本精機株式会社	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Hanoi	494
1030	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Yamaha Motor Electronics Việt Nam	YAMAHA MOTOR ELECTRONICS VIETNAM CO., LTD	ヤマハモーターエレクトロニクスベトナム	ヤマハモーターエレクトロニクス機株式会社	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Hanoi	515
1031	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Yamaha Motor Việt Nam	YAMAHA MOTOR VIETNAM CO., LTD.	ヤマハモーターベトナム	ヤマハ発動機株式会社	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Hanoi	516
1154	Công ty TNHH Ihara Manufacturing Việt Nam	IHARA MANUFACTURING VIET NAM CO., LTD.	イハラマニユファクチュアリングベトナム	株式会社イハラ製作所	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Bac Ninh	577
1761	Công ty TNHH KRICO	KRICO CO., LTD.		金華興工業株式会社	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Vinh Phuc	881
1763	Công ty TNHH SUZUKAKU Việt Nam	SUZUKAKU VIETNAM CO., LTD.	鈴覚ベトナム	鈴覚株式会社	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Ha Noi	882
1764	Công ty TNHH HIROTA PRECISION Việt Nam (Vinh Phúc)	HIROTA PRECISION VIETNAM CO., LTD. (VINH PHUC)	ヒロタプレジションベトナム	大林精工株式会社	30910	製造業	オートバイ製造業	オートバイ	Manufacture of motorcycles	Vinh Phuc	882
183	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn A & M Việt Nam	A & M INDUSTRY VIETNAM CO., LTD.	エーアンドエムインダストリーベトナム	朝日木材加工株式会社	31001	製造業	木製家具製造業	家具	Manufacture of wooden furniture	Binh Duong	92
247	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Cerubo	CERUBO CO., LTD		株式会社HIDAKAGU	31001	製造業	木製家具製造業	家具	Manufacture of wooden furniture	Binh Duong	124
285	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Daigaku (việt Nam)	DAIGAKU (VIETNAM) CO., LTD	大額ベトナム	大額株式会社	31001	製造業	木製家具製造業	家具	Manufacture of wooden furniture	Binh Duong	143
357	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Fuji Denso Vn	FUJI DENSO VIETNAM COMPANY LIMITED	富士電装工業ベトナム	富士電装工業有限公司	31001	製造業	木製家具製造業	家具	Manufacture of wooden furniture	Binh Duong	179
440	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoso Việt Nam	HOSO VIETNAM CO., LTD	豊桑産業ベトナム	豊桑産業株式会社	31001	製造業	木製家具製造業	家具	Manufacture of wooden furniture	Da Nang	220
462	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Isseiki Furniture Vn	ISSEIKI FURNITURE (VIET NAM) CO., LTD	イッセイキファニチャーベトナム	株式会社一生紀	31001	製造業	木製家具製造業	家具	Manufacture of wooden furniture	Binh Duong	231
494	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kazu	KAZU CO., LTD			31001	製造業	木製家具製造業	家具	Manufacture of wooden furniture	Binh Duong	247
556	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Livax Việt Nam	LIVAX VIETNAM CO., LTD	リバックスベトナム	株式会社馬場家具	31001	製造業	木製家具製造業	家具	Manufacture of wooden furniture	Hai Phong	278
563	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn M.I.t Furniture Việt Nam	M.I.T. FURNITURE (VIET NAM) CO., LTD			31001	製造業	木製家具製造業	家具	Manufacture of wooden furniture	Binh Duong	282
613	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mori Shige	MORI SHIGE COMPANY LIMITED		株式会社森繁	31001	製造業	木製家具製造業	家具	Manufacture of wooden furniture	Binh Duong	307
648	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nanten	NANTEN VIETNAM	ナンテンベトナム		31001	製造業	木製家具製造業	家具	Manufacture of wooden furniture	Binh Duong	324
696	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nozomi	NOZOMI CO., LTD			31001	製造業	木製家具製造業	家具	Manufacture of wooden furniture	Binh Duong	348
818	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Shirai	SHIRAI VIETNAM CO., LTD.	白井ベトナム	株式会社白井産業	31001	製造業	木製家具製造業	家具	Manufacture of wooden furniture	Dong Nai	409
1069	Doanh Nghiệp Chế Xuất Nitori Việt	NITORI FURNITURE VIETNAM EPE	NITORI FURNITURE ベトナムEPE	株式会社ニトリホールディングス	31001	製造業	木製家具製造業	家具	Manufacture of wooden furniture	Hanoi	535
1101	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ricco Vietnam	RICCO VIETNAM CO., LTD	リコ・ベトナム	丸仲商事株式会社	31001	製造業	木製家具製造業	家具	Manufacture of wooden furniture	Ho Chi Minh	551
1167	Công Ty Lđ Sản Xuất Mỹ Nghệ XK Hiro	HIRO EXPORT FINE ARTS PRODUCTION J.V CO.			31001	製造業	木製家具製造業	家具	Manufacture of wooden furniture	Ho Chi Minh	584
1835	Công ty TNHH Sakai Viet Nam	SAKAI VIET NAM			31001	製造業	木製家具製造業	家具	Manufacture of wooden furniture	Binh Duong	918
524	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kotobuki Sea	KOTOBUKI SEA CO., LTD.	コトブキ・シー	コトブキシーティング株式会社	31009	製造業	その他の家具製造業	家具	Manufacture of other furniture	Dong Nai	262
796	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sato Sangyo Việt Nam	SATO-SANGYO VIETNAM CO., LTD	佐藤産業ベトナム	佐藤産業株式会社	31009	製造業	その他の家具製造業	家具	Manufacture of other furniture	Binh Duong	398
343	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Estelle Việt Nam	ESTELLE VIETNAM CO., LTD.	エステールベトナム	As-meエステール株式会社	32110	製造業	宝石及び関連製品製造業	宝石	Manufacture of jewellery and related articles	Hai Phong	172
698	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nữ Trang D&O	D&Q JEWELLERY CO., LTD	ディーアンドキュージュエリー	株式会社サダマツ	32110	製造業	宝石及び関連製品製造業	宝石	Manufacture of jewellery and related articles	Hai Phong	349
740	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Platinum Việt Nam Interworld	PLATINUM VIETNAM INTERWORLD	プラチナベトナムインターワールド	株式会社赤坂ユニベイス	32110	製造業	宝石及び関連製品製造業	宝石	Manufacture of jewellery and related articles	Hai Phong	370

942	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Trang Sức GI	GL JEWELRY CO., LTD	GLジュエリー	株式会社ルキナ	32110	製造業	宝石及び関連製品製造業	宝石	Manufacture of jewellery and related articles	Hai Phong	471
707	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Okc	OKC CO., LTD.			32200	製造業	楽器製造業	楽器	Manufacture of musical instruments	Da Nang	354
929	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Toyo Piano Việt Nam	TOYO PIANO VIETNAM CO., LTD.	東洋ピアノベトナム	東洋ピアノ製造株式会社	32200	製造業	楽器製造業	楽器	Manufacture of musical instruments	Ho Chi Minh	465
58	Công Ty Đại Wa Viet Nam	DAIWA VIETNAM LIMITED	ダイワベトナム	グローブライド株式会社	32300	製造業	運動用具製造業	運動用具	Manufacture of sports goods	Da Nang	29
63	Công Ty Fujikura Composites Hải Phòng	FUJIKURA COMPOSITES HAIPHONG INC	フジクラコンポジットハイフォン	藤倉ゴム工業株式会社	32300	製造業	運動用具製造業	運動用具	Manufacture of sports goods	Hai Phong	32
406	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Havabusa (Việt Nam)	HAYABUSA (VIETNAM) CO., LTD	ハヤブサベトナム	株式会社ハヤブサ	32300	製造業	運動用具製造業	運動用具	Manufacture of sports goods	Binh Duong	203
550	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lesgants Việt Nam	LES GANTS VIETNAM CO., LTD	レガンベトナム	株式会社レガン	32300	製造業	運動用具製造業	運動用具	Manufacture of sports goods	Da Nang	275
581	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Matur Craft Việt Nam	MAJOR CRAFT VIETNAM CO., LTD	メジャークラフトベトナム	メジャークラフト株式会社	32300	製造業	運動用具製造業	運動用具	Manufacture of sports goods	Dong Nai	291
757	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Quốc Tế Tri - Việt	TRI-VIET INTERNATIONAL CO., LTD.	トライベイトインターナショナル	トライオン株式会社	32300	製造業	運動用具製造業	運動用具	Manufacture of sports goods	Can Tho	379
1010	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vinex	VINEX CO., LTD			32300	製造業	運動用具製造業	運動用具	Manufacture of sports goods	Binh Duong	505
1330	Công Ty TNHH Bassday Việt Nam	BASSDAY VIETNAM CO., LTD		株式会社バスディジャパン	32300	製造業	運動用具製造業	運動用具	Manufacture of sports goods	Dong Nai	665
1169	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoa Anh Đào	HOA ANH DAO CO., LTD.			32400	製造業	ゲーム及び玩具製造業	その他	Manufacture of games and toys	Ho Chi Minh	585
232	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Belnanufacturing	BELMONT MANUFACTURING CO., LTD.	ベルモントマニフアクチャリング	タカラベルモント株式会社	32501	製造業	医療・歯科器具及び用品製造業	医療機器	Manufacture of medical and dental instruments and supplies	Dong Nai	116
354	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Forte Grow Medical (Việt Nam)	FORTE GROW MEDICAL (VIETNAM) CO., LTD.	フォルテグロウメディカルベトナム	フォルテグロウメディカル株式会社	32501	製造業	医療・歯科器具及び用品製造業	医療機器	Manufacture of medical and dental instruments and supplies	Binh Duong	177
443	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoya Lens Việt Nam	HOYA LENS VIETNAM LTD	HOYAレンズベトナム	HOYA株式会社	32501	製造業	医療・歯科器具及び用品製造業	医療機器	Manufacture of medical and dental instruments and supplies	Binh Duong	222
488	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kaneka Pharma Viet Nam	KANEKA PHARMA VIETNAM CO., LTD	カネカファーマベトナム	株式会社カネカ	32501	製造業	医療・歯科器具及び用品製造業	医療機器	Manufacture of medical and dental instruments and supplies	Binh Duong	244
510	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kinh Mắt Sài Gòn	SAIGON OPTICAL COMPANY LIMITED	サイゴンオプティカル	As-meエステール株式会社	32501	製造業	医療・歯科器具及び用品製造業	医療機器	Manufacture of medical and dental instruments and supplies	Phu Yen	255
580	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Matsuya R & D Việt Nam	MATSUYA R & D (VIETNAM) CO., LTD.	松屋アールアンドディベトナム	株式会社松屋アールアンドディ	32501	製造業	医療・歯科器具及び用品製造業	医療機器	Manufacture of medical and dental instruments and supplies	Dong Nai	290
587	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Medikit Việt Nam	MEDIKIT VIETNAM CO., LTD	メディキットベトナム	メディキット株式会社	32501	製造業	医療・歯科器具及び用品製造業	医療機器	Manufacture of medical and dental instruments and supplies	Hai Phong	294
714	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Omron Healthcare Manufacturing Việt Nam	OMRON HEALTHCARE MANUFACTURING VIETNAM CO.,	オムロンヘルスケアマニフアクチュアリングベトナム	オムロン株式会社	32501	製造業	医療・歯科器具及び用品製造業	医療機器	Manufacture of medical and dental instruments and supplies	Binh Duong	357
741	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Platz	PLATZ VIETNAM CO., LTD	プラッツベトナム	株式会社プラッツ	32501	製造業	医療・歯科器具及び用品製造業	医療機器	Manufacture of medical and dental instruments and supplies	Dong Nai	371
887	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Terumo Việt Nam	TERUMO VIETNAM CO., LTD	テルモベトナム	テルモ株式会社	32501	製造業	医療・歯科器具及び用品製造業	医療機器	Manufacture of medical and dental instruments and supplies	Hanoi	444
981	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Việt Nam Create Medic	VIETNAM CREATE MEDIC CO., LTD.	ベトナムクリエートメディック	クリエートメディック株式会社	32501	製造業	医療・歯科器具及び用品製造業	医療機器	Manufacture of medical and dental instruments and supplies	Dong Nai	491
1049	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mani Hanoi	MANI HANOI CO., LTD	マニーハノイ	マニー株式会社	32501	製造業	医療・歯科器具及び用品製造業	医療機器	Manufacture of medical and dental instruments and supplies	Thai Nguyen	525
1871	Công Ty TNHH Một Thành Viên Takazono Việt Nam	TAKAZONO VIETNAM CO., LTD	タカゾノベトナム	株式会社タカゾノ	32501	製造業	医療・歯科器具及び用品製造業	医療機器	Manufacture of medical and dental instruments and supplies	Long An	936
5	C/ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nifco Vietnam	NIFCO VIETNAM LIMITED	ニフコベトナム	株式会社ニフコ	32900	製造業	その他の分類できない製造業	その他	Other manufacturing n.e.c	Tay Ninh	3
175	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Varivas Vn	VARIVAS (VIETNAM) CO., LTD	バリバズベトナム	株式会社モーリス	32900	製造業	その他の分類できない製造業	その他	Other manufacturing n.e.c	Binh Duong	88
240	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Bút Chì Mitsubishi Việt Nam	MITSUBISHI PENCIL VIETNAM CO., LTD.	三菱鉛筆ベトナム	三菱鉛筆株式会社	32900	製造業	その他の分類できない製造業	その他	Other manufacturing n.e.c	Hanoi	120
251	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn CN Plus Vn	PLUS VIETNAM INDUSTRIAL CO., LTD.	PLUSベトナム	プラス株式会社	32900	製造業	その他の分類できない製造業	その他	Other manufacturing n.e.c	Dong Nai	126
329	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Duel Việt Nam	DUEL VIETNAM, INC	デュエルベトナム	株式会社デュエル	32900	製造業	その他の分類できない製造業	その他	Other manufacturing n.e.c	Binh Duong	165
339	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Emtopia Vn	EMTOPIA VIETNAM COMPANY LIMITED	エムトピアベトナム	株式会社エムトピア	32900	製造業	その他の分類できない製造業	その他	Other manufacturing n.e.c	Hanoi	170
346	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn FC (Shirasaki Việt Nam cũ)	FC VIETNAM CORPORATION	FCベトナム	フジコピアン株式会社	32900	製造業	その他の分類できない製造業	その他	Other manufacturing n.e.c	Dong Nai	173
416	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Heiwa Hygiene Hà Nội	HEIWA HYGIENE HA NOI CO., LTD.		平和メディック株式会社	32900	製造業	その他の分類できない製造業	その他	Other manufacturing n.e.c	Hanoi	208
444	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hyozaemon Sài Gòn	HYOZAEMON SAIGON CO., LTD	ヒョウザエモンサイゴン.	株式会社兵左衛門	32900	製造業	その他の分類できない製造業	その他	Other manufacturing n.e.c	Ho Chi Minh	222
492	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Katagiri Industry Việt Nam	KATAGIRI INDUSTRY (VIETNAM) CO., LTD	片桐工業ベトナム	株式会社片桐工業	32900	製造業	その他の分類できない製造業	その他	Other manufacturing n.e.c	Tay Ninh	246
501	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Key Plastics (Việt Nam)	KEY PLASTICS (VIETNAM) CO., LTD	紀伊プラスチックベトナム	紀伊産業株式会社	32900	製造業	その他の分類できない製造業	その他	Other manufacturing n.e.c	Binh Duong	251
507	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn King Jim (Việt Nam)	KING JIM (VIET NAM) CO., LTD	キングジムベトナム	株式会社キングジム	32900	製造業	その他の分類できない製造業	その他	Other manufacturing n.e.c	Binh Duong	254
680	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nipponkodo Viet Nam	NIPPON KODO VIETNAM INC	日本香堂ベトナム	株式会社日本香堂	32900	製造業	その他の分類できない製造業	その他	Other manufacturing n.e.c	Hai Phong	340
735	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Phi Phung Việt Nam	PHOENIX VIET NAM CO., LTD			32900	製造業	その他の分類できない製造業	その他	Other manufacturing n.e.c	Binh Duong	368
793	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sanyo Vn	SANYO VIETNAM CO., LTD.	サンヨーベトナム	株式会社山洋	32900	製造業	その他の分類できない製造業	その他	Other manufacturing n.e.c	Dong Nai	397
801	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Seed Việt Nam	SEED VIETNAM CO., LTD.	シードベトナム	株式会社シード	32900	製造業	その他の分類できない製造業	その他	Other manufacturing n.e.c	Hanoi	401
872	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Takagi Việt Nam	TAKAGI VIETNAM CO., LTD	タカギベトナム	株式会社タカギ	32900	製造業	その他の分類できない製造業	その他	Other manufacturing n.e.c	Hung Yen	436
920	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tombow Viet Nam	TOMBOW VIETNAM CO., LTD	トンボベトナム	株式会社トンボ鉛筆	32900	製造業	その他の分類できない製造業	その他	Other manufacturing n.e.c	Binh Duong	460
969	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn V. Flame & Glanz	V.FLAME & GRANZ	Vフレイムアンドグランツ	株式会社グランツ	32900	製造業	その他の分類できない製造業	その他	Other manufacturing n.e.c	Ho Chi Minh	485

987	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Việt Nam Nagashima	VIETNAM NAGASHIMA CO., LTD	ベトナムナガシマ	株式会社ナガシマ化学工業所	32900	製造業	その他の分類できない製造業	その他	Other manufacturing n.e.c	Binh Duong	494
1057	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ykk	YKK VIETNAM CO., LTD	YKKベトナム	YKK株式会社	32900	製造業	その他の分類できない製造業	その他	Other manufacturing n.e.c	Dong Nai	529
1113	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Việt Bạch Kim Việt Nam	VIET NAM PLATINUM PEN CO., LTD.	ベトナムブラチナ	ブラチナ万年筆株式会社	32900	製造業	その他の分類できない製造業	その他	Other manufacturing n.e.c	Ho Chi Minh	557
1133	Công Ty TNHH Kovudo Việt Nam	KOYUDO VIETNAM CO., LTD.	晃祐堂ベトナム	株式会社晃祐堂	32900	製造業	その他の分類できない製造業	その他	Other manufacturing n.e.c	Ho Chi Minh	567
1689	Công Ty TNHH Taiyo Brush Việt Nam	TAIYO BRUSH VIETNAM CO., LTD.	太陽刷子ベトナム	太陽刷子株式会社	32900	製造業	その他の分類できない製造業	その他	Other manufacturing n.e.c	Dong Nai	845
1794	Công ty TNHH Panasonic Appliances Việt Nam	PANASONIC APPLIANCES VIETNAM CO., LTD. (PAPVN) HUNG YEN	パナソニックアプライアンスベトナム (フイエシ)	パナソニック株式会社	32900	製造業	その他の分類できない製造業	その他	Other manufacturing n.e.c	Ha Noi	897
1837	Công ty TNHH OLYMPIA LIGHTING Việt Nam	OLYMPIA LIGHTING VIETNAM CO., LTD.	オリンピア照明ベトナム	オリンピア照明株式会社	32900	製造業	その他の分類できない製造業	その他	Other manufacturing n.e.c	Binh Duong	919
1018	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Wisma Engineering (vn)	WISMA ENGINEERING (VN) ., LTD.	ウイスマ・エンジニアリング (ベトナム)	ウイスマ・インターナショナル株式会社	33120	製造業	機械装置修理業	修理・取付	Repair of machinery	Ho Chi Minh	509
1140	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sakura Sonic Việt Nam	SAKURA SONIC VIETNAM CO., LTD.	サクラソニックベトナム	サクラソニック株式会社、関東精機株式会社	33120	製造業	機械装置修理業	修理・取付	Repair of machinery	Ho Chi Minh	570
1220	Công ty TNHH Việt Nam Klec	VIETNAM KLEC CO., LTD.	ベトナムKLEC	株式会社関東エルエンジニアリング	33120	製造業	機械装置修理業	修理・取付	Repair of machinery	Hanoi	610
1465	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nissei Plastic Việt Nam	NISSEI PLASTIC (VIET NAM) CO., LTD.	ニッセイプラスチックベトナム	日精樹脂工業株式会社	33120	製造業	機械装置修理業	修理・取付	Repair of machinery	Ho Chi Minh	733
1466	Công Ty TNHH Almex Việt Nam	ALMEX VIETNAM CO., LTD.		アルメックスPE株式会社	33120	製造業	機械装置修理業	修理・取付	Repair of machinery	Ho Chi Minh	733
1569	Công Ty TNHH Ryokosha Việt Nam	RYOKOSHA (VIETNAM) CO., LTD.	菱光社ベトナム	株式会社菱光社	33130	製造業	電子・光学機器修理業	修理・取付	Repair of electronic and optical equipment	Ho Chi Minh	785
790	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sankyu (Việt Nam)	SANKYU (VIET NAM) CO., LTD	山九ベトナム	山九株式会社	33200	製造業	産業用機械設備取付け業	修理・取付	Installation of industrial machinery and equipment	Ho Chi Minh	395
844	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sugico Việt Nam	SUGIKO VIETNAM CO., LTD.	杉孝ベトナム	株式会社杉孝	33200	製造業	産業用機械設備取付け業	修理・取付	Installation of industrial machinery and equipment	Hanoi	422
1430	Công ty TNHH MEGATECH Việt Nam	MEGATECH VIETNAM COMPANY LIMITED	MTベトナム	株式会社メガテック	33200	製造業	産業用機械設備取付け業	修理・取付	Installation of industrial machinery and equipment	Hai Phong	715
1498	Công Ty TNHH Eidensha Việt Nam	EIDENSHA VIETNAM CO., LTD		株式会社栄電舎	33200	製造業	産業用機械設備取付け業	修理・取付	Installation of industrial machinery and equipment	Hai Phong	749
1739	Công ty trách nhiệm hữu hạn KYOTO SHOKO Việt Nam	KYOTO SHOKO VIETNAM			33200	製造業	産業用機械設備取付け業	修理・取付	Installation of industrial machinery and equipment	Hai Phong	870
311	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện Số ng Mực	SONG MUC POWER COMPANY LIMITED			35101	電気・ガス・空調	発電業	電気	Electric power generation	Thanh Hoa	156
1136	Công Ty Điện Lựctrách Nhiệm Hữu Hạn Bot Phú Mỹ 3	PHU MY 3 BOT POWER COMPANY LTD.	フーミー3BOTパワー	九州電力株式会社、双日株式会社	35101	電気・ガス・空調	発電業	電気	Electric power generation	Ba Ria - Vung T	568
1518	Công Ty Năng Lượng Mekong	MEKONG ENERGY COMPANY LTD. PHU MY 202 POWER PLANT	メコン・エナジー、フーミー第2火力発電所	東京電力ホールディングス株式会社	35101	電気・ガス・空調	発電業	電気	Electric power generation	Ba Ria - Vung T	759
1725	Công ty TNHH Air Water Việt Nam	AIR WATER VIETNAM CO., LTD.	エアウォーターベトナム	エア・ウォーター株式会社	35200	電気・ガス・空調	ガス製造業、本管によるガス燃料の配給	ガス	Manufacture of gas; distribution of gaseous fuels through mains	Ba Ria - Vung T	863
610	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Môi Truờng Việt Nhất	VIET NAM JAPAN ENVIRONMENTAL LIMITED COMPANY			37002	上下水道・廃棄物	下水処理業	下水	Sewer treatment activities	Ho Chi Minh	305
1814	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KANKYO JAPAN VIỆT NAM	KANKYO JAPAN VIETNAM CO., LTD.	環境ジャパンベトナム	株式会社ホクベレ	38302	上下水道・廃棄物	非金属廃棄物回収業	廃棄物	Non-metal waste recovery	Dong Nai	907
368	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Fujita Việt Nam	FUJITA CORPORATION VIETNAM	フジタ	株式会社フジタ	41000	建設業	建造物建設業	建設	Construction of buildings	Hanoi	184
755	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Quốc Tế L D Vinaconex Taisei	VINATA INTERNATIONAL J/V LTD. CO.	VINATA合弁インターナショナル	大成建設株式会社	41000	建設業	建造物建設業	建設	Construction of buildings	Hanoi	378
930	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Toyo Việt Nam	TTCL VIETNAM CORPORATION LIMITED (TOYO - VIETNAM CORP)	TTCLベトナム	東洋エンジニアリング株式会社	41000	建設業	建造物建設業	建設	Construction of buildings	Ho Chi Minh	465
1021	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Xây Dựng Abe (Việt Nam)	ABE (VIETNAM) CONSTRUCTION CO., LTD.	阿部工務店 (越南)	阿部俊行	41000	建設業	建造物建設業	建設	Construction of buildings	Ho Chi Minh	511
1023	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Xây dựng Kanto Việt Nam	KANTO VIETNAM CONSTRUCTION COMPANY LIMITED	関東建設工業ベトナム	関東建設工業株式会社	41000	建設業	建造物建設業	建設	Construction of buildings	Hanoi	512
1024	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Xây Dựng Toneco	TONECO CO.	トネココーポレーション		41000	建設業	建造物建設業	建設	Construction of buildings	Hanoi	512
1091	Cty Obavashi Việt Nam	OBAYASHI VIETNAM CORPORATION	大林ベトナム	株式会社大林組	41000	建設業	建造物建設業	建設	Construction of buildings	Ho Chi Minh	546
1361	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Toda Việt Nam	TODA VIETNAM CO., LTD.	ベトナム戸田建設	戸田建設株式会社	41000	建設業	建造物建設業	建設	Construction of buildings	Ho Chi Minh	681
1019	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Wkk Việt Nam	WORLD KAIHATSU KOGYO CO., LTD	ワールドカイハツコウギョウ	ワールド開発工業株式会社	42102	建設業	道路建設業	土木	Construction of roads	Phan Thiet	510
109	Công Ty T N H H K I N D E N Việt Nam	KINDEN VIETNAM COMPANY LIMITED	キンデンベトナム	株式会社きんでん	42200	建設業	公益事業建設業	土木	Construction of utility projects	Hanoi	55
1605	Công ty XD Sumitomo Mitsui-Thầu chỉ nh thiết kế & xây dựng nhà máy mới đ iên Stanley Việt Nam GDI	SUMITOMO MITSUI - CONSULTANT OF BUILDING STANLEY ELECTRIC PLAN VIETNAM - PHASE 1		三井住友建設株式会社	42200	建設業	公益事業建設業	土木	Construction of utility projects	Hanoi	803
70	Công Ty Kukdong Engineering & Construction Co., LTD	KUKDONG ENGINEERING & CONSTRUCTION CO., LTD			42900	建設業	その他の土木事業	土木	Construction of other civil engineering projects	Kien Giang - Ra	35
295	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Daiwa House Việt Nam	DAIWA HOUSE VIETNAM CO., LTD	大和ハウスベトナム	大和ハウス工業株式会社	42900	建設業	その他の土木事業	土木	Construction of other civil engineering projects	Hanoi	148
358	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Fuji Engineering Việt Nam	FUJI ENGINEERING VIETNAM COMPANY LIMITED			42900	建設業	その他の土木事業	土木	Construction of other civil engineering projects	Hanoi	179
1022	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Xây Dựng Ei - Shou Việt Nam	EI-SHOU VIETNAM CONSTRUCTION COMPANY LIMITED			42900	建設業	その他の土木事業	土木	Construction of other civil engineering projects	Ba Ria - Vung T	511
1089	Cty XD Nishimatsu-TC ĐA mư ctr phức lợi cho NM Panasonic Appliances VN tại KCN TL L ĐA HN	NISHIMATSU - PANASONIC APPLIANCES PROJECT	西松建設ハノイ事務所	西松建設株式会社	42900	建設業	その他の土木事業	土木	Construction of other civil engineering projects	Hanoi	545
1128	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thép B ê Tông Nhất Kiều	NIKKEY STEEL-CONCRETE CO., LTD			42900	建設業	その他の土木事業	土木	Construction of other civil engineering projects	Ho Chi Minh	564
1404	Công Ty TNHH Murakamigumi Việt Nam	MURAKAMIGUMI VIETNAM CO., LTD.		株式会社村上組	42900	建設業	その他の土木事業	土木	Construction of other civil engineering projects	Ho Chi Minh	702
1489	Công ty TNHH M-Tec Asean	M - TEC ASEAN		株式会社エム・テック	42900	建設業	その他の土木事業	土木	Construction of other civil engineering projects	Hanoi	745
1678	Công ty TNHH Suido Kiko Việt Nam	SUIDO KIKO VIETNAM CO., LTD.	水道機工ベトナム	水道機工株式会社	42900	建設業	その他の土木事業	土木	Construction of other civil engineering projects	Hanoi	839

1756	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ket Việt Nam	KET VIETNAM CO., LTD.			42900	建設業	その他の土木事業	土木	Construction of other civil engineering projects	Hanoi	878
1889	Công ty TNHH TPSC (Việt Nam)	TPSC (VIETNAM) CO., LTD.	ティービーエスシーベトナム	東芝プラントシステム株式会社	42900	建設業	その他の土木事業	土木	Construction of other civil engineering projects	Hanoi	945
17	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Javi Otowa	JAVI OTOWA CO., LTD.	ジャビオトワ	株式会社オトワコーエイ	43120	建設業	土地造成業	土木	Site preparation	Hanoi	9
533	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kurihara Việt Nam	KURIHARA VIET NAM COMPANY LIMITED	栗原ベトナム	栗原工業株式会社	43210	建設業	電気設備業	専門建設	Electrical installation activities	Hanoi	267
814	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Shinryo Việt Nam	SHINRYO VIETNAM CORPORATION	新菱ベトナム	新菱冷熱工業株式会社	43210	建設業	電気設備業	専門建設	Electrical installation activities	Ho Chi Minh	407
1270	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Yurtec Vn	YURTEC VIETNAM CO., LTD.	ユアテックベトナム	株式会社ユアテック	43210	建設業	電気設備業	専門建設	Electrical installation activities	Ho Chi Minh	635
1567	Công ty TNHH Takasago Việt Nam	TAKASAGO VIETNAM CO., LTD.	タカサゴ・ベトナム	高砂熱学工業株式会社	43210	建設業	電気設備業	専門建設	Electrical installation activities	Ho Chi Minh	784
1591	Công Ty TNHH Seamec Việt Nam	SEAMEC VIETNAM COMPANY LIMITED	シーメックベトナム	三宝電機株式会社	43210	建設業	電気設備業	専門建設	Electrical installation activities	Ho Chi Minh	796
1888	Công ty TNHH Hà Nội Plant	HANOI PLANT ENGINEERING CO.,			43210	建設業	電気設備業	専門建設	Electrical installation activities	Hanoi	944
1366	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Organo (viết Nam)	ORGANO (VIET NAM) COMPANY LIMITED.	オルガノ (ベトナム)	オルガノ株式会社	43221	建設業	排水設備業	専門建設	Plumbing installation activities	Ho Chi Minh	683
72	Công Ty L D D V Điều Hoà Không Khí Việt Nhật	VIET NAM - JAPAN REFRIGERATION AND AIR-CONDITIONING JOINT STOCK COMPANY	ベトナムジャパンリフジレーションアンドエアーコンディショニング		43222	建設業	暖房・空調設備業	専門建設	Heating and air-conditioning system installation activities	Hanoi	36
463	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Itokoki Việt Nam	I.T.O. CORPORATION VIETNAM CO., LTD.	I.T.Oベトナム	I・T・O株式会社	43222	建設業	暖房・空調設備業	専門建設	Heating and air-conditioning system installation activities	Ho Chi Minh	232
875	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Takasago Việt Nam	TAKASAGO VIETNAM CO., LTD.	タカサゴベトナム	高砂熱学工業株式会社	43222	建設業	暖房・空調設備業	専門建設	Heating and air-conditioning system installation activities	Hanoi	438
1585	Công Ty TNHH Kỹ Thuật Nhật	JAPAN ENGINEERING COMPANY LIMITED		日本エンジニアリング株式会社	43222	建設業	暖房・空調設備業	専門建設	Heating and air-conditioning system installation activities	Ho Chi Minh	793
37	Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Cơ Điện Coninco	CONINCO-SEC JSC		SECエレベーター株式会社	43290	建設業	その他の建設設備業	その他	Other construction installation activities	Hanoi	19
540	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kỹ Thuật T A I K I S H A Việt Nam	TAIKISHA VIETNAM ENGINEERING INC.	大気社ベトナムエンジニアリング	株式会社 大気社	43290	建設業	その他の建設設備業	その他	Other construction installation activities	Hanoi	270
753	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Quốc Tế Ide	IDE INTERNATIONAL CO., LTD	イデインターナショナル	イデシギョー株式会社	43290	建設業	その他の建設設備業	その他	Other construction installation activities	Hung Yen	377
1459	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nikkei Panel System Việt Nam	NIKKEI PANEL SYSTEM VN CO., LTD.	ニッケイパネルシステムベトナム	日軽パネルシステム株式会社	43290	建設業	その他の建設設備業	その他	Other construction installation activities	Ho Chi Minh	730
1525	Công ty TNHH Taiheiyō Việt nam Corporation	TAIHEIYO VIETNAM CORPORATION			43290	建設業	その他の建設設備業	その他	Other construction installation activities	Hanoi	763
1534	Công Ty TNHH Watari Việt Nam	WATARI VIETNAM COMPANY LIMITED	渡ベトナム	株式会社渡商会	43290	建設業	その他の建設設備業	その他	Other construction installation activities	Ho Chi Minh	767
1542	Công ty cổ phần BMB Việt Nam	BMB (BEST MUSIC BRAND)			43290	建設業	その他の建設設備業	その他	Other construction installation activities	Hanoi	771
1432	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Fonen Việt Nam	FoneN VIETNAM CO., LTD.	エフワンエヌベトナム	株式会社エフワンエヌ	43300	建設業	建造物完成及び仕上業	その他	Building completion and finishing	Ho Chi Minh	716
172	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn M.o.tec Việt Nam	M.O.TEC VIET NAM CO., LTD	エムオーテックベトナム	株式会社エム・オー・テック	43900	建設業	その他の専門建設業	その他	Other specialized construction activities	Ha Nam	86
351	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn First Kakoh Việt Nam	FIRST KAKOH VIETNAM	ファーストカコウベトナム	ファースト化工株式会社	43900	建設業	その他の専門建設業	その他	Other specialized construction activities	Ho Chi Minh	176
1211	Công ty TNHH MTV Công nghệ Môi trường Orentech VN	ORENTECH VIETNAM ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY ONE MEMBER COMPANY LIMITED	ORENTECHベトナム環境技術	株式会社フレイン	43900	建設業	その他の専門建設業	その他	Other specialized construction activities	Hanoi	606
166	Công Ty Toyota Hiroshima Tân Cảng -	THTC-HT	トヨタ広島タンカン - HT	広島トヨタトレーディング株式会社	45111	卸・小売・修理業	自動車(12シート以下)卸業	卸	Wholesale of car (under 12 seats)	Ho Chi Minh	83
167	Công Ty Toyota Lý Thường Kiệt	TOYOTA LY THUONG KIET	トヨタリートゥンキエット	住友商事株式会社	45111	卸・小売・修理業	自動車(12シート以下)卸業	卸	Wholesale of car (under 12 seats)	Ho Chi Minh	84
435	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Honda Trading Việt Nam	HONDA TRADING VIETNAM COMPANY LIMITED	ホンダトレーディングベトナム	株式会社ホンダトレーディング	45111	卸・小売・修理業	自動車(12シート以下)卸業	卸	Wholesale of car (under 12 seats)	Hanoi	218
682	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nissan Việt Nam	NISSAN VIETNAM COMPANY LIMITED	ベトナム日産	日産自動車株式会社	45111	卸・小売・修理業	自動車(12シート以下)卸業	卸	Wholesale of car (under 12 seats)	Hanoi	341
1321	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mai Hino Motors Việt Nam	HINO MOTORS VIETNAM, LTD.	日野モータースベトナム	日野自動車株式会社	45119	卸・小売・修理業	その他の自動車卸業	卸	Wholesale of other motor vehicles	Ho Chi Minh	661
1670	Công Ty TNHH Ktb Vina	KTb VINA COMPANY LIMITED			45119	卸・小売・修理業	その他の自動車卸業	卸	Wholesale of other motor vehicles	Hanoi	835
1874	Công Ty TNHH A-Sung International Vina	A - SUNG INTERNATIONAL VINA COMPANY LIMITED			45119	卸・小売・修理業	その他の自動車卸業	卸	Wholesale of other motor vehicles	Hanoi	937
89	Công Ty Liên Doanh Toyota Giải Phóng	TOYOTA GIAI PHONG COMPANY	トヨタザイフォン	住友商事株式会社	45120	卸・小売・修理業	自動車(12シート以下)小売業	小売	Retail sale of car (under 12 seats)	Hanoi	45
934	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Toyota Cần Thơ	TOYOTA CAN THO CO., LTD.	トヨタカントー	トヨタ自動車株式会社、住友商事株式会社	45120	卸・小売・修理業	自動車(12シート以下)小売業	小売	Retail sale of car (under 12 seats)	Can Tho	467
1325	Công Ty TNHH ô Tô Toyota Samco	TOYOTSU SAMCO MOTOR COMPANY LIMITED		豊田通商株式会社	45120	卸・小売・修理業	自動車(12シート以下)小売業	小売	Retail sale of car (under 12 seats)	Ho Chi Minh	663
61	Công Ty Dịch Vụ Ô Tô Sài Gòn Toyota Tsusho	TOYOTA TSUSHO SAIGON MOTOR SERVICE COMPANY LIMITED	トヨタツウショウサイゴンモーターサービス	豊田通商株式会社	45131	卸・小売・修理業	契約に基づき報酬を受取る自動車販売(12シート以下)	小売	Sale of car on a fee or contract basis (under 12 seats)	Ho Chi Minh	31
936	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Toyota Thanh Xuân	TOYOTA THANHXUAN COMPANY LIMITED	トヨタタインスアン	豊田通商株式会社	45131	卸・小売・修理業	契約に基づき報酬を受取る自動車販売(12シート以下)	小売	Sale of car on a fee or contract basis (under 12 seats)	Hanoi	468
935	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Toyota Hiroshima Vĩnh Phúc Ht	TOYOTA HIROSHIMA VINH PHUC - HT COMPANY LIMITED	トヨタヒロシマヴィンフックエイチティー	広島トヨタ自動車株式会社	45200	卸・小売・修理業	自動車保守及び修理業	修理	Maintenance and repair of motor vehicles	Vinh Phuc	468
291	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Daisin - Việt Nam	DAISIN VIETNAM CO., LTD			45301	卸・小売・修理業	自動車部品及び付属品卸業	卸	Wholesale of motor vehicle part and accessories	Dong Nai	146
333	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Earth Việt Nam	EARTH VIETNAM CORP	アースベトナム	アース電機株式会社	45301	卸・小売・修理業	自動車部品及び付属品卸業	卸	Wholesale of motor vehicle part and accessories	Ho Chi Minh	167
1306	Công Ty TNHH Molten Việt Nam	MOLTEN VIETNAM CO., LTD	モルテンベトナム	株式会社モルテン	45301	卸・小売・修理業	自動車部品及び付属品卸業	卸	Wholesale of motor vehicle part and accessories	Ho Chi Minh	653
1798	Công ty TNHH NIPPON THERMOSTAT Việt Nam	NIPPON THERMOSTAT VIETNAM CO., LTD.	日本サーモスタットベトナム	日本サーモスタット株式会社	45301	卸・小売・修理業	自動車部品及び付属品卸業	卸	Wholesale of motor vehicle part and accessories	Ha Nam	899
1443	Công Ty TNHH Honda Việt Nam Power Products	HONDA VIETNAM POWER PRODUCTS CO., LTD	ホンダベトナムパワープロダクツ	本田技研工業株式会社	45412	卸・小売・修理業	オートバイ小売業	小売	Retail sale of motorcycles	Ho Chi Minh	722
807	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Shi Plastics Machinery Vietnam	S.H.I. PLASTICS MACHINERY (VIETNAM) LIMITED LIABILITY COMAPNY	SHIプラスチック機械ベトナム	住友重機械工業株式会社	45420	卸・小売・修理業	オートバイ販売・保守・修理業	小売	Sale, maintenance and repair of motorcycles	Hanoi	404

1538	Công ty TNHH Technopro Japan	TECHINOPRO JAPAN CO., LTD.		有限会社テクノプロ	45431	卸・小売・修理業	オートバイ部品及び付属品卸業	卸	Wholesale of motorcycles parts and accessories	Hanoi	769
1545	Công Ty TNHH M.Tec Việt Nam	M.TEC VIETNAM CO.,LTD	エムテックベトナム	株式会社エム・テック	45431	卸・小売・修理業	オートバイ部品及び付属品卸業	卸	Wholesale of motorcycles parts and accessories	Hanoi	773
1553	Công Ty TNHH Kanematsu Kkg Việt Nam	KANEMATSU KKG VIETNAM CO., LTD	兼松KKGベトナム	株式会社兼松KKG	45431	卸・小売・修理業	オートバイ部品及び付属品卸業	卸	Wholesale of motorcycles parts and accessories	Hanoi	777
1626	Công ty TNHH Tokyo Machine & Tool (Việt Nam)	TOKYO MACHINE & TOOL (VIETNAM)	東京マシンアンドツールベトナム	東京マシン・アンド・ツール株式会社	45431	卸・小売・修理業	オートバイ部品及び付属品卸業	卸	Wholesale of motorcycles parts and accessories	Hanoi	813
1665	Công ty TNHH Daiichi Jitsugyo Việt Nam	DAIICHI JITSUGYOU (VIETNAM) CO., LTD.	第一実業(ベトナム)	第一実業株式会社	45431	卸・小売・修理業	オートバイ部品及び付属品卸業	卸	Wholesale of motorcycles parts and accessories	Hanoi	833
1676	Công ty TNHH Maruka Việt Nam	MARUKA VIETNAM CO., LTD.	マルカ・ベトナム	マルカキカイ株式会社	45431	卸・小売・修理業	オートバイ部品及び付属品卸業	卸	Wholesale of motorcycles parts and accessories	Hanoi	838
1881	Công ty TNHH Sumiden International Trading Việt Nam	SUMIDEN INTERNATIONAL TRADING (VIETNAM) CO., LTD.	スミデンインターナショナルトレーディングベトナム	住電商事株式会社	45431	卸・小売・修理業	オートバイ部品及び付属品卸業	卸	Wholesale of motorcycles parts and accessories	Hanoi	941
878	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Takubo Việt Nam	TAKUBO VIETNAM COMPANY LIMITED	田窪ベトナム	田窪株式会社	46101	卸・小売・修理業	仲介代理店業	卸	Activities of commission agents	Hanoi	439
1064	Côngty Trách Nhiệm Hữu Hạn Osco Internationnal	OSCO INTERNATIONAL COMPANY LIMITED	オスコインターナショナル	大崎機工株式会社	46101	卸・小売・修理業	仲介代理店業	卸	Activities of commission agents	Hanoi	532
1252	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Thức Ăn Gia Súc Quốc Tế	FODDER INTERNATIONAL TRADING COMPANY LIMITED			46204	卸・小売・修理業	飼料及び飼料原料卸業	卸	Wholesale of feeds and feed materials	Ho Chi Minh	626
10	CNg Ty T N H H Hoa Đắk Lắk	FARMERS UNION VENTURE CO., LTD	ファーマーズユニオンベンチャー	株式会社無茶々園	46209	卸・小売・修理業	その他の農業・林産物原料卸業(木、竹を除く)	卸	Wholesale of other agricultural, forestry materials, except wood, bamboo	Dak Lak	5
1568	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Quốc Tế An Ri	AN RI INTERNATIONAL CO., LTD.			46323	卸・小売・修理業	果物・野菜卸業	卸	Wholesale of fruits and vegetables	Ho Chi Minh	784
1181	Công Ty TNHH Kato Sangyo Việt Nam	KATO SANGYO VIETNAM COMPANY LIMITED	加藤産業ベトナム	加藤産業株式会社	46329	卸・小売・修理業	その他の食品卸業	卸	Wholesale of other food	Ho Chi Minh	591
130	Công Ty TNHH Một Thành Viên Nichirei Suco Việt Nam	NICHIREI SUCO VIETNAM COMPANY LIMITED	ニチレイスーコ・ベトナム	株式会社ニチレイスーコ	46332	卸・小売・修理業	アルコール分を含まない飲料卸業	卸	Wholesale of non-alcoholic beverages	Tien Giang	65
1566	Công Ty TNHH Dinh Dưỡng Otsuka Th ăng	OTSUKA THANG NUTRITION COMPANY LIMITED	大塚タンニュートリション	大塚製薬株式会社	46332	卸・小売・修理業	アルコール分を含まない飲料卸業	卸	Wholesale of non-alcoholic beverages	Ho Chi Minh	783
1481	Công Ty TNHH Vina Marudai	VINA MARUDAI	ビナマルダイ	コロナマルダイ株式会社	46411	卸・小売・修理業	繊維卸業	卸	Wholesale of textiles	Ho Chi Minh	741
1355	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Azuma Việt Nam	AZUMA VIETNAM INVESTMENT AND TRADING CO., LTD	アズマベトナム	アズマ株式会社	46412	卸・小売・修理業	絨毯・敷物・網・ロープ・麻ひも・網・その他繊維製品卸業	卸	Wholesale of carpets, rugs, cordage, rope, twine, netting and other textile products	Hanoi	678
1464	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Moririn Việt Nam	MORIRIN VIETNAM COMPANY LIMITED	モリリンベトナム	モリリン株式会社	46412	卸・小売・修理業	絨毯・敷物・網・ロープ・麻ひも・網・その他繊維製品卸業	卸	Wholesale of carpets, rugs, cordage, rope, twine, netting and other textile products	Ho Chi Minh	732
1097	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Onward Kashivama Việt Nam	ONWARD KASHIYAMA VIETNAM LTD	オンワードカシヤマベトナム	株式会社オンワードホールディングス	46413	卸・小売・修理業	衣服卸業	卸	Wholesale of wearing apparel	Ho Chi Minh	549
1369	Công Ty TNHH Osaka Plastic Việt Nam	OSAKA PLASTIC VIETNAM CO., LTD.	大阪プラスチックベトナム	大阪プラスチック工業株式会社	46413	卸・小売・修理業	衣服卸業	卸	Wholesale of wearing apparel	Ho Chi Minh	685
1720	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn M&m (việt Nam)	M & M (VIETNAM) CO., LTD			46491	卸・小売・修理業	カバン・ハンドバック・皮革・擬革製品卸業	卸	Wholesale of luggage, handbags leather or imitation leather	Long An	860
1335	Công Ty TNHH Thương Mại Quốc Tế Create Medic Việt Nam	VIETNAM CREATE MEDIC INTERNATIONAL TRADING CO.,	ベトナムクリエートメディック国際貿易	クリエートメディック株式会社	46492	卸・小売・修理業	医薬・医療機器卸業	卸	Wholesale of pharmaceuticals and medical equipments	Ho Chi Minh	668
1490	Công Ty TNHH Y Tế Alfresa Codupha Việt Nam	ALFRESA CODUPHA HEALTHCARE VIETNAM CO., LTD	アルフレッサコッドファヘルスケアベトナム	アルフレッサ ホールディングス株式会社	46492	卸・小売・修理業	医薬・医療機器卸業	卸	Wholesale of pharmaceuticals and medical equipments	Ho Chi Minh	745
1494	Công Ty TNHH Clover Cộn	CLOVER PLUS CO., LTD.		ジョブ・クロバー株式会社	46492	卸・小売・修理業	医薬・医療機器卸業	卸	Wholesale of pharmaceuticals and medical equipments	Ho Chi Minh	747
26	Công Ty Cổ Phần Bes Việt Nam	BES VIETNAM JOINT STOCK COMPANY			46493	卸・小売・修理業	香水・化粧品・洗浄・つや出し剤卸業	卸	Wholesale of perfumes, cosmetics, cleaning and polishing preparations	Hanoi	13
1183	Công Ty TNHH Thương Mại Logitem Việt Nam	LOGITEM VIETNAM TRADING CO., LTD	ロジテムベトナムトレーディング	日本ロジテム株式会社	46493	卸・小売・修理業	香水・化粧品・洗浄・つや出し剤卸業	卸	Wholesale of perfumes, cosmetics, cleaning and polishing preparations	Ho Chi Minh	592
1235	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Moltobene (vietnam)	MOLTOBENE VIETNAM COMPANY LIMITED	モルトベーネベトナム	株式会社モルトベーネ	46493	卸・小売・修理業	香水・化粧品・洗浄・つや出し剤卸業	卸	Wholesale of perfumes, cosmetics, cleaning and polishing preparations	Ho Chi Minh	618
1421	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mỹ Phẩm Shiseido Việt Nam	SHISEIDO VIETNAM INC.	資生堂ベトナム	株式会社資生堂	46493	卸・小売・修理業	香水・化粧品・洗浄・つや出し剤卸業	卸	Wholesale of perfumes, cosmetics, cleaning and polishing preparations	Ho Chi Minh	711
1187	Công Ty TNHH Eis Việt Nam	EIS VIETNAM CO., LTD	イーアイエスベトナム	イーアイエス株式会社	46495	卸・小売・修理業	照明機器・家電製品卸業	卸	Wholesale of electric lighting equipment, domestic appliances	Ho Chi Minh	594
1517	Công ty TNHH WACOH Việt Nam	VIETNAM WACOH COMPANY LIMITED	越南和光	和光株式会社	46496	卸・小売・修理業	家具類卸業	卸	Wholesale of furniture and the like	Hai Duong	759
617	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Th ạnh Viên Nhanh Nhanh	QUICK QUICK CO., LTD		株式会社マグエクス	46497	卸・小売・修理業	本・新聞・雑誌・文房具卸業	卸	Wholesale of books, newspapers, journal and stationarv	Ho Chi Minh	309
907	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Kokuvo Việt Nam	KOKUYO VIETNAM TRADING CO., LTD	コクヨベトナムトレーディング	コクヨ株式会社	46497	卸・小売・修理業	本・新聞・雑誌・文房具卸業	卸	Wholesale of books, newspapers, journal and stationarv	Hai Phong	454
1299	Công Ty TNHH Băng Keo Fukuoka	FUKUOKA TAPE CO., LTD	福岡テープベトナム	福岡テープ株式会社	46497	卸・小売・修理業	本・新聞・雑誌・文房具卸業	卸	Wholesale of books, newspapers, journal and stationarv	Ho Chi Minh	650
387	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Giải Tr i Gogo	GO GO ENTERTAINMENT CO., LTD.		梅沢 靖	46499	卸・小売・修理業	分類できないその他の日用品卸業	卸	Wholesale of other household goods n.e.c	Da Nang	194
1122	Công Ty TNHH Oya Việt Nam	OYA VIETNAM CO., LTD	太谷ベトナム	太谷株式会社	46499	卸・小売・修理業	分類できないその他の日用品卸業	卸	Wholesale of other household goods n.e.c	Ho Chi Minh	561
1150	Công Ty TNHH Fujix Việt Nam	FUJIX VIETNAM CO., LTD.	フジックスベトナム	株式会社フジックス	46499	卸・小売・修理業	分類できないその他の日用品卸業	卸	Wholesale of other household goods n.e.c	Ho Chi Minh	575
1391	Công Ty TNHH Gokou Syoiji Việt Nam	GOKOU SYOJI VIET NAM CO., LTD.		五光商事株式会社	46499	卸・小売・修理業	分類できないその他の日用品卸業	卸	Wholesale of other household goods n.e.c	Ho Chi Minh	696
1480	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vina Asahi	VINA ASAHI CO., LTD.	ビナアサヒ	アサヒ衛陶株式会社	46499	卸・小売・修理業	分類できないその他の日用品卸業	卸	Wholesale of other household goods n.e.c	Ho Chi Minh	740
411	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hệ Thống Mới Việt Nam	NEW SYSTEM VIETNAM CO., LTD.	ニューシステムベトナム	株式会社アルゴグラフィックス	46510	卸・小売・修理業	コンピュータ・周辺機器及びソフトウェア卸業	卸	Wholesale of computer, computer peripheral equipment and software	Hanoi	206
226	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Azbil Việt Nam	AZBIL VIETNAM COMPANY LIMITED	アズビルベトナム	アズビル株式会社	46520	卸・小売・修理業	電子通信機器及び用度品卸業	卸	Wholesale of electronic and telecommunications equipment and supplies	Hanoi	113
246	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ccs Comservice Việt Nam	CCS COMSERVICE (VIETNAM) CO., LTD			46520	卸・小売・修理業	電子通信機器及び用度品卸業	卸	Wholesale of electronic and telecommunications equipment and supplies	Hanoi	123
570	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Makoto Sangyo Việt Nam	MAKOTO SANGYO VIETNAM COMPANY LIMITED	誠産業ベトナム	誠産業株式会社	46520	卸・小売・修理業	電子通信機器及び用度品卸業	卸	Wholesale of electronic and telecommunications equipment and supplies	Hanoi	285

836	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sony Electronics Việt Nam	SONY ELECTRONICS VIETNAM CO., LTD.	ソニーエレクトロニクスベトナム	ソニー株式会社	46520	卸・小売・修理業	電子通信機器及び用度品卸業	卸	Wholesale of electronic and telecommunications equipment and supplies	Ho Chi Minh	418
953	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tsb Việt Nam	TSB VIETNAM CO., LTD.	TSBベトナム	ティー・エス・ビー株式会社	46520	卸・小売・修理業	電子通信機器及び用度品卸業	卸	Wholesale of electronic and telecommunications equipment and supplies	Hanoi	477
1108	Công Ty Towa Denki Việt Nam	TOWA DENKI VIETNAM CO., LTD.	東和電気ベトナム	東和電気株式会社	46520	卸・小売・修理業	電子通信機器及び用度品卸業	卸	Wholesale of electronic and telecommunications equipment and supplies	Ho Chi Minh	554
1123	Cty TNHH Điện Tử Ohtori Việt Nam	OHTORI ELECTRONICS VIETNAM CO., LTD	オオトリエレクトロニクスベトナム	おおとり株式会社	46520	卸・小売・修理業	電子通信機器及び用度品卸業	卸	Wholesale of electronic and telecommunications equipment and supplies	Ho Chi Minh	562
1590	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện Tử Sharp Việt Nam	SHARP ELECTRONICS (VIETNAM) COMPANY LIMITED (SVN)	シャープエレクトロニクスベトナム	シャープ株式会社	46520	卸・小売・修理業	電子通信機器及び用度品卸業	卸	Wholesale of electronic and telecommunications equipment and supplies	Ho Chi Minh	795
1724	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mitsubishi Electric Việt Nam	MITSUBISHI ELECTRIC VIETNAM COMPANY LIMITED	三菱エレクトリックベトナム	三菱電機株式会社	46520	卸・小売・修理業	電子通信機器及び用度品卸業	卸	Wholesale of electronic and telecommunications equipment and supplies	Ho Chi Minh	862
1233	Công Ty TNHH Máy Nông Nghiệp Yanmar Việt Nam	YANMAR AGRICULTURAL MACHINERY VIETNAM COMPANY LIMITED	ヤンマーアグリカルチュアルマシナリーベトナム	ヤンマーホールディングス株式会社	46530	卸・小売・修理業	農業用機械・設備及び用度品卸業	卸	Wholesale of agricultural machinery, equipment and supplies	Ho Chi Minh	617
2	C Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kobelco Vn	KOBELCO CONSTRUCTION MACHINERY VIETNAM CO., LTD	コベルコ コンストラクションマシナリーベトナム	コベルコ建機株式会社	46591	卸・小売・修理業	採鉱・採石・採砂用機械及び設備卸業	卸	Wholesale of machinery and equipment for mining, quarrying and construction	Dong Nai	1
210	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Asahi Sangyo Việt Nam	ASAHI SANGYO VIETNAM CO., LTD.	旭日産業ベトナム	旭日産業株式会社	46591	卸・小売・修理業	採鉱・採石・採砂用機械及び設備卸業	卸	Wholesale of machinery and equipment for mining, quarrying and construction	Hanoi	105
614	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Morisada Việt Nam	VIETNAM MORISADA COMPANY LIMITED	ベトナムモリスダ	森定興商株式会社	46591	卸・小売・修理業	採鉱・採石・採砂用機械及び設備卸業	卸	Wholesale of machinery and equipment for mining, quarrying and construction	Hanoi	307
1234	Công Ty TNHH Thiết Bị Nặng Marubeni	MARUBENI HEAVY EQUIPMENT CO., LTD.	マルベニヘビーエクイプメント	丸紅株式会社	46591	卸・小売・修理業	採鉱・採石・採砂用機械及び設備卸業	卸	Wholesale of machinery and equipment for mining, quarrying and construction	Hanoi	617
76	Công Ty Ld Iwaki Pumps Việt Nam	IWAKI PUMPS VIETNAM CO., LTD	イワキポンプベトナム	株式会社イワキ	46592	卸・小売・修理業	電気設備・電気材料(モータ・発電機・変電気・ワイヤー)卸業	卸	Wholesale of electric equipment, electric materials (motors, generators, transformers, wire ...)	Dong Nai	38
1099	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kanetsu Việt Nam	KANETSU VIETNAM CO., LTD	鐘通ベトナム	鐘通株式会社	46592	卸・小売・修理業	電気設備・電気材料(モータ・発電機・変電気・ワイヤー)卸業	卸	Wholesale of electric equipment, electric materials (motors, generators, transformers, wire ...)	Ho Chi Minh	550
1373	Công Ty TNHH Hisakado Việt Nam	HISAKADO VIETNAM CO., LTD	久角ベトナム	株式会社久角製作所	46592	卸・小売・修理業	電気設備・電気材料(モータ・発電機・変電気・ワイヤー)卸業	卸	Wholesale of electric equipment, electric materials (motors, generators, transformers, wire ...)	Ho Chi Minh	687
1425	Công ty TNHH Thương mại và Xây lắp Meiko	MEIKO CONSTRUCTION & TRADING CO., LTD.			46592	卸・小売・修理業	電気設備・電気材料(モータ・発電機・変電気・ワイヤー)卸業	卸	Wholesale of electric equipment, electric materials (motors, generators, transformers, wire ...)	Hanoi	713
1524	Công ty TNHH Narasaki Việt Nam	NARASAKI VIETNAM CO., LTD.	ナラサキベトナム	ナラサキ産業株式会社	46592	卸・小売・修理業	電気設備・電気材料(モータ・発電機・変電気・ワイヤー)卸業	卸	Wholesale of electric equipment, electric materials (motors, generators, transformers, wire ...)	Hanoi	762
1560	Công ty TNHH Tamura Corporation Việt Nam	TAMURA CORPORATION VIETNAM CO., LTD.	タムラコーポレーションベトナム	株式会社タムラ製作所	46592	卸・小売・修理業	電気設備・電気材料(モータ・発電機・変電気・ワイヤー)卸業	卸	Wholesale of electric equipment, electric materials (motors, generators, transformers, wire ...)	Hanoi	780
1593	Công Ty TNHH Sankyo Việt Nam	SANKYO VIETNAM		三共商事株式会社	46592	卸・小売・修理業	電気設備・電気材料(モータ・発電機・変電気・ワイヤー)卸業	卸	Wholesale of electric equipment, electric materials (motors, generators, transformers, wire ...)	Ho Chi Minh	797
1601	Công ty TNHH Fuji Electric Việt Nam	FUJI ELECTRIC VIETNAM CO., LTD.	富士電機ベトナム	富士電機株式会社	46592	卸・小売・修理業	電気設備・電気材料(モータ・発電機・変電気・ワイヤー)卸業	卸	Wholesale of electric equipment, electric materials (motors, generators, transformers, wire ...)	Hanoi	801
709	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Oks Việt Nam	OKS VIETNAM COMPANY LIMITED			46593	卸・小売・修理業	繊維・衣類・皮革製造機械卸業	卸	Wholesale of machinery for textile, apparel and leather production	Hanoi	355
1531	Công Ty TNHH Juki Machinery Việt Nam	JUKI MACHINERY VIETNAM CO., LTD.	JUKIマシナリーベトナム	JUKI株式会社	46593	卸・小売・修理業	繊維・衣類・皮革製造機械卸業	卸	Wholesale of machinery for textile, apparel and leather production	Ho Chi Minh	766
1144	Công Ty TNHH Duplo Việt Nam	DUPLO VIETNAM COMPANY LIMITED	デュプロベトナム	デュプロ株式会社	46594	卸・小売・修理業	事務機器(コンピュータ及び周辺機器除外)卸業	卸	Wholesale of office machinery and equipment (except computers and peripheral equipment)	Ho Chi Minh	572
1298	Công Ty TNHH Giải Pháp Sato Việt Nam	SATO VIETNAM SOLUTIONS CO., LTD	サトーベトナムソリューションズ	サトーホールディングス株式会社	46594	卸・小売・修理業	事務機器(コンピュータ及び周辺機器除外)卸業	卸	Wholesale of office machinery and equipment (except computers and peripheral equipment)	Ho Chi Minh	649
1358	Công Ty TNHH Canon Marketing Việt Nam	CANON MARKETING VIETNAM CO., LTD.	キヤノンマーケティングベトナム	キヤノン株式会社	46594	卸・小売・修理業	事務機器(コンピュータ及び周辺機器除外)卸業	卸	Wholesale of office machinery and equipment (except computers and peripheral equinment)	Ho Chi Minh	679
12	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Chivoda Việt Nam	CHIYODA VIETNAM COMPANY LIMITED	チヨダベトナム	チヨダ工業株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Hanoi	6
114	Công Ty Thnn Nsk Việt Nam	NSK VIETNAM CO., LTD.	エヌエスケーベトナム	日本精工株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Hanoi	57
146	CÔNG TY TNHH SWING WATER VIỆT NAM	SWING WATER VIETNAM CORPORATION	swing ベトナム	swing株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Hanoi	73

202	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Aono Shokai Việt Nam	AONO SHOKAI VIETNAM CO., LTD	青野商会ベトナム	株式会社青野商会	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Hanoi	101
259	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Cominix Việt Nam	COMINIX VIETNAM CO., LTD	COMINIX ベトナム	大阪工機株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Hanoi	130
281	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn D.i.d Việt Nam	D.I.D VIETNAM CO., LTD.	ディアイディ ベトナム	大同工業株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Hanoi	141
397	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hamabo Việt Nam	HAMABO VIETNAM LIMITED LIABILITY COMPANY	浜貿ベトナム	浜松貿易株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Hanoi	199
486	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kamogawa Việt Nam	KAMOGAWA VIETNAM CO., LTD.	カモガワベトナム	株式会社Kamogawa	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Hanoi	243
487	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kanamori Industries Việt Nam	KANAMORI INDUSTRIES VIETNAM CO., LTD.	金森産業ベトナム	金森産業株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Hanoi	244
535	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kỹ Nghệ Fuji Furukawa E & C (Việt Nam)	FUJI FURUKAWA E & C (VIETNAM) CO., LTD	富士古河E&C(ベトナム)	富士古河E&C株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Hanoi	268
569	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Makita Vn	MAKITA VIETNAM COMPANY LIMITED	マキタベトナム	株式会社マキタ	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Binh Duong	285
612	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Molitec Steel (Việt Nam)	MOLITEC STEEL (VIETNAM) COMPANY LIMITED	モリテックスチール (ベトナム)	モリテックスチール株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Hanoi	306
671	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Niigata Machine Techno (Việt Nam)	NIIGATA MACHINE TECHNO (VIETNAM) COMPANY LIMITED	ニイガタマシンテクノベトナム	株式会社ニイガタマシンテクノ	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Hanoi	336
924	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Toshiba Machine (Việt Nam)	TOSHIBA MACHINE(VIET NAM) CO., LTD.	東芝機械ベトナム	東芝機械株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Hanoi	462
1006	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vina World Link	VINA WORLD LINK CO., LTD	ビナワールドリンク	株式会社フジキン	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Hanoi	503
1106	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mivachi Việt Nam	AMADA MIYACHI VIETNAM CO., LTD.	アマダミヤチベトナム	株式会社アマダミヤチ	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Ho Chi Minh	553
1110	Công Ty TNHH Ito Việt Nam	ITO VIETNAM CO., LTD.		Ito Corporation	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Ho Chi Minh	555
1111	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Thương Mại Asahi Chemical Vn	ASAHI CHEMICALS VIETNAM TRADING ONE MEMBER COMPANY LIMITED	旭ケミカルス (ベトナム) トレーディング	株式会社旭ケミカルス	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Ho Chi Minh	556
1119	Công ty TNHH Việt Nam Tomita	VIETNAM TOMITA CO., LTD.	ベトナムトミタ	株式会社トミタ	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Hanoi	560
1143	Công Ty TNHH Tif Việt Nam	TIF (TOYOITEC FUJINO) VIETNAM CO., LTD.		藤野商事株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Ho Chi Minh	572
1153	Công Ty TNHH Nichiden Việt Nam	NICHIDEN VIETNAM CO., LTD	日伝ベトナム	株式会社日伝	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Ho Chi Minh	577
1161	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Disco Hi-tec (Việt Nam)	DISCO HI-TEC (VIETNAM) CO., LTD.	ディスコハイテックベトナム	株式会社ディスコ	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Ho Chi Minh	581
1165	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thai Seng Vn	CONG TY TNHH THAI SENG VIETNAM	タイセイベトナム	泰盛貿易株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Ho Chi Minh	583
1196	Công Ty TNHH Anest Iwata Việt Nam	ANEST IWATA VIETNAM CO., LTD.	アネストイワタベトナム	アネスト岩田株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Ho Chi Minh	598
1229	Công Ty TNHH Thiết Bị Chính Xác Uno Việt Nam	UNO PRECISION MACHINERY VIETNAM CO., LTD	ウノプレシジョンマシナリーベトナム	宇野株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Ho Chi Minh	615
1259	Công Ty TNHH Naito Việt Nam	NAITO VIETNAM CO., LTD.	NAITOベトナム	株式会社NaITO	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Ho Chi Minh	630
1265	Công Ty TNHH Thương Mại Yuasa Việt Nam	YUASA TRADING VIETNAM CO., LTD.	ユアサトレーディングベトナム	ユアサ商事株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Ho Chi Minh	633
1308	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Waikai Việt Nam	WAKAI VIETNAM CO., LTD	ワカイベトナム	若井ホールディングス株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Ho Chi Minh	654
1349	Công Ty TNHH Sodick Việt Nam	SODICK VIETNAM CO., LTD.	ソディックベトナム	株式会社ソディック	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Ho Chi Minh	675
1426	Công Ty TNHH Tsukasa Việt Nam	TSUKASA VIETNAM CO., LTD		司化成工業株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Ho Chi Minh	713
1469	Công Ty TNHH Union Engineering Việt Nam	UNION ENGINEERING VIETNAM CO., LTD.		ユニオンエンジニアリング株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Ho Chi Minh	735
1470	Công Ty TNHH Yamazaki Mazak Việt Nam	YAMAZAKI MAZAK VIETNAM CO., LTD.	ヤマザキマザックベトナム	ヤマザキマザック株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Ho Chi Minh	735
1561	Công ty TNHH Dewx Vietnam	DEWX VIETNAM CO., LTD.		大洋産業株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Hanoi	781
1565	Công Ty TNHH âm Nhạc Yamaha Việt Nam	YAMAHA MUSIC VIETNAM CO., LTD.	ヤマハミュージックベトナム	ヤマハ株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Ho Chi Minh	783
1586	Công Ty TNHH Okuma Việt Nam	OKUMA VIETNAM COMPANY LIMITED		オークマ株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Ho Chi Minh	793
1597	Công Ty TNHH Jcem Việt Nam	JCEM VIETNAM CO., LTD. (JAPAN CHEMICAL ENGINEERING & MACHINERY VIETNAM)		日本化学機械製造株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Ho Chi Minh	799
1623	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Yamazen Việt Nam	YAMAZEN VIET NAM COMPANY LIMITED	山善ベトナム	株式会社山善	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Ho Chi Minh	812
1662	Công Ty TNHH Morimura Bros. (Vietnam)	MORIMURA BROS. (VIETNAM) CO., LTD	ベトナム森村商事	森村商事株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Hanoi	831
1664	Công Ty TNHH Keyence Việt Nam	KEYENCE VIETNAM CO., LTD.	キーエンスベトナム	株式会社キーエンス	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Hanoi	832
1667	Công Ty TNHH Star Seiki (Việt Nam)	STAR SEIKI (VIETNAM) CO., LTD	スター精機 (ベトナム)	株式会社スター精機	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Hanoi	834
1861	Công ty TNHH Kỹ thuật CKD Việt Nam	CKD VIETNAM ENGINEERING CO., LTD.	CKDベトナムエンジニアリング	CKD株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Hanoi	931
1862	Công ty TNHH Yonezawa Việt Nam	YONEZAWA VIETNAM CO., LTD.		米沢工機株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Hanoi	931
1866	Công ty TNHH Việt Nam Fukunaga Engineering	VIETNAM FUKUNAGA ENGINEERING CO., LTD.	ベトナムフクナガエンジニアリング	株式会社フクナガエンジニアリング	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Hanoi	933
1867	Công ty TNHH Nippon Seal Việt Nam	NIPPON SEAL VIETNAM CO., LTD.		日本シール株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Hanoi	934

1879	Công ty TNHH Sekisui Việt Nam Pipe Solutions	SEKISUI VIETNAM PIPE SOLUTIONS CO., LTD	積水ベトナムパイプソリューション	積水化学工業株式会社	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Hanoi	940
1894	Công ty TNHH Nissho Koei Việt Nam	NISSHO VIETNAM HANOI OFFICE		株式会社日商工営	46599	卸・小売・修理業	その他の機械・設備・部品卸業	卸	Wholesale of other machinery and equipment, parts	Hanoi	947
54	Công Ty Cổ Phần Universal Petroleum Vn	UNIVERSAL PETROLEUM VIET NAM JOINT STOCK COMPANY			46614	卸・小売・修理業	ガス及び関連製品卸業	卸	Wholesale of gas and related products	Binh Duong	27
145	Công ty TNHH Sopet Gas One	SOPET GAS ONE COMPANY LIMITED	ソペットガスワン	株式会社サイサン	46614	卸・小売・修理業	ガス及び関連製品卸業	卸	Wholesale of gas and related products	Dong Nai	73
1845	Chi nhánh công ty TNHH OSG Việt Nam tại Hà Nam	OSG VIETNAM HA NAM	オーエスジーベトナム	オーエスジー株式会社	46614	卸・小売・修理業	ガス及び関連製品卸業	卸	Wholesale of gas and related products	Ha Nam	923
286	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Daiichi Kinzoku Việt Nam	DAIICHI KINZOKU VIETNAM CO., LTD	第一金属ベトナム	第一金属株式会社	46622	卸・小売・修理業	鉄、鉄鋼卸業	卸	Wholesale of iron, steel	Hanoi	143
644	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nakagawa Special Steel Việt Nam	NAKAGAWA SPECIAL STEEL (VIETNAM) CO., INC	中川特殊鋼ベトナム	中川特殊鋼株式会社	46622	卸・小売・修理業	鉄、鉄鋼卸業	卸	Wholesale of iron, steel	Hanoi	322
894	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thiết Bị Hoá Chất Nakagawa Việt Nam	NAKAGAWA CHEMICAL EQUIPMENT VIETNAM COMPANY	中川化学装置ベトナム	中川化学装置株式会社	46622	卸・小売・修理業	鉄、鉄鋼卸業	卸	Wholesale of iron, steel	Hanoi	447
1130	Công Ty TNHH Thép Sakai	SAKAI STEEL CO., LTD.	サカイスチール	堺鋼板株式会社	46622	卸・小売・修理業	鉄、鉄鋼卸業	卸	Wholesale of iron, steel	Ho Chi Minh	565
1131	Công Ty TNHH Kinh Doanh Nippon Steel & Sumikin Việt Nam	NIPPON STEEL & SUMIKIN METAL PRODUCTS VIETNAM CO., LTD. (NSMV)	日鐵住金建材ベトナム	日鐵住金建材株式会社、住友商事株式会社、住友鉄鋼販売株式会社、其英製鋼株式会社	46622	卸・小売・修理業	鉄、鉄鋼卸業	卸	Wholesale of iron, steel	Ho Chi Minh	566
1173	Công Ty TNHH Thép Đặc Biệt Suzuki Việt Nam	SUZUKI SPECIAL STEEL COMPANY (VIETNAM) CO., LTD.	スズキベトナム	鈴木特殊鋼株式会社	46622	卸・小売・修理業	鉄、鉄鋼卸業	卸	Wholesale of iron, steel	Ho Chi Minh	587
1189	Công ty TNHH thương mại Fujiton	FUJITON TRADING CO., LTD.		伊藤忠丸紅鉄鋼株式会社	46622	卸・小売・修理業	鉄、鉄鋼卸業	卸	Wholesale of iron, steel	Bac Ninh	595
1379	Công ty Trách nhiệm hữu hạn SMC - Summit	SMC SUMMIT CO., LTD	SMCサミット	住友商事株式会社	46622	卸・小売・修理業	鉄、鉄鋼卸業	卸	Wholesale of iron, steel	Ba Ria - Vung T	690
1406	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Nippon Steel Việt Nam	NIPPON STEEL & SUMIKIN BUSSAN VIETNAM CO., LTD.	日鉄住金物産ベトナム	日鉄住金物産株式会社	46622	卸・小売・修理業	鉄、鉄鋼卸業	卸	Wholesale of iron, steel	Ho Chi Minh	703
1487	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Quốc Tế Vina Okava	VINA OKAYA INTERNATIONAL CO., LTD.	ベトナム岡谷鋼機	岡谷鋼機株式会社	46622	卸・小売・修理業	鉄、鉄鋼卸業	卸	Wholesale of iron, steel	Ho Chi Minh	744
1547	Công ty Sanmei Việt Nam	SANMEI VIETNAM CO., LTD.	三明ベトナム	三明化成株式会社	46622	卸・小売・修理業	鉄、鉄鋼卸業	卸	Wholesale of iron, steel	Hanoi	774
1555	Công Ty TNHH Toprise Godai Việt	TOPRISE GODAI VIETNAM CO., LTD.		トップライズ株式会社	46622	卸・小売・修理業	鉄、鉄鋼卸業	卸	Wholesale of iron, steel	Ho Chi Minh	778
1571	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hanwa Việt Nam	HANWA VIETNAM CO., LTD.	阪和ベトナム	阪和興業株式会社	46622	卸・小売・修理業	鉄、鉄鋼卸業	卸	Wholesale of iron, steel	Ho Chi Minh	786
1184	Công Ty TNHH Ohgitani Việt Nam	OHGITANI VIETNAM CO., LTD		株式会社扇谷	46623	卸・小売・修理業	その他の金属卸業	卸	Wholesale of other metals	Ho Chi Minh	592
1339	Công Ty TNHH Kato Metals Việt Nam	KATO METALS (VIETNAM) COMPANY LIMITED	加藤金属ベトナム	加藤金属興業株式会社	46623	卸・小売・修理業	その他の金属卸業	卸	Wholesale of other metals	Ho Chi Minh	670
1431	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sato - Shoji (việt Nam)	SATO - SHOJI (VIET NAM) CO., LTD	佐藤商事ベトナム	佐藤商事株式会社	46623	卸・小売・修理業	その他の金属卸業	卸	Wholesale of other metals	Ho Chi Minh	716
1685	Công Ty TNHH Việt Nhật Chế Biến Gỗ Và Dầm Gỗ Dung Quất	VIETNAM - JAPAN WOODWORKING AND WOODCHIP DUNG QUAT CORPORATION	ベトナムジャパンウッドワーキングアンドチップズングワット	双日株式会社	46631	卸・小売・修理業	竹材・未加工木材・加工木材卸業	卸	Wholesale of bamboo, rough timber and processed wood	Quang Ngai	843
555	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lilama 3 - Dai Nippon Torvo	LILAMA 3 - DAI NIPPON TORYO COMPANY LIMITED	リラマ3 - 大日本塗料	大日本塗料株式会社	46635	卸・小売・修理業	塗料・ニス卸業	卸	Wholesale of paints, varnishes	Hanoi	278
1864	Công ty TNHH Nihon Lock Service Việt Nam	NIHON LOCK SERVICE VIETNAM CO., LTD.	日本ロックサービス・ベトナム	株式会社日本ロックサービス	46637	卸・小売・修理業	金物類卸業	卸	Wholesale of hardware	Hanoi	932
603	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mitsui Việt Nam	MITSUMI & CO. VIETNAM LTD., HO CHI MINH HEAD OFFICE	ベトナム三井物産ホーチミン本店	三井物産株式会社	46639	卸・小売・修理業	その他の建設設備卸業	卸	Wholesale of other construction installation equipments	Ho Chi Minh	302
921	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tôn Lợp Cao Cấp Việt Nhật	VIET NAM -JAPAN ADVANCED METAL FORMING COMPANY	JAMベトナム	株式会社メガテック、株式会社アサヒ金物、JFE鋼板株式会社	46639	卸・小売・修理業	その他の建設設備卸業	卸	Wholesale of other construction installation equipments	Hai Duong	461
1428	Công Ty TNHH Vina Kanzai	VINA KANZAI COMPANY LIMITED		日本管材センター株式会社	46639	卸・小売・修理業	その他の建設設備卸業	卸	Wholesale of other construction installation equipments	Ho Chi Minh	714
1107	Công Ty TNHH Caldic Việt Nam	CALDIC VIETNAM CO., LTD.			46691	卸・小売・修理業	殺虫剤・肥料・農薬卸業	卸	Wholesale of pesticides, fertilizers and agricultural chemicals	Ho Chi Minh	554
1278	Công Ty TNHH Hữu Cơ Sinh Học Map	MAP BIO - ORGANICS COMPANY LIMITED			46691	卸・小売・修理業	殺虫剤・肥料・農薬卸業	卸	Wholesale of pesticides, fertilizers and agricultural chemicals	Ho Chi Minh	639
1584	Công Ty TNHH Jcu Việt Nam	JCU VIETNAM CORPORATION	JCUベトナム	株式会社JCU	46691	卸・小売・修理業	殺虫剤・肥料・農薬卸業	卸	Wholesale of pesticides, fertilizers and agricultural chemicals	Ha Nam	792
1681	Công ty TNHH Nomura Jimusho Việt Nam	NOMURA JIMUSHO VIETNAM CO., LTD.	野村事務所ベトナム	株式会社野村事務所	46691	卸・小売・修理業	殺虫剤・肥料・農薬卸業	卸	Wholesale of pesticides, fertilizers and agricultural chemicals	Hanoi	841
392	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Green	GREEN COMPANY LIMITED	グリーン	株式会社テツゲン	46692	卸・小売・修理業	農薬を除くその他の化学薬品卸業	卸	Wholesale of other chemicals, except agricultural chemicals	Hanoi	196
710	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Okuno - Auromex Việt Nam	OKUNO-AUROMEX(VIETNAM) CO., LTD.	奥野オーロメックス (ベトナム)	奥野製薬工業株式会社	46692	卸・小売・修理業	農薬を除くその他の化学薬品卸業	卸	Wholesale of other chemicals, except agricultural chemicals	Dong Nai	355
1115	Công Ty TNHH Soda Nikka Việt Nam	SODA NIKKA VIETNAM CO., LTD	ソーダニッカベトナム	ソーダニッカ株式会社	46692	卸・小売・修理業	農薬を除くその他の化学薬品卸業	卸	Wholesale of other chemicals, except agricultural chemicals	Ho Chi Minh	558
1502	Công ty TNHH Hoá Chất & Môi Trường Aureole Mitani	AUREOLE MITANI CHEMICAL AND ENVIRONMENT INC.	オレオウミタニケミカル&エンバイロメント	三谷産業株式会社	46692	卸・小売・修理業	殺虫剤・肥料・農薬卸業	卸	Wholesale of other chemicals, except agricultural chemicals	Dong Nai	751
1526	Công ty TNHH O-Well Việt Nam	O - WELL VIETNAM CO., LTD.	オーウェルベトナム	オーウェル株式会社	46692	卸・小売・修理業	殺虫剤・肥料・農薬卸業	卸	Wholesale of other chemicals, except agricultural chemicals	Hanoi	763
1578	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sanyo Trading (việt Nam)	SANYO TRADING (VIETNAM) CO., LTD.	三洋貿易 (ベトナム)	三洋貿易株式会社	46692	卸・小売・修理業	農薬を除くその他の化学薬品卸業	卸	Wholesale of other chemicals, except agricultural chemicals	Ho Chi Minh	789
937	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Toyota Tsusho Việt Nam	TOYOTA TSUSHO VIETNAM COMPANY LIMITED	豊田通商ベトナム	豊田通商株式会社	46693	卸・小売・修理業	プラスチック材料(一次製品)卸業	卸	Wholesale of plastic materials in primary forms	Hanoi	469
1262	Công Ty TNHH Tsuruta Jitsugyou	TSURUTA JITSUGYOU CO., LTD.	鶴田実業	鶴田実業株式会社	46693	卸・小売・修理業	プラスチック材料(一次製品)卸業	卸	Wholesale of plastic materials in primary forms	Ho Chi Minh	631
1482	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Koei Việt Nam	KOEI VIETNAM CO., LTD.	コーエーベトナム	コーエイ工業株式会社	46693	卸・小売・修理業	プラスチック材料(一次製品)卸業	卸	Wholesale of plastic materials in primary forms	Ho Chi Minh	741
766	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ryowa Hà Nội	RYOWA HANOI COMPANY LIMITED		菱和工業株式会社	46694	卸・小売・修理業	ゴム卸業	卸	Wholesale of rubber	Hanoi	383
1775	Công ty TNHH FUJI CHEMI Việt Nam	SSK (VIETNAM) CO., LTD.	SSKベトナム	フジケミトレーディング株式会社	46695	卸・小売・修理業	紡織繊維卸業	卸	Wholesale of textile fibres	Hai Duong	888
469	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Izuvoshi Việt Nam	IZUYOSHI VIETNAM CO., LTD	伊豆義ベトナム	伊豆義株式会社	46696	卸・小売・修理業	繊維及び履物補助材卸業	卸	Wholesale of textile and footwear supplies	Hanoi	235
890	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thăng Phát	SHENG FA CO., LTD			46696	卸・小売・修理業	繊維及び履物補助材卸業	卸	Wholesale of textile and footwear supplies	Binh Duong	445

1530	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Yoshikawa Inc Việt Nam	YOSHIKAWA TRADING INC VIETNAM COMPANY LIMITED	ヨシカワ貿易ベトナム	株式会社ヨシカワ	46696	卸・小売・修理業	繊維及び履物補助材卸業	卸	Wholesale of textile and footwear supplies	Ho Chi Minh	765
1225	Công Ty TNHH Nohara-Itc Việt Nam	NOHARA ITC VIETNAM CO., LTD.	野原ITCベトナム	野原株式会社	46697	卸・小売・修理業	金属 非金属・スクラップ卸業	卸	Wholesale of metal and non-metal waste and scrap	Hung Yen	613
115	Công Ty Thương Mại Cổ Phần Taka Việt Nam	TAKA VIETNAM JSC.,			46699	卸・小売・修理業	その他分類できない専門卸業	卸	Wholesale of specialized others n.e.c	Phu Tho	58
136	Công ty TNHH Nagase Việt Nam	NAGASE VIETNAM CO., LTD.	ナガセベトナム	長瀬産業株式会社	46699	卸・小売・修理業	その他分類できない専門卸業	卸	Wholesale of specialized others n.e.c	Hanoi	68
198	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Amada Việt Nam	AMADA VIETNAM CO., LTD	アマダベトナム	株式会社アマダ	46699	卸・小売・修理業	その他分類できない専門卸業	卸	Wholesale of specialized others n.e.c	Hanoi	99
543	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kyori Electric Việt Nam	KYORITSU ELECTRIC VIET NAM CO., LTD.	協立電機ベトナム	協立電機株式会社	46699	卸・小売・修理業	その他分類できない専門卸業	卸	Wholesale of specialized others n.e.c	Hanoi	272
1272	Công ty TNHH NIXX Việt Nam	NIXX VIETNAM CO., LTD	ニックスベトナム	ニックス株式会社	46699	卸・小売・修理業	その他分類できない専門卸業	卸	Wholesale of specialized others n.e.c	Hai Phong	636
1784	Công ty TNHH Tozen Corporation Việt Nam	TOZEN CORPORATION VIETNAM CO., LTD.		株式会社TOZEN	46699	卸・小売・修理業	その他分類できない専門卸業	卸	Wholesale of specialized others n.e.c	Hung Yen	892
337	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Elematec Việt Nam	ELEMATEC VIETNAM CO., LTD	エレマテックベトナム	エレマテック株式会社	46900	卸・小売・修理業	専門化していない卸業	卸	Non-specialized wholesale trade	Hanoi	169
464	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Itsuwa Việt Nam	ITSUWA VIETNAM COMPANY LIMITED	イツワベトナム	イツワ商事株式会社	46900	卸・小売・修理業	専門化していない卸業	卸	Non-specialized wholesale trade	Hanoi	232
829	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Socio Việt Nam	SOCIO VIETNAM COMPANY LIMITED	ソシオベトナム	株式会社 ソシオホールディングス	46900	卸・小売・修理業	専門化していない卸業	卸	Non-specialized wholesale trade	Hanoi	415
1141	Công Ty TNHH Saraya Greentek	SARAYA GREENTEK COMPANY LIMITED		サラヤ株式会社	46900	卸・小売・修理業	専門化していない卸業	卸	Non-specialized wholesale trade	Ho Chi Minh	571
1309	Công Ty TNHH SAAB Quốc Tế Việt	SAAB INTER VN CO., LTD.		株式会社サーブ	46900	卸・小売・修理業	専門化していない卸業	卸	Non-specialized wholesale trade	Ho Chi Minh	655
1310	Công Ty TNHH Thương Mại Kuraray Việt Nam	KURARAY TRADING VIETNAM CO., LTD	クラレトレーディングベトナム	クラレトレーディング株式会社	46900	卸・小売・修理業	専門化していない卸業	卸	Non-specialized wholesale trade	Ho Chi Minh	655
1326	Công Ty TNHH Nakazawa Việt Nam	NAKAZAWA VIETNAM CO., LTD (VIETNAM TIME STATION NEO)	ナカザワベトナム (ベトナムタイムステーションNEO)	株式会社ナカザワ	46900	卸・小売・修理業	専門化していない卸業	卸	Non-specialized wholesale trade	Ho Chi Minh	663
1472	Công Ty TNHH Vạn Năng Banok	VAN NANG BANOK COMPANY LIMITED		株式会社メックモールド	46900	卸・小売・修理業	専門化していない卸業	卸	Non-specialized wholesale trade	Ho Chi Minh	736
1486	Công Ty TNHH Heiwa Kinzoku (Việt Nam)	HEIWA KINZOKU (VIETNAM) CO., LTD.			46900	卸・小売・修理業	専門化していない卸業	卸	Non-specialized wholesale trade	Ho Chi Minh	743
1668	Công Ty TNHH Unitika Trading Việt Nam	UNITIKA TRADING VIETNAM COMPANY LIMITED	ユニチカトレーディングベトナム	ユニチカ株式会社	46900	卸・小売・修理業	専門化していない卸業	卸	Non-specialized wholesale trade	Hanoi	834
1445	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Aeon Việt Nam	AEON VIETNAM CO., LTD.	イオンベトナム	イオン株式会社	47191	卸・小売・修理業	スーパーマーケット・トレードセンターにおける小売業	小売	Retail sale in supermarket, trade centre	Ho Chi Minh	723
1600	Công Ty TNHH Familymart Việt Nam	VIET NAM FAMILY CONVENIENCE STORES COMPANY LIMITED	ベトナムファミリーマート	株式会社ファミリーマート	47191	卸・小売・修理業	スーパーマーケット・トレードセンターにおける小売業	小売	Retail sale in supermarket, trade centre	Ho Chi Minh	800
1649	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Siêu Thị Psc Việt Nam	PCSC VIETNAM SUPERMARKET LTD		三菱商事株式会社	47191	卸・小売・修理業	スーパーマーケット・トレードセンターにおける小売業	小売	Retail sale in supermarket, trade centre	Hanoi	825
1102	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Acs Việt Nam	ACS TRADING VIETNAM CO., LTD.	エー・シー・エストレディングベトナム	イオンクレジットサービス株式会社	47199	卸・小売・修理業	その他分類できない専門化していない店舗小売業	小売	Other retail sale in non-specialized stores n.e.c	Ho Chi Minh	551
1654	Công ty TNHH công nghệ Oberthur Việt Nam	OBERTHUR TECHNOLOGIES VIETNAM			47411	卸・小売・修理業	コンピュータ、周辺機器及びソフトウェア専門小売業	小売	Retail sale of computer, computer peripheral equipment, software in specialized stores	Hanoi	827
1359	Công Ty TNHH Thương Mại Unika Đồ Ng Nam á	UNIKA ASEAN TRADING CO., LTD.	ユニカアセアントレイディング	ユニカホールディングス株式会社	47521	卸・小売・修理業	ハードウェア専門小売業	小売	Retail sale of hardware in specialized stores	Ho Chi Minh	680
1203	Công Ty TNHH Ishida Việt Nam	ISHIDA VIETNAM CO., LTD	イシダベトナム	株式会社イシダ	47599	卸・小売・修理業	その他の分類できない家庭用品専門小売業	小売	Retail sale of other rest household articles n.e.c in specialized stores	Ho Chi Minh	602
1758	Công ty TNHH DRAGON Golf	DRAGON GOLF COMPANY LIMITED	ドラゴンゴルフ	DRAGON GOLF CO., LTD	47630	卸・小売・修理業	運動用具専門小売業	小売	Retail sale of sporting equipment in specialized stores	Da Nang	879
1365	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Quốc Tế Quadrille & Vera	Q & V INT, LTD		株式会社カドリールニシダ	47711	卸・小売・修理業	衣服専門小売業	小売	Retail sale of clothing in specialized stores	Ho Chi Minh	683
1577	Công ty TNHH Ralph Lauren Việt Nam	RALPH LAUREN VIETNAM			47711	卸・小売・修理業	衣服専門小売業	小売	Retail sale of clothing in specialized stores	Hanoi	789
90	Công Ty Liên Doanh Vận Tải Hồn Hợp Việt Nhật 1	LOGITEM VIETNAM 1	ロジテムベトナムNo.1	日本ロジテム株式会社	49321	運輸・倉庫	市内及び郊外自動車乗客輸送業	運輸	Transport of passenger by inter-urban, urban cars	Hanoi	45
1118	Công ty TNHH xe buýt BECAMEX TOKYU	BECAMEX TOKYU BUS CO., LTD.	ベカメックス東急バス	東京急行電鉄株式会社	49321	運輸・倉庫	市内及び郊外自動車乗客輸送業	運輸	Transport of passenger by inter-urban, urban cars	Binh Duong	559
1516	Công Ty Lđ Vận Tải Hành Khách Công Cộng Đn Kogyo	DANANG- KOGYO PPT CO., LTD		中山通商株式会社	49321	運輸・倉庫	市内及び郊外自動車乗客輸送業	運輸	Transport of passenger by inter-urban, urban cars	Da Nang	758
3	C Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Logitem Việt Nam	LOGITEM VIETNAM CORPORATION	ロジテムベトナム	日本ロジテム株式会社	49331	運輸・倉庫	専門車による陸上貨物輸送業	運輸	Land freight transport by specilized car	Hanoi	2
91	Công Ty Liên Doanh Vận Tải Hồn Hợp Việt Nhật 2	LOGITEM VIETNAM CORP NO. 2	ロジテムベトナムNo.2	日本ロジテム株式会社	49332	運輸・倉庫	その他の車による陸上貨物輸送業(専門車を除く)	運輸	Land freight transport by other cars (except specialized car)	Hanoi	46
767	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sagawa Express Việt Nam	SAGAWA EXPRESS VIETNAM COMPANY LIMITED	佐川急便ベトナム	佐川急便株式会社	49332	運輸・倉庫	その他の車による陸上貨物輸送業(専門車を除く)	運輸	Land freight transport by other cars (except specialized car)	Ho Chi Minh	384
1054	Công Ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt	VIETNAM - JAPAN INTERNATIONAL TRANSPORT CO., LTD (VIJACO)	ビジャコ	兼松ロジスティクス アンド インシュアランス株式会社	49332	運輸・倉庫	その他の車による陸上貨物輸送業(専門車を除く)	運輸	Land freight transport by other cars (except specialized car)	Hai Phong	527
697	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nr Greenlines Logistics	NR GREENLINES LOGISTICS CO., LTD	エヌ・アール・グリーンラインズ・ロジスティクス	株式会社日新	50121	運輸・倉庫	海上貨物輸送業	運輸	Sea freight water transport	Hanoi	349
1038	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Yasuda Logistics Việt Nam	YASUDA LOGISTICS (VIETNAM) CO., LTD.	安田倉庫 (ベトナム)	安田倉庫株式会社	50121	運輸・倉庫	海上貨物輸送業	運輸	Sea freight water transport	Hanoi	519
9	CN Cty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sankyu Việt Nam Tại Hải Dương	SANKYU (VIETNAM) CO., LTD. - HAI DUONG BURANCH	山九ベトナム	山九株式会社	52101	運輸・倉庫	税関倉庫における倉庫・保管業	倉庫	Warehousing and storage in customs warehouse	Hai Duong	5
973	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vận Tải Hàng Công Nhê Cao	VIETNAM HI-TECH TRANSPORTATION COMPANY		伊藤忠商事、日本郵船、日本ロジテム、伊藤忠ロジスティクス	52101	運輸・倉庫	税関倉庫における倉庫・保管業	倉庫	Warehousing and storage in customs warehouse	Hanoi	487
1182	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Honda Logicom Việt Nam	HONDA LOGICOM (VIETNAM) CO., LTD.	ホンダロジコム (ベトナム)	ホンダロジコム株式会社	52101	運輸・倉庫	税関倉庫における倉庫・保管業	倉庫	Warehousing and storage in customs warehouse	Binh Duong	591
1258	Công Ty TNHH Meito Việt Nam	MEITO VIETNAM COMPANY LIMITED	メイトウベトナム	名糖運輸株式会社	52101	運輸・倉庫	税関倉庫における倉庫・保管業	倉庫	Warehousing and storage in customs warehouse	Binh Duong	629
908	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tiếp Vận Kintetsu Việt Nam	KINTETSU LOGISTICS (VIETNAM) INC	近鉄ロジスティクスベトナム	株式会社近鉄エクスプレス	52102	運輸・倉庫	冷凍倉庫の置ける倉庫・保管業(税関倉庫を除く)	倉庫	Warehousing and storage in frozen warehouse (excent customs warehouse)	Hanoi	454

803	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Seiwa Kaiun Việt Nam	SEIWA KAIUN (VIETNAM) CO., LTD	清和海運 (ベトナム).	清和海運株式会社	52109	運輸・倉庫	その他の倉庫における倉庫・保管業	倉庫	Warehousing and storage in other warehouse	Binh Duong	402
678	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nippon Konpo Việt Nam	NIPPON KONPO VIETNAM CO., LTD.	ニッポンコンボウベトナム	ニッコンホールディングス株式会社	52219	運輸・倉庫	陸上輸送に付随するサービス業	運輸	Service activities incidental to land transportation	Hanoi	339
33	Công Ty Cổ Phần Fukuoka Soko Việt Nam	FUKUOKA SOKO VIETNAM JOINT STOCK COMPANY	福岡倉庫ベトナム	福岡倉庫株式会社	52221	運輸・倉庫	沿岸輸送に付随するサービス業	運輸	Service activities incidental to coastal transportation	Hanoi	17
306	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dịch Vụ Lai Dắt Tân Cảng Cái Mép	TAN CANG - CAI MEP TOWAGE SERVICES CO., LTD	タンカン・ カイメップ・トウエッジ・サービシズ	株式会社 商船三井	52221	運輸・倉庫	沿岸輸送に付随するサービス業	運輸	Service activities incidental to coastal transportation	Ba Ria - Vung T	153
971	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vận Chuyển "K" Line (viết Nam)	"K" LINE LOGISTICS (VIETNAM) CO., LTD.	ケイラインロジスティックスベトナム	ケイラインロジスティックス株式会社	52221	運輸・倉庫	沿岸輸送に付随するサービス業	運輸	Service activities incidental to coastal transportation	Hanoi	486
1711	Công ty trách nhiệm hữu hạn Cảng Quốc Tế Tân Cảng - Cái Mép	TAN CANG - CAI MEP INTERNATIONAL TERMINAL CO.,	タン・カン・カイメップ・インターナショナル・ターミナル	株式会社商船三井	52243	運輸・倉庫	海路荷役業	運輸	Seaway cargo handling	Ba Ria - Vung T	856
53	Công Ty Cổ Phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	UNITHAI MARUZEN LOGISTICS (VIETNAM) CORP.	ユニタイマルゼンロジスティックス (ベトナム)	丸全昭和運輸株式会社	52292	運輸・倉庫	運送業	運輸	Forwarding agents activities	Ho Chi Minh	27
602	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mitsui O.s.k Lines (viết Nam)	MITSU OSK LINE VIETNAM	商船三井ベトナム	株式会社商船三井	52292	運輸・倉庫	運送業	運輸	Forwarding agents activities	Ho Chi Minh	301
611	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mol Logistics Việt Nam	MOL LOGISTICS (VIETNAM) INC.	商船三井ロジスティックスベトナム	商船三井ロジスティックス株式会社	52292	運輸・倉庫	運送業	運輸	Forwarding agents activities	Ho Chi Minh	306
699	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nyk Line (Việt Nam)	NYK LINE VIETNAM CO., LTD.	ベトナム日本郵船	日本郵船株式会社	52292	運輸・倉庫	運送業	運輸	Forwarding agents activities	Ho Chi Minh	350
974	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vận Tải Quốc Tế Hankyu Hanshin Việt Nam	HANKYU-HANSHIN INTERNATIONAL TRANSPORT	阪急阪神インターナショナルトランスポート (ベトナム)	株式会社阪急阪神エクスプレス	52292	運輸・倉庫	運送業	運輸	Forwarding agents activities	Hanoi	487
1100	Công Ty TNHH Nohhi (Việt Nam) Logistics	NOHHI (VIETNAM) LOGISTICS CO., LTD	濃飛 (ベトナム) ロジスティクス	濃飛倉庫運輸株式会社	52292	運輸・倉庫	運送業	運輸	Forwarding agents activities	Ho Chi Minh	550
1137	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Iec Tiếp Vận Việt Nam	INTERNATIONAL EXPRESS CO., LTD. HO CHI MINH REPRESENTATIVE OFFICE	インターナショナルエクスプレスホーチミン駐在事務所	インターナショナルエクスプレス株式会社	52292	運輸・倉庫	運送業	運輸	Forwarding agents activities	Ho Chi Minh	569
1396	Công Ty TNHH Logistics Sojitz (Việt Nam)	SOJITZ LOGISTICS VIETNAM CO., LTD.	双日ロジスティックスベトナム	双日ロジスティックス株式会社	52292	運輸・倉庫	運送業	運輸	Forwarding agents activities	Ho Chi Minh	698
1491	Công Ty TNHH Kamigumi (Việt Nam)	KAMIGUMI (VIETNAM) CO., LTD.	上組ベトナム	株式会社上組	52292	運輸・倉庫	運送業	運輸	Forwarding agents activities	Ho Chi Minh	746
1574	Công Ty TNHH Keihin Multi-Trans (Việt Nam)	KEIHIN MULTI - TRANS (VIETNAM) COMPANY LIMITED	ケイヒンマルチトランス (ベトナム)	ケイヒン株式会社	52292	運輸・倉庫	運送業	運輸	Forwarding agents activities	Ho Chi Minh	787
8	CN Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sankyu Logitics Việt Nam Tại Hải Dương	SANKYU LOGISTICS (VIETNAM) CO., LTD. - HAI DUONG BRANCH	山九ロジスティックスベトナムハイズン支店	山九株式会社	52299	運輸・倉庫	その他の分類できない運送支援業	運輸	Other transportation support activities n.e.c	Hai Duong	4
79	Công Ty Lđ Trách Nhiệm Hữu Hạn Nippon Express (vietnam)	NIPPON EXPRESS (VIETNAM) CO., LTD	ベトナム日本通運	日本通運株式会社	52299	運輸・倉庫	その他の分類できない運送支援業	運輸	Other transportation support activities n.e.c	Ho Chi Minh	40
308	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dịch Vụ Tiếp Vận N K V	NKV LOGISTICS LTD.	NKVロジスティクス	日本梱包運輸倉庫株式会社	52299	運輸・倉庫	その他の分類できない運送支援業	運輸	Other transportation support activities n.e.c	Hanoi	154
388	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Giao Nhân Hàng Hóa Vinako	VINAKO FORWARDING CO., LTD.	ビナコフオーディング	鴻池運輸株式会社	52299	運輸・倉庫	その他の分類できない運送支援業	運輸	Other transportation support activities n.e.c	Ho Chi Minh	194
512	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kintetsu World Express Vn	KINTETSU WORLD EXPRESS (VIETNAM) INC.	近鉄エクスプレスベトナム	株式会社近鉄エクスプレス	52299	運輸・倉庫	その他の分類できない運送支援業	運輸	Other transportation support activities n.e.c	Ho Chi Minh	256
548	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lđ Giao Nhân Kho Vận Bình Minh	JV SUNRISE LOGITICS CO., LTD. (JVS)	ジョイントベンチャーサンライズロジスティックス	株式会社トライネット	52299	運輸・倉庫	その他の分類できない運送支援業	運輸	Other transportation support activities n.e.c	Ho Chi Minh	274
552	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Liên Doanh Tiên Phong Transcontainer (viết Nam)	TRANSCONTAINER PIONEER VIETNAM	トランスコンテナーパイオニアベトナム	株式会社トランスコンテナー	52299	運輸・倉庫	その他の分類できない運送支援業	運輸	Other transportation support activities n.e.c	Hanoi	276
691	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nnr Global Logistics (viết Nam)	NNR GLOBAL LOGISTICS (VIETNAM) CO., LTD.	西鉄ベトナム	西日本鉄道株式会社国際物流事業本部	52299	運輸・倉庫	その他の分類できない運送支援業	運輸	Other transportation support activities n.e.c	Ho Chi Minh	346
791	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sankyu Logistics (Việt Nam)	SANKYU LOGISTICS (VIETNAM) CO., LTD	山九ロジスティックスベトナム	山九株式会社	52299	運輸・倉庫	その他の分類できない運送支援業	運輸	Other transportation support activities n.e.c	Ho Chi Minh	396
909	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tiếp Vận Thăng Long	DRAGON LOGISTICS CO., LTD.	ドラゴンロジスティクス	鈴与株式会社	52299	運輸・倉庫	その他の分類できない運送支援業	運輸	Other transportation support activities n.e.c	Hanoi	455
941	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Trancy Logistics (viết Nam)	TRANCY LOGISTICS (VIETNAM) CO., LTD	トランシーロジスティックスベトナム	日本トランスシティ株式会社	52299	運輸・倉庫	その他の分類できない運送支援業	運輸	Other transportation support activities n.e.c	Hanoi	471
1170	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hitachi Transport System (vn)	HITACHI TRANSPORT SYSTEM (VIETNAM) CO., LTD.	日立物流ベトナム	株式会社日立物流	52299	運輸・倉庫	その他の分類できない運送支援業	運輸	Other transportation support activities n.e.c	Ho Chi Minh	585
1214	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Logistics Shibusawa Việt Nam	SHIBUSAWA LOGISTICS VIETNAM CO., LTD.	澁澤ロジスティックスベトナム	澁澤倉庫株式会社	52299	運輸・倉庫	その他の分類できない運送支援業	運輸	Other transportation support activities n.e.c	Ho Chi Minh	607
1222	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Logistics Mlc -itl	MLC ITL LOGISTICS., LTD.	MLC・ITLロジスティクス	三菱倉庫株式会社	52299	運輸・倉庫	その他の分類できない運送支援業	運輸	Other transportation support activities n.e.c	Ho Chi Minh	611
1303	Công Ty TNHH Sumiso (Việt Nam)	SUMISO (VIETNAM) COMPANY LIMITED	住倉ベトナム	株式会社住友倉庫	52299	運輸・倉庫	その他の分類できない運送支援業	運輸	Other transportation support activities n.e.c	Ho Chi Minh	652
1539	Công ty TNHH Naigai Nitto Logistics Việt Nam	NAIGAI NITTO LOGISTICS VIETNAM COMPANY LIMITED	内外日東ベトナム	内外日東株式会社	52299	運輸・倉庫	その他の分類できない運送支援業	運輸	Other transportation support activities n.e.c	Hanoi	770
1576	Công Ty TNHH Fujiwara Logistics Việt Nam	FUJIWARA LOGISTICS VIETNAM CO., LTD	藤原ロジテックスベトナム	藤原運輸株式会社	52299	運輸・倉庫	その他の分類できない運送支援業	運輸	Other transportation support activities n.e.c	Ho Chi Minh	788
1580	Công Ty TNHH Toshiba Logistics Việt Nam	TOSHIBA LOGISTICS VIETNAM CO., LTD.	東芝ロジスティクス・ベトナム	東芝ロジスティクス株式会社	52299	運輸・倉庫	その他の分類できない運送支援業	運輸	Other transportation support activities n.e.c	Ho Chi Minh	790
85	Công Ty Liên Doanh Sakura Hanoi	SAKURA HANOI PLAZA JV CO., LTD.	サクラハノイプラザ	北野建設株式会社	55101	宿泊業	ホテル業	ホテル	Hotels	Hanoi	43
1092	Công Ty Lđ Trách Nhiệm Hữu Hạn Bô ng Sen Yamachi	PASTEL INN SAIGON	パステル・イン・サイゴン	ヤマチ産業株式会社	55101	宿泊業	ホテル業	ホテル	Hotels	Ho Chi Minh	546
1159	Công Ty Cổ Phần Khách Sạn Việt Hàn	VIETHAN HOTEL			55101	宿泊業	ホテル業	ホテル	Hotels	Ho Chi Minh	580
1387	Công Ty TNHH Nhóm Quản Lý Khách Sạn Hào Quang	HALO HOTEL MANAGEMENT GROUP COMPANY LIMITED			55101	宿泊業	ホテル業	ホテル	Hotels	Ho Chi Minh	694
1813	Công ty TNHH Khu nghỉ mát P & I	P & I RESORTS LTD	ピーアンドアイリゾート	株式会社ピー・アンド・アイ・エンタープライズ	55101	宿泊業	ホテル業	ホテル	Hotels	Da Nang	907
559	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lotteria Việt Nam	VIETNAM LOTTERIA CO., LTD.	ロッテリアベトナム	株式会社ロッテ	56101	飲食業	レストラン	外食	Restaurants	Ho Chi Minh	280
772	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sakura	SAKURA LIABILITY LIMITED COMPANY			56101	飲食業	レストラン	外食	Restaurants	Hanoi	386
808	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Shian	SHIAN COMPANY LIMITED		SHIAN Inc.	56101	飲食業	レストラン	外食	Restaurants	Hanoi	404

1082	Công Ty TNHH Try International Việt Nam	TRY INTERNATIONAL VIETNAM LTD (RAMEN MISOYA VIETNAM・AEON MALL BINH DUONG CANARY)	トライ・インターナショナルベトナム	株式会社トライ・インターナショナル	56101	飲食業	レストラン	外食	Restaurants	Binh Duong	541
1174	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn	MITSUNO COMPANY LIMITED		MAPRI CORPORATION	56101	飲食業	レストラン	外食	Restaurants	Hanoi	587
1521	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đậu Hũ Và Bánh Kẹo Nhật Bản	JAPAN TOFU AND CONFECTIONERY CO., LTD			56101	飲食業	レストラン	外食	Restaurants	Binh Duong	761
1541	Công Ty Cổ Phần Colowide Việt Nam	COLOWIDE VIETNAM JOINT STOCK COMPANY	コロワイドベトナム	株式会社コロワイド	56101	飲食業	レストラン	外食	Restaurants	Hanoi	771
1544	Công Ty TNHH Một Thành Viên Sorachi Việt Nam	VIETNAM SORACHI CO., LTD			56101	飲食業	レストラン	外食	Restaurants	Hanoi	772
1745	Công Ty TNHH G7 Việt Nam Bình Dương	G7 VIETNAM BINH DUONG CO., LTD	ジーセブンベトナムビンズオン	株式会社G-7ホールディングス	56101	飲食業	レストラン	外食	Restaurants	Binh Duong	873
892	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thiên Hà Dhidax	GALAXY SHIDAX CO., LTD	ギャラクシー・シダックス	シダックス株式会社	56290	飲食業	その他の食料提供業	外食	Other food serving activities	Ho Chi Minh	446
1771	Công ty TNHH GreenGoco	GREENGOCO CO., LTD.		株式会社グリーンハウス	56290	飲食業	その他の食料提供業	外食	Other food serving activities	Bac Ninh	886
29	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Thông Tin R. U. N	GMO RUNSYSTEM-Z COM JOINT STOCK COMPANY		ブリッジSE, マーケティング(東京支店)	58200	出版業	ソフトウェア発行業	ソフトウェア	Software publishing	Hanoi	15
278	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Cuộc Sống	LIFETIME TECHNOLOGIES CO., LTD	ライフタイムテクノロジ	株式会社スリー・イー、株式会社ヘッドウォーターズ、パリストライドグループ株式会社、As-meエステール株式会社	58200	出版業	ソフトウェア発行業	ソフトウェア	Software publishing	Hanoi	139
449	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn If Việt Nam	IF VIETNAM CO., LTD	アイエフベトナム	株式会社アイ・ファクトリー	58200	出版業	ソフトウェア発行業	ソフトウェア	Software publishing	Da Nang	225
525	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kotobuki Việt Nam	KOTOBUKI VIETNAM CO., LTD.	コトブキベトナム	有限会社寿産業	58200	出版業	ソフトウェア発行業	ソフトウェア	Software publishing	Da Nang	263
551	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Liên Doanh Phần Mềm Akb Software	AKB SOFTWARE JOINT VENTURE COMPANY LIMITED	エーケービーソフトウェア	久保工業株式会社	58200	出版業	ソフトウェア発行業	ソフトウェア	Software publishing	Hanoi	276
1157	Công ty Cổ phần Graphic Việt Nam	GRAPHIC VIETNAM JSC		株式会社グラフィック	58200	出版業	ソフトウェア発行業	ソフトウェア	Software publishing	Hanoi	579
1546	Công Ty TNHH Noble Engineering Việt Nam	NOBLE ENGINEERING VIETNAM CO., LTD.	ノーブルベトナム	ノーブル電子工業株式会社	58200	出版業	ソフトウェア発行業	ソフトウェア	Software publishing	Hanoi	773
1876	Công ty TNHH Insight Technology Việt Nam	INSIGHT TECHNOLOGY VIETNAM CO., LTD	インサイトテクノロジーベトナム	株式会社インサイトテクノロジー	58200	出版業	ソフトウェア発行業	ソフトウェア	Software publishing	Hanoi	938
46	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Truyền Thông Quảng Cáo Mac Việt Nam	MCV (MAC&GINQ VIETNAM) CORPORATION	マックアンドサンクベトナム	株式会社マックアンドサンク	59113	映画・ビデオ・TV番組制作業	TV番組制作業	TV番組	Television programme production activities	Hanoi	23
42	Công Ty Cổ Phần Mocap Việt Nam	MOCAP VIETNAM JOINT STOCK COMPANY	エム・オー・キャップ・ベトナム	三井物産株式会社、りらいあコミュニケーションズ株式会社	61909	通信業	その他の通信業	通信	Other telecommunication activities n.e.c	Hanoi	21
1320	Công Ty Cổ Phần Appota	APPOTA CORPORATION		株式会社スタップス	61909	通信業	その他の通信業	通信	Other telecommunication activities n.e.c	Hanoi	660
14	Công Ty Cổ Phần Rasis Việt Nam	RASIS VIETNAM JSC	レイシスベトナム	レイシスソフトウェアサービス株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	7
20	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vinaganda	VINAGANDA COMPANY LIMITED			62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	10
24	Công Ty Cổ Phần Act Brain Việt Nam	ACT BRAIN VIETNAM CORPORATION	アクト・ブレーン・ベトナム	株式会社アクト・ブレーン、株式会社富士通ラーニングメディア	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	12
28	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Di Động R&s	R&S MOBILE TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY		株式会社ソフトサイン	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	14
34	Công Ty Cổ Phần Just Information Technology	JUST INFORMATION TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY	JIT	JINSOホールディングス株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	17
35	Công Ty Cổ Phần Jv - It	JV - IT JOINT STOCK COMPANY	ジェイ・ブイ・アイ・ティー		62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	18
38	Công Ty Cổ Phần Liên Doanh Ta Di Di	TA DI DI JSC		WHL GROUP	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	19
55	Công Ty Cổ Phần Vtm Việt Nam	VTM VIETNAM JSC	VTMベトナム	株式会社VTM	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	28
84	Công Ty Liên Doanh Reality Design	REALITY DESIGN JOINT VENTURE			62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	42
98	Công Ty Phần Mềm Luvina	LUVINA SOFTWARE JOIN STOCK COMPANY	ルビナソフトウェアベトナム	ルビナソフトウェアジャパン株式会社(日本法人、東京支社)	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	49
102	Công Ty Punch Entertainment (việt Nam)	PUNCH ENTERTAINMENT (VIETNAM) COMPANY LIMITED	パンチエンターテインメントベトナム	株式会社ディー・エヌ・エー	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	51
140	Công ty TNHH One Of Them APVN	ONE OF THEM APVN CO., LTD		株式会社ワンオブゼム	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	70
222	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn At-navi Asia	AT - NAVI ASIA CO., LTD	アットナビアジア	アットナビジャパン株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	111
236	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Bip Svstems Việt Nam	BIP SYSTEMS VIETNAM CO., LTD	ビップシステムズベトナム	ビップシステムズ株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	118
263	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Công Nghệ Thông Tin Aureole	AUREOLE INFORMATION TECHNOLOGY	オレオインフォメーションテクノロジー	三谷産業株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	132
276	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Cube System Vn	CUBE SYSTEM VIETNAM CO., LTD.	ベトナムキューブシステム	株式会社キューブシステム	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	138
279	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Cybozu Việt Nam	CYBOZU VIETNAM CO., LTD.	サイボウズベトナム	サイボウズ株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	140
299	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Data Design Việt Nam	DDV (DATADESIGN VIETNAM) CO., LTD.	データデザインベトナム	株式会社データ・デザイン	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	150
326	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Digital Works Việt Nam	DIGITAL WORKS VIETNAM CO., LTD	デジタルワークスベトナム	株式会社デジタルワークスエンタテインメント	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	163
338	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Emar Việt Nam	EMAR VIETNAM	エマールベトナム	株式会社エマール	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	169
344	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ex Artisan Systems Việt Nam	EX ARTISAN SYSTEMS VIETNAM CO., LTD	イーエックスアルティザンシステムズベトナム	イーエックス・アルティザン・システムズ株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	172
352	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Five Star Solutions Việt Nam	RYOMO VIETNAM SOLUTIONS CO., LTD.	リョウモウベトナムソリューションズ	株式会社 両毛システムズ	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	176
376	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Gabb Việt Nam	GABB VIETNAM CO., LTD.	ジーエービービーベトナム	株式会社ブレインワークス	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	188
386	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Giải Pháp Vô Hạn Vn	ISV VIET NAM CO., LTD.	アイエスブイベトナム	株式会社ITCS、株式会社アドバンスソフト、有限会社ISV、株式会社ジャパン・テック・システム、ウインズソフト株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	193
391	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Gifu Kogyo Việt Nam	GIFU KOGYO VIETNAM CO., LTD.	岐阜工業ベトナム	岐阜工業株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	196
408	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hcs	HCS CO., LTD. (HYPER CAD SOLUTIONS)	エイチシーエス	Kondo Yasuhiro	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	204
412	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hệ Thống Thiết Bị Việt Nam	SYSTEM GEAR VIETNAM CO., LTD.	システムギアベトナム	日本システム開発株式会社、中央情報システム株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	206

413	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hệ Thông Tiô	TIO SYSTEMS INC	TIOS(ティ奥斯)		62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	207
456	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Individual Systems	IVS CO., LTD.	インディビジュアルシステムズ	インディビジュアルシステムズ株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	228
460	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Isb Việt Nam	ISB VIETNAM	アイ・エス・ビーベトナム	株式会社アイ・エス・ビー	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	230
526	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Koushin Việt Nam	KOUSHIN VIET NAM CO., LTD.	コウシンベトナム	株式会社庚申	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	263
536	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kỹ Thuật Ag Vina	AG-VINA ENGINEERING CO., LTD	AG - VINAエンジニアリング	安治川鉄工株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	268
539	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kỹ Thuật Shinsei Việt Nam	SHINSEI VIETNAM ENGINEERING CO., LTD.	辰星ベトナムエンジニアリング	辰星技研株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	270
572	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mankichi Software Việt Nam	MANKICHISOFTWARE VIETNAM CO., LTD.	萬吉ソフトウェアベトナム	萬吉ソフトウェアベトナム	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	286
586	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mê Trần Việt Nam	METRAN VIETNAM CO., LTD.	メトランベトナム	株式会社メトラン	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	293
631	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Revo Trading Vn	REVO TRADING VIETNAM CO., LTD.	レボトレーディングベトナム	株式会社レボ・トレーディング	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	316
637	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Murakumo Việt Nam	MURAKUMO VIETNAM COMPANY LIMITED		株式会社Murakumo	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	319
654	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Netmarks Việt Nam	NETMARKS VIETNAM CO., LTD.	ネットマークスベトナム	株式会社ネットマークス	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	327
656	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn	NEXTOP LIMITED		株式会社Nextop.Asia	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	328
673	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nikken International Asia	NIKKEN INTERNATIONAL ASIA CO., LTD	日建インターナショナルアジア	日建リース工業株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	337
725	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Panasonic R&d Center Việt Nam	PANASONIC R&D CENTER VIETNAM CO., LTD	パナソニックR & Dセンターベトナム	パナソニック株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	363
728	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Pasona Tech Việt Nam	PASONA TECH VIETNAM CO., LTD.	パソナテックベトナム	株式会社パソナテック	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	364
730	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Phần Mềm Asv	ASV SOFTWARE COMPANY LIMITED		株式会社バルサ	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	365
734	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Phát Triển Phần Mềm Xây Dựng Aureole	AUREOLE CONSTRUCTION SOFTWARE DEVELOPMENT INC.	オレオウコンストラクションソフトウェアディベロップメント	三谷産業株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	367
739	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Planex Việt Nam	MIYATSU VIETNAM CO., LTD.	ミヤツベトナム	ミヤ通信工業株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	370
828	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sms Việt Nam	SMS VIETNAM COMPANY LIMITED		株式会社エス・エム・エス	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	414
832	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Solpac Việt Nam	SOLPAC VIETNAM CO., LTD.	ソルパックベトナム	株式会社ソルパック	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	416
837	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sorimachi Vietnam	SORIMACHI VIETNAM CO., LTD.	ソリマチベトナム	ソリマチ株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	419
839	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Spi Việt Nam	SPI VIETNAM COMPANY LIMITED			62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	420
860	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sys Việt Nam	SYS VIETNAM CO., LTD.	SYSベトナム	株式会社エスワイシステム	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	430
884	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Technica Việt Nam	TECHNICA VIETNAM CO., LTD	テクニカベトナム	株式会社テクニカ	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	442
885	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tecmo Koei Software Việt Nam	TECMO KOEI SOFTWARE VIETNAM CO.,LTD	テクモコーエイソフトウェアベトナム	株式会社コーエーテクモホールディングス	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	443
897	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thiết Kế Renesas Việt Nam	RENESAS DESIGN VIETNAM CO., LTD.	ルネサスデザインベトナム	ルネサスエレクトロニクス株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	449
1011	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vst	V.S.T CO., LTD	ヴェイエスティ	株式会社西日本情報システム	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Da Nang	506
1016	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn We Are Engineering	WE ARE ENGINEERING VIETNAM	ウィアーエンジニアリングベトナム	ウィアー・エンジニアリング株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	508
1053	Công Ty Usol Việt Nam	USOL VIETNAM COMPANY LIMITED	USOLベトナム	日本ユニシス株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	527
1076	Trung Tâm Công Nghệ Photron Việt Nam	PHOTRON VIETNAM TECHNICAL CENTER LTD.	フोटロンベトナムテクニカルセンター	株式会社フोटロン	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	538
1077	Trung Tâm Kỹ Thuật Mitsuba Việt Nam	MITSUBA VIETNAM TECHNICAL CENTER	ミツバベトナムテクニカルセンター	株式会社ミツバ	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	539
1080	Công ty TNHH TAKEMOTO Việt Nam	TAKEMOTO VIETNAM CO., LTD. DA NANG OFFICE	タケモトデンキダナンオフィス	タケモトデンキ株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Da Nang	540
1083	Công Ty TNHH Kensetsu System Việt Nam	KENSETSU SYSTEM VIETNAM CO., LTD	建設システムベトナム	株式会社建設システム	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	542
1116	Công Ty TNHH Mạng Lưới Châu á A1 Cao Cấp	ADVANCED A1 ASIA NETWORK COMPANY LIMITED			62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	558
1126	Công Ty TNHH Everrise Việt Nam	EVERRISE VIETNAM CO., LTD	エバーライズベトナム	株式会社EVERRISE	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	563
1127	Công Ty TNHH Uniccs Việt Nam	UNICCS VN CO., LTD	ユニックスベトナム	株式会社ユニックス	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	564
1138	Công Ty TNHH Atech Việt Nam	ATECH VIETNAM CO., LTD	エーテックベトナム	エーテック株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	569
1152	Công Ty TNHH Zigexn Ventura	ZIGEXN VENTURA CO., LTD		株式会社ジげん	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	576
1156	Công Ty TNHH CYBRIDGE á Châu	CYBRIDGE ASIA CO., LTD.	サイブリッジアジア	サイブリッジグループ株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	578
1160	Công Ty TNHH More Communication Lab	MORE COMMUNICATION LAB COMPANY LIMITED	エムシーラボ	株式会社more communication	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	580
1162	Công ty TNHH Nittsu System Việt Nam	NITTSU SYSTEM VIETNAM CO., LTD.	日通システムベトナム	日通システム株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	581
1176	Công Ty TNHH Leverages Việt Nam	LEVERAGES VIETNAM	レバレッジズベトナム	レバレッジズ株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	588
1179	Công Ty TNHH Fabrica Việt Nam	FABRICA VIETNAM CO., LTD.	ファブリカベトナム	株式会社ファブリカコミュニケーションズ	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	590
1180	Công Ty TNHH Puropela	PUROPELA CO., LTD		株式会社オノフ	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	590
1190	CÔNG TY TNHH WILLGATE VIỆT NAM	WILLGATE VIETNAM COMPANY LIMITED	ウィルゲートベトナム	株式会社ウィルゲート	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	595
1197	Công Ty TNHH Aoi Systems Việt Nam	AOI SYSTEMS VIETNAM		株式会社AOI Pro.(2012年7月1日に株式会社葵プロモーションから社名変更)	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	599
1200	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Evolvable Châu á	EVOLABLE ASIA CO., LTD	エボラブルアジア	株式会社エボラブルアジア	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	600
1201	Công Ty TNHH Gnomons Việt Nam	GNOMONS VIETNAM CO., LTD.		Gnomons Co., Ltd.	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	601

1205	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Jet Studio Việt Nam	JETSTUDIO (VIETNAM) CO., LTD.	ジェットスタジオベトナム	株式会社ジェットスタジオ	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	603
1208	Công Ty TNHH Một Thành Viên MediaTech Việt Nam	MEDIA TECH VIETNAM CO., LTD.	メディアテックベトナム	株式会社メディアテック	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	604
1213	Công Ty TNHH Rakus Việt Nam	RAKUS VIETNAM CO., LTD.	ラクスベトナム	株式会社ラクス	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	607
1215	Công Ty TNHH Softfront Việt Nam	SOFTFRONT VIETNAM CO., LTD	ソフトフロントベトナム	株式会社ソフトフロント	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	608
1219	Công Ty TNHH Phần Mềm Vj	VJSOFT CO., LTD	VJソフト	富士テック/ロジー株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	610
1224	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Adms Việt Nam	ADMS VIETNAM	ADMSベトナム	今井航空機器工業株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	612
1226	Công Ty TNHH Công Nghệ Và Kỹ Thuật Nhật Bản	JAPAN TECHNOLOGY & ENGINEERING CO., LTD.	ジェイテック	ジェイ・トレイ株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	613
1228	CÔNG TY TNHH ALLGROW LABO	ALLGROW LABO COMPANY	オルグローラボ		62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	614
1231	Công Ty TNHH Một Thành Viên Giải Pháp J&V	J & V SOLUTIONS CO., LTD.		四国情報管理センター株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	616
1237	Công Ty TNHH Mulodo Việt Nam	MULODO VIET NAM CO., LTD.	ムロドーベトナム	株式会社ムロドー	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	619
1239	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Aris Việt Nam	ARIS VIETNAM CO., LTD.	アリスベトナム	株式会社アリス	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	620
1243	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vina Mitsuboshi	VINA MITSUBOSHI CO., LTD.		三星工業株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	622
1245	Công Ty TNHH Visoft	VISOFT LIMITED LIABILITY			62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	623
1246	Công Ty TNHH E+Craftman Việt Nam	E+CRAFTMAN VIETNAM COMPANY LIMITED	イークラフトマンベトナム	株式会社イークラフトマン	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	623
1251	Công Ty TNHH Jokerpiece Châu á	JOKERPIECE ASIA CO., LTD.	ジョーカーピースアジア	ジョーカーピース株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	626
1255	Công Ty Cổ Phần Mbase Việt Nam	MBASE VIETNAM JSC	エムベースベトナム	有限会社エムベース	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	628
1256	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn S.i.c Việt Nam	S.I.C VN CO., LTD			62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	628
1257	Công Ty TNHH I-Nes Việt Nam	I-NES VIET NAM CO., LTD	アイネスベトナム	アイネス株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	629
1260	Công Ty TNHH Công Nghệ Vacs	V-ASC CO., LTD.	バックス	バックス株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	630
1268	Công Ty TNHH Nadia Việt Nam	NADIA VIETNAM CO., LTD		株式会社ナディア	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	634
1271	Công Ty TNHH Một Thành Viên Paxcreation	PAXCREATION ASIA CO., LTD.	バックスクリエイションエイジア	株式会社バックスクリエイション	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	636
1279	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nodagiken Việt Nam	NODAGIKEN VIET NAM CO., LTD.		有限会社野田技研	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	640
1283	Công Ty TNHH Một Thành Viên Kimura Việt Nam	KIMURA VIETNAM CO., LTD.	キムラベトナム		62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	642
1292	Công ty TNHH NST Việt Nam	NST VIETNAM CO., LTD.	NSTベトナム	株式会社エヌ・エス・ティ	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	646
1300	Công ty TNHH Color Tron Việt Nam	COLOR TRON VIETNAM CO., LTD.			62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	650
1302	Công Ty TNHH Một Thành Viên Alfatech Việt Nam	ALFATECH VIETNAM CO., LTD	アルファテックベトナム	アルファテック株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	651
1318	Công Ty TNHH Oro Việt Nam	ORO VIETNAM CO., LTD.	オロベトナム	株式会社オロ	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	659
1327	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Nhật Bình Minh	N.B.M			62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	664
1331	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Shinkawa Việt Nam	SHINKAWA VIETNAM CO., LTD.	新川ベトナム	株式会社新川	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	666
1334	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mizushima Việt Nam	MIZUSHIMA VIETNAM CO., LTD.	ミズシマベトナム	株式会社マルスジャパン	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	667
1340	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Razona Và Công Sự Giải Pháp Thông Tin	RAZONA & IS PARTNERS CO., LTD.	ラソナ&アイエスパートナーズ	株式会社ラソナ	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	670
1343	Công Ty TNHH CM Engineering Việt Nam	CM ENGINEERING VIETNAM COMPANY LIMITED	CM エンジニアリングベトナム	CMエンジニアリング株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	672
1344	Công Ty TNHH Xtrans Việt Nam	XTRANS VIETNAM CO., LTD.	エクストランスベトナム	株式会社エクストランス	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	672
1345	Công ty TNHH DSI Việt Nam	DSI VIETNAM CO., LTD.	ディーエスアイベトナム	日本工営株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	673
1351	Công Ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ Việt Nam	TECH SOLUTION VIETNAM COMPANY LIMITED			62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	676
1353	Công Ty TNHH Ap Việt Nam	AP VIETNAM CO., LTD			62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	677
1354	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Fois Việt Nam	FOIS VIETNAM COMPANY LIMITED	フォイスベトナム	株式会社フォイス	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	677
1360	Công Ty TNHH Intec Việt Nam	INTEC VIETNAM CO., LTD.	インテックベトナム	株式会社インテック	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	680
1364	Công Ty TNHH Tas Việt Nam	TAS VIETNAM CO., LTD		株式会社タス	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	682
1371	Công Ty TNHH Rivercrane Việt Nam	RIVERCRANE VIET NAM CO., LTD	リバークレインベトナム	株式会社リバークレイン	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	686
1394	Công Ty TNHH Ars Nova Việt Nam	ARS NOVA VIETNAM CO., LTD.	アルス・ノヴァベトナム	株式会社アルス・ノヴァ	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	697
1399	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Strawberry Jam Việt Nam	STRAWBERRY JAM VIETNAM CO., LTD.	ストロベリージャム	ネクストピーチ株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	700
1409	Công Ty TNHH Koscec Việt Nam	KOSEC VIETNAM CO., LTD		コーセーエンジニアリング株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	705
1413	Công Ty TNHH TO Solutions Việt Nam	TO SOLUTIONS VIETNAM CO., LTD		株式会社トウ・ソリューションズ	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	707
1416	Công Ty TNHH Washinengine	SAIGON WASHIN ENGINE CO., LTD.		株式会社和心、サイトエンジン株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	708
1433	Công Ty TNHH Innovation Việt Nam	INNOVATION VIETNAM CO., LTD. (2015年撤退)		株式会社イノベーション	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	717
1434	Công Ty TNHH Systemexe Việt Nam	SYSTEMEXE VN CO., LTD	システムエグゼベトナム	株式会社システムエグゼ	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	717
1438	Công Ty TNHH Một Thành Viên Wacontre	WACONTRE CO., LTD.	ワコンチェ	株式会社Wacontre	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	719
1439	Công Ty TNHH Moja	MOJA COMPANY LIMITED	モジャ		62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	720
1441	Công Ty TNHH Một Thành Viên Iimiy	IIMY SINGLE-MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY		株式会社iimiy	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	721
1449	Công Ty TNHH Một Thành Viên Bbmax Việt Nam	BBMAX CO., LTD			62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	725
1450	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dịch Vụ Phần Mềm ứng Dụng Thông Minh (viết Nam)	APPS VN CO., LTD			62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	725
1453	Cty TNHH Delivery Việt Nam	DELIVERY VIETNAM CO., LTD.	デリバリーベトナム	株式会社デリバリーコンサルティング	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	727
1477	Cty TNHH Sansei (Việt Nam)	SANSEI VIETNAM CO., LTD	三誠ベトナム	株式会社三誠	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	739
1488	Công Ty TNHH Keizu Việt Nam	KEIZU VIETNAM CO., LTD.	ケイズベトナム	株式会社 ケイズコーポレーション	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	744
1529	Công Ty TNHH Gloops Việt Nam	GLOOPS VIETNAM CO., LTD. (2016年1月に閉鎖)		株式会社gloops (グループS)	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	765
1557	Công ty TNHH MGREENY	MGREENY COMPANY LIMITED	エムグリーンニー	株式会社新栄製作所	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	779

1563	Công ty TNHH Trente Việt Nam	TRENTE VIETNAM CO., LTD.		株式会社トラント	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	782
1582	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thông Tin Tĩnh Thông	INEX JOINT VENTURE CO., LTD.			62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	791
1583	Công Ty TNHH Giải Pháp Kinh Doanh Intelligence Việt Nam	INTELLIGENCE BUSINESS SOLUTIONS VIETNAM CO., LTD	インテリジェンスビジネスソリューションズベトナム	株式会社インテリジェンス ビジネスソリューションズ	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	792
1589	Công Ty TNHH Sateraito Office Việt Nam	SATERAITO OFFICE VIETNAM	サテライトオフィス・ベトナム	株式会社サテライトオフィス	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	795
1595	Công Ty TNHH Lockon Việt Nam	LOCKON VIETNAM CO., LTD.	ロックオンベトナム	株式会社ロックオン	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	798
1598	Công Ty Cổ Phần Gumi Việt Nam	GUMI VIETNAM CO., LTD.	グミベトナム	株式会社グミ	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	799
1599	Công Ty TNHH Phần Mềm Ezy	EZY SOFTWARE COMPANY LIMITED			62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	800
1624	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ydr Việt Nam	YDR VIET NAM CO., LTD.	ユアサデザインルームベトナム	株式会社ユアサデザインルーム	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	812
1627	Công Ty TNHH Một Thành Viên Kashiwara Kogyo Việt Nam	KASHIHARA KOGYO VIETNAM		有限会社柏原工業	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	814
1632	Công ty TNHH Media Max Japan (Việt Nam)	MEDIA MAX JAPAN (VIETNAM) CO., LTD.		メディアマックスジャパン 株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	816
1633	Công Ty TNHH Alt Plus Việt Nam	ALT PLUS VIETNAM CO., LTD	オルトプラスベトナム	株式会社オルトプラス	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	817
1658	Công ty TNHH Beetsoft	BEETSOFT CO., LTD.	ビートソフト	株式会社カケハシスカイソリューションズ	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	829
1661	Công ty TNHH MDI ASTEC VN	MDI ASTEC VN CO., LTD.		三星ダイヤモンド工業株式会社、アステック株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	831
1671	Công Ty TNHH Framgia Việt Nam	FRAMGIA VIETNAM CO., LTD	フランジア・ベトナム	株式会社フランジア・ジャパン	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	836
1684	Công ty TNHH một thành viên Brycen Việt Nam	BRYCEN VIETNAM CO., LTD.	ブライセンベトナム	株式会社ブライセン	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hue	842
1727	Công Ty TNHH Một Thành Viên Vision Việt Nam	VISION VIETNAM ONE MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY	ビジョンベトナム	株式会社ビジョン	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	864
1728	Công Ty TNHH Ivs	IVS COMPANY LIMITED		インディビジュアルシステムズ株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	864
1731	Cty TNHH Rentracks Việt Nam	RENTTRACKS VIETNAM CO., LTD	レントラックスベトナム	株式会社レントラックス	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	866
1743	Công Ty TNHH Gamelab	GAMELAB CO., LTD.		株式会社 bloom	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	872
1746	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Purenic Việt Nam	PURENIC VIETNAM CO., LTD.		株式会社PURENIC JAPAN	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	873
1748	Công ty TNHH GRASYS	GRASYS CO., LTD.			62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	874
1749	Công Ty TNHH Donuts Hà Nội	DONUTS HANOI CO., LTD		株式会社Donuts	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	875
1754	Công ty TNHH D HEARTS Việt Nam	D HEARTS VIET NAM CO., LTD	カヤック(ベトナム)	株式会社カヤック	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	877
1760	Công Ty TNHH Tokai Precut Việt Nam	TOKAI PRECUT VIETNAM COMPANY LIMITED	東海プレカット(ベトナム)	株式会社東海プレカット	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	880
1811	Công ty TNHH Đà Nẵng NIPPON	DANANG NIPPON SEIKI CO., LTD.	ダナンニッポンセイキ	日本精機株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Da Nang	906
1812	Công Ty TNHH Livepass Việt Nam	LIVEPASS VN CO., LTD		livepass株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Da Nang	906
1851	Công Ty TNHH Hcs Việt Nam	HCS VIETNAM COMPANY LIMITED	HCSベトナム	株式会社日比谷コンピュータシステム	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	926
1854	Công Ty TNHH Một Thành Viên Tyconnect	TYCONNECT SINGLE-MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY			62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	927
1857	Công Ty TNHH Posiba	POSIBA CO., LTD			62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	929
1860	Công ty TNHH Phần mềm DTS Việt	DTS SOFTWARE VIET NAM CO., LTD.	DTSソフトウェアベトナム	株式会社DTS	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	930
1875	Công ty TNHH Công nghệ Arrow Việt Nam	ARROW TECHNOLOGIES VIETNAM CO., LTD. (ATV)	アローテクノロジーズベトナム	トライアロー株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Hanoi	938
1883	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Phần Mềm Tosadenshi Việt Nam	TOSADENSHI VIETNAM, LTD.	土佐電子ベトナム	株式会社土佐電子	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	942
1885	Công Ty TNHH Ánh Phải Châu á	STARBOARD ASIA COMPANY LIMITED	スターボードアジア	リゾテック株式会社	62010	コンピュータプログラム	コンピュータプログラム設計・作成業	プログラム作成	Computer programming	Ho Chi Minh	943
144	Công Ty TNHH Solekia Việt Nam	SOLEKIA VIETNAM LIMITED	ソレキアベトナム	ソレキア株式会社	62020	コンピュータプログラム	コンピュータに関する顧問及びシステム管理業	顧問・管理	Computer consultancy and system administration	Hanoi	72
203	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Applistar Việt Nam	APPLISTAR VIETNAM COMPANY LIMITED	アプリスターベトナム	株式会社アプリスター	62020	コンピュータプログラム	コンピュータに関する顧問及びシステム管理業	顧問・管理	Computer consultancy and system administration	Hanoi	102
305	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dịch Vụ Brain Việt Nam	BRAIN VIETNAM SERVICE COMPANY LIMITED	ブレインベトナム	株式会社ブレイン	62020	コンピュータプログラム	コンピュータに関する顧問及びシステム管理業	顧問・管理	Computer consultancy and system administration	Hanoi	153
608	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mobile Mapping Việt Nam	MOBILE MAPPING VIET NAM COMPANY LIMITED			62020	コンピュータプログラム	コンピュータに関する顧問及びシステム管理業	顧問・管理	Computer consultancy and system administration	Hanoi	304
686	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nissho Electronics Việt Nam	NISSHO ELECTRONICS VIETNAM COMPANY LIMITED	日商エレクトロニクスベトナム	日商エレクトロニクス株式会社	62020	コンピュータプログラム	コンピュータに関する顧問及びシステム管理業	顧問・管理	Computer consultancy and system administration	Hanoi	343
731	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Phần Mềm Máy Tính Nhật Bản	JAPAN COMPUTER SOFTWARE COMPANY LIMITED	日本コンピュータソフトウェア	アイ・ティ・シーグループ	62020	コンピュータプログラム	コンピュータに関する顧問及びシステム管理業	顧問・管理	Computer consultancy and system administration	Da Nang	366
1248	Công Ty TNHH Lớp K Việt Nam	CLASS K VIETNAM CO., LTD.		Class K Co., Ltd.	62020	コンピュータプログラム	コンピュータに関する顧問及びシステム管理業	顧問・管理	Computer consultancy and system administration	Ho Chi Minh	624
1249	Công Ty TNHH Arca Việt Nam	ARCA VIETNAM CO., LTD		有限会社アルカ	62020	コンピュータプログラム	コンピュータに関する顧問及びシステム管理業	顧問・管理	Computer consultancy and system administration	Ho Chi Minh	625
1352	Công Ty TNHH Jojo Vina	JOJO VINA COMPANY LIMITED			62020	コンピュータプログラム	コンピュータに関する顧問及びシステム管理業	顧問・管理	Computer consultancy and system administration	Ho Chi Minh	676
1362	Công Ty TNHH Một Thành Viên Công Nghệ Prime-Labo	PRIME - LABO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED	プライムラボ	株式会社プライムスタイル	62020	コンピュータプログラム	コンピュータに関する顧問及びシステム管理業	顧問・管理	Computer consultancy and system administration	Ho Chi Minh	681
1602	Công ty TNHH truyền thông Sprite	SPRITE COMMUNICATION CO., LTD.		株式会社エヌアイエスプラス	62020	コンピュータプログラム	コンピュータに関する顧問及びシステム管理業	顧問・管理	Computer consultancy and system administration	Hanoi	801
1620	Công Ty TNHH Vinx Việt Nam	VINX VIETNAM COMPANY LIMITED	ヴィンクスベトナム	株式会社ヴィンクス	62020	コンピュータプログラム	コンピュータに関する顧問及びシステム管理業	顧問・管理	Computer consultancy and system administration	Ho Chi Minh	810
1650	Công ty TNHH Mottainai Honpo Việt Nam	MOTTAINAI HONPO VIETNAM CO., LTD.	もったいない本舗ベトナム	古本買取通販ドットコム株式会社	62020	コンピュータプログラム	コンピュータに関する顧問及びシステム管理業	顧問・管理	Computer consultancy and system administration	Hanoi	825
1757	Công Ty TNHH Luna Nexus Vn Inc.	LUNA NEXUS VN INC.	ルナネクスベトナム	株式会社ルナネクス	62020	コンピュータプログラム	コンピュータに関する顧問及びシステム管理業	顧問・管理	Computer consultancy and system administration	Ho Chi Minh	879
47	Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Telehouse Việt Nam	TELEHOUSE INTERNATIONAL CORPORATION OF VIET NAM	テレハウス・ベトナム	KDDI株式会社	62090	コンピュータプログラム	その他の情報技術及びコンピュータサービス業	その他	Other information technology and computer service activities	Hanoi	24
122	Công ty TNHH FUJITSU Việt nam	FUJITSU VIETNAM LTD	富士通ベトナム	富士通株式会社	62090	コンピュータプログラム	その他の情報技術及びコンピュータサービス業	その他	Other information technology and computer service activities	Hanoi	61
214	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Asia Pacific Solution	HITACHI ZOSEN VIETNAM CO., LTD (ASIA PACIFIC SOLUTIONS CO.,	ヒタチゾセンベトナム	日立造船株式会社	62090	コンピュータプログラム	その他の情報技術及びコンピュータサービス業	その他	Other information technology and computer service activities	Ho Chi Minh	107
248	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Cetus Việt Nam	CETUS VIETNAM CO., LTD.	シータスベトナム	株式会社シータス&ゼネラルプレス	62090	コンピュータプログラム	その他の情報技術及びコンピュータサービス業	その他	Other information technology and computer service activities	Ho Chi Minh	124

375	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn G.a.i.t Việt Nam	G.A.I.T VN CO., LTD.		G.A.インフォメーション・テクノロジー株式会社	62090	コンピュータプログラム	その他の情報技術及びコンピュータサービス業	その他	Other information technology and computer service activities	Ho Chi Minh	188
787	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sanko It Networks Việt Nam	SANKO IT NETWORKS VIETNAM		三興電機株式会社	62090	コンピュータプログラム	その他の情報技術及びコンピュータサービス業	その他	Other information technology and computer service activities	Ho Chi Minh	394
901	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thông Tin Ntt (việt Nam)	NTT COMMUNICATIONS (VIETNAM) LTD	NTTコミュニケーションズ (ベトナム)	NTTコミュニケーションズ株式会社	62090	コンピュータプログラム	その他の情報技術及びコンピュータサービス業	その他	Other information technology and computer service activities	Ho Chi Minh	451
917	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tokyo Development Consultants Việt Nam	TOKYO DEVELOPMENT CONSULTANT (VIET NAM) CO., LTD.	東京デベロップメントコンサルタント (ベトナム)	東京デベロップメントコンサルタント (タイ)	62090	コンピュータプログラム	その他の情報技術及びコンピュータサービス業	その他	Other information technology and computer service activities	Ho Chi Minh	459
968	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Unitec Việt Nam	UNITEC VIETNAM CO., LTD	ユニテックベトナム	ユニテック・ジャパン 株式会社	62090	コンピュータプログラム	その他の情報技術及びコンピュータサービス業	その他	Other information technology and computer service activities	Da Nang	484
1052	Công Ty United Publishers Hà Nội	UNITED PUBLISHERS HANOI CO., LTD	ユナイテッドパブリッシャーズハノイ	浦岡忠	62090	コンピュータプログラム	その他の情報技術及びコンピュータサービス業	その他	Other information technology and computer service activities	Hanoi	526
1132	Công Ty TNHH A.I.M. Việt Nam	A.I.M. VIETNAM CO., LTD			62090	コンピュータプログラム	その他の情報技術及びコンピュータサービス業	その他	Other information technology and computer service activities	Ho Chi Minh	566
1146	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Studio Wa Việt Nam	STUDIO WA VIETNAM CO., LTD. (SWV)	スタジオ和ベトナム	スタジオ和オリエント株式会社	62090	コンピュータプログラム	その他の情報技術及びコンピュータサービス業	その他	Other information technology and computer service activities	Ho Chi Minh	573
1346	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Phần Mềm Và Công Nghệ Thông Tin Hewlett-packard Việt	HEWLETT - PACKARD VIETNAM SOFTWARE AND INFORMATION TECHNOLOGY		株式会社日本HP	62090	コンピュータプログラム	その他の情報技術及びコンピュータサービス業	その他	Other information technology and computer service activities	Ho Chi Minh	673
1356	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Cad Network	CAD NETWORK CO., LTD	CADネットワーク	株式会社CADネットワークサービス	62090	コンピュータプログラム	その他の情報技術及びコンピュータサービス業	その他	Other information technology and computer service activities	Ho Chi Minh	678
1556	Công ty TNHH Geniece Việt Nam	GENIEE VIETNAM CO., LTD.		株式会社ジーニー	62090	コンピュータプログラム	その他の情報技術及びコンピュータサービス業	その他	Other information technology and computer service activities	Hanoi	778
1594	Công Ty TNHH Cpoint Việt Nam	CPOINT VIETNAM CO., LTD	シーポイントベトナム	株式会社シーポイント	62090	コンピュータプログラム	その他の情報技術及びコンピュータサービス業	その他	Other information technology and computer service activities	Ho Chi Minh	797
1596	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hệ Thống Bắc Cầu	BAC CAU SYSTEM CO., LTD.	ブリッジシステム		62090	コンピュータプログラム	その他の情報技術及びコンピュータサービス業	その他	Other information technology and computer service activities	Ho Chi Minh	798
1859	Công ty TNHH giải pháp kinh doanh Hà ng đầu	FIRST BUSINESS SOLUTIONS LTD			62090	コンピュータプログラム	その他の情報技術及びコンピュータサービス業	その他	Other information technology and computer service activities	Hanoi	930
13	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vina Saver	VINA SAVER CO., LTD	セーバーベトナム	諸戸ホールディングス	63110	情報サービス業	データ処理、ホスティング及び関連業	データ処理	Data processing, hosting and related activities	Da Nang	7
31	Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Số Liệu Toà n Cầu	GDS(GLOBAL DATA SERVICE JSC)	グローバルデータサービス	NTTコミュニケーションズ株式会社	63110	情報サービス業	データ処理、ホスティング及び関連業	データ処理	Data processing, hosting and related activities	Hanoi	16
50	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Điện Tử Bảo Kim	BAOKIM E - COMMERCE., JSC		株式会社サイバーエージェント・インベストメント	63110	情報サービス業	データ処理、ホスティング及び関連業	データ処理	Data processing, hosting and related activities	Hanoi	25
242	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Cadian Vietnam	CADIAN VIETNAM	キャディアンベトナム	株式会社キャディアン	63110	情報サービス業	データ処理、ホスティング及び関連業	データ処理	Data processing, hosting and related activities	Ho Chi Minh	121
289	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dairoku Việt Nam	VIET NAM DAIROKU CO., LTD	ベトナム大六	有限会社大六印刷	63110	情報サービス業	データ処理、ホスティング及び関連業	データ処理	Data processing, hosting and related activities	Da Nang	145
385	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Giải Ph áp Ubiteq Việt Nam	UBITEQ SOLUTIONS VIETNAM, LTD	ユビテックソリューションズベトナム	株式会社ユビテック	63110	情報サービス業	データ処理、ホスティング及び関連業	データ処理	Data processing, hosting and related activities	Hanoi	193
595	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Michelle	MICHELLE COMPANY LIMITED	ミシェル	株式会社ラバーソウル	63110	情報サービス業	データ処理、ホスティング及び関連業	データ処理	Data processing, hosting and related activities	Da Nang	298
785	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sancoh Việt Nam	SANCOH VIETNAM CO., LTD.	サンコーベトナム	株式会社サンコー	63110	情報サービス業	データ処理、ホスティング及び関連業	データ処理	Data processing, hosting and related activities	Can Tho	393
1452	Công ty TNHH Kyocera Communication Systems VN	KYOCERA COMMUNICATION SYSTEMS VIETNAM CO., LTD. (KCVN)	京セラコミュニケーションシステムズベトナム	京セラコミュニケーションシステム株式会社、KCCSモバイルエンジニアリング株式会社	63110	情報サービス業	データ処理、ホスティング及び関連業	データ処理	Data processing, hosting and related activities	Hanoi	726
1484	Công Ty TNHH CSL CAD Việt Nam	CSL CAD VIETNAM COMPANY LIMITED		株式会社シー・エス・ランパー	63110	情報サービス業	データ処理、ホスティング及び関連業	データ処理	Data processing, hosting and related activities	Ho Chi Minh	742
632	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Tài Chính Tovota Việt Nam	TOYOTA FINANCIAL SERVICES VIETNAM CO., LTD (TFSVN)	トヨタファイナンシャルサービスベトナム	トヨタ自動車株式会社	64190	金融業	その他の金融仲介業	金融仲介	Other monetary intermediation	Ho Chi Minh	316
1070	Ngân Hàng Mizuho Corporate Bank Ltd. Chi Nhánh Hà Nội	MIZUHO BANK, LTD. - HANOI BRANCH	みずほ銀行ハノイ支店	株式会社みずほ銀行	64190	金融業	その他の金融仲介業	金融仲介	Other monetary intermediation	Hanoi	535
1071	Ngân Hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation - CN Tp Hà Nội	SUMITOMO MITSUI BANKING CORPORATION - HANOI BRANCH	三井住友銀行ハノイ支店	株式会社三井住友銀行	64190	金融業	その他の金融仲介業	金融仲介	Other monetary intermediation	Hanoi	536
1072	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần á Châu	ASIA COMMERCIAL JOINT STOCK BANK	アジアコマーシャル銀行		64190	金融業	その他の金融仲介業	金融仲介	Other monetary intermediation	Ho Chi Minh	536
1073	Ngân Hàng Tokyo Mitsubishi Ufj	THE BANK OF TOKYO - MITSUBISHI UFJ, LTD.	三菱東京UFJ銀行	株式会社三菱東京UFJ銀行	64190	金融業	その他の金融仲介業	金融仲介	Other monetary intermediation	Ho Chi Minh	537
1142	Ngân Hàng Mizuho Corporate Bank, Ltd. - CN Tp.hcm	MIZUHO BANK, LTD. HO CHI MINH BRANCH	みずほ銀行ホーチミン支店	株式会社みずほ銀行	64190	金融業	その他の金融仲介業	金融仲介	Other monetary intermediation	Ho Chi Minh	571
1451	Ngân Hàng The Bank Of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd - Chi Nhánh Thành Phố Hà Nội	THE BANK OF TOKYO - MITSUBISHI UFJ, LTD - HANOI BRANCH	三菱東京UFJ銀行ハノイ支店	株式会社三菱UFJフィナンシャル・グループ	64190	金融業	その他の金融仲介業	金融仲介	Other monetary intermediation	Hanoi	726
1532	Ngân Hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation	SUMITOMO MITSUI BANKING CORPORATION - HO CHI MINH BRANCH	三井住友銀行ホーチミン支店	株式会社三井住友銀行	64190	金融業	その他の金融仲介業	金融仲介	Other monetary intermediation	Ho Chi Minh	766
250	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	VIETNAM INTERNATIONAL LEASING CO., LTD	ベトナムインターナショナルリーシング	株式会社あおぞら銀行	64910	金融業	金融リース業	その他	Financial leasing	Ho Chi Minh	125
1172	Công Ty Tài Chính Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Quốc Tế Việt Nam Jaccs	JACCS INTERNATIONAL VIETNAM FINANCE COMPANY LIMITED	ジャックスインターナショナルベトナム ファイナンス	株式会社ジャックス	64920	金融業	その他のクレジット業	その他	Other credit granting	Ho Chi Minh	586
229	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai Ichi Việt Nam	DAI-ICHI LIFE VIETNAM	第一生命ベトナム	第一生命保険株式会社	65110	保険業	生命保険業	生命保険	Life insurance	Ho Chi Minh	115
23	Công Ty Bảo Hiểm Liên Hiệp	UNITED INSURANCE COMPANY OF VIET NAM (UIC)	UICベトナム	損害保険ジャパン日本興亜株式会社	65129	保険業	その他の保険業	その他	Other non-life insurance	Hanoi	12
80	Công Ty Liên Doanh Bảo Hiểm Bảo Việt Tokio Marine	BAOVIET TOKIO MARINE INSURANCE COMPANY LIMITED	パオベトキオマリンインシュアランス	トウキョウ・マリン・アジア・プライベート・リミテッド	65129	保険業	その他の保険業	その他	Other non-life insurance	Hanoi	40
230	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Bảo Hiểm Phi Nhân Thọ Msig Việt Nam	MSIG INSURANCE (VIETNAM) COMPANY LIMITED	三井住友海上ベトナム	三井住友海上火災保険株式会社	65129	保険業	その他の保険業	その他	Other non-life insurance	Hanoi	115
27	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Dầu Khí	PETROVIETNAM SECURITIES INCORPORATED	ベトロベトナム証券	SMBC日興証券株式会社	66120	金融業	株及び商品契約仲介業	その他	Security and commodity contracts brokerage	Hanoi	14
1734	Công Ty TNHH Dịch Vụ AGS M&A	AGS M & A SERVICE CO., LTD			66190	金融業	その他の分類できない金融補助業	その他	Activities auxiliary to finance n.e.c	Ho Chi Minh	867

609	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Môi Giới Bảo Hiểm Toyota Tsusho (viết tắt)	TOYOTA TSUSHO VIETNAM COMPANY LIMITED	豊田通商ベトナム	豊田通商株式会社	66220	金融業	保険代理店・仲介業	その他	Activities of insurance agents and brokers	Hanoi	305
1559	Công ty TNHH Panasonic Insurance Service Việt Nam	PANASONIC INSURANCE SERVICE VIETNAM CO., LTD.	パナソニック保険サービスベトナム	パナソニック保険サービス株式会社	66220	金融業	保険代理店・仲介業	その他	Activities of insurance agents and brokers	Hanoi	780
1730	Công Ty TNHH Tư Vấn Toàn Cầu Athena	ATHENA GLOBAL CONSULTING COMPANY LIMITED			66220	金融業	保険代理店・仲介業	その他	Activities of insurance agents and brokers	Ho Chi Minh	865
67	Công Ty Hợp Hữu Nhật Việt	DAIKU-JV CO., LTD	ダイクジョイントベンチャー	株式会社アイ電子工業	68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Da Nang	34
83	Công Ty Liên Doanh Jana	JANA DEVELOPMENT COMPANY LIMITED	ジャナデベロップメント		68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Hanoi	42
92	Công Ty Liên Doanh Vinapon	VINAPON DEVELOPMENT CO., LTD	ビナボンデベロップメント	みちのくホスピタリティカンパニー株式会社	68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Hanoi	46
99	Công Ty Phát Triển Căn Hộ Hướng Công Viên	G.V.C DEVELOPMENT LIMITED		株式会社エクセ	68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Ho Chi Minh	50
100	Công Ty Phát Triển Khu CN Long Bình	THE LONG BINH INDUSTRIAL ZONE DEVELOPMENT LIMITED LIABILITY COMPANY	ロンビン工業団地開発	双日株式会社	68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Dong Nai	50
126	Công ty TNHH khu công nghiệp Thăng Long	THANG LONG INDUSTRIAL PARK CORPORATION	タンロン工業団地	住友商事株式会社	68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Hanoi	63
156	Công Ty TNHH Trung Tâm Quốc Tế	INTERNATIONAL CENTRE COMPANY LIMITED			68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Hanoi	78
187	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Advanced Material Việt Nam	ADVANCED MATERIAL VIET NAM CO., LTD.	アドバンストマテリアルベトナム	アドバンストマテリアルジャパン株式会社	68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Ha Nam	94
360	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Fuji Precision	FUJI PRECISION CO., LTD	フジプレシジョン	株式会社 玉吉製作所	68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Bac Ninh	180
503	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Khu Công Nghiệp Thăng Long 2	THANG LONG INDUSTRIAL PARK II CORPORATION	第二タンロン工業団地	住友商事株式会社	68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Hung Yen	252
547	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Làng Hoa Thủy Khuê	COCO INTERNATIONAL CO., LTD.	ココインターナショナル	長谷部建設株式会社	68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Hanoi	274
578	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mặt Trời Sông Hồng	SUN RED RIVER CO., LTD	サンレッドリバー	株式会社やず企画	68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Hanoi	289
1014	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vườn Thiên Đàng	SAIGON SKY GARDEN CO., LTD.	サイゴンスカイガーデン	伊藤忠株式会社, 森喜代株式会社	68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Ho Chi Minh	507
1025	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Xây Dựng Và Đầu Tư Đại Đăng	DA DENG CONSTRUCTION AND INVESTMENT CO., LTD		Sun Steel Joint Stock Co. (丸一鋼管, JFCスチール, 豊田通商)	68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Binh Duong	513
1048	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Zen Plaza	ZEN PLAZA	ゼンプラザ	株式会社やずや	68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Ho Chi Minh	524
1284	Công Ty Lđ Neetaco	NEETACO LTD (TANBINH APARTMENT)	ニートアコ		68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Ho Chi Minh	642
1372	Công Ty Lđ Căn Hộ Cao Cấp Daklak Nhật Bản	DAKLAK JAPAN PROPERTIES LTD.	ダクラクジャパンプロパティーズ	兼松株式会社, 日本商業開発株式会社	68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Ho Chi Minh	686
1401	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Khu Kỹ Nghệ Việt Nhật	VIE - PAN TECHNO PARK CO., LTD	ビーパンテクノパーク	日越中小企業工業団地株式会社(ユニカホールディングス株式会社)	68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Ho Chi Minh	701
1455	Công Ty TNHH Aeon Delight (Việt Nam)	AEON DELIGHT (VIETNAM) CO., LTD.	イオンデライトベトナム	イオン株式会社	68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Ho Chi Minh	728
1495	Công Ty TNHH Becamex Tokyu	BECAMEX TOKYU CO., LTD	ベカメックス東急	東京急行電鉄株式会社	68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Binh Duong	748
1520	Công Ty TNHH AEONMALL Bình Dương	AEON MALL BINH DUONG CANARY	イオンモールビンズオンキャナリー	イオン株式会社	68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Binh Duong	760
1573	Công Ty TNHH Leopalace21 Việt Nam	LEOPALACE21 VIETNAM CO., LTD	レオパレス21ベトナム	株式会社レオパレス21	68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Ho Chi Minh	787
1603	Công Ty TNHH Haseko Himlambc	HASEKO HIMLAMBC CO., LTD		株式会社 長谷工コーポレーション	68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Hanoi	802
1606	Công ty TNHH AEONMALL Việt Nam	AEONMALL VIETNAM CO., LTD.	イオンモールベトナム	イオンモール株式会社	68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Hanoi	803
1607	Công ty TNHH AEONMALL HIMLAM	AEONMALL HIMLAM CO., LTD.	イオンモールヒムラム	イオンモール株式会社	68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Hanoi	804
1636	Công ty TNHH quản lý khách sạn CANDEO Hà Nội	CANDEO HANOI HOTEL MANAGEMENT SERVICE JOINT STOCK COMPANY	2013年10月CANDEO HOTEL撤退		68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Hanoi	818
1651	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Dầu Khí Vip Việt Nam	PETRO INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY VIP VIET NAM		株式会社インベストメントパートナーズ	68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Nghe An	826
1659	Công ty TNHH Super Hotel 3A	SUPER HOTEL 3A CO., LTD.			68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Hanoi	830
1669	Công ty TNHH I-Enter Asia	I - ENTER ASIA CO., LTD.	アイエンターアジア	株式会社アイエンター	68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Hanoi	835
1688	Công Ty TNHH The Support Việt Nam	THE SUPPORT VIETNAM CO., LTD.	ザ・サポートベトナム	ザ・サポート株式会社	68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Dong Nai	844
1732	Công Ty Cổ Phần Kizuna Quảng Ngãi	KIZUNA QUANG NGAI			68100	不動産	所有・賃貸物件不動産業	不動産取引	Real estate activities with own or leased property	Quang Ngai	866
44	Công Ty Cổ Phần Nippon Cloud Việt Nam	ICRAFT JPN VIETNAM CORP. (NIPPON CLOUD VN JSC)	アイクラフトJPN・ベトナム	アイクラフトJPN株式会社	68200	不動産	不動産仲介業	不動産取引	Real estate agent, consultant activities;	Ho Chi Minh	22
634	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv	VCC CO., LTD		株式会社VCC	68200	不動産	不動産仲介業	不動産取引	Real estate agent, consultant activities;	Long An	317
749	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Quản Lý Bất Động Sản Chintaikun	CHINTAIKUN VIETNAM REAL ESTATE CONSULTANT CO., LTD	ハノイの賃貸くん		68200	不動産	不動産仲介業	不動産取引	Real estate agent, consultant activities;	Hanoi	375
1223	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tdc International Vn	TDC INTERNATIONAL (VN) CO., LTD.	東京デベロップメントコンサルタント (ベトナム)	東京デベロップメントコンサルタント(タイランド)株式会社	68200	不動産	不動産仲介業	不動産取引	Real estate agent, consultant activities;	Ho Chi Minh	612
1247	Công Ty TNHH Tư Vấn FD	FD CONSULTANT CO., LTD.			68200	不動産	不動産仲介業	不動産取引	Real estate agent, consultant activities;	Ho Chi Minh	624
1368	Cty TNHH Okamura Tokyo	OKAMURA TOKYO CO., LTD.	オカムラトウキョウ	株式会社オカムラホーム	68200	不動産	不動産仲介業	不動産取引	Real estate agent, consultant activities;	Ho Chi Minh	684
1417	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japan Asia Việt Nam	KOKUSAI LAND (VIETNAM) LIMITED	国際ランドベトナム	日本アジアグループ株式会社	68200	不動産	不動産仲介業	不動産取引	Real estate agent, consultant activities;	Ho Chi Minh	709
1570	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn N-asset Việt Nam	N - ASSET VIETNAM COMPANY LIMITED	エヌアセットベトナム	株式会社エヌアセット	68200	不動産	不動産仲介業	不動産取引	Real estate agent, consultant activities;	Ho Chi Minh	785

1592	Công Ty TNHH Một Thành Viên Môi Giới Bất Động Sản Nhà (Việt Nam)	VIETNAMHOUSE INC.	ベトナムハウス		68200	不動産	不動産仲介業	不動産取引	Real estate agent, consultant activities;	Ho Chi Minh	796
1635	Công ty TNHH Bất động sản Daiwa Corporate	DAIWA HOUSE VIETNAM CO., LTD.	大和ハウスベトナム	大和ハウス工業株式会社	68200	不動産	不動産仲介業	不動産取引	Real estate agent, consultant activities;	Hanoi	818
6	Chi nhánh Tilleke& Gibbins Consultants Limited Tại Hà Nội	TILLEKE & GIBBINS CONSULTANTS LIMITED - HANOI			69101	専門・科学技術業	弁護士・法定代理業	専門	Legal consultancy, legal representation	Hanoi	3
1332	Chi nhánh URYU&ITOGA tại Hà Nội	URYU & ITOGA ADVISORY SERVICE VIETNAM - HANOI BRANCH	瓜生・糸賀アドバイザリーサービスベトナム	U&I アドバイザリーサービス株式会社	69101	専門・科学技術業	弁護士・法定代理業	専門	Legal consultancy, legal representation	Hanoi	666
1479	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Baker & McKenzie (Việt Nam)	BAKER & MCKENZIE (VIETNAM) LTD.	ベーカー&マッケンジー国際法律事務所	ベーカー&マッケンジー法律事務所(外国法共同事業)	69101	専門・科学技術業	弁護士・法定代理業	専門	Legal consultancy, legal representation	Ho Chi Minh	740
1608	Chi nhánh Nishimura & Asahi tại Hà Nội	NISHIMURA & ASAHI (VIETNAM) LAW FIRM	西村あさひ法律事務所ハノイ事務所	西村あさひ法律事務所	69101	専門・科学技術業	弁護士・法定代理業	専門	Legal consultancy, legal representation	Hanoi	804
353	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Flagship Việt Nam	ES NETWORKS VIETNAM CO., LTD.	エスネットワークスベトナム	株式会社エスネットワークス	69200	専門・科学技術業	会計、簿記及び監査業：税務顧問	専門	Accounting, bookkeeping and auditing activities; tax consultancy	Ho Chi Minh	177
445	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn I Glocal	I-GLOCAL CO., LTD	アイ・グローカル	I-GLOCAL(アイ・グローカル)グループ	69200	専門・科学技術業	会計、簿記及び監査業：税務顧問	専門	Accounting, bookkeeping and auditing activities; tax consultancy	Hanoi	223
504	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kiểm Toán Hsk Việt Nam	HSK VIET NAM AUDIT COMPANY LIMITED	平成会計社ベトナム	税理士法人平成会計社	69200	専門・科学技術業	会計、簿記及び監査業：税務顧問	専門	Accounting, bookkeeping and auditing activities; tax consultancy	Hanoi	252
958	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tư Vấn Và Dịch Vụ Kế Toán Mirai	MIRAI INTERNATIONAL ACCOUNTING FIRM CO., LTD	MIRAI国際会計事務所		69200	専門・科学技術業	会計、簿記及び監査業：税務顧問	専門	Accounting, bookkeeping and auditing activities; tax consultancy	Hanoi	479
1084	Công Ty TNHH Kế Toán Vina	VINA BOOKKEEPING		アイ・グローカルグループ(I-GLOCAL)	69200	専門・科学技術業	会計、簿記及び監査業：税務顧問	専門	Accounting, bookkeeping and auditing activities; tax consultancy	Ho Chi Minh	542
1297	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nac Việt Nam	NAC (VIETNAM) CO., LTD	NAC ベトナム事務所	Nac Global Co. Ltd. (NAC国際会計グループ)	69200	専門・科学技術業	会計、簿記及び監査業：税務顧問	専門	Accounting, bookkeeping and auditing activities; tax consultancy	Ho Chi Minh	649
1629	Công ty TNHH Tư vấn thuế CHC	CHC TAX CONSULTING CO., LTD.			69200	専門・科学技術業	会計、簿記及び監査業：税務顧問	専門	Accounting, bookkeeping and auditing activities; tax consultancy	Hanoi	815
1679	Công ty TNHH Yamada & Partners Việt Nam	YAMADA & PARTNERS VIETNAM CO., LTD.	税理士法人山田&パートナーズベトナム	税理士法人山田&パートナーズ	69200	専門・科学技術業	会計、簿記及び監査業：税務顧問	専門	Accounting, bookkeeping and auditing activities; tax consultancy	Hanoi	840
1877	Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ Kế toán BTĐ	BTD BOOKKEEPING SERVICES	BTD会計コンサルティングサービス	ビーティディジャパンベトナム投資支援センター	69200	専門・科学技術業	会計、簿記及び監査業：税務顧問	専門	Accounting, bookkeeping and auditing activities; tax consultancy	Hanoi	939
19	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Hri Việt Nam	HRI VIETNAM COMPANY LIMITED	HRIベトナム	株式会社HRインスティテュート	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Da Nang	10
25	Công Ty Cổ Phần Azuma Việt Nam	AZUMA VIETNAM JOINT STOCK COMPANY	アズマベトナム	株式会社アズマネジ	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	13
49	Công Ty Cổ Phần The R Việt Nam	R VIETNAM JOINT STOCK COMPANY	アールベトナム	G.A.コンサルタンツ株式会社	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	25
51	Công Ty Cổ Phần Tomoe	TOMOE JOINT STOCK COMPANY			70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	26
77	Công Ty Ld Secom Việt Nam	SECOM VIETNAM SECURITY SERVICE JOINT STOCK COMPANY	セコムベトナムセキュリティサービス	セコム株式会社	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	39
125	Công ty TNHH HPI Việt Nam	HPI VIETNAM COMPANY LIMITED		王子ホールディングス	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	63
134	Công ty TNHH MTV URYU& ITOGA ADVISORY SERVICE Việt Nam	URYU & ITOGA ADVISORY SERVICE VIETNAM CO., LTD.	瓜生・糸賀アドバイザリーサービスベトナム	U&I アドバイザリーサービス株式会社	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	67
177	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn 1 Thành Viên Asahitec Việt Nam	ASAHI TEC VIETNAM COMPANY LIMITED	アサヒテックベトナム	株式会社アサヒテックコーポレーション	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	89
199	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Amnet Việt Nam	AMNET VIETNAM COMPANY LIMITED	アムネットベトナム	株式会社アム・ネット	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	100
213	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Asia Alliance Partner Vn	ASIA ALLIANCE PARTNER VIETNAM COMPANY LIMITED	アジアアライアンスパートナーベトナム	アジア・アライアンス・パートナー・ジャパン株式会社	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	107
238	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Brainworks Việt Nam	BRAINWORKS ASIA CO., LTD.	ブレインワークスアジア	株式会社ブレインワークス	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	119
332	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Eagle One Enterprise	EAGLE ONE ENTERPRISE LIMITED COMPANY	イーグルワンエンタープライズ	株式会社イーグルワンエンタープライズ	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	166
423	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hirayama Việt Nam	HIRAYAMA VIETNAM COMPANY LIMITED	平山ベトナム	株式会社平山	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	212
496	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Keihan Việt Nam	KEIHAN VIETNAM CO., LTD	京阪ベトナム	株式会社京阪流通システムズ	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	248
670	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nihon Seikei Việt Nam	NIHON SEKKEI VIETNAM, INC	日本設計ベトナム	株式会社日本設計	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	335
733	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Phát Triển Đầu Tư Javina	JAVINA INVESTMENT DEVELOPMENT CO., LTD	JAVINA 投資促進	ビーティディジャパンベトナム投資支援センター	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	367
750	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Quỹ L ý Và Đầu Tư Logitem Việt Nam	LOGITEM VIETNAM HOLDING AND INVESTMENT COMPANY LIMITED	ロジテムベトナム	日本ロジテム株式会社	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	375
849	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sumitomo Corporation Việt Nam	SUMITOMO CORPORATION VIETNAM LLC	ベトナム住友商事	住友商事株式会社	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	425
916	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tokyo Consulting	TOKYO CONSULTING COMPANY LIMITED	東京コンサルティング	株式会社東京コンサルティングファーム	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	458
946	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Trree	TRREE CO., LTD			70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	473
955	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tư Vấn Capital Partners Vietnam	CAPITAL PARTNERS VIETNAM CONSULTING COMPANY LIMITED	キャピタルパートナーズベトナムコンサルティング	キャピタル・パートナーズ証券株式会社	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	478
957	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tư Vấn Sei Việt Nam	SEI CONSULTING VIETNAM CO., LTD		住友電気工業株式会社	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	479
998	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vietnam Investments Partners	VIETNAM INVESTMENTS PARTNERS CO., LTD			70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	499
1095	Công Ty TNHH Liên Kết Chăm Sóc Toàn Cầu	GLOBAL CARE			70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	548
1104	Công Ty TNHH Kawasaki Việt Nam	KAWASAKI VIETNAM CO., LTD.		川崎電線株式会社	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	552

1117	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Toshin Châu á	TOSHIN CONSULTING ASIA CO., LTD	東神コンサルティングアジア	東神開発株式会社	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	559
1121	Công Ty TNHH Meiwa Việt Nam	MEIWA VIETNAM COMPANY	明和ベトナム	明和産業株式会社	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	561
1155	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Isfnet Việt Nam	ISFNET VIETNAM CO., LTD.	アイエスエフネットベトナム	株式会社アイエスエフネット	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	578
1166	Công Ty TNHH Emori Việt Nam	EMORI VIETNAM CO., LTD	江守商事ベトナム	江守商事株式会社	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	583
1171	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nippon Manufacturing Service Quốc Tế Việt Nam	NMS INTERNATIONAL VIETNAM CORPORATION	日本マニユファクチャリングサービスインターナショナルベトナム	日本マニユファクチャリングサービス株式会社	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	586
1186	Công Ty Cổ Phần One World	OWI JSC	オーウィー		70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	593
1206	Công Ty TNHH Kosaido Hr Việt Nam	KOSAIDO HR VIETNAM CO., LTD. (KHR VIETNAM)	廣済堂HRベトナム	株式会社廣済堂	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	603
1230	Công Ty TNHH CM Plus Việt Nam	CM PLUS VIETNAM CO., LTD.	シーエムプラスベトナム	株式会社シーエムプラス	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	615
1261	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nidec Logistics Việt Nam	MARUZEN DENSAN LOGISTICS VIETNAM CO., LTD.	ベトナム丸全電産ロジステック	丸全電産ロジステック株式会社	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	631
1264	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tư Vấn Mỹ Lăng	MY LANG CONSULTANT CO., LTD	ミランコンサルタント	合同会社カラコロモ	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	632
1307	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ước Mơ Tương Lai	FUTURE DREAM CO., LTD			70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	654
1312	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sk - Home Việt Nam	SK - HOME VIET NAM CO., LTD.			70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	656
1319	Công Ty TNHH Tredia Việt Nam	TREDIA VIET NAM CO., LTD	ベトナムトレディア	三菱商事株式会社	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	660
1324	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Forval Việt Nam	FORVAL VIETNAM CO., LTD	フォーバルベトナム	株式会社フォーバル	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	662
1328	Công Ty TNHH Thương Mại Jfe Shoji Việt Nam	JFE SHOJI TRADE VIETNAM CO., LTD	ベトナムJFE商事	JFE商事株式会社	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	664
1329	Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Đầu Tư Liên Hợp Quốc Tế Mai	MAI FINANCIAL INVESTMENT CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY			70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	665
1384	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Pt Nui Và Đt Thái Dương	JAPAN SUN OIL CO., LTD.(SUNOCO)			70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	692
1405	Công Ty TNHH Hitachi Home Electronics Việt Nam	HITACHI HOME ELECTRONICS VIETNAM CO., LTD.	日立ホームエレクトロニクスベトナム	株式会社日立製作所	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	703
1411	Công Ty TNHH Việt Nhật	VIET NHAT SHOUTEN CO., LTD.		株式会社VIT Japan	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	706
1423	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tư Vấn Nguồn Nhân Lực Phần Thường	PREMIUM HUMAN RESOURCES CONSULTNG CO., LTD. (PROGRESSOR VIETNAM)		アジアHR「プログレッサー」	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	712
1424	Công Ty TNHH Kokusai Land Việt	KOKUSAI LAND (VIETNAM) LIMITED	国際ランドベトナム	JAG国際エナジー株式会社	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	712
1437	Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Bijoو	BIJOO INVESTMENT & CONSULTING CO., LTD	麿城インバストメント&コンサルティング	税理士法人麿城総合経営事務所	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	719
1440	Công Ty TNHH Một Thành Viên Jin-G	JIN - G (VIETNAM) INC.		株式会社JIN-G (旧社名: エクスピリットパートナーズ株式会社)	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	720
1458	Công Ty TNHH Một Thành Viên Shuhaly Việt Nam	SHUHALY VIETNAM COMPANY LIMITED	シュハリベトナム	シュハリ株式会社	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	729
1463	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Pan Châu Á	PAN ASIA CO., LTD			70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	732
1473	Công Ty TNHH A-Line Việt Nam	A - LINE VIETNAM. CO., LTD.		エーライン 株式会社	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	737
1533	Công Ty TNHH Quick Việt Nam	QUICK VIETNAM COMPANY	クイックベトナム	株式会社クイック	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	767
1536	Công Ty TNHH Thiết Kế Asiem	ASIEM DESIGN CO., LTD			70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	768
1537	Công Ty TNHH Tư Vấn Crosscoop Việt Nam	CROSSCOOP HO CHI MINH	クロスコープホーチミン	ソーシャルワイヤー株式会社	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	769
1562	Công ty TNHH HR-LINK.VIETNAM	HR-LINK.VIETNAM CO., LTD	エイチアールリンクベトナム	日本HRリンク株式会社	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	781
1588	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Conrorate Directions Việt Nam	CORPORATE DIRECTIONS (VIETNAM) CO., LTD.		株式会社コーボレイト ディレクション	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	794
1615	Công Ty TNHH Giải Pháp Kinh Doanh Yotsuba Việt Nam	YOTSUBA VIETNAM BUSINESS SOLUTIONS CO., LTD.	よつばベトナム	よつば総合事務所	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	808
1616	Công ty TNHH Tư vấn Việt Nam Saison	VIETNAM SAISON CONSULTING CO., LTD.	ベトナムセゾンコンサルティング	株式会社クレディセゾン	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	808
1618	Công ty TNHH B & company Việt Nam	B & COMPANY VIETNAM LTD.	B & Companyハノイ事務所	B & Company株式会社	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	809
1619	Công Ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Vinanikko	VINANIKKO INVESTMENT CONSULTING LIMITED COMPANY	ビナニッコー	株式会社ニッコー	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	810
1625	Công Ty TNHH Kic Việt Nam	KIC VIETNAM			70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	813
1630	Công ty TNHH Bắc áی Quảng Đông	CHARITY GUANGDONG CO., LTD.			70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	815
1672	Công Ty TNHH Tư Vấn Quản Lý Chuyên Nghiệp Aureole	MANAGEMENT CONSULTING AUREOLE			70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	836
1675	Công Ty TNHH Transcosmos Việt Nam	TRANSCOSMOS VIETNAM CO., LTD	コスモスベトナム	トランスコスモス株式会社	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	838
1682	Công ty TNHH YKH	YKH CO., LTD.			70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	841
1740	Cty TNHH Tư Vấn Mũi Tên Nhanh	SWIFT ARROWS CONSULTANT CO., LTD	スイフトアローズコンサルタント	ザクソン・グループ	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	870
1846	Công Ty TNHH Soarer Capital Strategies Việt Nam	SOARER CAPITAL STRATEGIES VIETNAM CO., LTD			70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	923
1847	Công Ty TNHH Pa Việt Nam Consulting	PA VIETNAM CONSULTING COMPANY LIMITED	ピーエイ(ベトナム)	株式会社ピーエイ	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	924
1856	Công Ty TNHH Anet	ANET LIMITED LIABILITY			70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Ho Chi Minh	928
1878	Công ty TNHH B World Insights	B WORLD INSIGHTS CO., LTD.		B World Insights	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	939
1890	Công ty TNHH Jonest Chonest Nhật	JONEST CHONEST JAPAN CO., LTD.			70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	945
1891	Công ty TNHH I.B.C Việt Nam	I.B.C VIETNAM CO., LTD (ICHIKAWA BUSINESS CONSULTANT)	市川ビジネスコンサルタントベトナム		70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	946
1893	Công ty TNHH Gavans Vietnam	GAVANS VIETNAM CO., LTD.	ギャバンスベトナム	ギャバンス株式会社	70200	専門・科学技術業	経営コンサルタント業	専門	Management consultancy activities	Hanoi	947
4	C.Ty TNHH Daizo Tec	DAIZO TEC CO., LTD.	ダイゾーテック	株式会社大島造船所	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Hanoi	2
39	Công ty Cổ phần Liên doanh tư vấn và xây dựng - COFEC	JOINT STOCK COMPANY FOR CIVIL ENGINEERING CONSULTANT AND CONSTRUCTION- COFEC		株式会社カナモト	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Hanoi	20

181	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn I Tv C.b.s Việt Nam	C.B.S VIETNAM	CBSベトナム	株式会社CBS	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Ho Chi Minh	91
350	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Finetec Việt Nam	FINETEC VIETNAM COMPANY LIMITED	ファインテックベトナム	株式会社ファインテック	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Hanoi	175
448	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn If Việt Nam	VIET NAM IF COMPANY LIMITED			71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Hoa Binh	224
455	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Img Việt Nam	IMG VIETNAM COMPANY LIMITED	アイエムジーベトナム	有限会社アイエムジー	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Hai Phong	228
562	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn M.apri	M.APRI CO., LTD	エムアプリ	M.APR Corporation	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Hanoi	281
576	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Marusun Việt Nam	MARUSUN VIETNAM INC.	マルスンベトナム	マルスン株式会社	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Da Nang	288
676	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nippon Conveyor Việt Nam	NIPPON CONVEYOR VIETNAM CO., LTD	日本コンベヤベトナム	日本コンベヤ株式会社	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Hanoi	338
738	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Planex	PLANEX CO., LTD.	プラネックスベトナム	株式会社プラネックス	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Ho Chi Minh	369
896	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thiết Kế Châu á Kume	KUME DESIGN ASIA CO., LTD	クメデザインアジア	株式会社久米設計	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Hanoi	448
922	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tonets Việt Nam	TONETS VIETNAM CO., LTD	東熱ベトナム	東洋熱工業株式会社	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Hanoi	461
956	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tư Vấn Fukkan Và Minami	FUKKEN & MINAMI CONSULTANT CO., LTD.		復建調査設計株式会社	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Ho Chi Minh	478
959	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tư Vấn Xây Dựng Fujiinami	FUJINAMI CONSTRUCTION CONSULTANT COMPANY LIMITED	藤波建築設計事務所		71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Ho Chi Minh	480
960	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tư Vấn Xây Dựng Nhật Việt	VIETNAM - JAPAN ENGINEERING CONSULTANTS CO., LTD		株式会社エスイー, 株式会社アンジェロセック	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Hanoi	480
1050	Công Ty Tư Vấn Công Trình Châu á Thái Bình Dương	ASIA PACIFIC ENGINEERING CONSULTANTS	アジアパシフィックエンジニアリングコンサルタンツ	株式会社ジェイエスエム、オリエンタルコンサルツ株式会社	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Hanoi	525
1051	Công Ty Tư Vấn Quản Lý Xây Dựng Delta	DELTA CONSTRUCTION MANAGEMENT COMPANY LIMITED			71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Hanoi	526
1103	Công Ty TNHH Iki	IKI COMPANY LIMITED			71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Ho Chi Minh	552
1114	Công ty TNHH SAN-EI Việt Nam	SAN-EI VIETNAM CO., LTD.	サンエイベトナム	三栄商事株式会社	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Da Nang	557
1124	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Delta Archi Tects Việt Nam	DELTA ARCHI TECTS VN CO., LTD.		有限会社DELTA ARCHI TECTS	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Ho Chi Minh	562
1178	Công Ty TNHH Thiết Bị OTS Việt Nam	OTS DEVICE VIETNAM COMPANY LIMITED	OTSデバイスベトナム	株式会社オーディーエス、株式会社 フォドシア	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Ho Chi Minh	589
1192	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Xây Dựng Phát Triển Vn (vinadeco)	VIETNAM DEVELOPMENT CONSTRUCTION CO., LTD.		株式会社安藤ハザマ	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Ho Chi Minh	596
1202	Công Ty TNHH Idemitsu Engineering Việt Nam	IDEMITSU ENGINEERING VIETNAM CO., LTD.	出光エンジニアリングベトナム	出光興産株式会社	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Ho Chi Minh	601
1207	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Life Design Việt Nam	LIFE DESIGN VIETNAM CO., LTD.	ライフデザインベトナム	日本福祉設計株式会社	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Ho Chi Minh	604
1236	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Viemik	VIE MIK CO., LTD.		名興電機株式会社	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Ho Chi Minh	618
1238	Công Ty Cổ Phần Kt Xây Dựng Toyo	TOYO CIVIL ENGINEERING CORPORATION.	東洋技術設計事務所	株式会社東洋技術設計事務所	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Ho Chi Minh	619
1285	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nippon Engineering Việt Nam	NIPPON ENGINEERING VIETNAM CO., LTD.	ニッポンエンジニアリングコンサルタンツ	大日本コンサルタント株式会社	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Ho Chi Minh	643
1323	Công ty TNHH ADO	APEX CONSTRUCTION DRAWING OFFICE INC.	エイベックス建築設計事務所	株式会社増岡組	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Hanoi	662
1422	Công Ty TNHH Một Thành Viên Caily	CAILY CO., LTD.	カイリ	株式会社GUIS	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Ho Chi Minh	711
1460	Công Ty TNHH ACA KENBI	ACA KENBI CO., LTD.	エーシーエケンビ	株式会社エーシーエ設計	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Ho Chi Minh	730
1483	Công Ty TNHH Led Okamura Việt Nam	LED OKAMURA VIETNAM CO., LTD		株式会社岡村電産	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Ho Chi Minh	742
1614	CÔNG TY TNHH GAEA FIELD VIỆT NAM	GAEA FIELD VIETNAM CO., LTD.	ガイアフィールドベトナム	株式会社ガイアフィールド	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Ho Chi Minh	807
1641	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kashiwa Việt Nam	KASHIWA VIETNAM CO., LTD.	カシワベトナム	株式会社カシワテック	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Hai Phong	821
1733	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kiến Trúc Sanuki Nishizawa	SANUKI DAISUKE ARCHITECTS CO., LTD	「S+Na」建築設計事務所		71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Ho Chi Minh	867
1783	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Trung Tâm Huấn Luyện Và Bồi Dưỡng Nghiệp Vụ Thiết Kế Tàu Thủy	SHIPBUILDING TRAINING CENTER CO., LTD.		株式会社新来島どつく、三井物産株式会社、株式会社カナックス	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Hai Phong	892
1805	Công Ty TNHH Công Nghệ Polaris Đà Nẵng	DANANG POLARIS TECHNOLOGY CO., LTD	ダナンポラリステクノロジー	ボラテック株式会社	71101	建築・エンジニア・試験分析業	建築業	建築	Architectural activities	Da Nang	903
1105	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Asia Georeseach Agency Viet Nam	ASIA GEORESEARCH AGENCY (VIETNAM) CO., LTD.			71103	建築・エンジニア・試験分析業	地理・水理調査業	試験分析	Geographic, hydraulic surveying activities	Ho Chi Minh	553
1554	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thẩm Đà Khai Thác Dầu Khí Cuba	PVEP CUBA			71103	建築・エンジニア・試験分析業	地理・水理調査業	試験分析	Geographic, hydraulic surveying activities	Hanoi	777
11	Cng Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Jgc Việt Nam	JGC VIET NAM CO., LTD.	JGCベトナム	日揮株式会社	71109	建築・エンジニア・試験分析業	技術関連コンサルタント業	エンジニア	Related technical consultancy activities	Hanoi	6
43	Công Ty Cổ Phần Nc Network Việt Nam	NC NETWORK VIETNAM JOINT STOCK COMPANY	NCネットワークベトナム	株式会社NCネットワーク	71109	建築・エンジニア・試験分析業	技術関連コンサルタント業	エンジニア	Related technical consultancy activities	Hanoi	22
256	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Coatech J Hà Nội	COATECH J HANOI CO., LTD.	コーテックJハノイ	株式会社ユーテック	71109	建築・エンジニア・試験分析業	技術関連コンサルタント業	エンジニア	Related technical consultancy activities	Hanoi	128
566	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Maeda Việt Nam	MAEDA VIETNAM CO., LTD.	マエダベトナム	前田建設工業株式会社	71109	建築・エンジニア・試験分析業	技術関連コンサルタント業	エンジニア	Related technical consultancy activities	Ho Chi Minh	283
866	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Taim Weser Đông Nam á	TAIM WESER SOUTH-EAST ASIA LIMITED COMPANY			71109	建築・エンジニア・試験分析業	技術関連コンサルタント業	エンジニア	Related technical consultancy activities	Hanoi	433
1065	Cung Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nissan Techno Viet Nam	NISSAN TECHNO VIETNAM CO., LTD	日産テクノベトナム	株式会社日産テクノ	71109	建築・エンジニア・試験分析業	技術関連コンサルタント業	エンジニア	Related technical consultancy activities	Hanoi	533
1075	Oriental Consultants Co., Gối thầu 4 , Giai đoạn 2	ORIENTAL CONSULTANTS CO., LTD. HANOI OFFICE	オリエンタルコンサルタンツハノイオフィス	株式会社オリエンタルコンサルタンツ	71109	建築・エンジニア・試験分析業	技術関連コンサルタント業	エンジニア	Related technical consultancy activities	Hanoi	538
1195	Công Ty TNHH Iidamold Việt Nam	IIDAMOLD VIETNAM CO., LTD.	イイダモールドベトナム	株式会社イイダモールド	71109	建築・エンジニア・試験分析業	技術関連コンサルタント業	エンジニア	Related technical consultancy activities	Ho Chi Minh	598
1250	Công Ty TNHH W2solution Việt Nam	W2SOLUTION VIETNAM CO., LTD	w2ソリューションベトナム	w2ソリューション株式会社	71109	建築・エンジニア・試験分析業	技術関連コンサルタント業	エンジニア	Related technical consultancy activities	Ho Chi Minh	625
1336	Công Ty TNHH Okamura Việt Nam	OKAMURA VIETNAM CO., LTD		株式会社OKAMURA	71109	建築・エンジニア・試験分析業	技術関連コンサルタント業	エンジニア	Related technical consultancy activities	Ho Chi Minh	668
1357	Công Ty TNHH Hunet Việt Nam	HUNET VIETNAM LIMITED	ヒューネットベトナム	株式会社ヒューネット	71109	建築・エンジニア・試験分析業	技術関連コンサルタント業	エンジニア	Related technical consultancy activities	Ho Chi Minh	679
1414	Cty TNHH MTV Sivcreates Việt Nam	SIVCREATES VN CO., LTD		有限会社 シブクリエイツ	71109	建築・エンジニア・試験分析業	技術関連コンサルタント業	エンジニア	Related technical consultancy activities	Ho Chi Minh	707

1444	Công Ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Dầu Khí Jx Nippon (Mekong)	JX NIPPON OIL & GAS CONSULTING SERVICES (MEKONG) LIMITED	ジェイエックスニッポンオイルアンドガスコンサルティングサービス	JX石油開発株式会社	71109	建築・エンジニア・試験分析業	技術関連コンサルタント業	エンジニア	Related technical consultancy activities	Ho Chi Minh	722
1446	Công ty TNHH Chodai & Kiso - Jiban Việt Nam	CHODAI & KISO - JIBAN VIETNAM CO., LTD.	長大基礎地盤ベトナム	株式会社長大、基礎地盤コンサルタンツ株式会社	71109	建築・エンジニア・試験分析業	技術関連コンサルタント業	エンジニア	Related technical consultancy activities	Hanoi	723
1454	Công Ty TNHH Daisan Việt Nam	DAISA VIETNAM CO., LTD.			71109	建築・エンジニア・試験分析業	技術関連コンサルタント業	エンジニア	Related technical consultancy activities	Ho Chi Minh	727
1527	Công ty CP Yanoken Consulting	YANOKEN CONSULTING CO., LTD.		矢野建設株式会社	71109	建築・エンジニア・試験分析業	技術関連コンサルタント業	エンジニア	Related technical consultancy activities	Hanoi	764
1549	Công ty TNHH NB PANEL INDUSTRIAL Việt Nam	NB PANEL INDUSTRIES VIETNAM CO., LTD.		株式会社NBパネル工業	71109	建築・エンジニア・試験分析業	技術関連コンサルタント業	エンジニア	Related technical consultancy activities	Hanoi	775
1575	Công Ty TNHH Line Kogvo (Việt Nam)	LINE KOGYO VIETNAM			71109	建築・エンジニア・試験分析業	技術関連コンサルタント業	エンジニア	Related technical consultancy activities	Ho Chi Minh	788
1622	Công Ty TNHH Chugai Technos Việt Nam	CHUGAI TECHNOS VIETNAM CO., LTD	中外テクノスベトナム	中外テクノス株式会社	71109	建築・エンジニア・試験分析業	技術関連コンサルタント業	エンジニア	Related technical consultancy activities	Ho Chi Minh	811
677	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nippon Kaiji Kentei (Việt Nam)	NIPPON KAIJI KENTEI (VIETNAM) LTD.	日本海事検定 (ベトナム)	一般社団法人日本海事検定協会	71200	建築・エンジニア・試験分析業	技術試験業	試験分析	Technical testing and analysis	Ho Chi Minh	339
744	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Prominent Vn	PROMINENT (VIET NAM) CO., LTD.	プロミメント (ベトナム)	伊藤忠商事株式会社	71200	建築・エンジニア・試験分析業	技術試験業	試験分析	Technical testing and analysis	Ho Chi Minh	372
961	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tuv Rheinland Viet Nam	TUVRHEINLAND VIET NAM CO., LTD	テュフラインランドベトナム	テュフラインランドジャバニ株式会社	71200	建築・エンジニア・試験分析業	技術試験業	試験分析	Technical testing and analysis	Ho Chi Minh	481
1240	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Kiểm Định Kỹ Thuật An Toàn Dầu Khí Vi	PV EIC - TSR CO., LTD			71200	建築・エンジニア・試験分析業	技術試験業	試験分析	Technical testing and analysis	Ho Chi Minh	620
1315	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tamsui Việt Nam	TAMSUI VIETNAM CO., LTD.	タンスイベトナム	株式会社タンスイ	71200	建築・エンジニア・試験分析業	技術試験業	試験分析	Technical testing and analysis	Ho Chi Minh	658
1388	Công Ty Dịch Vụ Kiểm Hàng Tokinaga Việt Nam	PGY TOKINAGA VIETNAM CO., LTD.	トキナガベトナム	プログレスユーコー株式会社	71200	建築・エンジニア・試験分析業	技術試験業	試験分析	Technical testing and analysis	Ho Chi Minh	694
1475	Công Ty TNHH Furushima Việt Nam	FURUSHIMA VIETNAM LIMITED COMPANY	フルシマベトナム	株式会社ファッションクロスフルシマ	71200	建築・エンジニア・試験分析業	技術試験業	試験分析	Technical testing and analysis	Ho Chi Minh	738
1644	Công ty TNHH CAITAC - NISSHIN Việt Nam	CAITAC - NISSHIN VIETNAM CO., LTD.		カイトック株式会社	71200	建築・エンジニア・試験分析業	技術試験業	試験分析	Technical testing and analysis	Hai Phong	822
1663	Công Ty TNHH Hà Nội Lonrevis	HANOI LONREVIS COMPANY LIMITED	ハノイロンリバイス	株式会社ロン・リバイス	71200	建築・エンジニア・試験分析業	技術試験業	試験分析	Technical testing and analysis	Hanoi	832
94	Công Ty Nghiên Cứu Và Phát Triển Shinko Technos	SHINKO TECHNOS RESEARCH & DEVELOPMENT CO., LTD		神港テクノス株式会社	72100	技術研究開発業	自然科学と工学研究及び試験開発	技術研究開発	Research and experimental development on natural sciences and engineering	Da Nang	47
1642	Công ty TNHH Y-TEC Việt Nam	Y - TEC VIETNAM CO., LTD.	Y - TECベトナム	山下ゴム株式会社	72100	技術研究開発業	自然科学と工学研究及び試験開発	技術研究開発	Research and experimental development on natural sciences and engineering	Hai Phong	821
212	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Asatsu Dk Vn	ASATSU - DK VIETNAM INC.	アサツーディケイベトナム	株式会社アサツーディ・ケイ	73100	広告・市場調査業	広告業	広告	Advertising	Ho Chi Minh	106
302	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dentsu Alpha	DENTSU ALPHA LIMITED	電通アルファ	株式会社電通	73100	広告・市場調査業	広告業	広告	Advertising	Ho Chi Minh	151
395	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hakuhodo & Quảng Cáo Sài Gòn	HAKUHODO & SAIGON ADVERTISING CO., LTD	博報堂SAC	株式会社博報堂	73100	広告・市場調査業	広告業	広告	Advertising	Ho Chi Minh	198
802	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Seishin Việt Nam	SEISHIN VIETNAM COMPANY LIMITED		株式会社世真	73100	広告・市場調査業	広告業	広告	Advertising	Hanoi	401
1244	Công Ty Cổ Phần Oryza Việt Nam	ORYZA VIETNAM CORPORATION	オリザベトナム	中安昭人	73100	広告・市場調査業	広告業	広告	Advertising	Ho Chi Minh	622
1288	Công Ty TNHH Truyền Thông Kilala	KILALA COMMUNICATION COMPANY LIMITED	Kilalaコミュニケーション	株式会社シータス&ゼネラルプレス	73100	広告・市場調査業	広告業	広告	Advertising	Ho Chi Minh	644
1392	Công Ty TNHH Koa - Sha Quốc Tế Việt Nam	KOA - SHA INTERNATIONAL VIETNAM CO., LTD.	弘垂社インターナショナルベトナム	株式会社弘垂社	73100	広告・市場調査業	広告業	広告	Advertising	Ho Chi Minh	696
1393	Công ty TNHH KOA-SHA MEDIA Việt Nam	KOA - SHA MEDIA VIETNAM CO., LTD.	弘垂社メディアベトナム	株式会社弘垂社	73100	広告・市場調査業	広告業	広告	Advertising	Ho Chi Minh	697
1398	Công Ty TNHH Frame One Việt Nam	FARME ONE VIETNAM COMPANY LIMITED	フレイムワンベトナム	株式会社フレイムワン	73100	広告・市場調査業	広告業	広告	Advertising	Ho Chi Minh	699
1415	Công Ty TNHH Tosmac Việt Nam	TOSMAC VIETNAM COMPANY LIMITED	トスマックベトナム	株式会社トスマック	73100	広告・市場調査業	広告業	広告	Advertising	Ho Chi Minh	708
1435	Công Ty Southern Sky Media Jv.co	SOUTHERN SKY MEDIA JOINT VENTURE COMPANY			73100	広告・市場調査業	広告業	広告	Advertising	Ho Chi Minh	718
1474	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dik Vn (cũ Quảng Cáo Sol)	DIK VIET NAM COMPANY LIMITED		株式会社アサツー ディ・ケイ	73100	広告・市場調査業	広告業	広告	Advertising	Ho Chi Minh	737
1840	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Qc Phương Hoàng	PH CO., LTD.			73100	広告・市場調査業	広告業	広告	Advertising	Ho Chi Minh	920
1109	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn ánh Sáng Rạng Đông	THE GLOW OF DAWN COMPANY LIMITED			73200	広告・市場調査業	市場調査および世論調査業	市場調査	Market research and public opinion polling	Ho Chi Minh	555
1191	Công Ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tiếp Thị Ledtec	LEDTEC MARKETING COSULTING SERVICE CO., LTD.			73200	広告・市場調査業	市場調査および世論調査業	市場調査	Market research and public opinion polling	Ho Chi Minh	596
1254	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thiên Bình	LIBRA CO., LTD.	ライブラ		73200	広告・市場調査業	市場調査および世論調査業	市場調査	Market research and public opinion polling	Ho Chi Minh	627
1293	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn W&s	W & S JOINT STOCK COMPANY		W&S ホールディングス	73200	広告・市場調査業	市場調査および世論調査業	市場調査	Market research and public opinion polling	Ho Chi Minh	647
1337	Công Ty TNHH JFE Steel Việt Nam	JFE STEEL VIETNAM CO., LTD.	JFEスチールベトナム	JFEスチール株式会社	73200	広告・市場調査業	市場調査および世論調査業	市場調査	Market research and public opinion polling	Ho Chi Minh	669
1628	Công Ty TNHH Nagoya Hệ Thống Kiến Thức	NAGOYA SYSTEM KNOWLEDGE CO., LTD. (NASK CO., LTD.)			73200	広告・市場調査業	市場調査および世論調査業	市場調査	Market research and public opinion polling	Ho Chi Minh	814
1680	Công ty TNHH G.A. CONSULTANTS Việt Nam	G.A. CONSULTANTS VIETNAM CO., LTD.	G.A. コンサルタンツベトナム	ジー・エー・コンサルタンツ株式会社	73200	広告・市場調査業	市場調査および世論調査業	市場調査	Market research and public opinion polling	Hanoi	840
1726	Công Ty TNHH Gerbera Partner Việt Nam	GERBERA PARTNERS VIETNAM CO., LTD.	ガルベラパートナーズベトナム	株式会社ガルベラパートナーズ	73200	広告・市場調査業	市場調査および世論調査業	市場調査	Market research and public opinion polling	Ho Chi Minh	863
120	Công ty TNHH Asahi Kokusai Techneon Việt Nam	ASAHI KOKUSAI TECHNION VIETNAM CO., LTD.	旭国際テクネイオンベトナム	旭国際テクネイオン株式会社	74100	その他の専門・科学技術業	専門デザイン業	デザイン	Specialized design activities	Hanoi	60
200	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Amold	A MOLD CO., LTD			74100	その他の専門・科学技術業	専門デザイン業	デザイン	Specialized design activities	Hanoi	100
381	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Gendai Sougo Việt Nam	GENDAI SOUGO VIETNAM ARCHITECTS & ENGINEERS CO.,	現代総合設計ベトナム	株式会社現代総合設計	74100	その他の専門・科学技術業	専門デザイン業	デザイン	Specialized design activities	Hanoi	191
425	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hiroshima Metal Work Việt Nam	HIROSHIMA METAL WORK VIETNAM CO., LTD	広島メタルワークベトナム	株式会社広島メタルワーク	74100	その他の専門・科学技術業	専門デザイン業	デザイン	Specialized design activities	Bac Ninh	213
450	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ihi Engineering Marine Việt Nam	IEMV LTD	アイイーエムヴィ	ジャパンマリンユナイテッド株式会社	74100	その他の専門・科学技術業	専門デザイン業	デザイン	Specialized design activities	Hai Phong	225

459	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Inter Art Sai Gon	INTER ART SAIGON CO., LTD.	インターアートサイゴン	Hironao Shiosaki	74100	その他の専門・科学技術業	専門デザイン業	デザイン	Specialized design activities	Ho Chi Minh	230
619	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Traviet Japan	TRAVIET JAPAN ONE MEMBER COMPANY LIMITED			74100	その他の専門・科学技術業	専門デザイン業	デザイン	Specialized design activities	Hanoi	310
947	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Trung Tâm Đồ Hoa Vì Tĩnh Kikukawa	KIKUKAWA CAD CENTER CO., LTD.	キクカワキャドセンター	菊川工業株式会社	74100	その他の専門・科学技術業	専門デザイン業	デザイン	Specialized design activities	Ho Chi Minh	474
1008	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Vinacad	VINACAD CO., LTD. (YABASHI VIETNAM CAD TECHNOLOGY CORPORATION)	ビナキャド	矢橋ホールディングス株式会社	74100	その他の専門・科学技術業	専門デザイン業	デザイン	Specialized design activities	Hanoi	504
1134	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Design Net Vn	DESIGN NET VN CO., LTD.		株式会社DNクエスト	74100	その他の専門・科学技術業	専門デザイン業	デザイン	Specialized design activities	Ho Chi Minh	567
1217	Công Ty TNHH T.Y.A. Việt Nam	T.Y.A. VIETNAM CO., LTD.	TYAベトナム	TYA Inc.	74100	その他の専門・科学技術業	専門デザイン業	デザイン	Specialized design activities	Ho Chi Minh	609
1221	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Inomoto Việt Nam	INO - V	イノヴェイト	株式会社デサント	74100	その他の専門・科学技術業	専門デザイン業	デザイン	Specialized design activities	Ho Chi Minh	611
1316	Cty TNHH VACS Việt Nam	VACS VIETNAM	バックスベトナム	バックス株式会社	74100	その他の専門・科学技術業	専門デザイン業	デザイン	Specialized design activities	Ho Chi Minh	658
1397	Công Ty TNHH YSK Việt Nam	YSK VIETNAM CO., LTD.		株式会社山本水圧工業所	74100	その他の専門・科学技術業	専門デザイン業	デザイン	Specialized design activities	Ho Chi Minh	699
1478	Công Ty TNHH Nihonwasou Việt Nam	NIHONWASOU VIETNAM CO., LTD.	日本和装ベトナム	日本和装ホールディングス株式会社	74100	その他の専門・科学技術業	専門デザイン業	デザイン	Specialized design activities	Ho Chi Minh	739
1485	Công Ty TNHH Kume Industry Việt Nam	KUME INDUSTRY VIETNAM CO., LTD.	久米工業株式会社	久米工業株式会社	74100	その他の専門・科学技術業	専門デザイン業	デザイン	Specialized design activities	Ho Chi Minh	743
1550	Công ty TNHH Next One Việt Nam	NEXT ONE VIETNAM	ネクストワンベトナム	ネクストワンインターナショナル株式会社	74100	その他の専門・科学技術業	専門デザイン業	デザイン	Specialized design activities	Hanoi	775
1579	Công Ty TNHH Semba Việt Nam	SEMBA VIETNAM CO., LTD.	ベトナム船場	株式会社船場	74100	その他の専門・科学技術業	専門デザイン業	デザイン	Specialized design activities	Ho Chi Minh	790
1741	Công ty TNHH một thành viên Mimlon Việt Nam	MIMLON VIETNAM CO., LTD.			74100	その他の専門・科学技術業	専門デザイン業	デザイン	Specialized design activities	Hanoi	871
45	Công Ty Cổ Phần Ojt	OJT JOINT STOCK COMPANY			74909	その他の専門・科学技術業	その他の分類できない専門・科学技術業	その他	Other professional, scientific and technical activities n.e.c	Hanoi	23
1305	Công ty TNHH Systema Việt nam	SYSTEMA VIETNAM CO., LTD.	システナベトナム	株式会社システナ	74909	その他の専門・科学技術業	その他の分類できない専門・科学技術業	その他	Other professional, scientific and technical activities n.e.c	Hanoi	653
1558	Công ty TNHH F-Agrex toàn cầu	F - AGREX GLOBAL COMPANY LIMITED		株式会社アグレックス	74909	その他の専門・科学技術業	その他の分類できない専門・科学技術業	その他	Other professional, scientific and technical activities n.e.c	Hanoi	779
1677	Công ty TNHH Điện tử Meiko Thăng Long	MEIKO ELECTRONICS THAN LONG CO., LTD. (THAN LONG PLANT)		株式会社メイコー	74909	その他の専門・科学技術業	その他の分類できない専門・科学技術業	その他	Other professional, scientific and technical activities n.e.c	Hanoi	839
1287	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn G&h Việt Nam	NEW PET HOSPITAL & SPA	ニューペットホスピタル & スパ	株式会社ジーアンドエイチ(本間獣医院)	75000	その他の専門・科学技術業	獣医療業	その他	Veterinary activities	Ho Chi Minh	644
1168	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hirose Maruken Việt Nam	HIROSE MARUKEN VIETNAM CO., LTD.	ヒロセ丸建ベトナム	ヒロセ株式会社	77302	管理・支援サービス業	建設用機械・設備賃貸業	支援サービス	Renting and leasing of constructive machinery and equipments	Ho Chi Minh	584
1296	Công ty TNHH HIROSE (Việt Nam) Hà Nội	HIROSE (VIETNAM) HANOI COMPANY LIMITED	ヒロセベトナムハノイ	ヒロセ株式会社	77302	管理・支援サービス業	建設用機械・設備賃貸業	支援サービス	Renting and leasing of constructive machinery and equipments	Hanoi	648
384	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Giải Pháp Thiết Bị á Châu Việt Nam	ASIA MACHINERY SOLUTIONS VIETNAM CO., LTD.	アジアマシナリーソリューションズベトナム	日本サルヴエージ株式会社、アジアマシナリーソリューションズ株式会社	77309	管理・支援サービス業	建設用機械・設備賃貸業	支援サービス	Renting and leasing of other machinery, equipment and tangible goods n.e.c	Hanoi	192
1193	Công Ty TNHH Seikosha Việt Nam	SEIKOSHA VIETNAM CO., LTD.	清工舎ベトナム	株式会社清工舎	77309	管理・支援サービス業	建設用機械・設備賃貸業	支援サービス	Renting and leasing of other machinery, equipment and tangible goods n.e.c	Ho Chi Minh	597
211	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Asahi Tec Viet Nam	ASAHI TEC VIETNAM CO., LTD	アサヒテックベトナム	アサヒテックコーポレーション	78100	雇用	職業紹介業	職業紹介	Activities of employment placement agencies	Ho Chi Minh	106
1631	Công Ty TNHH Jellyfish Hr	JELLYFISH HR COMPANY LIMITED	ジェリーフィッシュ	株式会社JELLYFISH	78100	雇用	職業紹介業	職業紹介	Activities of employment placement agencies	Hanoi	816
1382	Công Ty TNHH Intelligence Việt Nam	INTELLIGENCE VIETNAM CO., LTD (2014/10より社名変更)	インテリジェンスベトナム	テンプホールディングス株式会社	78301	雇用	人材供給および人事管理業	人材供給	Human resources provision and management of internal human resources functions	Ho Chi Minh	691
1471	Công Ty Cổ Phần Tuyển Dụng J Max Support	RECRUIT J MAX SUPPORT CORPORATION (JMR CORP.)	ジェイサイゴン (J - SAIGON)	株式会社ジェイマックスリクルートメント	78301	雇用	人材供給および人事管理業	人材供給	Human resources provision and management of internal human resources functions	Ho Chi Minh	736
328	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Du Lịch H. L. S Sông Hàn Vn	H.L.S. SONGHAN VIETNAM TOURIST COMPANY LTD.	HISベトナム	株式会社エイチ・アイ・エス	79120	旅行代理店業	バック旅行業	バック旅行	Tour operator activities	Da Nang	164
1163	Công Ty Cổ Phần Du Lịch Apex Vn	APEX VIETNAM TRAVEL CORPORATION	ベトナムスケッチトラベル	エーバックスインターナショナル 株式会社	79120	旅行代理店業	バック旅行業	バック旅行	Tour operator activities	Ho Chi Minh	582
304	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dịch Vụ Bảo Vệ Yk Sepre 24	YK SEPRE SECURITY SERVICE LIMITED LIABILITY COMPANY	Yuki Sepre 24警備サービス	株式会社セプレ24	80100	警備調査業	民間警備業	警備	Private security activities	Hanoi	152
826	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sinh Thái Hoa Anh Đào	SAKURA ECOLORY CO., LTD.		甲府ビルサービス株式会社	81210	建物サービス・造園業	ビル総合清掃業	清掃	General cleaning of buildings	Ho Chi Minh	413
964	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn UNICARE	UNICARE			81210	建物サービス・造園業	ビル総合清掃業	清掃	General cleaning of buildings	Ho Chi Minh	482
906	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Dịch Vụ Hb - Kmix	HB-KMIX TRADING SERVICE CO., LTD.	トレーディングカンパニーリミテッドサービス HB - KMIX	株式会社ケイミックスホールディングス	81290	建物サービス・造園業	その他のビル・工場清掃業	清掃	Other building and industrial cleaning activities	Ho Chi Minh	453
1718	Công ty TNHH SODEXO Việt Nam	SODEXO VIETNAM CO., LTD.			81290	建物サービス・造園業	その他のビル・工場清掃業	清掃	Other building and industrial cleaning activities	Hanoi	859
258	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Coccinelle Kafuka	COCCINELLE KAFUKA COMPANY LIMITED			81300	建物サービス・造園業	景観保護および管理サービス業	造園	Landscape care and maintenance service activities	Hanoi	129
1648	CÔNG TY CỔ PHẦN FREET PLANNING VN	FREET PLANNING VN (VIETNAM SMARTIT & BPO (VSBPO))	フリートプランニングベトナム	株式会社フリートプランニング	82191	事務管理・ビジネス支援業	写真複写・文書作成業	事務管理	Photocopying, document preparation activities	Hanoi	824
1291	Công Ty TNHH Promo Tec Việt Nam	PROMO TEC VIETNAM LIMITED	プロモテックベトナム	プロモテック、株式会社電通テック	82300	事務管理・ビジネス支援業	会議および展示会組織業	ビジネス支援	Organization of conventions and trade shows	Ho Chi Minh	646
1581	Công Ty TNHH Takashimaya Việt Nam	TAKASHIMAYA VIETNAM LTD	ベトナム高島屋	株式会社高島屋	82300	事務管理・ビジネス支援業	会議および展示会組織業	ビジネス支援	Organization of conventions and trade shows	Ho Chi Minh	791
1587	Công Ty TNHH Thương Mại Việt Nam Murakami	VIETNAM MURAKAMI TRADING COMPANY LIMITED	ベトナム村上トレーディング	村上化学株式会社	82300	事務管理・ビジネス支援業	会議および展示会組織業	ビジネス支援	Organization of conventions and trade shows	Ho Chi Minh	794
478	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn K Lline Việt Nam	"K" LINE LOGISTICS (VIETNAM) CO., LTD.	ケイラインロジスティックスベトナム	ケイラインロジスティックス 株式会社	82990	事務管理・ビジネス支援業	その他の分類できないビジネス支援業	ビジネス支援	Other business suport service activities n.e.c	Hanoi	239
1276	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Kobelco Việt Nam	KOBELCO TRADING VIETNAM CO., LTD.	コベルコトレーディングベトナム	神鋼商事株式会社	82990	事務管理・ビジネス支援業	その他の分類できないビジネス支援業	ビジネス支援	Other business suport service activities n.e.c	Ho Chi Minh	638
1666	Công ty TNHH Yushin Precision Equipment (Việt Nam)	YUSHIN PRECISION EQUIPMENT (VIETNAM) CO., LTD.	ユーシン精機 (ベトナム)	株式会社ユーシン精機	82990	事務管理・ビジネス支援業	その他の分類できないビジネス支援業	ビジネス支援	Other business suport service activities n.e.c	Hanoi	833
1673	Công ty TNHH Abeism Hà Nội	ABEISM HANOI CO., LTD.	アベイズムハノイ	アベイズム株式会社	82990	事務管理・ビジネス支援業	その他の分類できないビジネス支援業	ビジネス支援	Other business suport service activities n.e.c	Hanoi	837
952	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Trường Mầm Non Sakura Hoa Anh Đào	SAKARA HOA ANH DAO YOUCHIEN YUGEN GAISHA	さくらホアインダオ幼稚園		85100	教育	就学前教育業	就学前	Pre-primary education	Hanoi	476

1427	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mầm Non Tương Lai	FUTURE KINDEGARTEN CO., LTD			85100	教育	就学前教育業	就学前	Pre-primary education	Ho Chi Minh	714
1729	Công Ty TNHH Vườn Trẻ Thanh Tâm Việt Nam	HO CHI MINH WARABE KINDERGATEN	ホーチミンわらべ幼稚園	社会福祉法人清心福祉会	85100	教育	就学前教育業	就学前	Pre-primary education	Ho Chi Minh	865
1448	Công Ty Cổ Phần Giáo Gục Quốc Tế Việt úc	VIET NAM AUSTRALIA INTERNATIONAL EDUCATION CORPORATION			85200	教育	小学校教育業	小学校	Primary education	Ho Chi Minh	724
1032	Trường Trung cấp Việt - Nhật	VIETNAME JAPAN COLLEGE			85321	教育	専門技術学校業	専門	Professional and technical school	Long An	516
720	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Over Land Club	OVERLANDCLUB CO., LTD.	オーバーランドクラブ		85322	教育	職業訓練業	専門	Occupational training activities	Ho Chi Minh	360
1548	Công Ty TNHH Quốc Tế Sanko Gakuen	SANKO GAKUEN INTERNATIONAL CO., LTD (TOKYO BEAUTY ART VOCATIONAL CENTER)		学校法人三幸学園	85322	教育	職業訓練業	専門	Occupational training activities	Ho Chi Minh	774
1634	Công Ty TNHH Renaissance Việt Nam Inc	RENAISSANCE VIETNAM INC	ルネサンスベトナム	株式会社ルネサンス	85510	教育	スポーツ・娯楽業	その他	Sport and entertainment activities	Binh Duong	817
113	Công Ty T N H H Eikoh Việt Nam	EIKOH VIETNAM COMPANY	栄光ベトナム	株式会社ZEホールディングス	85590	教育	その他の分類できない教育業	その他	Other educational activities n.e.c	Hanoi	57
537	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kỹ Thuật Công Nghiệp Daietsu	LOD HUMAN RESOURCE DEVELOPMENT CORPORATION	LOD人材派遣	株式会社大島造船所、株式会社ダイソー	85590	教育	その他の分類できない教育業	その他	Other educational activities n.e.c	Hanoi	269
950	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Trung Tâm Giáo Dục Aoba	AOBA EDUCATION CENTER COMPANY LIMITED	アオバエデュケーションセンター	アオバジャパン・インターナショナルスクール	85590	教育	その他の分類できない教育業	その他	Other educational activities n.e.c	Hanoi	475
1017	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Wing Việt Nam	WING VIETNAM LIMITED LIABILITY COMPANY	ウイングベトナム	学習塾ウイング	85590	教育	その他の分類できない教育業	その他	Other educational activities n.e.c	Hanoi	509
1149	Công Ty TNHH Infinite Growth Việt Nam	INFINITE GROWTH VIET NAM CO., LTD.	インフィニットグロースベトナム	株式会社インフィニット グロース	85590	教育	その他の分類できない教育業	その他	Other educational activities n.e.c	Ho Chi Minh	575
1858	Công ty Cổ phần hợp tác Quốc tế Jinno	JINNO INTERNATIONAL COLLABORATION		中日本自動車短期大学(学校法人神野学園)	85590	教育	その他の分類できない教育業	その他	Other educational activities n.e.c	Hanoi	929
1604	Công ty TNHH MTV ITEC Việt Nam	ITEC VIETNAM CO., LTD.	アイテックベトナム	株式会社アイテック	85600	教育	教育支援業	その他	Educational support services	Hanoi	802
1892	Công ty TNHH Hattori và Cộng sự	HATTORI ASSOCIATES LTD. (JAPAN INTERNATIONAL EYE HOSPITAL)	日本国際眼科病院	株式会社三城、服部 匡志	86101	保険・社会福祉業	病院業	病院	Hospital activities	Hanoi	946
1523	Công Ty TNHH Y Tế Shoubikai Việt Nam	SHOUBIKAI MEDICAL VIETNAM COMPANY LIMITED			86201	保険・社会福祉業	総合・専門医療業	診療	General, special medical practice activities	Ho Chi Minh	762
1543	Công ty TNHH Liên kết Y tế Nhật Việt	JAPAN VIETNAM MEDICAL CONNECTION CO., LTD.	ジャパンベトナムメディカルコネクション	医療法人社団小羊会(にひつじ会グループ経営企画室)	86201	保険・社会福祉業	総合・専門医療業	診療	General, special medical practice activities	Hanoi	772
1882	Công ty Cổ phần phòng khám quốc tế Tokyo	TOKYO MEDICAL AND SURGICAL CLINIC	東京メディカル＆サージカルクリニック	東京メディカル＆サージカルクリニック	86201	保険・社会福祉業	総合・専門医療業	診療	General, special medical practice activities	Hanoi	941
1148	Phòng Khám Chuyên Khoa Răng Châu Âu	EUROPEAN DENTAL CLINIC	欧州歯科医院		86202	保険・社会福祉業	歯科診療業	診療	Dental practice activities	Ho Chi Minh	574
1210	Công ty TNHH Nha khoa Nagomi	NAGOMI DENTAL CLINIC	なごみデンタルクリニック		86202	保険・社会福祉業	歯科診療業	診療	Dental practice activities	Hanoi	605
1280	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nụ Cười Mv	MY SMILE CO., LTD.			86202	保険・社会福祉業	歯科診療業	診療	Dental practice activities	Ho Chi Minh	640
41	Công Ty Cổ Phần Max Integra	MAX INTEGRA JOINT STOCK COMPANY			86990	保険・社会福祉業	その他の分類できない保険業	保険	Other human health care n.e.c	Da Nang	21
470	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japan Clinical Laborationries Vietnam	JAPAN CLINICAL LABORATPRIES VIETNAM (JCLV) CO., LTD	ジャバンクリニカルラボラトリーズベトナム	株式会社エスアールエル	86990	保険・社会福祉業	その他の分類できない保険業	保険	Other human health care n.e.c	Hanoi	235
1841	Công Ty TNHH Vui Khỏe	VUI KHOE CO., LTD.			93110	芸術・娯楽・レクリエーション	スポーツ施設運営業	スポーツ	Operation of sports facilities	Long An	921
1880	Công ty TNHH Renaissance Olympia	RENAISSANCE OLYMPIA CO., LTD.	ルネサンスオリンピア	株式会社ルネサンス	93120	芸術・娯楽・レクリエーション	スポーツクラブ業	スポーツ	Activities of sports clubs	Hanoi	940
1085	Công Ty TNHH Dream Games Việt Nam	DREAM INFINITY VIETNAM CO., LTD.	ドリームインフィニティベトナム	ドリームインフィニティ株式会社	93290	芸術・娯楽・レクリエーション	その他の分類できない娯楽・レクリエーション活動	その他	Other amusement and recreation activities n.e.c	Ho Chi Minh	543
1657	Công Ty TNHH Steel Plantech Việt Nam	STEEL PLANTECH VIETNAM CO., LTD. (VINA SPCO)		スチールプランテック株式会社	95110	その他のサービス業	コンピュータ及び周辺機器修理業	その他	Repair of computers and peripheral equipment	Hanoi	829
1232	Công Ty TNHH Gasdenro Việt Nam	GASDENRO VIETNAM CO., LTD	ガスデンロベトナム	東京瓦斯電炉株式会社	95220	その他のサービス業	コンピュータ及び周辺機器修理業	その他	Repair of household appliances and home equipment	Ho Chi Minh	616
1707	Công Ty TNHH Linen Supply	LINEN SUPPLY SERVICES COMPANY LIMITED	リネンサプライサービス	株式会社廣瀬商会	96200	その他のサービス業	繊維・皮革製品クリーニング業	その他	Washing and cleaning of textile and fur products	Dong Nai	854
1348	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Tokyo Beautv Việt Nam	TOKYO BEAUTY VIETNAM JOINT STOCK COMPANY		株式会社エイテック	96310	その他のサービス業	理髪及びその他の美容業	その他	Hairdressing and other beauty treatment	Ho Chi Minh	674
1528	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Mtv Tóc Đình Cao	ATELIER SERVICE CO., LTD	アトリエ (旧トップヘア/Top hair)		96310	その他のサービス業	理髪及びその他の美容業	その他	Hairdressing and other beauty treatment	Ho Chi Minh	764
1716	Công Ty TNHH Blanc Beaute Việt Nam	BLANC BEAUTY CO., LTD.	Blanc (ブラン)	株式会社Blanc(ブラン)	96310	その他のサービス業	理髪及びその他の美容業	その他	Hairdressing and other beauty treatment	Ho Chi Minh	858